

QUYÊN “NĂM”

(Pañcaka-Nipāta)

VỀ BẢN DỊCH AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bò-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này có 11 *QUYỂN* (*nipāta*) được đặt tên lần lượt từ *QUYỂN “MỘT”* cho đến *QUYỂN “MƯỜI MỘT”*, trong đó “*Một*”... vừa là *tên* của Quyển kinh (nói về một điều, một pháp, một người...) vừa là *số thứ tự* của Quyển kinh. Mỗi Quyển lại có nhiều *NHÓM kinh* (*vagga, phāṃ*), toàn bộ kinh AN này có 180 *NHÓM kinh*, gồm có 8.122 bài kinh (và kinh tóm lược). Các Quyển 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các *NHÓM kinh* từ 1 đến cuối. Các Quyển từ 3-10 thì gom các *NHÓM kinh* thành những phần “*Năm Mười Kinh*” và một số phần “*thêm vào*” phần “*Năm Mười Kinh*” cuối.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bò-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như **Mp**, **Mp-ṭ**...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “*BẢNG VIẾT TẮT*” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ, (như các bản dịch Việt).

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... đó là số của các chú thích trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tướng), gôi ngòi thiền (tọa cụ)

...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một NHÓM kinh dài hay vài NHÓM kinh ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, giác ngộ giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều NHÓM kinh với các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ *Quyển* nào hoặc trong một *Quyển* có thể chọn chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị hãy đọc từ đầu đến cuối một *Quyển* kinh... và một Bộ kinh.

+ *Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyên nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có chữ nào hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bô-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

*Nhà Bè, mùa đại dịch Covid-19 (PL 2564)
(dịch xong và in giữa năm 2020)*

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN.....	iii
[Năm Mười Kinh Đầu]	1
NHÓM 1. NHỮNG NĂNG LỰC CỦA HỌC NHÂN	1
1 (1) <i>Một Cách Ngắn Gọn</i>	1
2 (2) <i>Một Cách Chi Tiết</i>	2
3 (3) <i>Khổ Đau</i>	3
4 (4) <i>Cứ Như Bị Đưa Thẳng Xuống Đó</i>	4
5 (5) <i>Sự Tu Tập</i>	4
6 (6) <i>Đính Vào</i>	5
7 (7) <i>Dục Lạc</i>	6
8 (8) <i>Bị Rớt Khỏi (1)</i>	7
9 (9) <i>Bị Rớt Khỏi (2)</i>	8
10 (10) <i>Vô Lễ Bất Kính</i>	8
NHÓM 2. NHỮNG NĂNG LỰC	9
11 (1) <i>Chưa Từng Nghe Trước Đây</i>	9
12 (2) <i>Đỉnh (1)</i>	9
13 (3) <i>Một Cách Ngắn Gọn</i>	10
14 (4) <i>Một Cách Chi Tiết</i>	10
15 (5) <i>Được Nhìn Thấy</i>	12
16 (6) <i>Đỉnh (2)</i>	12
17 (7) <i>Phúc Lợi (1)</i>	13
18 (8) <i>Phúc Lợi (2)</i>	13

19	(9) <i>Phúc Lợi (3)</i>	14
20	(10) <i>Phúc Lợi (4)</i>	14
NHÓM 3. VỚI NĂM CHI PHẦN		15
21	(1) <i>Vô Lễ (1)</i>	15
22	(2) <i>Vô Lễ (2)</i>	16
23	(3) <i>Những Ô Nhiễm</i>	16
24	(4) <i>Thất Đức</i>	19
25	(5) <i>Được Trợ Giúp</i>	21
26	(6) <i>Sự Giải Thoát</i>	21
27	(7) <i>Định Tâm</i>	24
28	(8) <i>Với Năm Chi Phần</i>	24
29	(9) <i>Đi Thiền</i>	29
30	(10) <i>Ngài Nāgita</i>	29
NHÓM 4. SUMANĀ		31
31	(1) <i>Sumanā</i>	32
32	(2) <i>Cundī</i>	34
33	(3) <i>Uggaha</i>	36
34	(4) <i>Trượng Quân Sīha</i>	39
35	(5) <i>Những Lợi Ích Của Sự Bố Thí</i>	41
36	(6) <i>Hợp Lúc</i>	42
37	(7) <i>Thức Ăn</i>	42
38	(8) <i>Niềm Tin</i>	43
39	(9) <i>Con Trai</i>	44
40	(10) <i>Những Cây Sa-La</i>	45

NHÓM 5. VUA MUNĐA.....	45
41 (1) <i>Sử Dụng</i>	45
42 (2) <i>Người Tốt</i>	47
43 (3) <i>Người Tốt</i>	48
44 (4) <i>Người Bỏ Thí Những Thứ Đáng Thích</i>	50
45 (5) <i>Những Dòng Phước Đức</i>	52
46 (6) <i>Những Thành Tựu</i>	53
47 (7) <i>Sự Giàu Có</i>	53
48 (8) <i>Những Tình Huống</i>	55
49 (9) <i>Kosala</i>	57
50 (10) <i>Ngài Nārada</i>	58
[Năm Mười Kinh Thứ Hai]	61
NHÓM 1. NHỮNG CHƯƠNG NGẠI	61
51 (1) <i>Những Trở Ngại</i>	61
52 (2) <i>Một Đồng</i>	62
53 (3) <i>Những Yếu Tố</i>	63
54 (4) <i>Những Thời</i>	64
55 (5) <i>Mẹ Và Con</i>	65
56 (6) <i>Vị Thầy Hướng Dẫn</i>	68
57 (7) <i>Những Chủ Đề</i>	70
58 (8) <i>Thanh Niên Licchavi</i>	74
59 (9) <i>Xuất Gia Lúc Tuổi Già (1)</i>	77
60 (10) <i>Xuất Gia Lúc Tuổi Già (2)</i>	77
NHÓM 2. NHỮNG NHẬN THỨC	77

61	(1) <i>Những Nhận Thức (1)</i>	77
62	(2) <i>Những Nhận Thức (2)</i>	78
63	(3) <i>Tăng Trưởng (1)</i>	78
64	(4) <i>Tăng Trưởng (2)</i>	79
65	(5) <i>Đàm Đạo</i>	79
66	(6) <i>Sống Chung</i>	80
67	(7) <i>Những Cơ Sở Thần Thông (1)</i>	80
68	(8) <i>Những Cơ Sở Thần Thông (2)</i>	81
69	(9) <i>Sự Không Còn Mê Thích</i>	82
70	(10) <i>Sự Tiêu Diệt Những Ô Nhiễm</i>	82
NHÓM 3. NHỮNG HIỂM HỌA TƯƠNG LAI.....		82
71	(1) <i>Sự Giải Thoát Của Tâm (1)</i>	83
72	(2) <i>Sự Giải Thoát Của Tâm (2)</i>	84
73	(3) <i>Người Sống Trong Giáo Pháp (1)</i>	85
74	(4) <i>Người Sống Trong Giáo Pháp (2)</i>	87
75	(5) <i>Những Chiến Binh (1)</i>	88
76	(6) <i>Những Chiến Binh (2)</i>	93
77	(7) <i>Những Hiểm Họa Tương Lai (1)</i>	98
78	(8) <i>Những Hiểm Họa Tương Lai (2)</i>	100
79	(9) <i>Những Hiểm Họa Tương Lai (3)</i>	103
80	(10) <i>Những Hiểm Họa Tương Lai (4)</i>	105
NHÓM 4. NHỮNG TRƯỞNG LÃO.....		107
81	(1) <i>Kích Tham</i>	107
82	(2) <i>Không Có Tham</i>	108

83	(3) <i>Người Muu Mô</i>	108
84	(4) <i>Không Có Niềm Tin</i>	109
85	(5) <i>Không Kiên Nhẫn Chịu Đựng</i>	109
86	(6) <i>Những Sự Hiểu Biết Mang Tính Phân Tích</i>	110
87	(7) <i>Có Giới Hạnh</i>	111
88	(8) <i>Một Trưởng Lão</i>	112
89	(9) <i>Một Học Nhân (1)</i>	114
90	(10) <i>Học Nhân (2)</i>	114
NHÓM 5. KAKUDHA		116
91	(1) <i>Những Thành Tựu (1)</i>	117
92	(2) <i>Những Thành Tựu (2)</i>	117
93	(3) <i>Những Tuyên Bố</i>	117
94	(4) <i>An Trú Thu Thái</i>	117
95	(5) <i>Sự Bất Lay Chuyển</i>	118
96	(6) <i>Những Điều Người Tu Đã Học Được</i>	118
97	(7) <i>Sự Đàm Đạo</i>	119
98	(8) <i>Người Sống Tu Trong Rừng</i>	119
99	(9) <i>Sư Tử</i>	120
100	(10) <i>Kakudha</i>	121
[Năm Mười Kinh Thứ Ba]		127
NHÓM 1. AN TRÚ THU THÁI		127
101	(1) <i>Sự Ngại Ngàn</i>	127
102	(2) <i>Bị Nghi Ngờ</i>	127
103	(3) <i>Kẻ Trộm</i>	128

104	(4) <i>Tinh Tế</i>	130
105	(5) <i>Thư Thái</i>	132
106	(6) <i>Ānanda</i>	133
107	(7) <i>Giới Hạnh</i>	135
108	(8) <i>Người Vô Học Nhân</i>	135
109	(9) <i>Ở Nhà Trong Bốn Phương</i>	136
110	(10) <i>Trong Rừng Núi</i>	136
NHÓM 2. ANDHAKAVINDA		137
111	(1) <i>Khách Cửa Các Gia Đình</i>	137
112	(2) <i>Một Tỳ Kheo Tùy Tàng</i>	138
113	(3) <i>Định Tâm</i>	138
114	(4) <i>Andhakavinda</i>	139
115	(5) <i>Keo Kiệt</i>	140
116	(6) <i>Khen</i>	141
117	(7) <i>Ghen Ty</i>	141
118	(8) <i>Cách Nhìn</i>	142
119	(9) <i>Lời Nói</i>	143
120	(10) <i>Nỗ Lực</i>	143
NHÓM 3. BỆNH.....		143
121	(1) <i>Bệnh</i>	143
122	(2) <i>Sự Thiết Lập Chánh Niệm</i>	144
123	(3) <i>Một Người Chăm Sóc (1)</i>	145
124	(4) <i>Một Người Chăm Sóc (2)</i>	146
125	(5) <i>Sức Sống (1)</i>	146

126	(6) <i>Sức Sống (2)</i>	147
127	(7) <i>Sống Tách Riêng</i>	147
128	(8) <i>Hạnh Phúc Của Tu Sĩ</i>	148
129	(9) <i>Những Tổn Thương</i>	148
130	(10) <i>Những Thành Tựu</i>	149
NHÓM 4. VUA		149
131	(1) <i>Tiếp Tục Quay Chuyển Bánh Xe (1)</i>	149
132	(2) <i>Tiếp Tục Quay Chuyển Bánh Xe (2)</i>	150
133	(3) <i>Vị Vua</i>	151
134	(4) <i>Dù Ở Phương Nào</i>	152
135	(5) <i>Khao khát (1)</i>	154
136	(6) <i>Khao khát (2)</i>	156
137	(7) <i>Ít Ngủ</i>	157
138	(8) <i>Người Tiêu Tồn Thức Ăn</i>	157
139	(9) <i>Không Kiên Nhẫn Chịu Đựng</i>	158
140	(10) <i>Người Lắng Nghe</i>	161
NHÓM 5. TIKANĀDAKĪ		164
141	(1) <i>Cho Rồi Khinh</i>	164
142	(2) <i>Người Vi Phạm</i>	165
143	(3) <i>Sārandada</i>	167
144	(4) <i>Tikaṇḍakī</i>	168
145	(5) <i>Địa Ngục</i>	170
146	(6) <i>Bạn</i>	171
147	(7) <i>Một Người Xấu</i>	171

148	(8) <i>Một Người Tốt</i>	172
149	(9) <i>Giải Thoát Tạm Thời (1)</i>	173
150	(10) <i>Giải Thoát Tạm Thời (2)</i>	174
[Năm Mười Kinh Thứ Tư]		175
NHÓM 1. THIÊN PHÁP		175
151	(1) <i>Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (1)</i>	175
152	(2) <i>Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (2)</i>	176
153	(3) <i>Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (3)</i>	176
154	(4) <i>Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (1)</i>	177
155	(5) <i>Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (2)</i>	178
156	(6) <i>Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (3)</i>	180
157	(7) <i>Nói Chuyện Không Đúng Người</i>	182
158	(8) <i>Sự Ngại Ngàn</i>	186
159	(9) <i>Udāyī</i>	186
160	(10) <i>Khó Xua Tan</i>	187
NHÓM 2. SỰ BỰC TỨC		187
161	(1) <i>Loại Bỏ Sự Bực Tức (1)</i>	188
162	(2) <i>Loại Bỏ Sự Bực Tức (2)</i>	188
163	(3) <i>Những Sự Thảo Luận</i>	192
164	(4) <i>Lối Sống</i>	192
165	(5) <i>Hỏi Những Câu Hỏi</i>	192
166	(6) <i>Sự Châm Dứt</i>	193
167	(7) <i>Quở Trách</i>	197
168	(8) <i>Giới Hạnh</i>	202

169	(9) <i>Hiếu Nhanh</i>	202
170	(10) <i>Với Bhaddaji</i>	203
NHÓM 3. ĐỆ TỬ TẠI GIA		204
171	(1) <i>Sự Ngại Ngần</i>	204
172	(2) <i>Sự Tự Tin</i>	205
173	(3) <i>Địa Ngục</i>	206
174	(4) <i>Những Sự Thù Hận</i>	206
175	(5) <i>Caṇḍāla</i>	208
176	(6) <i>Hoan Hỷ</i>	209
177	(7) <i>Buôn Bán</i>	210
178	(8) <i>Vua Chúa</i>	210
179	(9) <i>Người Tại gia</i>	213
180	(10) <i>Gavesī</i>	217
NHÓM 4. NHỮNG NGƯỜI SỐNG TRONG RỪNG		221
181	(1) <i>Những Người Sống Trong Rừng</i>	221
182	(2)—190 (10) <i>Những Người Mặc Y Phục Làm Từ Giẽ Rách</i>	222
NHÓM 5. CHÓ		223
191	(1) <i>Những Con Chó</i>	223
192	(2) <i>Bà-la-môn Doṇa</i>	225
193	(3) <i>Bà-la-môn Saṅgārava</i>	231
194	(4) <i>Bà-la-môn Kāraṇapālī</i>	236
195	(5) <i>Bà-la-môn Piṅgiyānī</i>	238
196	(6) <i>Những Giác Mộng</i>	240

197	(7) <i>Mưa</i>	242
198	(8) <i>Lời Nói</i>	242
199	(9) <i>Những Gia Đình</i>	243
200	(10) <i>Thoát Khỏi</i>	243
[Năm Mười Kinh Thứ Năm]		247
NHÓM 1. KIMBILA		247
201	(1) <i>Kimbila</i>	247
202	(2) <i>Lắng Nghe Giáo Pháp</i>	248
203	(3) <i>Thuần Chứng</i>	248
204	(4) <i>Các Năng Lực</i>	249
205	(5) <i>Sự Càn Cối</i>	249
206	(6) <i>Những Trói Buộc</i>	250
207	(7) <i>Cháo Gạo</i>	252
208	(8) <i>Đánh Răng</i>	252
209	(9) <i>Giọng Điệu</i>	252
210	(10) <i>Với Một Cái Tâm Mờ Rối</i>	253
NHÓM 2. NGƯỜI SỈ NHỤC		253
211	(1) <i>Người Sỉ Nhục</i>	253
212	(2) <i>Những Tranh Cãi</i>	254
213	(3) <i>Giới Hạnh</i>	254
214	(4) <i>Nói Nhiều</i>	256
215	(5) <i>Sự Không Nhân Nhịn (1)</i>	256
216	(6) <i>Sự Không Nhân Nhịn (2)</i>	257
217	(7) <i>Không Khích Lệ Niềm Tin (1)</i>	257

218	(8) <i>Không Khích Lệ Niềm Tin (2)</i>	258
219	(9) <i>Lửa</i>	258
220	(10) <i>Madhurā</i>	258
NHÓM 3. DU HÀNH DÀI NGÀY		259
221	(1) <i>Du Hành Dài Ngày (1)</i>	259
222	(2) <i>Du Hành Dài Ngày (2)</i>	259
223	(3) <i>Ở Một Chỗ Quá Lâu</i>	260
224	(4) <i>Khổ Sở</i>	260
225	(5) <i>Người Ghé Đến Những Gia Đình (1)</i>	261
226	(6) <i>Người Ghé Đến Những Gia Đình (2)</i>	261
227	(7) <i>Sự Giàu Có</i>	262
228	(8) <i>Một Bữa Ăn</i>	262
229	(9) <i>Rắn (1)</i>	263
230	(10) <i>Rắn (2)</i>	263
NHÓM 4. NGƯỜI LƯU TRÚ		264
231	(1) <i>Không Được Kính Trọng</i>	264
232	(2) <i>Làm Vui Lòng</i>	264
233	(3) <i>Làm Đẹp</i>	265
234	(4) <i>Rất Hữu Ích</i>	266
235	(5) <i>Bi Mẫn</i>	266
236	(6) <i>Người Đáng Chê Trách (1)</i>	267
237	(7) <i>Người Đáng Chê Trách (2)</i>	267
238	(8) <i>Người Đáng Chê Trách (3)</i>	268
239	(9) <i>Keo Kiệt (1)</i>	269

240	(10) <i>Keo Kiệt</i> (2)	269
NHÓM 5. HÀNH VI SAI TRÁI		270
241	(1) <i>Hành Vi Sai Trái</i> (1).....	270
242	(2) <i>Hành Vi Thân Sai Trái</i> (1).....	271
243	(3) <i>Hành Vi Miệng Sai Trái</i> (1).....	271
244	(4) <i>Hành Vi Tâm Sai Trái</i> (1)	271
245	(5) <i>Hành Vi Sai Trái</i> (2).....	272
246	(6) <i>Hành Vi Sai Trái</i> (3).....	272
247	(7) <i>Hành Vi Miệng Sai Trái</i> (2)	272
248	(8) <i>Hành Vi Tâm Sai Trái</i> (2)	273
249	(9) <i>Nghĩa Địa</i>	273
250	(10) <i>Niềm Tin Vào Một Người</i>	274
[Năm Mười Kinh Thứ Sáu].....		277
NHÓM 1. ĐẠI THỌ GIỚI.....		277
251	(1) <i>Người Có Thẻ Cấp Đại Thọ Giới</i>	277
252	(2) <i>Sự Nuông Dạy</i>	277
253	(3) <i>Sa-Di</i>	278
254	(4) <i>Sự Keo Kiệt</i>	278
255	(5) <i>Đẹp Bỏ Tính Keo Kiệt</i>	278
256	(6) <i>Tầng Thiên Định Thứ Nhất</i> (1)	278
257	(7)—263 (13) <i>Tầng Thiên Định Thứ Hai</i>	279
264	(14) <i>Tầng Thiên Định Thứ Nhất</i> (2)	280
265	(15)—271 (21) <i>Tầng Thiên Định Thứ Hai</i> ... (2)	280
[Các Kinh Thêm Vào Phần Thứ Sáu Đây]		281

NHÓM 1. NHÓM ‘NHỮNG KINH TƯƠNG ĐỒNG’ TÓM LƯỢC & LẬP LẠI.....	281
272 (1) <i>Người Phân Những Bữa Ăn</i>	281
273 (2)—284 (13) <i>Người Phân Những Chỗ Ở...</i>	283
285 (14) <i>Người Giám Sát Những Sa-Di</i>	286
NHÓM 2. NHÓM ‘NHỮNG GIỚI-LUẬT’ TÓM LƯỢC & LẬP LẠI.....	289
286 (1) <i>Một Tỳ Kheo</i>	289
287 (2)—290 (5) <i>Một Tỳ Kheo Ni ...</i>	290
291 (6)—292 (7) <i>Một Đệ Tử Tại Gia Nam và Nữ ...</i>	290
293 (8) <i>Một Ājīvaka</i>	291
294 (9)—302 (17) <i>Một Ni-Kiền-Tử ...</i>	291
NHÓM 3. NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC	292
303 (1)	292
304 (2)	292
305 (3)	292
306 (4)	293
307 (5)	293
308 (6)—316 (14)	293
317 (15)—1152 (850)	293
BẢNG VIẾT TẮT	295
CHÚ THÍCH.....	301

*Kính Lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

[Năm Mười Kinh Đầu]

NHÓM 1

NHỮNG NĂNG LỰC CỦA HỌC NHÂN

1 (1) Một Cách Ngắn Gọn

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này của bậc học-nhân.⁸²³ Năm đó là gì?⁸²⁴ Năng lực niềm-tin; năng lực biết xấu-hỗ về mặt đạo đức; năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức; năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng lực của bậc học-nhân. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có-được năng lực niềm-tin, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực biết xấu-hỗ về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân;

chúng ta sẽ có được năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực nỗ-lực, là một năng lực của bậc học-nhân; và chúng ta sẽ có được năng lực trí-tuệ, là một năng lực của bậc học-nhân.’ Nay các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

[Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.]⁸²⁵

2 (2) Một Cách Chi Tiết

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này của bậc học-nhân. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin; năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức; năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức; năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năng lực niềm-tin? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm tin. Người đó đặt niềm tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là năng lực niềm-tin.

(2) “Và cái gì là năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức (luong tâm)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện có cảm nhận xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó biết xấu hổ với hành động, lời nói, và tâm ý sai trái; người đó xấu hổ khi tích tạo những phẩm chất xấu ác bất thiện. Đây được gọi là năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức.

(3) “Và cái gì là năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức (luong tâm)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện biết sợ hãi việc làm sai trái; sợ hãi với hành động, lời nói, và tâm ý sai trái; người đó sợ hãi khi tích tạo những

phẩm chất xấu ác bất thiện. Đây được gọi là năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức.⁸²⁶

(4) “Và cái gì là năng lực nỗ-lực (tinh tấn)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện đã phát khởi sự nỗ-lực để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự phấn-đấu (tinh cần), không lơ lảng khỏi bốn phạm tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Đây được gọi là năng lực nỗ-lực.

(5) “Và cái gì là năng lực trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.⁸²⁷ Đây được gọi là năng lực trí-tuệ.

“Đây là năm năng lực của bậc học-nhân. Vì vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có được năng lực niềm-tin, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực biết xấu-hỗ về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực nỗ-lực, là một năng lực của bậc học-nhân; và chúng ta sẽ có được năng lực trí-tuệ, là một năng lực của bậc học-nhân.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

3 (3) Khổ Đau

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất (tệ) này, một Tỳ kheo sống trong khổ đau ngay trong kiếp này—với sự buồn sâu, sự khổ sở, và cơn sốt—và khi thân tan rã, sau khi chết, một cõi xấu có thể là (nơi đến) của người đó. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không có niềm-tin; không biết xấu-hỗ về mặt đạo đức; bất-chấp về mặt đạo đức; lười-nhát, và không trí-tuệ. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo sống trong khổ đau ngay trong kiếp này—với sự buồn sâu, sự khổ sở, và cơn sốt—và khi

thân tan rã, sau khi chết, một cõi xấu có thể là (nơi đến) của người đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất (tốt), một Tỳ kheo sống một cách an lạc ngay trong kiếp này—không buồn sầu, khổ sở, hay cơn sốt—và khi thân tan rã, sau khi chết, một cõi tốt có thể là (nơi đến) của người đó. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được niềm-tin; biết xấu-hỗ về mặt đạo đức; biết sợ-hãi về mặt đạo đức; có sự nỗ-lực, và có trí-tuệ. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo sống một cách an lạc ngay trong kiếp này—không buồn sầu, khổ sở, hay cơn sốt—và khi thân tan rã, sau khi chết, một cõi tốt có thể là (nơi đến) của người đó.”

4 (4) Cứ Như Bị Đưa Thăng Xuống Đó

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thăng xuống đó. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không có niềm-tin; không biết xấu-hỗ về mặt đạo đức; bất-chấp về mặt đạo đức; lười-nhát, và không trí-tuệ. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thăng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thăng lên đó. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được niềm-tin; biết xấu-hỗ về mặt đạo đức; biết sợ-hãi về mặt đạo đức; có sự nỗ-lực, và có trí-tuệ. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thăng lên đó.”

5 (5) Sự Tu Tập

“Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào từ bỏ sự tu tập và quay lại đời sống thấp tục (bỏ tu hoàn tục), thì có năm cơ sở có lý để bị

(người ta) chỉ trích và phê phán ngay trong kiếp này. Năm đó là gì? (1) ‘Anh/chị không có niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện. (2) Anh/chị không có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (3) Anh/chị không có sự sợ-hãi về mặt đạo đức để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (4) Anh/chị không có sự nỗ-lực để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (5) Anh/chị không có trí-tuệ để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện.’ Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào từ bỏ sự tu tập và quay lại đời sống thấp tục, thì xảy ra năm sự chỉ trích có lý và cơ sở như vậy để bị chỉ trích và phê phán ngay trong kiếp này.

“Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào sống đời sống tâm linh toàn vẹn và trong sạch, thì cho dù có bị khổ đau và ưu buồn, nước mắt chảy dài, cũng có được năm cơ sở có lý để được (người ta) khen ngợi ngay trong kiếp này. Năm đó là gì? (1) ‘Thầy/ni có được niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện. (2) Thầy/ni có được cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (3) Thầy/ni có được sự sợ-hãi về mặt đạo đức để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (4) Thầy/ni có được sự nỗ-lực để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (5) Thầy/ni có được trí-tuệ để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện.’ Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào sống đời sống tâm linh toàn vẹn và trong sạch, thì cho dù có bị khổ đau và ưu buồn, nước mắt chảy dài, cũng có được năm cơ sở có lý để được khen ngợi ngay trong kiếp này.”

6 (6) Dính Vào

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu niềm-tin được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào (đường, trạng thái, điều) bất thiện. Nhưng nếu niềm-tin biến mất và sự thiếu chánh-tín chiếm ngự, thì có sự dính vào bất thiện.

(2) “Nếu cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào bất thiện. Nhưng nếu cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức biến mất và sự không biết xấu-hổ về mặt đạo đức chiếm ngự, thì có sự dính vào bất thiện.

(3) “Nếu sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào bất thiện. Nhưng nếu sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức biến mất và sự không biết sợ-hãi về mặt đạo đức chiếm ngự, thì có sự dính vào bất thiện.

(4) “Nếu sự nỗ-lực được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào bất thiện. Nhưng nếu sự nỗ-lực biến mất và sự lười-biếng chiếm ngự, thì có dính vào bất thiện.

(5) “Nếu sự trí-tuệ được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào bất thiện. Nhưng nếu trí-tuệ biến mất và sự thiếu trí-tuệ chiếm ngự, thì có sự dính vào bất thiện.”

7 (7) Dục Lạc

“Này các Tỳ kheo, hầu hết chúng sinh bị mê dính trong dục-lạc (những khoái lạc giác quan). Khi một người họ tộc bỏ lưỡi liềm và hèo đập lúa (tức bỏ làm ăn) để rời bỏ gia đình đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì người đó được miêu tả là một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin. Vì lý do gì? Những dục lạc, dù là loại này hay loại nọ, đều có thể có được bởi người trẻ. Dục lạc hạng thường, hay trung, hay cao, tất cả chúng cũng chỉ là dục lạc mà thôi.

“Giả sử có một đứa bé, đang nằm ngựa, bỏ cây que hay hòn sỏi

vô miệng lúc cô giữ trẻ (vú nuôi) đang lơ tâm xao lãng. Khi thấy vậy, cô giữ trẻ lập tức chú tâm đến nó và cố lấy thứ đó ra khỏi miệng. Nếu cô không lấy kịp thứ đó ra khỏi miệng, cô sẽ ẵm đứa bé lên, tay giữ đầu, tay phải móc họng đứa bé, cô sẽ cố móc lấy thứ đó ra ngay cả khi phải làm chảy máu họng. Vì lý do gì? Làm vậy (móc họng, chảy máu) sẽ đau đón cho đứa bé—ta không chối cãi điều này—nhưng cô ấy phải làm vậy vì sự tốt lành và ích lợi, vì lòng bi mẫn dành cho đứa bé. Tuy nhiên, khi đứa trẻ lớn lên và có đủ nhận biết thì cô giữ trẻ sẽ không còn lo lắng trông nom nó nữa, [cô nghĩ]: ‘Đứa trẻ giờ có thể tự lo cho bản thân. Nó sẽ không lơ tâm làm vậy nữa.’

“Cũng giống như vậy, chừng nào một Tỳ kheo vẫn chưa thành tựu về *niêm-tin* trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện; về *cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức* trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện; về *sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức* trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện; về *sự nỗ-lực* trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện, thì ta vẫn còn trông nom người đó. Nhưng khi Tỳ kheo đó đã thành tựu về *niêm-tin* ... về *cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức* ... về *sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức* ... về *sự nỗ-lực* trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện, thì ta không còn lo lắng về người đó nữa, [ta nghĩ]: ‘Tỳ kheo đó giờ có thể tự lo cho bản thân. Thầy ấy không lơ tâm phóng dật nữa.’”⁸²⁸

8 (8) Bị Rớt Khỏi (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? ... {*Năm phẩm chất ngược lại với năm năng-lực của bậc học-nhân đã được nói trong các kinh kể trên*}⁸²⁹ ... Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo bị rớt khỏi mà được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì?

... {*Năm năng lực của bậc học-nhân*} ... Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo không bị rớt khỏi mà được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành.”

9 (9) Bị Rớt Khỏi (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo vô lễ và bất kính bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? ... {*Năm phẩm chất ngược lại với năm năng lực của bậc học-nhân đã được nói trong các kinh kể trên*}⁸³⁰ ... Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo vô lễ và bất kính bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo lễ độ và biết kính trọng không bị rớt khỏi mà được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? ... {*Năm năng lực của bậc học-nhân*} ... Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo lễ độ và biết kính trọng không bị rớt khỏi mà được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành.”

10 (10) Vô Lễ Bất Kính

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo vô lễ và bất kính không có khả năng thành tựu sự tăng trưởng, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Năm đó là gì? ... {*Năm phẩm chất ngược lại với năm năng lực của bậc học-nhân đã được nói trong các kinh kể trên*}⁸³¹ ... Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo vô lễ và bất kính bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo lễ độ và biết kính trọng có khả năng thành tựu sự tăng trưởng, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Năm đó là gì? ...

{*Năm năng lực của bậc học-nhân*} ... Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo lễ độ và biết kính trọng không bị rớt khỏi mà được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành.”

NHÓM 2

NHỮNG NĂNG LỰC

11 (1) Chưa Từng Nghe Trước Đây

“Này các Tỳ kheo, ta tuyên bố đã chứng ngộ sự hoàn thành (kết cuộc, chung cuộc, cứu cánh) và toàn thiện (ba-la-mật) của trí-biết trực-tiếp đối với những điều chưa từng được nghe trước đây.⁸³²

“Có năm năng lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, đã cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập bánh xe của trời Brahma (= bánh xe Giáo Pháp).⁸³³ Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ; (*cũng giống ‘năm năng lực của bậc học-nhân’ đã nói ở những kinh kể trên*). Đây là năm năng lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, đã cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập bánh xe của trời Brahma.”

12 (2) Đỉnh (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm năng lực của bậc học-nhân. Năm đó là gì? ... {*Năm năng lực của bậc học-nhân*} ... Đây là năm năng lực của bậc học-nhân. Trong số năm năng lực đó, năng lực trí-tuệ là bậc

nhất: là năng lực giữ vững tất cả các năng lực kia, là năng lực hợp nhất các năng lực kia. Giống như phần đỉnh là phần cầm đầu (‘sếp’, chính yếu) của một ngôi nhà mái nhọn, đó là phần giữ vững tất cả những phần mái kia, là phần hợp nhất những phần mái kia. Cũng giống như vậy, trong số năm năng lực đó, năng lực trí-tuệ là bậc nhất: là năng lực giữ vững tất cả các năng lực kia, là năng lực hợp nhất các năng lực kia.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có được (1) năng lực niềm-tin, là năng lực của bậc học-nhân ... (2) năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức ... (3) năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức ... (4) năng lực nỗ-lực ... (5) năng lực trí-tuệ, là năng lực của bậc học-nhân.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

13 (3) Một Cách Ngăn Gọn

“Này các Tỳ kheo, có năm năng lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng lực.”⁸³⁴

14 (4) Một Cách Chi Tiết

“Này các Tỳ kheo, có năm năng lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng lực.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năng lực niềm-tin? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ... [*giống đoạn (1) kinh 5:02 ở trên*] ... Đây được gọi là năng lực niềm-tin.

(2) “Và cái gì là năng lực nỗ-lực? Ở đây một đệ tử thánh thiện phát khởi sự nỗ-lực ... [*giống đoạn (4) kinh 5:02 ở trên*] ... Đây được

gọi là năng lực nỗ-lực.

(3) “Và cái gì là năng lực chánh-niệm? Ở đây, một đệ tử thánh thiện có chú tâm, có được sự chánh-niệm và sự tỉnh-thức cao nhất, là người nhớ và nhớ lại điều đã làm hay đã nói từ lâu. Đây được gọi là năng lực chánh-niệm.

(4) “Và cái gì là năng lực chánh-định? Ở đây, một Tỳ kheo:

“Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.

“Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.

“Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’.

“Với sự dẹp bỏ sự sượng-khổ (không còn sượng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sượng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

“Đây được gọi là năng lực chánh-định.

(5) “Và cái gì là năng lực trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là khôn trí ... [*giống đoạn (5) kinh 5:02 ở trên*] ... Đây được gọi là năng lực trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm năng lực.”

15 (5) Được Nhìn Thấy

“Này các Tỳ kheo, có năm năng lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng lực

“Và, này các Tỳ kheo, (1) năng lực niềm-tin được nhìn thấy ở đâu? Năng lực niềm-tin được nhìn thấy trong bốn yếu-tố Nhập-lưu (Tứ dự-lưu chi phần)⁸³⁵ (2) Và năng lực nỗ-lực được nhìn thấy ở đâu? Năng lực nỗ-lực được nhìn thấy trong bốn sự phán-đầu đúng đắn (Tứ chánh cần). (3) Và năng lực chánh-niệm được nhìn thấy ở đâu? Năng lực chánh-niệm được nhìn thấy trong bốn-nền tảng chánh-niệm (Tứ niệm xứ). (4) Và năng lực chánh-định được nhìn thấy ở đâu? Năng lực chánh-định được nhìn thấy trong bốn tầng thiền định (Tứ thiền sắc giới; jhāna). (5) Và năng lực trí-tuệ được nhìn thấy ở đâu? Năng lực trí-tuệ được nhìn thấy trong bốn chân lý thánh thiện (Tứ diệu đế).

“Này các Tỳ kheo, đây là năm năng lực.”

16 (6) Đỉnh (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm năng lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng lực. Trong số năm năng lực đó, năng lực trí-tuệ là bậc nhất: là năng lực giữ vững tất cả các năng lực kia, là năng lực hợp nhất các năng lực kia. Giống như phần đỉnh là phần cầm đầu (‘sếp’, chính yếu) của một ngôi nhà mái nhọn, đó là phần giữ

vững tất cả những phần mái kia, là phân hợp nhất những phần mái kia. Cũng giống như vậy, trong số năm năng lực đó, năng lực trí-tuệ là bậc nhất: là năng lực giữ vững tất cả các năng lực kia, là năng lực hợp nhất các năng lực kia.⁸³⁶

17 (7) Phúc Lợi (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình, không vì phúc lợi của người khác. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về giới-hạnh; (2) người đó tự mình thành tựu về thiền-định, nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về thiền-định; (3) người đó tự mình thành tựu về trí-tuệ, nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về trí-tuệ; (4) người đó tự mình thành tựu về sự giải-thoát, nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về sự giải-thoát; (5) người đó tự mình thành tựu về trí-biết (minh, trí) và tầm-nhìn (quan kiến) của sự giải-thoát, nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình, không vì phúc lợi của người khác.”

18 (8) Phúc Lợi (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của người khác, không vì phúc lợi của mình. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình không thành tựu về giới-hạnh, nhưng khuyến khích người khác thành tựu về giới-hạnh; (2) người đó tự mình không thành tựu về thiền-định, nhưng khuyến khích người khác thành tựu về thiền-định; (3) người đó tự mình không thành tựu về trí-tuệ, nhưng khuyến khích người khác thành tựu về trí-tuệ; (4) người đó tự mình không thành tựu về sự giải-thoát, nhưng khuyến khích người

khác thành tựu về sự giải-thoát; (5) người đó tự mình không thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn, nhưng khuyến khích người khác thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của người khác, không vì phúc lợi của mình.”

19 (9) Phúc Lợi (3)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất là một Tỳ kheo đang thực hành không vì phúc lợi của mình, cũng không vì phúc lợi của người khác. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình không thành tựu về giới-hạnh, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về giới-hạnh; (2) người đó tự mình không thành tựu về thiền-định, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về thiền-định; (3) người đó tự mình không thành tựu về trí-tuệ, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về trí-tuệ; (4) người đó tự mình không thành tựu về sự giải-thoát, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về sự giải-thoát; (5) người đó tự mình không thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo đang thực hành không vì phúc lợi của mình, cũng không vì phúc lợi của người khác.”

20 (10) Phúc Lợi (4)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình, và vì phúc lợi của người khác. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về giới-hạnh; (2) người đó tự mình thành tựu về thiền-định, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về thiền-định; (3) người đó tự mình thành tựu về trí-tuệ, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về trí-tuệ; (4) người đó tự mình thành tựu

về sự giải-thoát, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về sự giải-thoát; (5) người đó tự mình thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình, và cũng vì phúc lợi của người khác.”

NHÓM 3

VỚI NĂM CHI PHẦN⁸³⁷

21 (1) Vô Lễ (1)

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo (1) là vô lễ và bất kính, và giới-hạnh của người đó là không tương hợp với những Tỳ kheo đồng đạo, thì không thể nào người đó hoàn thành phần tu [chi, phần, yếu tố] những hành-vi hợp quy (theo giới-luật Tăng đoàn). (2) Không hoàn thành phần tu những hành-vi hợp quy, thì không thể nào người đó hoàn thành phần tu của bậc học-nhân. (3) Không hoàn thành phần tu của bậc học-nhân, thì không thể nào người đó hoàn thành phần tu những giới-hạnh. (4) Không hoàn thành phần tu những giới-hạnh, thì không thể nào người đó hoàn thành phần tu về cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). (5) Không hoàn thành phần tu về chánh-kiến, thì không thể nào người đó hoàn thành phần tu về định-tâm đúng đắn (chánh định).⁸³⁸

“Nhưng, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo (1) là lễ độ và biết kính trọng, và giới-hạnh của người đó là tương hợp với những Tỳ kheo đồng đạo, thì người đó có thể hoàn thành phần tu những hành-vi hợp quy (theo giới-luật Tăng đoàn). (2) Hoàn thành phần tu những hành-vi hợp quy, thì người đó có thể hoàn thành phần tu của bậc học-nhân. (3) Hoàn thành phần tu của bậc học-nhân, thì người đó có thể hoàn thành phần tu những giới-hạnh. (4) Hoàn thành phần tu những giới-hạnh, thì người đó

có thể hoàn thành phần tu về cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). (5) Hoàn thành phần tu về chánh-kiến, thì người đó có thể hoàn thành phần tu về định-tâm đúng đắn (chánh định).”

22 (2) Vô Lễ (2)

“ ... [*Giống kinh kể trên, chỉ khác các chữ trong* (3) ‘phần tu về giới-hạnh’, (4) ‘phần tu về chánh-kiến’, (5) ‘phần tu về chánh-định’ *lần lượt được thay bằng*: ‘đồng (uẩn) giới-hạnh’, ‘đồng chánh-định’, và ‘đồng trí-tuệ’ .]

23 (3) Những Ô Nhiễm

(a) “Này các Tỳ kheo, có năm thứ ô nhiễm của vàng, do bị hư nhiễm như vậy nên vàng là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể gãy (cứng giòn, không tinh dẻo), và không thích hợp để sử dụng. Năm đó là gì? Sắt ... đồng ... thiết ... chì ... bạc là một thứ hư nhiễm của vàng. Đây là năm thứ hư nhiễm của vàng, do bị hư nhiễm như vậy nên vàng là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể gãy và không thích hợp để sử dụng.⁸³⁹

(b) Nhưng khi vàng không có năm thứ ô-nhiễm này thì vàng là dễ uốn nắn, dễ điều khiển, sáng sủa, không dễ bị bể gãy (không cứng giòn, được tinh dẻo) và thích hợp để sử dụng. Lúc đó, người ta muốn dùng nó để làm bất cứ trang sức nào theo họ—như vòng đeo tay, bông tai, dây chuyền, hay vương miện bằng vàng—thì họ đều có thể làm được.⁸⁴⁰

(aa) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm thứ ô nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể gãy (hư, bại), và không

đạt định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. Năm đó là gì? Tham-dục, ác-ý, sự đờ-đần và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Đây là năm thứ ô-nhiễm (năm chướng-ngại) của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bẻ gãy (hư, bại), và không đạt định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm.

(bb) Nhưng khi tâm không có năm thứ ô-nhiễm này thì tâm là dễ uốn nắn, dễ điều khiển, sáng sủa, không dễ bị bẻ gãy (khó hư, khó bại), và có thể đạt định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. Lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy là người đó có khả năng, bằng trí-biết trực-tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.⁸⁴¹

(1)⁸⁴² “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi đạt được và dụng được nhiều loại năng-lực tâm linh (thần-thông biến hóa) khác nhau: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền treo chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(2) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi, với yếu-tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần*’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(3) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi *hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm*

của họ (tha tâm thông). Tôi hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm cao thượng là cao thượng, và tâm không cao thượng là không cao thượng; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, tối thượng, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát’,⁸⁴³ thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(4) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi có thể *nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình* (tức mạng minh); đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (tôi nhớ rõ) “Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.”—Cầu cho tôi có thể nhớ lại những kiếp quá khứ của mình với những cách thức và chi tiết của chúng’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(5) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi, với yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nhìn thấy*

những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và tôi *hiểu được* cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: “Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh hiền, người chấp giữ cách nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không chửi mắng các bậc thánh hiền, người nắm giữ cách nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”— Cầu cho tôi, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và tôi đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.”

(6) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi, sau khi tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, tôi sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, tôi sẽ an trú trong đó’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.”

24 (4) Thất Đức

(I) “Này các Tỳ kheo, (1) một người thất đức, người thiếu giới-hạnh, là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định. Khi không có chánh-định, người thiếu chánh-định là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tâm-nhìn (tri và kiến) về mọi sự đúng như chúng

thực là. Khi không có sự hiểu-biết và tầm-nhìn, người thiếu sự hiểu-biết và tầm-nhìn như vậy là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tinh-ngộ [sự không còn mê thích] và sự chán-bỏ. Khi không có sự tinh-ngộ và sự chán-bỏ, người thiếu sự tinh-ngộ và sự chán-bỏ là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Giả sử có một cây mà thiếu cành và lá, thì chồi, vỏ, phần gỗ mềm và gỗ lõi của nó sẽ không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) một người thất đức, thiếu giới-hạnh là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định ... là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi sự đúng như chúng thực là ... là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tinh-ngộ và sự chán-bỏ ... là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.⁸⁴⁴

(II) “Này các Tỳ kheo, (1) một người có đức hạnh, người có được (thành tựu) giới-hạnh là (2) có nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định. Khi có chánh-định, người có được chánh-định là (3) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tầm-nhìn (tri và kiến) về mọi sự đúng thực như chúng là. Khi có sự hiểu-biết và tầm-nhìn, người có được về sự hiểu-biết và tầm-nhìn như vậy là (4) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tinh-ngộ [sự không còn mê thích] và sự chán-bỏ. Khi có sự tinh-ngộ và sự chán-bỏ, người có được sự tinh-ngộ và sự chán-bỏ là (5) có nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Giả sử có một cây có đầy đủ cành và lá, thì chồi, vỏ, phần gỗ mềm, và gỗ lõi của nó sẽ phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) một người có đức hạnh, có được giới-hạnh là (2) có nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định ... là (3) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi sự đúng như chúng thực là ... là (4) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tinh-ngộ và sự chán-bỏ ... là (5) có nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

25 (5) *Được Trợ Giúp*

“Này các Tỳ kheo, khi chánh-kiến được trợ giúp bởi năm yếu tố, thì nó có sự giải-thoát của tâm là kết quả của nó, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích-lợi của nó; nó có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của nó, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích-lợi của nó.⁸⁴⁵ Năm đó là gì? Ở đây, chánh-kiến được trợ giúp bởi giới-hạnh, sự học-hiểu,⁸⁴⁶ sự thảo-luận, sự bình-lặng, và sự minh-sát (thiền quán). Khi chánh-kiến được trợ giúp bởi năm yếu tố này, thì nó có sự giải-thoát của tâm là kết quả của nó, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích-lợi của nó; nó có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của nó, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích-lợi của nó.”

26 (6) *Sự Giải Thoát*

“Này các Tỳ kheo, có năm cơ-sở của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó,⁸⁴⁷ nếu một Tỳ kheo sống chú tâm, nhiệt thành và kiên định, thì cái tâm chưa được giải thoát của người đó sẽ được giải thoát, những ô-nhiễm chưa được phá hủy sẽ được phá hủy, và người đó sẽ đạt được ‘sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’ chưa đạt được trước đó. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một vị Sư [hay sư huynh, đạo hữu] ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho một Tỳ kheo. Cho dù vị Sư ở vị trí người thầy chỉ dạy Giáo Pháp theo cách nào, thì Tỳ kheo đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó.⁸⁴⁸ Khi có cảm hứng thì sự hoan hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan hỷ thì thân được bình lặng (khinh an). Người bình lặng trong thân thì cảm nhận sự khoan khoái (lạc). Người cảm nhận sự khoan khoái thì tâm đạt định.⁸⁴⁹ Đây là cơ-sở *thứ nhất* của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó, nếu một Tỳ kheo sống chú tâm, nhiệt thành và kiên định, thì cái tâm chưa được giải thoát của người đó sẽ được giải thoát, những ô-nhiễm

chưa được phá hủy sẽ được phá hủy, và người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó.

(2) “Thêm nữa, dù không có vị Sư [hay sư khuynh, đạo hữu] nào ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho một Tỷ kheo, nhưng một Tỷ kheo tự mình ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu nó. Cho dù Tỷ kheo đó chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết theo cách nào cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, thì Tỷ kheo đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó. Khi có cảm hứng thì sự hoan hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan hỷ thì thân được bình lặng (khinh an). Người bình lặng trong thân thì cảm nhận sự khoan khoái (lạc). Người cảm nhận sự khoan khoái thì tâm đạt định. Đây là cơ-sở *thứ hai* của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó ... người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó.

(3) “Thêm nữa, dù không có vị Sư [hay sư khuynh, đạo hữu]; và cũng không tự mình ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu Giáo Pháp đó, nhưng một Tỷ kheo tụng đọc Giáo Pháp đó một cách chi tiết, sau khi mình đã nghe và học hiểu nó. Cho dù Tỷ kheo đó tụng đọc Giáo Pháp đó một cách chi tiết theo cách nào, thì Tỷ kheo đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó. Khi có cảm hứng thì sự hoan hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan hỷ thì thân được bình lặng (khinh an). Người bình lặng trong thân thì cảm nhận sự khoan khoái (lạc). Người cảm nhận sự khoan khoái thì tâm đạt định. Đây là cơ-sở *thứ ba* của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó ... người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó.

(4) “Thêm nữa, dù không có vị Sư [hay sư khuynh, đạo hữu]; cũng không tự mình ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu nó; và cũng

không tụng đọc Giáo Pháp đó một cách chi tiết sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, nhưng người đó ngẫm nghĩ, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp sau khi mình đã nghe và học hiểu nó. Cho dù Tỳ kheo đó ngẫm nghĩ, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp sau khi mình đã nghe và học hiểu nó theo cách nào, thì người đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó. Khi có cảm hứng thì sự hoan hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan hỷ thì thân được bình lặng (khinh an). Người bình lặng trong thân thì cảm nhận sự khoan khoái (lạc). Người cảm nhận sự khoan khoái thì tâm đạt định. Đây là cơ-sở *thứ tư* của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó ... người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó.

(5) “Thêm nữa, dù không có vị Sư [hay sư khuynh, đạo hữu]; cũng không tự mình ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu nó; cũng không tụng đọc Giáo Pháp đó một cách chi tiết sau khi mình đã nghe và học hiểu nó; và cũng không ngẫm nghĩ, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, nhưng Tỳ kheo đó đã nắm bắt được một đối-tượng thiền định, chú-tâm vào nó một cách khéo léo, duy-trì nó một cách khéo léo, và thâm-nhập nó một cách khéo léo bằng trí-tuệ. Cho dù Tỳ kheo đó đã nắm bắt được một đối-tượng thiền định, đã chú-tâm vào nó một cách khéo léo, đã duy-trì nó một cách khéo léo, và đã thâm-nhập nó một cách khéo léo bằng trí-tuệ theo cách nào, thì Tỳ kheo đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó. Khi có cảm hứng thì sự hoan hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan hỷ thì thân được bình lặng (khinh an). Người bình lặng trong thân thì cảm nhận sự khoan khoái (lạc). Người cảm nhận sự khoan khoái thì tâm đạt định. Đây là cơ-sở *thứ năm* của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó ... người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm cơ-sở của sự giải-thoát, nhờ

phương tiện đó, nếu một Tỳ kheo sống chú tâm, nhiệt thành và kiên định, thì cái tâm chưa được giải thoát của người đó sẽ được giải thoát, những ô-nhiễm chưa được phá hủy sẽ được phá hủy, và người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trối-buộc chưa đạt được trước đó.”

27 (7) Định Tâm

“Này các Tỳ kheo, Bhikkhus, khi tỉnh thức và có chánh niệm, hãy tu tập sự định-tâm là vô lượng.⁸⁵⁰ Khi các thầy, tỉnh thức và có chánh niệm, tu tập sự định-tâm là vô lượng, thì năm loại hiểu-biết khởi sinh là của chính mình. Năm đó là gì? (1) Sự hiểu-biết khởi sinh là của chính mình, như vậy: ‘Sự định-tâm này hiện tại là sừng (lạc) và trong tương lai có kết quả sừng.’ (2) Sự hiểu-biết khởi sinh là của chính mình, như vậy: ‘Sự định-tâm này là thánh thiện và tâm linh.’ (3) Sự hiểu-biết khởi sinh là của chính mình, như vậy: ‘Sự định-tâm này là không được tu tập bởi người thấp kém.’ (4) Sự hiểu-biết khởi sinh là của chính mình, như vậy: ‘Sự định-tâm này là bình an và siêu phàm, đạt được nhờ sự làm vắng-lặng hoàn toàn, và đạt tới sự hợp-nhất (nhất điểm); chứ nó không phải do được chế ngự và duy trì bằng sự trấn áp mạnh [những ô-nhiễm].’⁸⁵¹ (5) Sự hiểu-biết khởi sinh là của chính mình, như vậy: ‘Ta chúng nhập sự định-tâm này⁸⁵² một cách có chánh-niệm và ta thoát ra khỏi nó một cách có chánh niệm.’ Này các Tỳ kheo, khi tỉnh thức và liên tục có chánh niệm, hãy tu tập sự định-tâm là vô lượng. Khi các thầy tỉnh thức và có chánh niệm, đang tu tập sự định-tâm là vô lượng, thì năm loại hiểu-biết khởi sinh là của chính mình.”

28 (8) Với Năm Chi Phần

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tu tập sự chánh-định thánh thiện có năm yếu tố (chi phần).⁸⁵³ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập sự chánh-định thánh thiện có năm yếu tố?

(1) “Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ). Người đó tạo nên sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc), được sinh ra từ sự tách-ly đó; nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lấp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không còn chỗ nào của toan thân mà không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách-ly đó, có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly.

“Giống như một người hầu tắm [hay người học việc của người đó] đổ dồn bột tẩy vô một bồn tắm bằng kim loại, và tưới nước từ từ vô nó, và nhào nặn nó tới khi nước ướt thấm cục bột tẩy mà ông đã nhào nặn, rồi thấm nước nó, và làm thấm đẫm nó từ bên trong và bên ngoài, nhưng cục bột tẩy không bị chảy rỉ nước ra. Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó tạo nên sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc), được sinh ra từ sự tách-ly đó, làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lấp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không còn chỗ nào của toan thân mà không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách-ly đó, có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly. Đây là sự tu tập *thứ nhất* sự chánh-định thánh thiện có năm yếu tố.

(2) “Thêm nữa, với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm; không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ). Người đó tạo nên sự hoan-

hỷ và hạnh-phúc, được sinh ra từ sự tách-ly đó; nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lấp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không có phần nào của toàn thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách-ly đó, có niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách-ly.

“Giống như có một cái hồ có nước được phun lên từ bên dưới, không có nước chảy vào từ phía đông, tây, nam, hay bắc, và cái hồ không bao giờ được cấp nước thêm bởi nước mưa, cho nên dòng nước mát phun lên từ bên dưới làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lấp đầy, và làm thấm đẫm cả hồ, đến nỗi không có chỗ nào của toàn hồ nước không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó tạo nên sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc), được sinh ra từ sự tách-ly đó, làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lấp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không có phần nào của toàn thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách-ly đó, có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly. Đây là sự tu tập *thứ hai* sự chánh-định thánh thiện có năm yếu tố.

(3) “Thêm nữa, với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’. Người đó tạo nên niềm hạnh-phúc (lạc) không còn yếu tố hoan hỷ (hỷ); nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lấp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không có phần nào của toàn thân không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc không có yếu tố hoan hỷ.

“Giống như trong một cái hồ có sen xanh dương hay sen đỏ hay sen trắng; một cây sen được sinh ra và lớn lên trong nước, có thể sinh trưởng khi đang chìm trong nước chứ không cần phải lên khỏi mặt nước, và nước mát sẽ làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lấp đầy, và làm thấm đẫm

chúng từ thân tới rễ, đến nỗi không có phần nào của những cây sen không được thấm đẫm bởi nước. Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó tạo nên tạo nên niềm hạnh-phúc (lạc) không còn yếu tố hoan hỷ (hỷ); nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lấp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không có phần nào của toàn thân không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc không có yếu tố hoan hỷ. Đây là sự tu tập *thứ ba* sự chánh-định thánh thiện có năm yếu tố.

(4) “Thêm nữa, với sự dẹp bỏ sự sượng-khổ (không còn sượng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui và sự buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ tư (Tứ thiên), trạng thái không còn sượng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Người đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm trong và sáng, nên nỗi không có phần nào của toàn thân này không được thấm đẫm bởi cái tâm trong và sáng.

“Giống như một người ngồi được phủ trùm từ đầu đến gót bằng tấm vải trắng, đến nỗi không còn phần nào của toàn thân này không được bao trùm bởi vải trắng. Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó ngồi bao trùm thân này bằng một cái tâm trong và sáng, đến nỗi không còn phần nào của toàn thân này không được bao trùm bởi cái tâm trong và sáng. Đây là sự tu tập *thứ tư* sự chánh-định thánh thiện có năm yếu tố.

(5) “Thêm nữa, một Tỳ kheo nắm bắt một đối-tượng để quán xét,⁸⁵⁴ chú tâm vào nó một cách khéo léo, duy trì nó một cách khéo léo, và thâm nhập nó một cách khéo léo bằng trí-tuệ.

“Giống như một người nhìn xuống một người khác—như kiểu một người đứng nhìn xuống một người đang ngồi, hay người ngồi nhìn xuống người đang nằm. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nắm bắt một đối-tượng để thiền quán, chú tâm vào nó một cách khéo léo, duy trì nó một cách khéo léo, và thâm nhập nó một cách khéo léo bằng trí-tuệ.

Đây là sự tu tập *thứ năm* sự chánh-định thánh thiện có năm yếu tố.

“Này các Tỳ kheo, khi sự chánh-định có năm yếu tố đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy là người đó có khả năng, bằng trí-biết trực-tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.⁸⁵⁵

“Giả sử có một cái bình đựng đầy nước được đặt lên trên bệ, nước đầy đến tận miệng bình đến nổi con quạ có thể uống được từ bình nước. Nếu một người mạnh khỏe đến lắc cái bình theo đủ hướng, liệu có khả năng nước tràn ra không?”

“Có, thưa thế tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi sự chánh-định có năm yếu tố đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy là người đó có khả năng, bằng trí-biết trực-tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.

“Giả sử trên đất bằng có một ao nước bốn có bờ kè, chứ đầy nước đến mép bờ kè đến nổi con quạ có thể đậu bờ kè uống nước ở đó. Một người mạnh khỏe đến phá dỡ một bờ kè, liệu có khả năng nước tràn ra không?”

“Có, thưa thế tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi sự chánh-định có năm yếu tố đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy là người đó có khả năng, bằng trí-biết trực-tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.

“Giả sử trên đất bằng ở ngã tư đường có chiếc xe ngựa với ngựa thuần chủng và roi cương sẵn sàng; là một người luyện ngựa giỏi, người đánh xe ngựa có thể ngồi lên xe, tay trái cầm cương, tay phải cầm roi

thức ngựa, thì người đó khả năng xe ngựa đi đâu hay về đâu tùy theo ý mình. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi sự chánh-định có năm yếu tố đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy là người đó có khả năng, bằng trí-biết trực-tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.

“ ... [*Tiếp tục các đoạn (1) tới (6) y hệt như trong kinh 5:23 ở trên về 06 loại trí-biết được chứng ngộ.*] ... ”

29 (9) Đi Thiên

“Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi của việc đi thiên. Năm đó là gì? Người tu tập được khả năng đi-bộ đường dài (các chuyến đi, du hành); người tu tập được khả năng phấn-đấu (tinh cần); người tu tập được khỏe mạnh; những gì đã ăn, uống, dùng, hay ném được tiêu hóa tốt; và sự định-tâm chứng được thông qua đi thiên là được lâu.⁸⁵⁶ Đây là năm ích lợi của việc đi thiên.”

30 (10) Ngài Nāgita

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ người Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó mới tới ngôi làng tên Icchānaṅgala của những bà-la-môn người Kosala. Ở đó đức Thế Tôn trú trong khu rừng nhiều cây ở vùng Icchānaṅgala. Các gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala nghe tin: “Nghe nói tu sĩ (sa-môn) Cồ-đàm, người con của họ tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, vừa mới đến làng Icchānaṅgala, và giờ đang trú ở khu rừng rậm ở Icchānaṅgala. Giờ tin tốt lành về tu sĩ Cồ-đàm được truyền nhau như vậy: ‘Bậc Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-

hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn. Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành để đi gặp những vị A-la-hán như vậy.”

Rồi, khi đêm đã qua, những gia chủ bà-la-môn của làng Icchānaṅgala mang nhiều thứ thức ăn khác nhau và đi đến khu rừng nhiều cây vùng Icchānaṅgala. Họ đứng ở bên ngoài cửa rừng và gây ra tiếng ồn ào huyên náo. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Nāgita là người hầu cận của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Nāgita:

“Này Nāgita, ai đang làm những tiếng ồn huyên náo vậy? Ai nghe tưởng như một đám ngư dân đang hò hét lúc vây bắt một đàn cá.”

“Thưa Thế Tôn, đó là những gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala, họ mang đến nhiều thứ thức ăn khác nhau. Họ đang đứng ngoài cửa rừng [và muốn cúng dường] cho Thế Tôn và Tăng đoàn các Tỳ kheo.”

“Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của sự từ-bỏ, niềm chân phúc của sự tách-ly (ẩn dật), niềm chân phúc của sự bình-an, niềm chân phúc của sự giác-ngộ khi họ muốn có; ta thì dễ dàng có được, không khó khăn hay rắc rối gì. Hãy để họ thụ hưởng niềm vui dơ bẩn, niềm vui lười nhác (không tu tập từ bỏ) của lợi, vinh, và danh.”

“Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn đồng ý! Mong bậc Phúc Lành

đồng ý! Giờ là lúc đức Thế Tôn hãy đồng ý. Vì dù đức Thế Tôn có đi đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Giống như khi trời mưa lớn và nước đều chảy dồn xuống dốc. Tương tự vậy, dù đức Thế Tôn đi đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Vì lý do gì? Vì đức-hạnh và trí-tuệ của đức Thế Tôn.”

“Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của sự từ-bỏ ... Hãy để họ thụ hưởng niềm vui dơ bẩn, niềm vui lười nhác của lợi, vinh, và danh.”

(1) “Này Nāgita, thứ gì được ăn, uống, dùng, và ném rồi cũng biến thành phân và nước tiểu mà thôi: đó là kết quả của nó.

(2) Khi những thứ mình yêu quý thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng: đây là kết quả của nó.

(3) Với ai tận tình tu tập thiền về tướng (bản chất, đường nét, đặc tính) ‘không hấp dẫn’, thì sẽ thiết lập được sự chán-chê đối với tướng ‘đẹp’: đây là kết quả của nó.

(4) Với ai sống quán sát tính vô-thường trong sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu giác quan), thì sẽ thiết lập được sự chán-chê đối với sự chạm-xúc: đây là kết quả của nó.

(5) Với ai sống quán sát sự sinh và diệt trong năm uẩn bị dính chấp, thì sẽ thiết lập được sự chán-chê đối với sự dính-chấp: đây là kết quả của nó.”⁸⁵⁷

NHÓM 4

SUMANĀ

31 (1) *Sumanā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó có công chúa Sumanā,⁸⁵⁸ được hộ tống bởi năm trăm xe ngựa và năm trăm người nữ hầu, đến gặp đức Thế Tôn, kính chào⁸⁵⁹ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Công chúa Sumanā thưa với đức Thế Tôn:

“Ở đây, thưa Thế Tôn, có thể nào có hai đệ tử của đức Thế Tôn ngang bằng nhau về niềm-tin, giới-hạnh, và trí-tuệ, nhưng một người thì rộng lòng bố thí, người kia thì không. Khi thân tan rã, sau khi chết, họ đều được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Sau khi họ thành những thiên thần ở đó, đâu là sự phân biệt hay khác biệt giữa hai vị đó?”

“Có thể có vậy, này Sumanā”, đức Thế Tôn nói. “Người rộng lòng bố thí, sau khi trở thành thiên thần, sẽ hơn hẳn người kia về năm sự: về tuổi thọ cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, hạnh phúc cõi trời, về vinh quang cõi trời, và về uy quyền cõi trời. Người rộng lòng bố thí, sau khi trở thành thiên thần, sẽ siêu xuất hơn người kia về năm điều đó.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, nếu có thể nào hai vị đó qua đời ở cõi trời và trở lại làm người, đâu là sự phân biệt và sự khác biệt giữa hai vị đó?”

“Có thể có vậy, này Sumanā”, đức Thế Tôn nói. “Khi họ cùng trở thành người trở lại, người rộng lòng bố thí sẽ hơn hẳn người kia về năm sự: về tuổi thọ cõi người, về sắc đẹp cõi người, về hạnh phúc cõi người, về vinh quang cõi người, và về quyền uy cõi người. Khi họ cùng trở thành người trở lại, người rộng lòng bố thí sẽ hơn hẳn người kia về năm điều như vậy.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, nếu cả hai cũng xuất gia đi tu thì vẫn có sự phân biệt và khác biệt giữa hai vị đó hay không?”

“Có thể có vậy, này Sumanā”, đức Thế Tôn nói. “Người rộng lòng bố thí, sau khi xuất gia, sẽ hơn người kia về năm sự.⁸⁶⁰ (1) Người đó thường dùng y áo (cà sa) được cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng loại không được cúng dường riêng cho mình. (2) Người đó thường ăn thức ăn được cúng dường cho chính mình, hiếm khi ăn loại thức ăn không được cúng dường riêng cho mình. (3) Người đó thường dùng chỗ ở được cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng chỗ ở không được cúng dường riêng cho mình. (4) Người đó thường dùng thuốc thang và chu cấp cho người bệnh được cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng loại không được cúng dường riêng cho mình. (5) Những người đồng tu của người đó, là những người sống chung tu với người đó, thường đối xử với người đó theo những cách dễ chịu trong hành động, lời nói, và tâm ý, ít khi theo những cách khó chịu. Họ thường tặng người đó những thứ nào đáng thích, ít khi có thứ khó ưa. Người rộng lòng bố thí, sau khi xuất gia, sẽ hơn hẳn người kia về năm điều như vậy.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, nếu có thể nào cả hai đều chứng đắc A-la-hán thì vẫn có sự phân biệt và khác biệt giữa hai vị đó hay không?”

“Trong trường hợp này, này Sumanā, ta tuyên bố là không có gì phân biệt hay khác biệt giữa sự giải-thoát [của người này] và sự giải-thoát [của người kia].”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Đúng thật, người ta có lý do tốt để cúng dường thức ăn và làm những việc công đức, vì những việc đó sẽ hữu ích khi một người thành thiên thần, thành người, hay xuất gia tu hành.”

“Đúng như vậy, này Sumanā! Đúng như vậy, này Sumanā! Đúng thật, người ta có lý do tốt để cúng dường thức ăn và làm những việc công đức, vì những việc đó sẽ hữu ích khi một người thành thiên thần, thành người, hay xuất gia tu hành.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành,

vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Nhu mặt trăng không ô uế,
Đi qua bầu trời không,
Bằng ánh sáng chiếu sáng khắp nơi,
Hơn cả tất cả vì sao trong thế gian.
Người thành tựu về giới-hạnh cũng giống vậy,
Người được phú cho niềm-tin cũng vậy,
Chiếu sáng khắp nơi bằng sự bố thí,
Cho tất cả người cùng khổ.

“Giống như bầu mây mưa trảm đỉnh,
Làm sấm sét, bao vòng bằng những tia chớp,
Trút xuống trái đất,
Làm ngập đồng bằng và vùng trũng.
Vị đệ tử của đức Thế Tôn cũng giống như vậy,
Là người trí hiền thành tựu về tâm-nhìn,
Hơn hẳn người keo kiệt về năm sự:
Tuổi thọ và vinh quang,
Sắc đẹp và hạnh phúc.⁸⁶¹
Có được sự giàu có,
Sau khi chết được hưởng phước trên cõi trời.”

32 (2) *Cundī*⁸⁶²

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) chỗ tìm thức ăn của bầy sóc. Lúc đó có công chúa Cundī,⁸⁶³ được hộ tống bởi năm trăm xe ngựa và năm trăm người nữ hầu, đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Công chúa Cundī thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa đức Thế Tôn, anh trai của con là hoàng tử Cunda. Anh ấy nói như vậy: ‘Khi nào một người nam hay nữ đã quy y nương tựa theo Phật, Pháp, Tăng, và kiêng cử sát sinh, gian cắp, tà dục tà dâm, nói láo nói sai, và uống rượu nặng rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, không phải một nơi đến xấu dữ.’ Con muốn hỏi đức Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, loại sư thầy nào người ta nên có niềm-tin vào đó, để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người ta sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, không phải một nơi đến xấu dữ? Loại Giáo Pháp nào người ta nên có niềm-tin vào đó, để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người ta sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, không phải một nơi đến xấu dữ? Loại Tăng Đoàn nào người ta nên có niềm-tin vào đó, để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người ta sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, không phải một nơi đến xấu dữ?’”

(1) “Này Cundī, dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn chân, hoặc nhiều chân, có sắc thân hoặc không có sắc thân, có nhận thức hoặc không có nhận thức, cho tới loại vừa không có nhận thức vừa có nhận thức (phi tướng phi phi tướng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài. Những ai có niềm tin vào Phật là có niềm tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm tin vào chỗ bậc nhất thì kết quả sẽ là bậc nhất.

(2) “Này Cundī, dù những hiện tượng có điều kiện (pháp hữu vi) có cao siêu tới mức nào, thì Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi thứ. Những ai có niềm tin vào Bát Thánh Đạo là có niềm tin vào đạo bậc nhất, và đối với ai có niềm tin vào đạo bậc nhất thì đạo quả sẽ là bậc nhất.⁸⁶⁴

(3) “Này Cundī, dù những hiện tượng có điều kiện (hữu vi) hay không còn điều kiện (vô vi) có cao siêu tới mức nào, thì sự bỏ-tham được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi điều, đó là sự nghiền nát tính tự-

cao, sự loại bỏ sự thèm-khát, sự bừng sạch gốc rễ dính-chấp, sự chấm dứt vòng luân-hồi sinh-tử, sự tiêu diệt dục-vọng, sự chán bỏ, sự ngừng diệt, Niết-bàn. Những ai có niềm tin vào Giáo Pháp, trong sự chán-bỏ,⁸⁶⁵ là có niềm tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm tin vào chỗ bậc nhất thì đạo quả sẽ là bậc nhất.

(4) “Này Cundī, dù các cộng đồng hay đoàn thể (tôn giáo) có cao siêu tới mức nào, thì Tăng Đoàn các đệ tử của Như Lai được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn của Như Lai là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) tốt nhất trong thế gian. Những ai có niềm tin vào Tăng Đoàn là có niềm tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm tin vào chỗ bậc nhất, thì đạo quả sẽ là bậc nhất.”

(5) “Này Cundī, dù có giới-hạnh nào, giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả, đó là khi nó không bị sút mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị đốm xấu, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Những ai hoàn thành giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh là hoàn thành thứ bậc nhất, và đối với ai hoàn thành thứ bậc nhất, thì đạo quả sẽ là bậc nhất.”

[Tiếp tục là phần thi kệ giống thi kệ ở kinh song hành 4:34]

33 (3) Uggaha

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bhaddiya trong Rừng Jātiyā. Lúc đó có Uggaha, là con trai của Menḍaka, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn cùng với ba vị Tỳ kheo kia đồng ý nhận bữa cơm ngày mai của con (cúng dường).”

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, ông Uggaha, sau khi hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải, và đi ra.

Rồi, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nơi ở của ông Uggaha, tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị. Rồi, ông Uggaha, con trai của Menḍaka, đã tự tay mình phục vụ đức Thế Tôn với những món ngon khác nhau.

Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và đã dẹp bình bát của mình, ông Uggaha mới ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, những cô con gái của con sẽ đi đến ở bên các gia đình phía chồng. Mong đức Thế Tôn khởi xướng và chỉ dạy chúng theo một cách để dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng.”

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các cô gái:

(1) “Vậy thì, này các cô gái, các con nên tu tập bản thân như vậy: ‘Đối với người chồng nào mà cha mẹ chúng ta đã gả cho chúng ta—họ làm vậy vì mong muốn điều tốt đẹp, để tìm kiếm phúc lợi, vì đặt lòng bi mẫn lên chúng ta, làm vì lòng bi mẫn dành cho chúng ta—thì chúng ta sẽ thức dậy trước chồng và đi nghỉ sau chồng, đảm nhận những việc cần được làm, hòa nhã trong hành vi và khả ái trong lời nói của chúng ta.’ Các con nên tu tập bản thân như vậy.

(2) “Và các con nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người mà chồng chúng ta kính trọng—như cha mẹ chồng, các tu sĩ và bà-la-môn—và khi họ đến nhà chúng ta sẽ mời chỗ ngồi và nước uống.’ Các con nên tu tập bản thân như vậy.

(3) “Và các con nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ khéo léo và chú ý đến những công việc trong nhà của chồng, dù đó là việc

đan thêu hay may vá; chúng ta sẽ có nhận định đúng đắn về chúng để chúng ta làm và thu xếp một cách phù hợp.’ Các con nên tu tập bản thân như vậy.

(4) “Và các con nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ để ý đến những người giúp việc của nhà chồng—từ người hầu, người đưa tin, hay người làm công—để coi việc nào họ đã làm xong hay chưa làm; chúng ta sẽ tìm hiểu tình trạng sức khỏe của họ khi họ bị bệnh; và sẽ phân phát những phần thức ăn đúng mức cho họ.’ Các con nên tu tập bản thân như vậy.

(5) “Và các con nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ phòng hộ và bảo vệ những thu nhập mà chồng mang về—dù đó là tiền, hay lúa gạo, bạc hay vàng—⁸⁶⁶ và chúng ta sẽ không tiêu phá, gian cấp, phá hoại, hay tiêu xài lãng phí những thu nhập đó của chồng.’ Các con nên tu tập bản thân như vậy.

“Này các cô gái, khi một người phụ nữ có được năm phẩm chất này, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh trong số những thiên thần có thân đẹp đẽ.”⁸⁶⁷

Vợ không coi thường chồng,
Là người luôn nuôi nấng vợ,
Người luôn hết lòng hết dạ
Mang lại những thứ vợ cần có.

Một người vợ tốt cũng không la mắng chồng,
Bằng những lời lẽ do sự ghen tức mà có;⁸⁶⁸
Người vợ khôn ngoan thì thể hiện sự kính trọng
Đối với những người chồng mình kính trọng.

Vợ thức dậy sớm, làm việc chăm chỉ,
Quản lý việc tề gia nội trợ;
Vợ đối xử một cách khả ái đối với chồng,

Và vệ của cải chồng làm ra.

Người phụ nữ làm tốt những bổn phận như vậy,
Theo ý chí và ý muốn của chồng,
Thì sẽ được tái sinh trong số những thiên thần,
Được gọi là “những cô tiên khả ái”.

34 (4) Tướng Quân Sīha

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có vị tướng quân tên là Sīha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:⁸⁶⁹

“Thưa Thế Tôn, có thể nào chỉ ra kết quả có thể trực tiếp nhìn thấy được (nhãn tiền)⁸⁷⁰ của việc bố thí?”

“Được, này ông Sīha”, đức Thế Tôn nói.

(1) “Này ông Sīha, một người bố thí, người rộng lòng bố thí, là dễ thương và dễ mến đối với nhiều người. Đây là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố thí.

(2) “Lại nữa, những người tốt được nhờ vào người bố thí, người rộng lòng bố thí. Đây cũng là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố thí.

(3) “Lại nữa, một người bố thí, người rộng lòng bố thí, tạo được danh tiếng tốt. Đây cũng là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố thí.

(4) “Lại nữa, ở hội chúng đoàn thể nào mà một người bố thí, người rộng lòng bố thí đến gặp—dù đó là những người giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, gia chủ, hay tu sĩ—người đó sẽ đến gặp một cách tự tin và bình tĩnh.⁸⁷¹ Đây cũng là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố thí.

(5) “Lại nữa, khi thân tan rã, sau khi chết, một người bố thí, người rộng lòng bố thí được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đây là một kết quả của sự bố thí thuộc về kiếp sau.”⁸⁷²

Sau khi điều này được nói ra, tướng Sīha đã nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về bốn kết quả được nhìn thấy trực tiếp của sự bố thí mà đức Thế Tôn đã nói ra. Vì con cũng biết về bốn điều đó. Vì con là một người bố thí, người rộng lòng bố thí, và con là dễ thương và dễ mến đối với nhiều người. Con là một người bố thí, người rộng lòng cho đi, và nhiều người tốt nhờ vào con. Con là một người bố thí, người rộng lòng bố thí, và con đã tạo được danh tiếng tốt là một người thí chủ, người tài trợ, và người ủng hộ Tăng Đoàn. Con là một người bố thí, người rộng lòng bố thí, và dù là hội chúng nào mà con đến gặp—dù đó là những người giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, gia chủ, hay tu sĩ—con đến gặp một cách tự tin và bình tĩnh. Con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về bốn kết quả được nhìn thấy trực tiếp của sự bố thí mà đức Thế Tôn đã nói ra. Vì con cũng biết về bốn điều đó. Nhưng (điều thứ năm) về quả báo kiếp sau của sự bố thí, con chưa biết về điều này, cho nên điều này con đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn.”

“Đúng là vậy, này ông Sīha, đúng là vậy! Khi thân tan rã, sau khi chết, một người bố thí, người rộng lòng cho đi được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

Do bố thí, người đó đáng mến, và nhiều người tốt được nhờ,
Người đó đạt được tiếng tốt và danh tiếng gia tăng.
Người rộng lòng thì bình tĩnh và tự tin
Khi bước vào mấy chỗ hội chúng.

Vậy đó, muốn tìm hạnh phúc người trí cho đi, bố thí.
Và sau khi tẩy sạch ô nhiễm của tính keo kiệt.

Họ được an trú trong ba cõi trời,
Họ vui thích sống đại thọ ở đó,
Cùng với những thiên thần.

Sau khi tận dụng cơ hội làm những việc thiện,
Sau khi chết từ đây,
Họ tự sáng tỏ,
Và dạo chơi trong lạc viên Nandana,⁸⁷³

Ở đó họ vui chơi, hưởng lạc
Được trang bị năm thứ dụng lạc cõi trời.
Sau khi thực hiện lời dạy của bậc Ôn Định đã hết ràng buộc,
Vị đệ tử của bậc Phúc lành hưởng phúc trên cõi trời.

35 (5) Những Lợi Ích Của Sự Bồ Thí

“Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi của việc bố thí. Năm đó là gì?
(1) Người bố thí là dễ thương và dễ mến đối với nhiều người. (2) Những người tốt nhờ được người đó. (3) Người đó tạo được danh tiếng tốt. (4) Người đó không thất thiếu về bản phận của người tại gia. (5) Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đây là năm ích lợi của việc bố thí.”

Do bố thí, một người là đáng mến,
Là người làm theo nghĩa vụ của điều thiện;
Những Tỳ kheo thiện tâm tự chủ,
Luôn nhờ được vào người bố thí.

Và họ chỉ dạy lại Giáo Pháp,
Để xua tan khổ đau,
Sau khi ngộ được trạng thái vô nhiễm,
Người đó kiếp này chứng luôn Niết-bàn.

36 (6) Hợp Lúc

“Này các Tỳ kheo, có năm món quà hợp lúc. Năm đó là gì? (1) Tặng quà cho khách đến thăm. (2) Tặng quà cho người chuẩn bị lên đường đi xa. (3) Tặng quà cho người bệnh. (4) Tặng quà trong thời gian nạn đói. (5) Tặng những trái quả và nông sản lúc mới thu hoạch cho những người đức hạnh. Đây là năm món quà hợp lúc.”

Vào lúc thích hợp, những người có trí,
Người từ thiện, và người rộng lòng,
Cúng tặng món quà hợp lúc cho những bậc thánh,
Những bậc ôn định và chánh trực;
Cúng dường với cái tâm trong sáng,
Thì sự cúng dường đó là lớn lao.

37 (7) Thức Ăn

“Này các Tỳ kheo, một người bố thí cho tặng thức ăn là cho tặng người nhận năm thứ. Năm đó là gì? Người đó cho tặng sự sống, vẻ đẹp, hạnh phúc, sức mạnh, và sự sáng suốt.⁸⁷⁴ (1) Bằng cách cho tặng tuổi-thọ, người đó sẽ được phú cho tuổi thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng cách cho tặng sắc-đẹp, người đó sẽ được phú cho sắc đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng cách cho tặng hạnh-phúc, người đó sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng cách cho tặng sức-mạnh, người đó sẽ được phú cho sức mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một đệ tử thánh thiện, bằng cách cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn. (5) Bằng cách cho tặng sự sáng-suốt, người đó sẽ được phú cho sức mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một người bố thí cho tặng thức ăn là cho tặng năm thứ như vậy.”

Người có trí là người biết cho tặng:
Sự sống, sức mạnh, vẻ đẹp, và sự sáng suốt.
Người thông minh là người cho tặng hạnh phúc,
Và sẽ nhận lại sự hạnh phúc.

Sau khi đã cho tặng sự sống,
Sức mạnh, vẻ đẹp, hạnh phúc, và sự sáng suốt,
Người đó sống thọ và uy tín,
Ở nơi người đó sẽ tái sinh trong đó.

38 (8) Niềm Tin

“Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi đưa đến cho người học tộc có niềm-tin. Năm đó là gì? (1) Khi những người tốt trong thế gian thể hiện lòng bi mẫn, trước tiên họ thể hiện lòng bi mẫn tới người có niềm-tin,⁸⁷⁵ sau đó mới tới những người không có niềm-tin. (2) Khi họ gặp gỡ ai, trước tiên họ gặp gỡ những người có niềm-tin, sau đó mới tới những người không có niềm-tin. (3) Khi họ nhận đồ cúng dường, trước tiên họ nhận từ những người có niềm-tin, sau đó mới từ người không có niềm-tin. (4) Khi họ chỉ dạy Giáo Pháp, trước tiên họ chỉ dạy Giáo Pháp cho những người có niềm-tin, sau đó mới tới những người không có niềm-tin. (5) Khi thân tan rã, sau khi chết, người có niềm-tin được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đây là năm ích lợi đưa đến với một người hộ tộc có được niềm-tin.

“Giống trên chỗ đất bằng ở ngã tư đường, có một cây đa đề [ban-yan] lớn là nơi trú nhờ của chim chóc xung quanh. Cũng giống như vậy, người hộ tộc được phú cho niềm-tin trở thành chỗ nương nhờ của nhiều người như: các Tỳ kheo, các Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, và nữ.”

Một cây lớn với thân to lớn,
Đầy đủ cành, lá, quả,

Rẽ vững chắc, trái quả đang xum xuê,
Là chỗ nương dựa của nhiều chim chóc.
Sau khi bay qua bầu trời,
Chim ghé nhờ cơ sở thích thú này:
Những con cần bóng mát thì hưởng thụ bóng mát;
Những con cần trái quả thì hưởng thụ trái quả.

Cũng giống vậy, khi một người có giới-hạnh,
Được phú cho niềm-tin,
Có tư cách khiêm tốn, nhún nhường,
Hiền từ, mở lòng, mềm mại,
Thì những người là ruộng phước trong thế gian—
Đã hết tham và sân,
Đã hết si, không còn ô-nhiễm—
Sẽ nương nhờ vào người đó.

Họ sẽ chỉ dạy Giáo Pháp
Để xua tan mọi khổ đau,
Sau khi đã hiểu biết như vậy,
Người đó sẽ hết ô-nhiễm,
Và chúng ngộ Niết-bàn.

39 (9) Con Trai

“Này các Tỳ kheo, sau khi xem xét về năm triển vọng, cha mẹ mong muốn một con trai được sinh ra trong gia đình. Năm đó là gì? (1) ‘Sau khi được chúng ta nuôi dưỡng, con trai sẽ nuôi dưỡng chúng ta. (2) Hoặc nó sẽ làm công việc cho chúng ta. (3) Dòng dõi gia đình sẽ được mở rộng. (4) Nó sẽ coi quản của thừa kế. (5) Hoặc chuyện khác, khi chúng ta qua đời, nó sẽ thay mặt chúng ta thực hiện việc cúng dường.’ Sau khi xem xét về năm triển vọng này, cha mẹ mong muốn

con trai được sinh ra trong gia đình.”

40 (10) Những Cây Sa-La⁸⁷⁶

“Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya (Hy mã Lạp sơn), vua của những ngọn núi, những cây sa-la to lớn lớn lên theo năm cách. Năm đó là gì? (1) Chúng lớn lên về cành, lá và tán lá; (2) chúng lớn lên về vỏ cây; (3) chúng lớn lên về chồi; (4) chúng lớn lên về gỗ mềm; (5) chúng lớn lên về gỗ lõi. Dựa trên núi Himalaya, vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo năm cách như vậy.

“Cũng giống như vậy, khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để lớn lên (trưởng thành, chín chắn) theo năm cách. Năm đó là gì? (1) Họ lớn lên về niềm-tin; (2) họ lớn lên về đức-hạnh; (3) họ lớn lên về sự học-hiểu; (4) họ lớn lên về sự bố-thí; và (5) họ lớn lên về trí-tuệ. Khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để lớn lên theo năm cách như vậy.”

[*Tiếp tục phần thi kệ giống hệt ở kinh 3:48.*]

NHÓM 5

VUA MUṄḌA

41 (1) Sử Dụng

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Anāthapiṇḍika] đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới

nói với ông:

“Này gia chủ, có năm sự sử dụng tài sản như vậy. Năm đó là gì?⁸⁷⁷

“Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm năm việc xứng đáng. Năm đó là gì?

(1) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó (*i*) làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó (*ii*) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (*iii*) làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là trường hợp thứ nhất tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn, được ứng dụng một cách hiệu quả, và được dùng cho một lý do xứng đáng.

(2) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là trường hợp thứ hai tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn ...

(3) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là trường hợp thứ ba tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn ...

(4) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng lễ: đối với những người thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là trường hợp thứ tư tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn....

(5) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện thiết lập một sự cúng dường cao thượng là cúng dường thức ăn cho những tu sĩ và những bà-la-môn là những người đã kiềm chế khỏi sự phù hoa và phóng túng, những người đã sống an định trong sự nhẫn nhịn và hiền từ, những người đã dồn hết mình vào việc (tu tập) để thuần hóa bản thân mình, làm tĩnh lặng bản thân mình, và để đạt tới Niết-bàn—đó là một sự cúng dường thuộc cõi trời (phạm trú thí), dẫn tới an lạc, dẫn tới (tái sinh) cõi trời. Đây là trường hợp thứ năm tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn, được ứng dụng một cách hiệu quả, và được dùng cho một lý do xứng đáng.

“Này gia chủ, đó là năm việc xứng đáng mà người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính

“Đối với ai chỉ biết tiêu dùng vào những mục đích khác ngoài năm việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó coi như đã bị tiêu xài uổng phí, bị lãng phí, và bị dùng một cách vô công ích. Nhưng đối với ai biết tiêu dùng tài sản vào năm việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó coi như đã được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn, được ứng dụng một cách hiệu quả, và được dùng cho lý do xứng đáng.”

[Tiếp tục phân thi kệ giống hệt ở kinh 4:61.]

42 (2) Người Tốt

“Này các Tỳ kheo, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình, điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc (1) của cha mẹ người đó, (2) của vợ và con cái của người đó, (3) của những nô bộc, người làm, và người hầu cận của người đó, (4) của bạn bè và đồng nghiệp của người đó, và (5) của những tu sĩ và bà-la-môn.

“Giống như đám mây (làm) mưa lớn sẽ tưới tốt những mùa màng, nó xuất hiện vì sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Cũng giống như vậy, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình, điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc (1) của cha mẹ người đó ... (5) của những tu sĩ và bà-la-môn.”

Những thiên thần phò hộ người được phò hộ
bởi Giáo Pháp,⁸⁷⁸

Người đã biết quản lý tài sản vì phúc lợi của nhiều người.
Tiếng tốt không bỏ người kiên định trong Giáo Pháp,
Người có học-hiểu và có giới-hạnh và giữ giới.

Ai xứng đáng để chê trách người đó,
Người đứng vững trong Giáo Pháp,
Đã hoàn thiện giới-hạnh,
Là người nói sự thật,
Biết cảm nhận sự xấu-hỗ,
[tinh khiết] như đồng tiền làm từ vàng tinh?
Những thiên thần còn khen ngợi người đó;
Trời Brahmā cũng khen ngợi người đó.

43 (3) Người Tốt

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Anāthapiṇḍika] đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với ông:

“Này gia chủ, có năm điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. Năm đó là gì? (1) Tuổi thọ là điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. (2) Sắc đẹp ... (3) Hạnh Phúc ... (4) Danh tiếng ... (5)

(Sự tái sinh trong) những cõi trời là điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian.⁸⁷⁹

“Này gia chủ, đây là năm điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian, ta nói vậy, không đạt được bằng những sự cầu nguyện hay ước nguyện. Nếu năm điều này thường được ước, được mong, và được muốn có thể đạt được bằng sự cầu nguyện hay ước nguyện, vậy thì ở đây có ai thiếu (khả năng đó) đâu? (ai cũng cầu được ước có, thì đâu cần phải nỗ lực tu hành mới được)

(1) “Này gia chủ, người đệ tử thánh mong muốn tuổi thọ không phải cầu nguyện, hay chỉ thích thú nó, hay [chỉ ngồi đó] khao khát nó là có được nó.⁸⁸⁰ Một đệ tử thánh thiện mong muốn tuổi thọ thì nên tu tập theo con đường đưa dẫn đến tuổi thọ.⁸⁸¹ Vì khi người đó tu tập con đường đưa dẫn tới tuổi thọ, nó sẽ dẫn tới đạt được tuổi thọ, và người đó sẽ đạt được tuổi thọ dù (sau này) ở cõi người hay cõi trời.

(2) “Này gia chủ, người đệ tử thánh thiện mong muốn sắc đẹp ... (3) ... mong muốn hạnh phúc ... (4) ... mong muốn danh tiếng ... (5) ... mong muốn những cõi trời thì không phải cầu nguyện, hay chỉ thích thú nó, hay [chỉ ngồi đó] khao khát nó là có được nó. Một đệ tử thánh thiện mong muốn sắc đẹp ... danh tiếng thì nên tu tập theo con đường đưa dẫn đến sắc đẹp ... danh tiếng. Vì khi người đó tu tập con đường đưa dẫn tới nó, nó sẽ dẫn tới đạt được nó, và người đó sẽ đạt được nó dù (sau này) ở cõi người hay cõi trời.

(5) “Này gia chủ, người đệ tử thánh thiện mong muốn (tái sinh trong) những cõi trời thì không phải cầu nguyện, hay chỉ thích thú nó, hay [chỉ ngồi đó] khao khát nó là có được nó. Một đệ tử thánh thiện mong muốn những cõi trời thì nên tu tập theo con đường đưa dẫn đến cõi trời. Vì khi người đó tu tập con đường đưa dẫn tới cõi trời, nó sẽ dẫn tới đạt được cõi trời, và người đó sẽ đạt được cõi trời.”⁸⁸²

Người ước được sống thọ, sắc đẹp, danh tiếng,⁸⁸³
Được vinh danh, được (tái sinh) trong cõi trời,
Trong những gia đình cao quý,
Và được hưởng những thú vui tiếp nối,
Thì chú tâm những điều công đức,
Mà những người hiền trí khen ngợi.

Nếu chú tâm làm những việc công đức,
Người khôn sẽ bảo đảm có được cả hai sự tốt:
Tốt lành trong kiếp này,
Và tốt lành trong kiếp sau.
Nhờ đạt được sự tốt lành,
Người ôn định đó được gọi là người có trí.

44 (4) Người Bỏ Thứ Những Thứ Đáng Thích

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới nơi ở của gia chủ Ugga ở thành Vesālī, tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ Ugga ở Vesālī đã ra gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: ‘Người bỏ thứ thứ tốt [đáng thích, dễ chịu] sẽ đạt được thứ tốt.’ Thưa Thế Tôn, cháo con nấu từ hoa sa-la là ngon. Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi mẫn.” Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi mẫn.

“Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: ‘Người bỏ thứ thứ tốt [đáng thích, dễ chịu] sẽ đạt được thứ tốt.’ Thưa Thế Tôn, phần thức ăn nấu với táo tàu ... phần rau xào ... phần cơm nấu từ gạo nương không có những hạt đen, ăn kèm mấy loại nước sốt

và gia vị là ngon. Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi mẫn.” Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi mẫn.

“Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: ‘Người bố thí thứ tốt [đáng thích, dễ chịu] sẽ đạt được thứ tốt.’ Thưa Thế Tôn, vải làm từ lụa Kāsi là êm ái. Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi mẫn.” Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi mẫn.

“Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: ‘Người bố thí thứ tốt [đáng thích, dễ chịu] sẽ đạt được thứ tốt.’ Thưa Thế Tôn, trường kỷ của con được trải bằng thảm, có chần mềm, và tấm phủ, có tấm phủ làm từ da linh dương, có mái che ở trên và có hai gối đỏ đặt ở hai đầu, là êm ái. Mặc dù con biết những thứ (cao sang) này không được dùng bởi đức Thế Tôn, tấm ván gỗ đàn hương này của con trị giá bạc ngàn.⁸⁸⁴ Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi mẫn.” Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi mẫn.

Rồi đức Thế Tôn đã nói lời cảm ơn với gia chủ Ugga ở Vesālī như vậy:

“Người bố thí thứ tốt thì sẽ nhận được thứ tốt,
 Khi người đó hết lòng cúng dường cho những bậc chánh trực,
 Vải vóc, chỗ nằm, thức ăn, thức uống,
 và những thứ nhu yếu khác.

“Sau khi đã biết những A-la-hán như ruộng phước,
 Để cho đi và cúng dường, chứ không giữ lại,⁸⁸⁵
 Người thiện cho đi thứ khó cho đi:
 Người bố thí thứ tốt thì sẽ nhận được thứ tốt.”

Rồi, sau khi đã nói lời cảm ơn với gia chủ Ugga ở Vesālī, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Rồi, vào một thời sau đó, gia chủ Ugga ở Vesālī đã qua đời. Sau khi chết, gia chủ Ugga ở Vesālī đã tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm.⁸⁸⁶

Rồi, trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, thiên thần trẻ Ugga, với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn của thái tử Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và đứng qua một bên. Đức Thế Tôn mới nói với vị thiên thần:

“Này tiên Ugga, ta hy vọng điều đó đúng như tiên đã mong ước.”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn, đúng như con đã mong ước.”

Rồi đức Thế Tôn đã đọc cho vị tiên trẻ Ugga những câu thi kệ sau đây:

“Người cho tặng những thứ đáng thích
Thì đạt được những thứ đáng thích;
Người cho những thứ quý nhất
Thì đạt được những thứ quý nhất;
Người cho những thứ hay nhất
Thì đạt được những thứ hay nhất;
Người cho những thứ tốt nhất
Thì đạt được trạng thái tốt nhất.

“Người cho thứ tốt nhất
Người cho thứ quý nhất
Người cho thứ hay nhất,
Thì sống trường thọ và danh tiếng,
Dù được tái sinh ở cõi nào.”⁸⁸⁷

45 (5) Những Dòng Phước Đức⁸⁸⁸

“Này các Tỳ kheo, có năm dòng chảy của phước đức, là những dòng chảy của thiện lành, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc

cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. Năm đó là gì?

“(1) Khi có một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô lượng trong khi đang sử dụng y-áo [đã được cúng dường cho mình], thì người [cúng dường] tích tạo được một dòng chảy của phước đức vô lượng, là một dòng chảy của thiện lành, một dưỡng chất của hạnh phúc ... dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. (2) Khi có một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô lượng trong khi đang sử dụng thức-ăn ... (3) chỗ trú-ở ... (4) ... chỗ-nằm và ghé-ngồi ... (5) thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh [đã được cúng dường cho mình], thì người [cúng dường] tích tạo được một dòng chảy của phước đức vô lượng, là một dòng chảy của thiện lành, một dưỡng chất của hạnh phúc ... dẫn tới ích lợi và hạnh phúc.

“Đây là năm dòng chảy của phước đức, là những dòng chảy của thiện lành, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc.

[Tiếp tục lời kinh và phần thi kệ y hệ kinh 4:51.]

46 (6) Những Thành Tựu

“Này các Tỳ kheo, có năm sự thành tựu này. Năm đó là gì? Thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về học-hiểu, thành tựu về bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. Đây là năm sự thành tựu.”

47 (7) Sự Giàu Có

“Này các Tỳ kheo, có năm sự giàu có này. Năm đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về học-hiểu, sự giàu

có về bố-thí, và sự giàu có về trí-tuệ. Đây là năm sự giàu có.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giàu có về niềm-tin? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là sự giàu có về niềm-tin.

(2) “Và cái gì là sự giàu có về giới-hạnh? Ở đây, một đệ tử thánh thiện không cữ sát sinh, không cữ gian cấp, không cữ tà dục tà dâm, không cữ nói láo nói sai, không cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là sự giàu có về giới-hạnh.

(3) “Và cái gì là sự giàu có về học-hiểu? Ở đây, một đệ tử thánh thiện đã học hiểu nhiều, ghi nhớ những điều đã học, và tích lũy những điều đã học. Những giáo lý đó là tốt lành từ lúc đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra tìm hiểu bằng tâm, và đã thâm nhập một cách khéo léo bằng chánh-kiến.⁸⁸⁹ Đây được gọi là sự giàu có về học-hiểu.

(4) “Và cái gì là sự giàu có về bố-thí? Ở đây, một đệ tử thánh thiện sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Đây được gọi là sự giàu có về bố-thí.

(5) “Và cái gì là sự giàu có về trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và sự

diệt, trí-tuệ đó là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới hoàn toàn diệt-khổ. Đây được gọi là sự giàu có về trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm loại sự giàu có.”

[*Tiếp tục phần thi kệ giống hệt như thi kệ ở kinh 4:52.*]⁸⁹⁰

48 (8) Những Tình Huống

“Này các Tỳ kheo, có năm tình huống không thể có được (đạt được) bởi một tu sĩ hay bà-la-môn, bởi một thiên thần, hay Ma-vương, hay trời Brahmā, hay bất kỳ ai trong thế gian. Năm đó là gì? (1) ‘Cầu mong thứ phải già mà không bị già!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn ... hay bất kỳ ai trong thế gian. (2) ‘Cầu mong thứ phải bệnh mà không bị bệnh!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn ... hay bất kỳ ai trong thế gian. (3) ‘Cầu mong thứ phải chết mà không bị chết!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn ... hay bất kỳ ai trong thế gian. (4) ‘Cầu mong thứ phải tàn hoại mà không tàn hoại!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn ... hay bất kỳ ai trong thế gian. (5) ‘Cầu mong thứ phải mất mà không bị mất!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn ... hay bất kỳ ai trong thế gian.

(1) “Này các Tỳ kheo, đối với người phạm phu không được chỉ dạy, thứ gì phải bị già thì sẽ già. Khi hiện thực này xảy ra, người đó không biết suy xét như vậy: ‘Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải bị già thì sẽ già. Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải bị già cũng sẽ già. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quần trí mỗi khi có thứ phải già mà già đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc

gì, kẻ thù ta thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn.’ Do không biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó cứ buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẫn trí. Đây được gọi là một người phàm phu không được chỉ dạy bị trúng mũi tên độc ưu-sầu, nó cứ làm đau đớn người đó.

(2) “Lại nữa, đối với người phàm phu không được chỉ dạy, thứ gì phải bệnh thì sẽ bệnh ... (3) thứ phải chết thì sẽ chết ... (4) thứ phải tàn hoại thì tàn hoại ... (5) thứ phải mất thì sẽ mất. Khi hiện thực này xảy ra, người đó không biết suy xét như vậy: ‘Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải bệnh thì sẽ bệnh ... Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải bệnh cũng sẽ bệnh. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẫn trí mỗi khi có thứ phải bị bệnh mà bệnh đau, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn.’ Do không biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải bệnh mà bệnh đau ... thứ phải mất mà mất, người đó cứ buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẫn trí. Đây được gọi là một người phàm phu không được chỉ dạy bị trúng mũi tên độc ưu-sầu, nó cứ làm đau đớn người đó.

(1) “Này các Tỷ kheo, đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, thứ gì phải già thì sẽ già. Khi hiện thực này xảy ra, người đó biết suy xét như vậy: ‘Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải bị già thì sẽ già. Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải bị già cũng sẽ già. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẫn trí mỗi khi có thứ phải già mà già đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn.’ Do biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó *không* buồn, sầu,

than khóc, đấm ngực, hay bị quần trí. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy đã nhỏ mũi tên độc ưu-sầu, mũi tên độc chỉ làm đau đốn người phạm phu không được chỉ dạy. Hết ưu sầu, hết mũi tên độc, vị đệ tử thánh thiện chứng ngộ Niết-bàn.

(2) “Lại nữa, đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, thứ gì phải bệnh thì sẽ bệnh ... (3) thứ phải chết thì sẽ chết ... (4) thứ phải tàn hoại thì sẽ tàn hoại ... (5) thứ phải mất thì sẽ mất. Khi hiện thực này xảy ra, người đó biết suy xét như vậy: ‘Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải bị già thì sẽ già. Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải bị già cũng sẽ già. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quần trí mỗi khi có thứ phải già mà già đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn.’ Do biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải bệnh mà bệnh ... thứ phải mất mà mất, người đó *không* buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quần trí. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy đã nhỏ mũi tên độc ưu-sầu, mũi tên độc chỉ làm đau đốn người phạm phu không được chỉ dạy. Hết ưu sầu, hết mũi tên độc, vị đệ tử thánh thiện chứng ngộ Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn, bởi một thiên thần, hay Ma-vương, hay trời Brahmā, hay bất kỳ ai trong thế gian.”

49 (9) Kosala

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tát-la) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống

một bên. [Bấy giờ, ngay lúc đó hoàng hậu Mallikā vừa mới chết.]⁸⁹¹ Có người đến gặp nhà vua và tâu nhỏ vào tai nhà vua rằng: “Thưa đại vương, hoàng hậu Mallikā mới chết rồi.” Khi điều này được nói ra, nhà vua vô cùng đau đớn và buồn bã, và vua ngồi đó với hai vai chùn xuống, mặt úp xuống, nhăn nhúm đau khổ, và không nói nên lời.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi biết được tình cảnh của nhà vua, mới nói với nhà vua:

“Này đại vương, có năm tình huống không thể có được (đạt được) bởi một tu sĩ hay bà-la-môn, bởi một thiên thần, hay Ma-vương, hay trời Brahmā, hay bất kỳ ai trong thế gian.”

[Phần còn lại giống hết kinh 5:48 kể trên.]

50 (10) Ngài Nārada

Trong một lần có Ngài Nārada đang sống ở Pāṭaliputta (Hoa Thị Thành) trong khu Vườn Gà. Bấy giờ, ngay lúc đó, có hoàng hậu Bhaddā của Vua Muṇḍa, rất được ông yêu quý, vừa mới chết. Vì cái chết của hoàng hậu, nhà vua không buồn tắm rửa, không xúc dầu, không ăn uống hay làm việc gì nữa. Suốt ngày và đêm, nhà vua chỉ lo nghĩ sầu nghĩ quẩn bên xác của hoàng hậu Bhaddā. Rồi nhà vua đã ra lệnh cho quan ngân khố là Piyaka:

“Này thiện thần Piyaka, hãy đặt xác của hoàng hậu trong một thùng sắt chứa đầy dầu và đóng kín nó trong một thùng sắt khác để chúng ta có thể nhìn thấy xác hoàng hậu được lâu hơn.”

“Dạ, thưa đại vương”, quan ngân khố Piyaka đáp lại. [Rồi ông làm theo yêu cầu của nhà vua ...]

Rồi ý nghĩ này xảy đến với vị quan ngân khố Piyaka: “Hoàng hậu Bhaddā của Vua Muṇḍa, rất được ông yêu quý, đã chết. Vì cái chết của hoàng hậu, nhà vua không buồn tắm rửa, không xúc dầu, không ăn uống

hay làm việc gì nữa. Suốt ngày và đêm, nhà vua chỉ lo nghĩ sâu nghĩ quần bên xác của hoàng hậu. Liệu có tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào để Vua Munḍa có thể đến thăm, để mà, sau khi nghe Giáo Pháp của vị ấy, nhà vua mới dẹp bỏ được mũi tên ưu sầu này?”

Rồi ý nghĩ này xảy đến với Piyaka: “Ngài Nārada hiện đang sống ở Pāṭaliputta, trong khu Vườn Gà. Hiện tin đồn tốt lành về Ngài Nārada đã được lan truyền như vậy: ‘Vị ấy là khôn trí, giỏi giang, thông minh, học hiểu nhiều, là người thuyết giảng hay khéo, có tài hùng biện, chín chắn, và là một A-la-hán.’ Giả sử Vua Munḍa đến thăm Ngài Nārada: có lẽ nếu nghe Giáo Pháp của Ngài Nārada, nhà vua có thể dẹp bỏ được mũi tên ưu sầu này.”

[Rồi vị quan đã trình bày lại ý nghĩ đó cho nhà vua ...] ... [Nhà vua nói:]

“Được, này thiện thần Piyaka, hãy thông báo cho Ngài Nārada. Và làm sao một người như ta nghĩ đến chuyện cứ đường đột đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn đang sống trong địa phận của vị ấy mà không thông báo trước cho vị ấy?”

“Dạ, thưa đại vương”, Piyaka đáp lại. [Rồi vị quan đã đến gặp thầy Nārada và báo lại toàn bộ tình huống cho thầy ấy biết ... và thầy Nārada nói:]

“Vậy mời Vua Munḍa cứ tùy tiện mà đến.”

[Rồi Piyaka kính lễ chào thầy Nārada, và về bẩm báo lại cho nhà vua như vậy ... Và nhà vua nói:]

“Vậy thì, thiện thần Piyaka, hãy cho chuẩn bị những cỗ xe ngựa tốt nhất!”

“Dạ, thưa đại vương”, Piyaka đáp lại. [Rồi ông làm theo yêu cầu của nhà vua ... và quay lại báo cho nhà vua là những cỗ xe đã chuẩn bị xong ...]

Rồi Vua Muṇḍa đã lên một cỗ xe đẹp, cùng với những xe khác, với toàn bộ uy nghi vương triều, lên đường tiến đến khu Vườn Gà để gặp thầy Nārada ... Nhà vua đến gặp và kính chào thầy Nārada, và ngồi xuống một bên. Thầy Nārada mới nói với nhà vua:

[Tiếp tục y hệt phần nội dung của kinh 5:48 ở trên.]

Sau khi những lời này được nói ra, Vua Muṇḍa đã hỏi thầy Nārada:

“Thưa Thầy, tên của bài thuyết giảng Giáo Pháp này là gì?”

“Đại vương, bài thuyết giảng Giáo Pháp này được đặt tên là ‘sự nhỏ bỏ mũi tên ưu-sầu’.”

“Chắc vậy rồi, thưa Thầy, đó chính là sự nhỏ bỏ mũi tên ưu-sầu! Chắc vậy rồi, thưa Thầy, đó chính là sự nhỏ bỏ mũi tên ưu-sầu! Sau khi nghe bài thuyết giảng Giáo Pháp này, tôi đã dẹp bỏ mũi tên ưu-sầu.”

Rồi Vua Muṇḍa mới nói với quan ngân khố Piyaka: “Vậy là, này thiện thần Piyaka, hãy cho thiêu xác của hoàng hậu Bhaddā đi, và xây một đồi đất (núi lăng mộ, như bảo tháp) để tưởng niệm về hoàng hậu. Từ bữa nay ta sẽ tắm rửa lại, và xúc dầu, và ăn uống đầy đủ các bữa, và làm những công việc của ta.”

[Năm Mười Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1

NHỮNG CHƯỚNG NGẠI

51 (1) Những Trở Ngại

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có năm sự trở ngại, là những chướng ngại (triền cái), là những sự cản trở của tâm, là những trạng thái làm suy yếu trí-tuệ. Năm đó là gì? (1) Tham-dục là một sự trở ngại, là một chướng ngại, là một sự cản trở của tâm, là một trạng thái làm suy yếu trí-tuệ. (2) Ác-ý ... (3) Sự buồn-ngủ và đờ-đẫn ... (4) Sự bất-an và hối-tiếc ... (5) Nghi-ngờ là một sự trở ngại, là một chướng ngại ... làm suy yếu trí-tuệ. Đây là năm sự trở ngại, là những chướng ngại ... làm suy yếu trí-tuệ.

(I) “Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ năm sự trở ngại đó, là những chướng ngại ... làm suy yếu trí-tuệ, thì không thể nào một Tỳ kheo, với trí-tuệ thiếu lực và yếu ớt, có thể biết được điều gì tốt lành của chính mình, điều tốt lành của người khác, hay điều tốt lành cho cả

mình và người, hay có thể chứng ngộ được sự khác-biệt siêu nhân nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của bậc thánh.

“Giả sử có con sông chảy từ trên núi, chảy đi xa, với dòng chảy xiết, cuốn theo mọi thứ trôi nổi. Rồi đến một chỗ hai bên bờ người ta đào những kênh thủy lợi. Trong trường hợp này, dòng chảy thẳng giữa sông sẽ bị phân tán, lan tràn, và bị chia hướng, cho nên dòng sông không còn chảy xa đến đâu, không còn chảy xiết, không còn cuốn đi nhiều thứ trôi nổi. Cũng giống như vậy, nếu không dẹp bỏ năm sự trở ngại, là những chướng ngại ... thì không thể nào một Tỳ kheo ... có thể chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của bậc thánh nhân.

(II) “Nhưng, này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ năm sự trở ngại đó, là những chướng ngại ... làm suy yếu trí-tuệ, thì một Tỳ kheo, với trí-tuệ mạnh mẽ, có thể biết được điều gì tốt lành của chính mình, điều tốt lành của người khác, và điều tốt lành cho cả mình và người, và có thể chứng ngộ được sự khác-biệt siêu nhân về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của bậc thánh hiền.

“Giả sử có con sông chảy từ trên núi, chảy đi xa, với dòng chảy xiết, cuốn theo mọi thứ trôi nổi. Rồi người ta đóng chặn tất cả những kênh thủy lợi ở hai bên bờ sông. Trong trường hợp này, dòng chảy thẳng giữa sông sẽ không bị phân tán, lan tràn, hay bị chia hướng, cho nên dòng sông có thể chảy đi xa, chảy xiết, và cuốn đi mọi thứ trôi nổi. Cũng giống như vậy, sau khi đã dẹp bỏ năm sự trở ngại, là những chướng ngại ... thì một Tỳ kheo ... có thể chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của bậc thánh nhân.”

52 (2) Một Đổng

“Này các Tỳ kheo, nếu ai nói ‘một đổng bất thiện chính là năm chướng-ngại (triền cái)’ thì đó là người nói một cách đúng đắn.⁸⁹² Vì

năm chướng-ngại là cả một đồng bất thiện. Năm đó là gì? Chướng ngại tham-dục, chướng ngại ác-ý, chướng ngại buồn-ngủ và đờ-đần, chướng ngại bất-an và hối-tiếc, chướng ngại nghi-ngờ. Nếu ai nói ‘một đồng bất thiện chính là năm chướng-ngại’ thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi năm chướng-ngại là cả một đồng bất thiện.”

53 (3) Những Yếu Tố

“Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố này trợ giúp sự phán-đầu tu tập (tinh cần). Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’

(2) “Người đó hiếm khi bị bệnh hay đau yếu, thậm chí còn có được hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng mà vừa phải và thích hợp cho sự phán-đầu.

(3) “Người đó chân thật và cởi mở, người thể hiện đúng như bản thân mình đối với vị Sư Thầy và những đồng đạo trí hiền của mình.

(4) “Người đó đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện lành; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố gắng, không xao lãng bản thân khỏi bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện.

(5) “Người đó là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm yếu tố trợ giúp cho sự phán-đầu tu

tập.”

54 (4) Những Thời

(I) “Này các Tỳ kheo, có năm thời bất lợi cho sự phẩn-đầu tu tập (tinh cần). Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo bị già, bị khuất khục bởi sự già yếu. Đây là thời thứ nhất bất lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

(2) “Thêm nữa, một Tỳ kheo bị bệnh, bị khuất khục bởi bệnh đau. Đây là thời thứ hai bất lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

(3) “Thêm nữa, khi có nạn đói, mùa màng thất bát, là thời khó có được thức ăn cúng dường, và không dễ sống qua ngày bằng cách khát thực chỗ này chỗ nọ.⁸⁹³ Đây là thời thứ ba bất lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

(4) “Thêm nữa, khi có bạo loạn giặc giã, mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Đây là thời thứ tư bất lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

(5) “Thêm nữa, khi có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, và khi đó có những sự sỉ nhục lẫn nhau, chửi bới lẫn nhau, chê bai lẫn nhau, và từ chối lẫn nhau. Lúc đó những người chưa có sự tự-tin càng không đạt được sự tự-tin, những người có sự tự-tin thì thay đổi tâm ý. Đây là thời thứ năm bất lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

“Đây là năm thời bất lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

(II) “Này các Tỳ kheo, có năm thời thuận lợi cho sự phẩn-đầu tu tập. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo còn trẻ, là người chân tóc còn đen được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời. Đây là thời thứ nhất thuận lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

(2) “Thêm nữa, một Tỷ kheo hiếm khi bị bệnh hay đau yếu, thậm chí còn có được hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng mà vừa phải và thích hợp cho sự phẩn-đầu. Đây là thời thứ hai thuận lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

(3) “Thêm nữa, thời thức ăn có nhiều; khi có mùa màng bội thu và thức ăn cúng dường có nhiều, cho nên người tu dễ sống qua ngày bằng cách đi khát thực chỗ này chỗ nọ. Đây là thời thứ ba thuận lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

(4) “Thêm nữa, khi mọi người dân sống trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không tranh chấp, hòa hiên với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng ánh mắt thân từ. Đây là thời thứ tư thuận lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

(5) “Thêm nữa, Tăng Đoàn sống một cách an lành—trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không tranh chấp, cùng chung một tiếng nói. Khi Tăng Đoàn sống một cách hòa hảo, không có sự sỉ nhục lẫn nhau, không chửi bới lẫn nhau, không lăng mạ lẫn nhau, và không từ chối lẫn nhau. Lúc đó những người chưa có sự tự-tin thì đạt được sự tự-tin, và những người đã có sự tự-tin càng gia tăng [sự tự-tin của họ]. Đây là thời thứ năm thuận lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.

“Đây là năm thời thuận lợi cho sự phẩn-đầu tu tập.”

55 (5) Mẹ Và Con

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có một người mẹ và con trai, là một Tỷ kheo ni và một Tỷ kheo, đã nhập kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở vùng Sāvathī. Họ thường muốn gặp thăm nhau, người mẹ hay muốn gặp con, và người con hay muốn gặp mẹ. Vì họ thường gặp gỡ thăm nhau, nên

hình thành một sự gắn kết như ràng buộc; do có sự ràng buộc, nên sự thân mật càng khởi sinh; do có sự thân mật, nên có sự khơi mào (mở đầu, phát sinh) nhục dục.⁸⁹⁴ Với tâm của họ bị dính bởi nhục dục, khi vẫn chưa tuyên bố điểm yếu của mình và bỏ tu hoàn tục (sự mất khả năng tu tiếp), họ lại có quan hệ tính dục với nhau.⁸⁹⁵

Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn sự việc đã xảy ra. [Đức Thế Tôn nói:]

“Này các Tỳ kheo, có phải kẻ ngu đó từng nghĩ rằng: ‘Một người mẹ không ái tình với con trai, hoặc con trai không ái tình với người mẹ’?”

(1) “Này các Tỳ kheo, ta không thấy riêng một thứ thể-sắc nào khêu gợi, gợi dục, làm say sưa, quyến rũ (hốt hồn), làm mê đắm và là thứ nhiều trở ngại cho sự đạt tới ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’ cho bằng thân sắc của phụ nữ. Những chúng sinh có nhục dục với thân sắc phụ nữ—thèm khát, dính chặt trong đó, mê muội, và bị đắm chìm trong đó một cách mù quáng⁸⁹⁶—là sự ưu-sầu dai dẳng dưới uy lực điều khiển của thân sắc phụ nữ.

(2) “Ta không thấy riêng một thứ âm-thanh nào ... (3) ... một thứ mùi-hương nào ... (4) ... một thứ mùi-vị nào ... (5) ... một thứ chạm-xúc nào khêu gợi, gợi dục, làm say sưa, quyến rũ (hốt hồn), làm mê đắm và là thứ nhiều trở ngại cho sự đạt tới ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’ cho bằng âm-thanh của phụ nữ ... sự chạm-xúc phụ nữ. Những chúng sinh có nhục dục với âm-thanh của phụ nữ ... sự chạm-xúc phụ nữ—thèm khát, dính chặt trong đó, mê muội, và bị đắm chìm trong đó một cách mù quáng—là sự ưu-sầu dai dẳng dưới uy lực điều khiển của những âm-thanh ... sự chạm-xúc phụ nữ.

“Này các Tỳ kheo, khi bước đi, phụ nữ ám muội cái tâm của nam nhân; khi ngồi ... khi nằm ... khi cười ... khi nói ... khi ca hát ... khi

khóc, phụ nữ đều ám muội cái tâm của nam nhân. Ngay cả khi (thân) bị trương phình, phụ nữ cũng ám muội cái tâm của nam nhân.⁸⁹⁷ Thậm chí khi chết, phụ nữ cũng ám muội cái tâm của nam nhân. Nay các Tỳ kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn nói về thứ gì là ‘toàn bộ là cái bẫy của Ma-vương’ thì đó rõ ràng là phụ nữ người đó nói như vậy.”

Thà nói chuyện với kẻ ác sát nhân,
Thà nói chuyện với quỷ dữ,
Thà đến gần một con rắn có thể bị cắn chết;
Nhưng một mình nói chuyện với một phụ nữ,
Thì không bao giờ làm.

Họ trói buộc tâm ngu mờ của nam nhân,
Ngay khi mới liếc nhìn, ngay khi mới mỉm cười,
Ngay khi áo quần hở hang, và khi nói lời êm dịu.
Không an toàn khi tiếp cận với phụ nữ
Ngay cả khi (thân) người đó bị sinh lên hay đã chết.

Năm đối-tượng nhục-dục này,
Được tìm thấy trong thân thể phụ nữ:
Hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị,
Và những sự chạm xúc sung sướng.

Những ai bị cuốn theo cơn lũ nhục dục,
Ai không hoàn-toàn hiểu những khoái lạc giác quan,
Là đã lao đầu vào trong (biển) luân hồi [saṃsāra],
[vào trong] thời kiếp, nơi đến, và những sự hiện-hữu khác nhau,
(Từ sự hiện hữu này đến sự hiện hữu khác)⁸⁹⁸

Nhưng ai đã hoàn-toàn hiểu những khoái lạc giác quan,
Thì sống không còn sợ hãi từ bất cứ phương nào.
Sau khi đã phá diệt những ô-nhiễm,
Khi còn đang ở trong thế gian, họ đã vượt thoát khỏi thế gian.

56 (6) Vị Thầy Hướng Dẫn

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp vị thầy hướng dẫn của mình, và thưa:

“Thưa thầy, thân của con giống như bị chuốc thuốc (mê, độc), con trở nên mất phương hướng, và những giáo lý không còn rõ ràng đối với con nữa. Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ám muội tâm con. Con sống đời sống tâm linh không mãn lòng, và có sự nghi-ngờ về những giáo lý.”

Rồi vị thầy hướng dẫn đã dắt học trò của mình đến gặp đức Thế Tôn. Vị thầy kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn những điều người học trò đã nói. [Đức Thế Tôn nói:]

“Đúng như vậy, này Tỳ kheo (nói với người học trò)! (1) Khi người tu không phòng hộ ngay cửa của các giác-quan [các căn cảm nhận]; (2) không tiết độ trong ăn uống; (3) và không hướng tâm (chú ý, chú tâm) đến sự tỉnh thức; (4) khi người tu thiếu sự minh-sát (thiền quán) nhìn vào những phẩm chất thiện lành; (5) và không sống với ý-định hướng tới sự cố gắng tu tập ‘những phần tu trợ giúp giác ngộ’ trong những canh đầu và canh cuối vào ban đêm, thì thân người tu giống như bị chuốc thuốc, người đó trở nên mất phương hướng, và những giáo lý không còn rõ ràng đối với người đó nữa. Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ám muội tâm người đó. Người đó sống đời sống tâm linh không mãn lòng, và có sự nghi-ngờ về những giáo lý.

“Do vậy, này Tỳ kheo, thầy nên tu tập bản thân như vậy: (1) ‘Ta sẽ phòng hộ các cửa của các giác quan; (2) ăn uống điều độ; (3) và chú ý đến sự tỉnh thức; (4) Ta sẽ có sự minh-sát nhìn vào những phẩm chất thiện lành; (5) và sẽ sống với ý-định hướng tới sự cố gắng tu tập những phần tu trợ giúp giác ngộ trong những canh đầu và canh cuối vào ban đêm.’ Này Tỳ kheo, thầy nên tu tập bản thân theo cách như vậy.”

Rồi, sau khi nhận được lời khởi xướng như vậy từ đức Thế Tôn, vị Tỳ kheo đó đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi về. Rồi, sau khi sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, chẳng bao lâu sau vị Tỳ kheo đó đã tự mình chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, đó là hoàn-tất tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vì ấy an trú trong đó. Người đó trực tiếp biết rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những A-la-hán. Rồi, sau khi đã thành một A-la-hán, vị Tỳ kheo đó mới đến gặp vị thầy hướng dẫn của mình và thưa: “Thưa thầy, thân con giờ không còn giống như bị chuốc thuốc, con đã trở nên có phương hướng đúng đắn, và những giáo lý đều rõ ràng đối với con. Sự buồn-ngủ và đờ-đẫn không còn ám muội tâm con. Con sống đời sống tâm linh một cách hoan hỷ, và không còn sự nghi-ngờ về những giáo lý.”

Rồi người thầy hướng dẫn lại dắt người học trò đến gặp đức Thế Tôn. Vị thầy kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn những điều người học trò đã nói. [Đức Thế Tôn nói:]

“Đúng như vậy, này Tỳ kheo! (1) Khi người tu phòng hộ ngay cửa của các giác quan [các căn cảm nhận]; (2) tiết độ trong ăn uống; (3) và hướng tâm (chú ý, chú tâm) đến sự tỉnh thức; (4) khi người tu có đủ sự minh-sát nhìn vào những phẩm chất thiện lành; (5) và sống với ý-định cố gắng tu tập ‘những phân tu trợ giúp giác ngộ’ trong những canh đầu và canh cuối vào ban đêm, thì thân người tu không còn giống như bị chuốc thuốc, người đó trở nên có phương hướng đúng đắn, và những giáo lý sẽ rõ ràng đối với người đó. Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ không ám muội tâm người đó. Người đó sống đời sống tâm linh một cách hoan

hỷ, và không còn sự nghi-ngờ về những giáo lý.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: (1) ‘Chúng ta sẽ phòng hộ các cửa của các giác quan; (2) tiết độ trong ăn uống; (3) và chú ý đến sự tỉnh thức; (4) Chúng ta sẽ có sự minh-sát nhìn vào những phẩm chất thiện lành; (5) và sẽ sống với ý-định hướng tới sự cố gắng tu tập ‘những phần tu trợ giúp giác ngộ’ trong những canh đầu và canh cuối vào ban đêm.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân theo cách như vậy.”

57 (7) Những Chủ Đề

“Này các Tỳ kheo, có năm chủ đề nên được thường xuyên quán chiếu (suy xét, quán niệm) bởi một người nữ hay người nam, bởi một người tại gia hay người xuất gia. Năm đó là gì? (1) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vậy: ‘Ta phải bị già; ta không tránh khỏi già.’ (2) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vậy: ‘Ta phải bị bệnh; ta không tránh khỏi bệnh đau.’ (3) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vậy: ‘Ta phải bị chết; ta không tránh khỏi chết.’ (4) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vậy: ‘Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý.’ (5) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vậy: ‘Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương dựa của ta; ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.’

(I) (1) “Vì lợi ích gì một người [nữ hay người nam, người tại gia hay người xuất gia] nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): ‘Ta phải bị già; ta không tránh khỏi già’? Thời còn trẻ chúng sinh bị say sưa (ỷ lại) với tuổi trẻ, và khi đang say sưa với tuổi trẻ của họ, họ dính vào những hành động, lời nói, và tâm ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự say sưa với tuổi trẻ sẽ

được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: ‘Ta phải bị già; ta không tránh khỏi già’

(2) “Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): ‘Ta phải bị bệnh; ta không tránh khỏi bệnh đau’? Thời còn sức khỏe chúng sinh bị say sưa với sự khỏe mạnh, và khi đang say sưa với sự khỏe mạnh, họ dính vào những hành động, lời nói, và tâm ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự say sưa với sự khỏe mạnh sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: ‘Ta phải bị bệnh; ta không tránh khỏi bệnh đau’.

(3) “Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): ‘Ta phải bị chết; ta không tránh khỏi chết’? Thời đang còn sống chúng sinh bị say sưa với sự sống, và khi đang say sưa với sự sống, họ dính vào những hành động, lời nói, và tâm ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự say sưa với sự sống sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: ‘Ta phải bị chết; ta không tránh khỏi chết’.

(4) “Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): ‘Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý’? Chúng sinh có mong-muốn và tham-dục đối với những người và những thứ họ thương họ quý, và do bị kích thích bởi sự tham-dục đó, họ dính vào những hành động, lời nói, và tâm ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự mong-muốn và tham-dục đó sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: ‘Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý’.

(5) “Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): ‘Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có

nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương dựa của ta; ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.’? Người ta dính vào những hành động, lời nói, và tâm ý sai trái (ba dạng tà nghiệp). Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì những hành vi (nghiệp) sai trái đó sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: ‘Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương dựa của ta; ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.’

(II) (1) “Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vậy: ‘Đâu chỉ mình ta phải bị già, không tránh được già. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị già; không ai thoát được già.’ Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, con đường đạo được khởi tạo. Người đó đi theo con đường đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ được phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) sẽ được búng bỏ.⁸⁹⁹

(2) “Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vậy: ‘Đâu chỉ mình ta phải bị bệnh, không tránh được bệnh đau. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị bệnh; không ai thoát được bệnh đau.’ Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, con đường đạo được khởi tạo. Người đó đi theo con đường đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm sẽ được phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm-ẩn sẽ được búng bỏ.

(3) “Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vậy: ‘Đâu chỉ mình ta phải bị chết, không tránh được chết. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị chết; không ai thoát được chết.’ Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, con đường

đạo được khởi tạo. Người đó đi theo con đường đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm sẽ được phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm-ẩn sẽ được bùng bỏ.

(4) “Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vậy: ‘Đâu chỉ mình ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương quý. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ họ thương họ quý.’ Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, con đường đạo được khởi tạo. Người đó đi theo con đường đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm sẽ được phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm-ẩn sẽ được bùng bỏ.

(5) “Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vậy: ‘Đâu chỉ mình ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; đâu chỉ mình ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương dựa của ta; đâu chỉ mình ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.’ Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, con đường đạo được khởi tạo. Người đó đi theo con đường đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm sẽ được phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm-ẩn sẽ được bùng bỏ.

“Mọi người thế gian phải bị bệnh,⁹⁰⁰

Bị già, bị chết,

Đó là lẽ tự nhiên,

Nhưng người phạm phu thì cảm thấy ghê sợ.

“Ta sẽ thật vô lý:

Nếu ta cảm thấy ghê sợ ghê tởm,

Với những chúng sinh mang bản chất đó,

Vì ta cũng mang bản chất như vậy mà.

“Trong khi ta đang sống như vậy,
Sau khi đã biết được trạng thái ‘không còn chấp-thủ’,
Ta đã vượt qua tất cả mọi sự say sưa phù phiếm—
Sự say sưa với tuổi trẻ, với sức khỏe, và với sự sống—
Sau khi ta đã nhìn thấy sự an-toàn trong sự từ-bỏ.

“Nhiệt huyết đó đã khởi sinh trong ta,
Ngay khi ta thấy rõ Niết-bàn.
Giờ ta không thể nào còn mê đắm say sưa
Trong những khoái lạc giác quan.
Nhờ có đời sống tâm linh,
Ta chẳng bao giờ quay lại (tái sinh).”

58 (8) Thanh Niên Licchavi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô thành để khát thực. Sau khi đã đi khát thực trong thành Vesālī và trở về sau một vòng đi khát thực, đức Thế Tôn đi vô khu Rừng Lớn và ngồi xuống một gốc cây để an trú qua ngày. Bảy giờ, vào lúc đó có một số thanh niên người Licchavi cầm cung tên đang đi quanh trong khu Rừng Lớn, có dẫn theo một bày chó, lúc đó họ nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây để an trú qua ngày. Khi họ nhìn thấy đức Thế Tôn, họ bỏ cung tên xuống, đuổi bày chó đi qua một bên, và đến gặp đức Thế Tôn. Họ kính chào đức Thế Tôn và đứng im lặng chấp hai tay để kính lễ.

Lúc đó có một thanh niên người Licchavi tên là Mahānāma (Đại Danh) cũng đang đi dạo bộ quanh trong khu Rừng Lớn, lúc đó anh ta nhìn thấy nhóm thanh niên Licchavi đang đứng im lặng chấp hai tay để kính lễ. Rồi anh ta cũng đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và tự cảm hứng thốt ra như vậy: “Họ sẽ là người Vajji! Họ sẽ

là người Vajji! (Bạt-kỳ)”

[Đức Thế Tôn nói:] “Nhưng này Mahānāma, tại sao anh nói: ‘Họ sẽ là người Vajji! Họ sẽ là người Vajji!’?”

“Thưa Thế Tôn, những thanh niên Licchavi này là bạo lực, côn đồ, thô bạo. Khi các gia đình đang tặng quà bánh kẹo trái cây ... họ đến cướp giật và ngốn ăn hết. Họ còn đánh đập vào lưng các phụ nữ và con gái. Giờ ở đây họ đứng im lặng chấp hai tay để kính lễ đức Thế Tôn.”

“Này Mahānāma, anh có thể trông đợi sự tăng trưởng, không phải sự sa sút, khi anh tìm thấy năm phẩm chất trong bất kỳ người nào—cho dù người đó có là một vị vua giai cấp chiến-sĩ được phong vương, một người quyền thế của xứ sở, một tướng lĩnh quân đội, một người trưởng làng, một chủ bang hội, hay một lãnh chúa của nhiều họ tộc. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự nỗ lực phấn đấu, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính cha mẹ của mình. Cha mẹ người đó, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ thật lòng bi mẫn thương yêu người đó, họ nghĩ rằng: ‘Cầu mong con được sống lâu và sống thọ.’ Khi cha mẹ của một người họ tộc thật lòng bi mẫn yêu thương người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút.

(2) “Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự nỗ lực phấn đấu, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính vợ, con, nô bộc, người làm, người hầu của mình. Họ, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ thật lòng bi mẫn thương yêu người đó, họ nghĩ rằng: ‘Cầu mong ông ấy được sống lâu và sống thọ.’ Khi vợ, con, nô

bộ, người làm, người hầu của một người họ tộc thật lòng bi mẫn yêu thương người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút.

(3) “Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự nỗ lực phấn đấu, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người chủ của ruộng đất lán giềng và những người có làm ăn với mình. Họ, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ thật lòng bi mẫn thương yêu người đó, họ nghĩ rằng: ‘Cầu mong ông ấy được sống lâu và sống thọ.’ Khi những người chủ của ruộng đất lán giềng và những người có làm ăn của một người họ tộc thật lòng bi mẫn yêu thương người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút.

(4) “Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự nỗ lực phấn đấu, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những thiên thần phù hộ.⁹⁰¹ Những thiên thần, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ thật lòng bi mẫn thương yêu người đó, họ nghĩ rằng: ‘Cầu mong ông ta được sống lâu và sống thọ.’ Khi những thiên thần phù hộ thật lòng bi mẫn yêu thương người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút.

(5) “Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự nỗ lực phấn đấu, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những tu sĩ và bà-la-môn. Những tu sĩ và bà-la-môn, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ thật lòng bi mẫn thương yêu người đó, họ nghĩ rằng: ‘Cầu mong ông ta được sống lâu và sống thọ.’ Khi những tu sĩ và bà-la-môn thật lòng bi mẫn yêu thương người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút.”

59 (9) Xuất Gia Lúc Tuổi Già (1)

“Này các Tỳ kheo, hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già mà có được năm phẩm chất. Năm đó là gì? Hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già (1) là người tinh tế; (2) là người có tư cách đứng đắn; (3) là người có học hiểu; (4) là người có thể thuyết giảng Giáo Pháp; và (5) là người thiện thảo về giới-luật. Hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già mà có được năm phẩm chất này.”

60 (10) Xuất Gia Lúc Tuổi Già (2)

“Này các Tỳ kheo, hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già mà có được năm phẩm chất. Năm đó là gì? Hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già (1) là người dễ tu sửa; (2) là người chắc chắn lưu giữ trong tâm những điều đã học hiểu; (3) là người chấp nhận những hướng dẫn chỉ thị một cách tôn trọng (từ sư huynh, đạo hữu, giáo thọ); (4) Là người có thể thuyết giảng Giáo Pháp; và (5) là người thiện thảo về giới-luật. Hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già mà có được năm phẩm chất này.”

NHÓM 2

NHỮNG NHẬN THỨC

61 (1) Những Nhận Thức (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung kết của chúng. Năm đó là gì? Nhận-thức

về sự không hấp-dẫn (của thân), nhận-thức về sự chết, nhận-thức về sự nguy-hại, nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, và nhận-thức về sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn bộ thể gian.⁹⁰² Năm nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung kết của chúng.”

62 (2) Những Nhận Thức (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung kết của chúng nó. Năm đó là gì? Nhận-thức về tính vô-thường, nhận-thức về tính vô-ngã,⁹⁰³ nhận-thức về sự chết, nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, và nhận-thức về sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn bộ thể gian. Năm nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung kết của chúng.”

63 (3) Tăng Trưởng (1)

“Này các Tỳ kheo, tăng trưởng theo năm cách là một nam đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này. Năm đó là gì? Người đó tăng trưởng về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, bố-thí, và trí-tuệ. Tăng trưởng theo năm cách này là một nam đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này.”

Người tăng trưởng về niềm-tin,
Và giới-hạnh, về trí-tuệ, về bố-thí và về sự học-hiểu—
Một người siêu nhân thấy biết như vậy,
Hấp thu cho mình tinh túy của kiếp này.

64 (4) Tăng Trưởng (2)

“Này các Tỳ kheo, tăng trưởng theo năm cách là một nữ đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này. Năm đó là gì? Người đó tăng trưởng về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ. Tăng trưởng theo năm cách này là một nữ đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này.”

Người tăng trưởng về niềm-tin,
 Và giới-hạnh, về trí-tuệ, về bố-thí và về sự học-hiểu—
 Một nữ đệ tử tại gia đức hạnh như vậy,
 Hấp thu cho mình tinh túy của kiếp này.

65 (5) Đàm Đạo

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được năm phẩm chất thì thích hợp để những Tỳ kheo đồng đạo có thể đàm đạo với người đó. Năm đó là gì?

(1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về giới-hạnh. (2) Người đó tự mình thành tựu về thiên-định, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về thiên-định. (3) Người đó tự mình thành tựu về trí-tuệ, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về trí-tuệ. (4) Người đó tự mình thành tựu sự giải-thoát, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về sự giải-thoát. (5) Người đó tự mình thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về trí-

biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

66 (6) *Sống Chung*

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được năm phẩm chất thì thích hợp để những Tỳ kheo đồng đạo có thể sống cùng với người đó.⁹⁰⁴ Năm đó là gì?

(1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về giới-hạnh. (2) Người đó tự mình thành tựu về thiền-định, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về thiền-định. (3) Người đó tự mình thành tựu về trí-tuệ, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về trí-tuệ. (4) Người đó tự mình thành tựu sự giải-thoát, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về sự giải-thoát. (5) Người đó tự mình thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

67 (7) *Những Cơ Sở Thần Thông (1)*

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tu tập và tu dưỡng năm điều, thì có thể trông đợi một trong hai đạo quả là: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn chút tàn dư hơi hướng, là trạng thái thánh quả Bất-lai. Năm đó là gì?

“(1) Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ-sở (để đạt tới) thần-thông [năng lực tâm linh] có được sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (tâm nguyện) và những hành vi phẩn-đầu (tinh cần). (2) Người đó tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) và những hành vi phẩn-đầu. (3) Người đó tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ *tâm*

và những hành vi phẩn-đầu. (4) Người đó tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những hành vi phẩn-đầu.⁹⁰⁵ (5) Riêng sự nhiệt-tâm là điều thứ năm.⁹⁰⁶

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tu tập và tu dưỡng năm điều này, thì có thể trông đợi một trong hai đạo quả là: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn chút tàn dư hơi hướng, là trạng thái thánh quả Bất-lai.”

68 (8) *Những Cơ Sở Thần Thông (2)*

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ hoàn toàn, ta đã tu tập và tu dưỡng năm điều. Năm đó là gì?

“(1) Ta tu tập cơ-sở (để đạt tới) thần-thông [năng lực tâm linh] có được sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (tâm nguyện) và những hành vi phẩn-đầu (tinh cần). (2) Ta tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) và những hành vi phẩn-đầu. (3) Ta tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ *tâm* và những hành vi phẩn-đầu. (4) Ta tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những hành vi phẩn-đầu. (5) Riêng sự nhiệt-tâm là điều thứ năm.

“Bởi vì ta đã tu tập và tu dưỡng những điều đó bằng (cùng với) sự nhiệt-tâm là điều thứ năm, nên do có sẵn một cơ sở thích hợp đó, ta đã có khả năng, bằng trí-biết trực-tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà ta hướng tâm mình tới đó.

“... [*Tiếp tục các đoạn (1) tới (6) y hệt như ở kinh 5:23 ở trên về sự hướng tâm mình tới 06 loại trí-biết (minh) được chứng ngộ.*]”

69 (9) Sự Không Còn Mê Thích

“Này các Tỳ kheo, có năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ nhất thiết dẫn tới sự không-còn mê-thích (tinh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực-tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo sống (1) quán xét (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn của thân, (2) nhận thức sự đáng ghê tởm của thức ăn, (3) nhận thức sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn bộ thể gian, (4) quán xét tính vô-thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi); và (5) người đó có sự nhận-thức về sự chết được thiết lập một cách vững chắc ở bên-trong (tâm). Đây là năm pháp tu, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ nhất thiết dẫn tới sự không-còn mê-thích (tinh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực-tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.”

70 (10) Sự Tiêu Diệt Những Ô Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo sống (1) quán xét (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn (ô uế) của thân, (2) nhận thức sự đáng kinh tởm của thức ăn, (3) nhận thức sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn bộ thể gian, (4) quán xét tính vô-thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi); và (5) người đó có sự nhận-thức về sự chết được thiết lập một cách vững chắc ở bên-trong (tâm). Đây là năm pháp tu, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

NHÓM 3

NHỮNG HIỂM HỌA TƯƠNG LAI

71 (1) *Sự Giải Thoát Của Tâm (1)*

“Này các Tỳ kheo, có năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ có sự giải-thoát của tâm là kết quả của chúng, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích lợi của chúng; chúng có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của chúng, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích lợi của chúng. Năm đó là gì?

“Ở đây, một Tỳ kheo sống (1) quán xét (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn (ô uế) của thân, (2) nhận thức sự đáng ghê tởm của thức ăn, (3) nhận thức sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn bộ thế gian, (4) quán xét tính vô-thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi); và (5) người đó có sự nhận-thức về sự chết được thiết lập một cách vững chắc ở bên-trong (tâm). Năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ có sự giải-thoát của tâm là kết quả của chúng, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích lợi của chúng; chúng có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của chúng, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích lợi của chúng.

“Khi một Tỳ kheo được giải-thoát trong tâm và được giải-thoát nhờ trí-tuệ, người đó được gọi là một Tỳ kheo đã xóa bỏ rào-cản, đã san bằng hào-sâu, đã búng nhổ trụ-đá; người không còn bị ách-khóa, bậc thánh thiện đã hạ bỏ cờ xí, đã đặt xuống gánh nặng, không còn hệ lụy.⁹⁰⁷

(a) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã xóa bỏ rào-cản? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ vô-minh, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã xóa bỏ rào-cản.

(b) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã san bằng hào-sâu? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự trôi dạt trong sự (tái) sinh vốn tạo ra sự hiện-hữu mới; người đó đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương

lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã san bằng hào-sâu.

(c) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã bứng nhổ trụ-đá? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ đục-vọng, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã bứng nhổ trụ-đá.

(d) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người không còn bị ách-khóa? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên), đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách nào là một Tỳ kheo đã không còn bị ách-khóa.

(d) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là bậc thánh thiện đã hạ bỏ cò xí, đã đặt xuống gánh nặng, không còn hệ lụy (đã thoát ly)? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo là bậc thánh thiện đã hạ bỏ cò xí, đã đặt xuống gánh nặng, không còn hệ lụy.”

72 (2) Sự Giải Thoát Của Tâm (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ có sự giải-thoát của tâm là kết quả của chúng, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích lợi của chúng; chúng có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của chúng, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích lợi của chúng. Năm đó là gì?

“Nhận-thức tính vô-thường, nhận-thức về sự khổ trong thứ vô thường, nhận-thức tính vô-ngã trong thứ vô thường, nhận-thức về sự dẹp-bỏ (buông bỏ, từ bỏ), nhận-thức về sự chán-bỏ.⁹⁰⁸ Năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ có sự giải-thoát của tâm là kết quả của

chúng, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích lợi của chúng; chúng có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của chúng, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích lợi của chúng.

“Khi một Tỳ kheo được giải-thoát trong tâm và được giải-thoát nhờ trí-tuệ, người đó được gọi là một Tỳ kheo đã xóa bỏ rào-cản, đã san bằng hào-sâu, đã bứng nhổ trụ-đá; người không còn bị ách-khóa, bậc thánh thiện đã hạ bỏ cờ xí, đã đặt xuống gánh nặng, không còn hệ lụy.

(a) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã xóa bỏ rào-cản? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ vô-minh, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã xóa bỏ rào-cản.

[Tiếp tục các đoạn (b), (c), (d), (e) như cuối kinh 5:71 kể trên.]

73 (3) Người Sống Trong Giáo Pháp (1)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Người sống trong Giáo Pháp, người sống trong Giáo Pháp’.⁹⁰⁹ Theo cách nào là một Tỳ kheo sống trong Giáo Pháp?”

(1) “Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo học Giáo Pháp—từ những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bản sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp—Người đó trải qua cả ngày chỉ lo học Giáo Pháp, nhưng lơ mắt sự tách-ly (ẩn dật) và không để dành bản thân cho (sự tu tập) sự tĩnh-lặng bên trong của tâm. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc học vấn, chứ không phải người sống trong Giáo Pháp.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho những người

khác một cách chi tiết mà mình đã nghe và đã học. Người đó trải qua cả ngày chỉ lo chỉ dạy về Giáo Pháp,⁹¹⁰ nhưng lơ mất sự tách-ly và không để dành bản thân cho sự tĩnh-lặng bên trong của tâm. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc chỉ dạy, chứ không phải người sống trong Giáo Pháp.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo tụng đọc Giáo Pháp một cách chi tiết mà mình đã nghe và đã học. Người đó trải qua cả ngày chỉ lo việc tụng đọc, nhưng lơ mất sự tách-ly và không để dành bản thân cho sự tĩnh-lặng bên trong của tâm. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc tụng đọc, chứ không phải người sống trong Giáo Pháp.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo suy ngẫm, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp mà mình đã nghe và đã học. Người đó trải qua cả ngày chỉ lo nghĩ suy về Giáo Pháp, nhưng lơ mất sự tách-ly và không để dành bản thân cho sự tĩnh-lặng bên trong của tâm. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc nghĩ suy, chứ không phải người sống trong Giáo Pháp.

(5) “Ở đây, một Tỳ kheo học Giáo Pháp—từ những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bản sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp—nhưng người đó không trải qua cả ngày chỉ lo việc học Giáo Pháp. Người đó không lơ mất sự tách-ly mà dành bản thân cho sự tĩnh-lặng bên trong của tâm.⁹¹¹ Chính theo cách này một Tỳ kheo là người sống trong Giáo Pháp.

“Nhu vậy, này Tỳ kheo, ta đã dạy cho thầy người bị cuốn hút trong sự học vấn, người bị cuốn hút trong sự chỉ dạy, người bị cuốn hút trong sự tụng đọc, người bị cuốn hút trong sự nghĩ suy, và người sống trong Giáo Pháp. Những gì cần phải làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn dành cho những đệ tử của mình, vì sự tìm kiếm phúc lợi

cho họ, thì ta đã làm xong đối với các thầy. Này các Tỳ kheo, ngoài này có những gốc cây, ngoài kia có những chòi trồng. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm phóng dật. Đừng để có lý do phải hối tiếc sau này. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

74 (4) Người Sống Trong Giáo Pháp (2)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Người sống trong Giáo Pháp, người sống trong Giáo Pháp’. Theo cách nào là một Tỳ kheo sống trong Giáo Pháp?”

(1) “Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo học Giáo Pháp—từ những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bồn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp—nhưng người đó không tiến xa hơn và không hiểu được ý nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ.⁹¹² Đây được gọi là một Tỳ kheo là người bị cuốn hút trong việc học vấn, chứ không phải người sống trong Giáo Pháp.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết mà mình đã nghe và đã học, nhưng người đó không tiến xa hơn và không hiểu được ý nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc chỉ dạy, chứ không phải người sống trong Giáo Pháp.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo tụng đọc Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết mà mình đã nghe và đã học, nhưng người đó không tiến xa hơn và không hiểu được ý nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc tụng đọc, chứ không

phải người sống trong Giáo Pháp.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo suy ngẫm, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp mà mình đã nghe và đã học, nhưng người đó không tiến xa hơn và không hiểu được ý nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc nghĩ suy, chứ không phải người sống trong Giáo Pháp.

(5) “Ở đây, một Tỳ kheo học Giáo Pháp—từ những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bản sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp— và người đó tiến xa hơn và hiểu được ý nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ. Chính theo cách này một Tỳ kheo là người sống trong Giáo Pháp.

“Như vậy, này Tỳ kheo, ta đã dạy cho thầy người bị cuốn hút trong sự học vấn, người bị cuốn hút trong sự chỉ dạy, người bị cuốn hút trong sự tụng đọc, người bị cuốn hút trong sự nghĩ suy, và người sống trong Giáo Pháp. Những gì cần phải làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn dành cho những đệ tử của mình, vì sự tìm kiếm phúc lợi cho họ, thì ta đã làm xong đối với các thầy. Này các Tỳ kheo, ngoài này có những gốc cây, ngoài kia có những chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm phóng dật. Đừng để có lý do phải hối tiếc sau này. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

75 (5) Những Chiến Binh (I)

(I) “Này các Tỳ kheo, có năm loại chiến binh được thấy có trong thế gian. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, có chiến binh khi nhìn thấy đám bụi mịt mù thì chùn bước, rùn chí, không dám xông trận.⁹¹³ Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ nhất thấy có trong thế gian.

(2) “Lại nữa, có chiến binh chịu được đám bụi mịt mù, nhưng khi nhìn thấy cờ xí (phe địch) thì chùn bước, rùn chí, không dám xông trận. Đây là chiến binh thứ hai thấy có trong thế gian.

(3) “Lại nữa, có chiến binh chịu được đám bụi mịt mù, cờ xí (phe địch), nhưng khi nghe tiếng la hét thì chùn bước, rùn chí, không dám xông trận. Đây là chiến binh thứ ba thấy có trong thế gian.

(4) “Lại nữa, có chiến binh chịu được đám bụi mịt mù, cờ xí (phe địch), tiếng la hét, nhưng khi bị đánh là bị thương hay chết. Đây là chiến binh thứ tư thấy có trong thế gian.

(5) “Lại nữa, có chiến binh chịu được đám bụi mịt mù, cờ xí (phe địch), tiếng la hét, và khi bị đánh là không bị thương hay chết. Sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Đây là chiến binh thứ năm thấy có trong thế gian.

“Đây là năm loại chiến binh được thấy có trong thế gian.

(II) “Cũng giống như vậy, có năm loại người giống năm loại chiến binh đó được thấy có trong số những Tỳ kheo. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, có Tỳ kheo khi nhìn thấy đám bụi mịt mù thì chùn bước, rùn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh (không tu nổi nữa). Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập [sự mất khả năng tu tiếp], bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Cái gì là đám bụi mịt mù đối với người đó? Tỳ kheo đó nghe ‘Trong làng nọ làng kia phụ nữ và thiếu nữ đẹp, hấp dẫn, duyên dáng, da dẻ tuyệt đẹp’. Sau khi nghe vậy, người đó chùn bước, rùn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Đây là đám bụi mù đối với người đó. Ta nói rằng, người này giống như loại chiến binh, khi nhìn thấy đám bụi mịt mù thì chùn

bước, rùn chí, không dám xông trận. Nay các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ nhất [giống một chiến binh] được thấy có trong số những Tỳ kheo.

(2) “Lại nữa, có Tỳ kheo có thể chịu được đám bụi mù, nhưng khi nhìn thấy cò xí thì chùn bước, rùn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Cái gì là cò xí đối với người đó? Tỳ kheo đó không nghe ‘Trong làng nọ làng kia phụ nữ và thiếu nữ đẹp, hấp dẫn, duyên dáng, da dẻ tuyệt đẹp’ mà chính mình nhìn thấy phụ nữ và thiếu nữ đẹp, hấp dẫn, duyên dáng, da dẻ tuyệt đẹp. Sau khi nhìn thấy phụ nữ như vậy, người đó chùn bước, rùn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Đây là cò xí đối với người đó. Ta nói rằng, người này giống như loại chiến binh có thể chịu được đám bụi mù, nhưng khi nhìn thấy cò xí thì chùn bước, rùn chí, không dám xông trận. Nay các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ hai thấy có trong số những Tỳ kheo.

(3) “Lại nữa, có Tỳ kheo có thể chịu được đám bụi mù, cò xí, nhưng khi nghe tiếng la hét thì chùn bước, rùn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Cái gì là tiếng la hét đối với người đó? Khi Tỳ kheo đó đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một phụ nữ đến gần người đó, mỉm cười, tán gẫu với người đó, cười cợt người đó, và trêu chọc người đó thì chùn bước, rùn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Đây là tiếng la hét đối với người đó. Ta nói rằng, người này giống như loại chiến binh có thể chịu được đám bụi mù, cò xí, nhưng khi nghe tiếng la hét thì chùn bước, rùn chí, không dám xông trận. Nay các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ ba thấy có trong số những Tỳ kheo.

(4) Lại nữa, có Tỳ kheo có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, tiếng la hét, nhưng khi bị đánh thì bị thương hay chết. Cái gì là cú đánh đối với người đó? Khi Tỳ kheo đó đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một phụ nữ đến gần người đó, ngồi xuống hay nằm xuống bên cạnh, và ôm ấp người đó. Khi người phụ nữ làm vậy, người đó quan hệ tính dục với cô ta mặc dù vẫn chưa bỏ tu và chưa tuyên bố sự yếu nhược [mất khả năng tu tiếp] của mình. Đây là cú đánh đối với người đó. Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, tiếng la hét, nhưng khi bị đánh thì bị thương hay chết. Nay các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ tư thấy có trong số những Tỳ kheo.

(5) Lại nữa, có Tỳ kheo có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, tiếng la hét, và khi bị đánh không bị thương hay chết. Sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Cái gì là chiến thắng đối với người đó? Khi Tỳ kheo đó đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một phụ nữ đến gần người đó, ngồi xuống hay nằm xuống bên cạnh, và ôm ấp người đó. Nhưng người đó tự gỡ bản thân khỏi tình thế đó, giải thoát bản thân, và bỏ đi tới nơi mình muốn ở.

“Rồi, người đó lánh về nơi ở tách ly ẩn dật: như một chỗ trong rừng, chỗ một gốc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi thoáng đãng, một đồng rơm. Rồi, sau khi đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh-niệm ở trước mặt. (1) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó sống với một cái tâm không còn thèm-muốn; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-khát. (2) Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét (sân), người đó sống với một cái tâm không còn ác-ý, đầy bi mẫn đối với tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và thù-ghét. (3) Sau khi đã dẹp bỏ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, người đó

sống không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức ánh sáng, có chánh-niệm và có sự rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi buồn-ngủ và đờ-đẫn. (4) Sau khi đã dẹp bỏ sự bất-an và hối-tiếc, người đó sống không có sự khích-động, với một cái tâm hướng nội đầy bình-an; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. (5) Sau khi đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ, người đó sống vượt khỏi nghi-ngờ, không còn hoài nghi về những phẩm chất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

“Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại đó, là những ô-nhiễm của tâm vốn làm suy yếu trí-tuệ, và sau khi tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ... tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn khổ hay sướng, có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

“Khi tâm người đó đã được đạt-định theo cách này, được thanh lọc, được thanh tẩy, không uế nhiễm, không còn những ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ điều khiển, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận minh) Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm dứt khổ’ ... ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc những ô-nhiễm’ ... ‘Đây là sự chấm dứt những ô-nhiễm’ ... ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm’. Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm của người đó sẽ được giải thoát khỏi ô-nhiễm của (là) tham-dục, khỏi ô-nhiễm của sự hiện-hữu, và khỏi ô-nhiễm của vô-minh. Khi tâm được giải-thoát thì có sự hiểu-biết: ‘[Tâm] được giải-thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Đây là chiến-thắng

của người đó trong trận chiến.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, người này giống loại chiến binh có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, tiếng la hét, và bị đánh không bị thương hay chết, và người đó, sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ năm thấy có trong số những Tỳ kheo.

“Đây là năm loại người giống năm loại chiến binh được thấy có trong số những Tỳ kheo.”

76 (6) Những Chiến Binh (2)

(I) “Này các Tỳ kheo, có năm loại chiến binh này được thấy có trong thế gian. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, có chiến binh cầm kiếm và khiên, mang cung và giỏ tên, và xông vào trận chiến. Người đó cố gắng và nỗ lực hết sức, nhưng quân thù đã sát hại và kết liễu anh ta. Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ nhất thấy có trong thế gian.

(2) “Lại nữa, có chiến binh cầm kiếm và khiên, mang cung và giỏ tên, và xông vào trận chiến. Người đó cố gắng và nỗ lực hết sức, nhưng quân thù đã sát thương anh ta. [Những chiến hữu của người đó] đưa người đó ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta. Khi họ đang chở người đó đi, chưa kịp tới chỗ người thân, người đó đã chết dọc đường. Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ hai thấy có trong thế gian.

(3) “Lại nữa, có chiến binh cầm kiếm và khiên, mang cung và giỏ tên, và xông vào trận chiến. Người đó cố gắng và nỗ lực hết sức, nhưng quân thù đã sát thương anh ta. [Những chiến hữu của người đó] đưa người đó ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta. Những

người thân của anh lo chữa trị và chăm sóc cho anh, nhưng khi họ đang chăm sóc thì anh ta chết do vết thương nặng. Đây là các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ ba thấy có trong thế gian.

(4) “Lại nữa, có chiến binh cầm kiếm và khiêng, mang cung và giỏ tên, và xông vào trận chiến. Người đó cố gắng và nỗ lực hết sức, nhưng quân thù đã sát thương anh ta. [Những chiến hữu của người đó] đưa người đó ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta. Những người thân của anh lo chữa trị và chăm sóc cho anh, và kết quả là anh ta bình phục khỏi vết thương. Đây là các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ tư thấy có trong thế gian.

(5) “Lại nữa, có chiến binh cầm kiếm và khiêng, mang cung và giỏ tên, và xông vào trận chiến. Sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Đây là các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy ở đây. Đây là loại chiến binh thứ năm thấy có trong thế gian.

“Đây là năm loại chiến binh được thấy có trong thế gian.

(II) “Cũng giống như vậy, có năm loại người này giống năm loại chiến binh được thấy có trong số những Tỳ kheo. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, có Tỳ kheo sống nhờ vào một làng xóm hay thị trấn. Vào buổi sáng, người đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô làng hay thị trấn để khát thực, với thân, lời nói, và tâm không được phòng hộ, không thiết lập sự chánh-niệm, các căn cảm nhận (giác quan) không được kiểm chế. Tới đó nhìn thấy những phụ nữ ăn mặc hở hênh và hở hang. Khi nhìn thấy họ, nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với tâm bị chiếm ngự bởi nhục-dục, người đó quan hệ tính dục với họ khi chưa tuyên bố về sự yếu nhược của mình [sự mất khả năng tu tiếp] và bỏ tu. Ta nói rằng, người này giống như loại chiến binh cầm kiếm và khiêng ... xông vào trận chiến nhưng quân thù đã sát hại và kết liễu anh ta, trong khi anh ta đang cố gắng và nỗ lực trong trận chiến. Đây là các Tỳ

kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ nhất [giống một chiến binh] được thấy có trong số những Tỳ kheo.

(2) “Lại nữa, có Tỳ kheo sống nhờ vào một làng xóm hay thị trấn. Vào buổi sáng, người đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô làng hay thị trấn để khát thực ... Tới đó nhìn thấy những phụ nữ ăn mặc hờ hênh và hờ hang. Khi nhìn thấy họ, nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị chiếm ngự bởi nhục-dục, người đó đốt cháy về thân và về tâm [bằng con sốt của nhục-dục]. Người đó nghĩ: ‘Ta nên quay về tu viện (tịnh xá, chùa) và báo cho các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, tôi đã bị ám muội bởi nhục-dục, bị áp chế bởi nhục-dục. Tôi không thể tiếp tục gìn giữ đời sống tâm linh. Sau khi đã tuyên bố sự yếu nhược bất khả tu tiếp của tôi, tôi sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.”’ Trong khi người đó đang quay về tu viện, chưa kịp tới tu viện, người đó đã tuyên bố sự yếu nhược bất khả tu tiếp của người đó, và bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh cầm kiếm và khiêng ... xông vào trận chiến nhưng quân thù đã sát thương anh ta, trong khi anh ta đang cố gắng và nỗ lực trong trận chiến, và sau đó được đưa ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta, nhưng anh ta chết dọc đường trước khi tới chỗ người thân. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ hai thấy có trong số những Tỳ kheo.

(3) “Lại nữa, có Tỳ kheo sống nhờ vào một làng xóm hay thị trấn. Vào buổi sáng, người đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô làng hay thị trấn để khát thực ... Tới đó nhìn thấy những phụ nữ ăn mặc hờ hênh và hờ hang. Khi nhìn thấy họ, nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị chiếm ngự bởi nhục-dục, người đó đốt cháy về thân và về tâm [bằng con sốt của nhục-dục]. Người đó nghĩ: ‘Ta nên quay về tu viện (tịnh xá, chùa) và báo cho các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, tôi đã bị ám muội bởi nhục-dục, bị áp chế bởi nhục-dục. Tôi không thể tiếp tục gìn giữ đời sống tâm linh. Sau khi đã tuyên bố sự yếu nhược

bất khả tu tiếp của tôi, tôi sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.” Người đó về tới tu viện và thông báo cho các Tỷ kheo (về lý do và quyết định như trên của mình). Rồi những Tỷ kheo đồng đạo khởi xướng và chỉ dẫn cho người đó: ‘Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã tuyên thuyết rằng những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) chỉ mang lại chút ít sự thỏa-thích, mà nhiều khổ-đau và thống-khổ, và rằng sự nguy-hại trong chúng thì nhiều hơn.⁹¹⁴ Với ví dụ về bộ xương, đức Thế Tôn đã tuyên thuyết rằng những khoái-lạc giác-quan chỉ mang lại chút ít sự thỏa-thích [vị ngọt], nhiều khổ-đau và thống-khổ, và sự nguy-hại trong chúng thì nhiều hơn. Với ví dụ về miếng thịt ... Với ví dụ về ngon thuốc làm bằng cỏ khô ... Với ví dụ về hồ than đang cháy ... Với ví dụ về giấc mộng ... Với ví dụ về những thứ mình mượn ... Với ví dụ về những trái quả trên cây ... Với ví dụ về Với ví dụ về dao và thớt của người hàng thịt ... Với ví dụ về thanh kiếm cắm cọc ... Với ví dụ về đầu con rắn, đức Thế Tôn đã tuyên thuyết rằng những khoái-lạc giác-quan chỉ mang lại chút ít sự thỏa-thích, nhiều khổ-đau và thống-khổ, và sự nguy-hại trong chúng thì nhiều hơn. Hãy vui thích đời sống tâm linh (tu hành, phạm hạnh). Đừng có nghĩ chuyện mình bất khả tu tiếp, rồi bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục.’ Trong khi người đó đang được khởi xướng và chỉ dẫn theo cách như vậy, người đó lại phản đối: ‘Này các thiện hữu, mặc dù đức Thế Tôn đã tuyên thuyết rằng những khoái-lạc giác-quan chỉ mang lại chút ít sự thỏa-thích, nhiều khổ-đau và thống-khổ, và sự nguy-hại trong chúng thì nhiều hơn, nhưng, tôi vẫn không thể tiếp tục duy trì đời sống tâm linh. Sau khi đã tuyên bố sự yếu nhược bất khả tu tiếp của mình, tôi sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.’ Và sau khi đã tuyên bố sự bất khả tu tiếp và bỏ tu, người đó quay lại đời sống thấp tục. Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh cầm kiếm và khiêng ... xông vào chiến trận nhưng bị quân thù sát thương, trong khi anh ta đang cố gắng và nỗ lực trong trận chiến, và sau đó được đưa ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta, họ đã lo trị và chăm sóc cho anh ta, nhưng anh ta chết do vết thương nặng. Này các Tỷ kheo, có người như vậy ở đây.

Đây là loại người thứ ba thấy có trong số những Tỳ kheo.

(4) “Lại nữa, có Tỳ kheo ... [*giống hệt đoạn (3) kể trên ... cho đến chỗ:*] ... Trong khi người đó đang được khởi xương và chỉ dẫn theo cách như vậy, người đó nói: ‘Này các đạo hữu, tôi sẽ cố gắng, tôi sẽ tiếp tục tu, tôi sẽ vui thích đời sống tâm linh [tu hành, phạm hạnh]. Tôi sẽ không nghĩ chuyện mình bất khả tu tiếp, rồi bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục.’ Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh cầm kiếm và khiêng ... xông vào chiến trận nhưng bị quân thù sát thương, trong khi anh ta đang cố gắng và nỗ lực trong trận chiến, và sau đó được đưa ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta, họ đã lo trị và chăm sóc cho anh ta, và sau đó anh ta bình phục khỏi vết thương. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ tư thấy có trong số những Tỳ kheo.

(5) “Lại nữa, có Tỳ kheo có Tỳ kheo sống nhờ vào một làng xóm hay thị trấn. Vào buổi sáng, người đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô làng hay thị trấn để khát thực, với thân, lời nói, và tâm được phòng hộ, sự chánh-niệm được thiết lập, các căn cảm nhận (giác quan) được kiểm chế. Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và tướng-nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thích-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập sự kiểm-chế nó; người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiểm-chế căn mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và tướng-nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn tai ... căn thân không được phòng hộ, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thích-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập sự

kiềm-chế nó; người đó phòng hộ căn tai ... căn tâm, người đó đảm nhận việc kiềm-chế căn tai ... căn tâm.

“Sau khi trở về sau một vòng đi khát thực, sau khi ăn trưa, người đó lánh về nơi ở tách ly ẩn dật: như một chỗ trong rừng, chỗ một gốc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi thoáng đãng, một đồng rơm. Rồi, sau khi đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh-niệm ở trước mặt. (1) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới ... [*tiếp tục đoạn y hết đoạn (5), phần (II) của kinh 5:75 kể trên ... cho đến chỗ:*] ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh cầm kiếm và khiêng ... xông vào trận chiến, và sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Đây các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ năm thấy có trong số những Tỳ kheo.

“Đây là năm loại người được thấy có trong số những Tỳ kheo.”

77 (7) Những Hiểm Họa Tương Lai (1)

“Đây các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống tu trong rừng suy xét về năm hiểm-họa tương lai là đủ để người đó sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo sống tu trong rừng quán chiếu như vậy: ‘Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng khi đang sống ở đây, biết đâu có thể rắn cắn ta, có thể bọ cạp chích ta, hay rết chích ta. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để

thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ nhất, suy xét về nó cũng đủ để một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

(2) “Thêm nữa, một Tỳ kheo sống tu trong rừng quán chiếu như vậy: ‘Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng khi đang sống ở đây, biết đâu có thể ta đi bị vấp té, hay có thể thức ăn ta ăn hại chết ta, hay có thể mật hay đờm hay gió độc bị kích động trong ta làm ta chết. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ hai, suy xét về nó cũng đủ để một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

(3) “Thêm nữa, một Tỳ kheo sống tu trong rừng quán chiếu như vậy: ‘Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng khi đang sống ở đây, biết đâu có thể ta gặp phải thú dữ như sư tử, cọp, báo, gấu, hay linh cẩu, và có thể chúng lấy mạng của ta. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ ba, suy xét về nó cũng đủ để một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

(4) “Thêm nữa, một Tỳ kheo sống tu trong rừng quán chiếu như vậy: ‘Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng khi đang sống ở đây, biết đâu có thể gặp phải những dân côn đồ đang trốn tội hoặc đang có ý đồ phạm tội, và có thể chúng lấy mạng của ta. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu

điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ tư, suy xét về nó cũng đủ để một Tỷ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

(5) “Thêm nữa, một Tỷ kheo sống tu trong rừng quán chiếu như vậy: ‘Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng trong rừng có những loài quỷ dữ phi nhân,⁹¹⁵ có thể chúng lấy mạng ta. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ năm, suy xét về nó cũng đủ để một Tỷ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

“Này các Tỷ kheo, đây là năm hiểm-họa tương lai, suy xét về chúng cũng đủ để một Tỷ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.”

78 (8) Những Hiểm Họa Tương Lai (2)

“Này các Tỷ kheo, nếu một Tỷ kheo biết suy xét về năm hiểm-họa tương lai thì cũng đủ để người đó sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỷ kheo biết quán chiếu như vậy: ‘Ta giờ đang trẻ, là người trẻ còn chân tóc đen được phú cho hạnh phúc của tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời. Nhưng sẽ đến lúc tuổi già cũng tấn công thân thể này. Rồi khi bị già, bị khuất phục bởi sự già yếu, lúc đó không dễ gì chú tâm [tác ý, chuyên chú] đến giáo lý của Phật; không dễ gì lánh về nơi ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình

trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (già) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù ta bị già yếu.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ nhất, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

(2) “Thêm nữa, một Tỳ kheo biết quán chiếu như vậy: ‘Giờ ta ít bị bệnh hay đau; ta cũng có được hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng mà vừa phải và thích hợp cho việc phân-đầu tu tập (tinh cần). Nhưng sẽ đến lúc bệnh tật tấn công thân thể này. Đến khi một người bị bệnh, bị khuất phục bởi bệnh đau, lúc đó không dễ gì chú tâm đến giáo lý của Phật; không dễ gì lánh về nơi ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (bệnh) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù ta bị bệnh đau.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ hai, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

(3) “Thêm nữa, một Tỳ kheo biết quán chiếu như vậy: ‘Giờ thức ăn có nhiều; vụ mùa bội thu và thức ăn cúng dường có nhiều, cho nên người tu có thể dễ dàng sống qua ngày bằng cách đi khát thực chỗ này chỗ nọ. Nhưng sẽ đến thời lúc nạn đói, mùa vụ thất bát, khi đó khó có được thức ăn khát thực và người tu không thể sống qua ngày bằng cách đi khát thực chỗ này chỗ nọ. Vào thời nạn đói, người ta đổ xô tìm tới những nơi có nhiều thức ăn, cho nên những điều kiện sống ở đó sẽ đông đúc và chen giành. Đến lúc những điều kiện sống bị đông đúc và chen giành, không dễ gì chú tâm đến giáo lý của Phật; không dễ gì lánh về

nơi ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (nạn đói) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù trong thời nạn đói.’ Đây là hiêm-họa tương lai thứ ba, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỷ kheo sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

(4) “Thêm nữa, một Tỷ kheo biết quán chiếu như vậy: ‘Giờ mọi người đang sống trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không tranh chấp, hiền hòa với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ. Nhưng sẽ tới thời lúc bạo loạn giặc giã, khi đó mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Trong thời lúc bạo loạn giặc giã đó, người ta đổ xô tìm đến những nơi có sự an toàn, cho nên những điều kiện sống ở đó sẽ đông đúc và chen giành. Đến lúc những điều kiện sống bị đông đúc và chen giành, không dễ gì chú tâm đến giáo lý của Phật; không dễ gì lánh về nơi ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (bạo loạn) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù trong thời bạo loạn giặc giã.’ Đây là hiêm-họa tương lai thứ tư, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỷ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

(5) “Thêm nữa, một Tỷ kheo biết quán chiếu như vậy: ‘Giờ Tăng Đoàn đang sống một cách thư thái an ổn—trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không có tranh chấp, cùng chung một giọng nói [sự tụng niệm]. Nhưng sẽ đến thời lúc có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.⁹¹⁶ Trong thời lúc có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, không dễ gì chú tâm đến giáo

lý của Phật; không dễ gì lánh về nơi ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (bị chia rẽ) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.’ Đây là hiêm-họa tương lai thứ năm, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm hiêm-họa tương lai, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.”

79 (9) Những Hiêm Họa Tương Lai (3)

“Này các Tỳ kheo, có năm hiêm họa chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra chúng và cố gắng trừ bỏ chúng. Năm đó là gì?

(1) “Trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ.⁹¹⁷ Họ thụ giới cho những người khác (đại thọ giới, đầy đủ giới-luật), nhưng họ không thể hướng dẫn họ trong những phần tu tập giới-hạnh cao hơn, tâm (thiền) cao hơn, và trí-tuệ cao hơn. Do vậy những người học trò này sẽ không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Rồi đến lượt họ cũng sẽ thụ giới cho những người khác [sau họ] (đại thọ giới, đầy đủ giới-luật), và họ cũng không thể hướng dẫn họ trong những phần tu tập giới-hạnh cao hơn, tâm (thiền) cao hơn, và trí-tuệ cao hơn. Do vậy những người học trò [sau họ] cũng sẽ không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Vậy đó, này các Tỳ kheo, do có sự suy sụp của Giáo Pháp nên có sự suy sụp của giới-luật, và do

có sự suy sụp của giới-luật nên có sự suy sụp của Giáo Pháp.⁹¹⁸ Đây là hiểm-họa thứ nhất chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

(2) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỷ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Họ cho những người khác sự nương-dựa (vào họ)⁹¹⁹, nhưng họ không thể hướng dẫn họ trong những phần tu tập giới-hạnh cao hơn, tâm (thiền) cao hơn, và trí-tuệ cao hơn. Do vậy ... [tiếp tục phần còn lại như đoạn (1) kể trên] ... Đây là hiểm-họa thứ hai chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

(3) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỷ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Nhưng trong khi tham gia vào cuộc đàm đạo nói về Giáo Pháp, trong nhiều câu hỏi và câu trả lời,⁹²⁰ họ rơi vào Giáo Pháp tối tăm (hắc pháp) nhưng không nhận thấy điều đó. Vậy đó, này các Tỷ kheo, do có sự suy sụp của Giáo Pháp nên có sự suy sụp của giới-luật, và do có sự suy sụp của giới-luật nên có sự suy sụp của Giáo Pháp. Đây là hiểm-họa thứ ba chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

(4) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỷ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. (a) khi những bài thuyết giảng (kinh) được nói bởi Như Lai là thâm sâu, sâu sắc về ý nghĩa, vượt trên (xuất) thế gian, liên quan đến tính-không, đang được tụng giảng, thì họ sẽ không muốn lắng nghe chúng, không lóng tai nghe chúng, và cũng không ứng dụng vào tâm để hiểu chúng; và họ không cho rằng những giáo lý đó nên cần được học hiểu và nắm vững. (b) Nhưng khi những bài thuyết giảng chỉ là những bài thi ca của các thi sĩ, với câu chữ mỹ miều, được sáng tạo bởi người những người ngoài đạo, được nói ra bởi đệ tử [của họ], đang được ngâm đọc, thì họ lại muốn lắng nghe chúng, lóng tai nghe chúng, và ứng dụng tâm để hiểu chúng, và họ cho rằng những giáo lý đó mới cần được học hiểu và nắm vững.⁹²¹ Vậy đó, này

các Tỳ kheo, do có sự suy sụp của Giáo Pháp nên có sự suy sụp của giới-luật, và do có sự suy sụp của giới-luật nên có sự suy sụp của Giáo Pháp. Đây là hiểm-họa thứ ba chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

(5) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Những Tỳ kheo trưởng lão—không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ—những Tỳ kheo trưởng lão sống xa hoa (thụ hưởng) và lơ lửng, những người lãnh đạo (thượng tọa) thì tụt lùi (không tu tiến), dẹp bỏ bốn phạm sống tách ly lánh trần; họ không phát khởi năng lượng tu tiến để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Những người kế tục sau đó noi gương làm theo họ. Rồi tới phiên những người sau cũng trở nên sống xa hoa và lơ lửng; những người lãnh đạo cũng tụt lùi, dẹp bỏ bốn phạm sống tách ly lánh trần; những người sau cũng không phát khởi năng lượng tu tiến để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được.⁹²² Vậy đó, này các Tỳ kheo, do có sự suy sụp của Giáo Pháp nên có sự suy sụp của giới-luật, và do có sự suy sụp của giới-luật nên có sự suy sụp của Giáo Pháp. Đây là hiểm-họa thứ ba chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm hiểm-họa tương lai chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ chúng.”

80 (10) Những Hiểm Họa Tương Lai (4)

“Này các Tỳ kheo, có năm hiểm họa chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra chúng và cố gắng trừ bỏ chúng. Năm đó là gì?

(1) “Trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo tham muốn những y-phục đẹp tốt. Họ sẽ dẹp bỏ những y phục (cà sa) làm từ giẻ rách, dẹp bỏ những nơi ở hẻo lánh trong rừng núi, và đổ đôn về những làng xã, thị xã, thành phố lớn, sẽ cư trú luôn ở đó; và họ sẽ dính vào việc tìm kiếm những y-phục một cách sai trái và không đúng đắn. Đây là hiểm-họa thứ nhất chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

(2) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo tham muốn những thức-ăn ngon tốt. Họ sẽ dẹp bỏ việc đi khát thực, dẹp bỏ những nơi ở hẻo lánh trong rừng núi, và đổ đôn về những làng xã, thị xã, thành phố lớn, sẽ cư trú luôn ở đó; và họ sẽ dính vào việc tìm kiếm những thức-ăn cúng dường một cách sai trái và không đúng đắn. Đây là hiểm-họa thứ hai chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

(3) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo tham muốn những chỗ-ở tốt. Họ sẽ dẹp bỏ việc sống dưới gốc cây, dẹp bỏ những nơi ở hẻo lánh trong rừng núi, và đổ đôn về những làng xã, thị xã, thành phố lớn, sẽ cư trú luôn ở đó; và họ sẽ dính vào việc tìm kiếm những chỗ-ở cúng dường một cách sai trái và không đúng đắn. Đây là hiểm-họa thứ ba chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

(4) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo có dính líu mật thiết với những Tỳ kheo ni, những nữ tu tập sự, và những nữ sa-di.⁹²³ Khi họ tạo thành những sự dính líu mật thiết đó, có thể thấy trước họ sẽ sống đời sống tâm linh (tu hành, phạm hạnh, bị giới hạnh) một cách không mãn lòng, họ sẽ phạm vào những tội ô nhiễm,⁹²⁴ hoặc bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây là hiểm-họa thứ tư chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

(5) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo có dính líu

mật thiết với những người làm công trong chùa và sa-di. Khi họ tạo thành những sự dính líu mật thiết đó, có thể thấy trước họ sẽ dính vào việc dùng những thứ được cất giữ (như thức ăn, vật dụng...), và gợi ý rõ ràng đối với khu đất và cây trồng xung quanh.⁹²⁵ Đây là hiểm-họa thứ năm chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm hiểm-họa tương lai chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ chúng.”

NHÓM 4

NHỮNG TRƯỞNG LÃO

81 (1) Kích Tham...

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó đầy tham dục với những thứ kích tham; (2) người đó đầy sân hận với những thứ kích sân; (3) người đó bị si mê bởi những thứ làm si mê; (4) người đó bị động vọng bởi những thứ kích động; (5) và người đó bị say sưa (đầu độc) bởi những thứ làm say sưa. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không bị tham dục với những thứ kích tham; (2) người đó không bị sân hận

với những thứ kích sân; (3) người đó không bị si mê bởi những thứ làm si mê; (4) người đó không bị động vọng bởi những thứ kích động; (5) và người đó không bị say sưa (đầu độc) bởi những thứ làm say sưa. Có được năm phẩm chất này, một Tỷ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỷ kheo đồng đạo.”

82 (2) Không Có Tham...

“Này các Tỷ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỷ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỷ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không thiếu tham dục; (2) người đó không thiếu sân giận; (3) người đó không thiếu si mê; (4) người đó hay chê bai phỉ báng (người khác); và (5) người đó là xác xược bố lậu. Có năm phẩm chất này, một Tỷ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỷ kheo đồng đạo.

“Này các Tỷ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỷ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỷ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không tham dục; (2) người đó không sân giận; (3) người đó không si mê; (4) người đó không chê bai phỉ báng (người khác); và (5) người đó không xác xược bố lậu. Có được năm phẩm chất này, một Tỷ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỷ kheo đồng đạo.”

83 (3) Người Mưu Mô...

“Này các Tỷ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỷ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không

được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó là người muru mô, (2) người nịnh nọt, (3) người gài xúi (gợi ý, xúi giục), (4) người khúm núm (giả hèn) và (5) người dùng lợi lộc để mưu đồ lợi lộc.⁹²⁶ Có năm phẩm chất này ... không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không phải người muru mô, (2) người nịnh nọt, (3) người gài (gợi ý, gài xúi), (4) người khúm núm (giả hèn), hay (5) người dùng lợi lộc để mưu đồ lợi lộc. Có được năm phẩm chất này ... được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo.”

84 (4) Không Có Niềm Tin ...

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không có niềm-tin, (2) không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, (3) bất-an về mặt đạo đức, (4) lười biếng, và (5) không có trí. Có năm phẩm chất này ... không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó được phú cho niềm-tin, (2) biết xấu-hổ về mặt đạo đức, (3) biết sợ-hãi về mặt đạo đức, (4) chuyên cần nỗ lực, và (5) có trí. Có được năm phẩm chất này ... được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo.”

85 (5) Không Kiên Nhẫn Chịu Đựng

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? Người đó không kiên nhẫn chịu đựng (1) những hình-sắc, (2) những âm-thanh, (3) những mùi-hương, (4) những mùi-vị, (5) những đối-tượng chạm xúc. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão ... không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? Người đó có thể kiên nhẫn chịu đựng (1) những hình-sắc, (2) những âm-thanh, (3) những mùi-hương, (4) những mùi-vị, (5) những đối-tượng chạm xúc. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão ... được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo.”

86 (6) Những Sự Hiểu Biết Mang Tính Phân Tích

“Này các Tỳ kheo, có năm được phẩm chất, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? Người đó chứng ngộ (1) sự hiểu-biết mang tính phân tích (vô ngại giải trí) về ý-nghĩa, (2) sự hiểu-biết mang tính phân tích về Giáo Pháp, (3) sự hiểu-biết mang tính phân tích về ngôn-ngữ, (4) sự hiểu-biết mang tính phân tích về sự nhận-biết,⁹²⁷ và (5) người đó giỏi giang và siêng năng làm những công việc (trong chùa, trong Tăng đoàn) cần được làm cho (để phục vụ) các Tỳ kheo đồng đạo; người đó có sự phán xét tốt về những công việc đó để thực hiện và thu xếp chúng một cách hợp lý.

“Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão ... được kính trọng bởi các Tỳ kheo đồng đạo.”

87 (7) Có Giới Hạnh

“Này các Tỳ kheo, có năm được phẩm chất, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì?

(1) “Người đó có giới hạnh; người đó sống được kiềm chế bởi Pātimokkha (Giới Luật Tỳ Kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó sống theo chúng.

(2) “Người đó đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).

(3) “Người đó là người thuyết giảng tốt với sự truyền tải tốt; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn đạt được ý nghĩa.

(4) “Người đó nếu muốn, một cách không khó khăn hay rắc rối, sẽ chứng đắc bốn tầng thiên định (sắc giới), (bốn tầng thiên định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và những sự an trú hạnh phúc ngay trong kiếp này.

(5) “Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ

kheo đồng đạo.”

88 (8) Một Trưởng Lão

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, là một Tỳ kheo trưởng lão đang làm vì sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự suy sụp, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Năm đó là gì?

“(1) Một trưởng lão đã kỳ cựu và đã xuất gia lâu năm. (2) Người đó được biết nhiều và nổi tiếng và có nhiều đệ tử gồm những người xuất gia và tại gia. (3) Người đó nhận được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. (4) Người đó đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (5) Nhưng người đó lại nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và quan-điểm lệch lạc.

“Người đó lôi kéo nhiều người ra khỏi Giáo Pháp tốt lành (thiện pháp) và thiết lập họ trong Giáo Pháp xấu ác (tà pháp). Nhiều người theo ông trưởng lão đó là do họ nghĩ: ‘Ông là vị trưởng lão kỳ cựu và đã xuất gia lâu năm’; ‘Ông là vị trưởng lão được biết nhiều và nổi tiếng và có nhiều đệ tử xuất gia và tại gia’; ‘Ông là vị Tỳ kheo trưởng lão nhận được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh’; ‘Ông là Tỳ kheo trưởng lão đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học’.

“Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo trưởng lão đang làm vì vì sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự suy sụp, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và

loài người.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], là một Tỳ kheo trưởng lão đang làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Năm đó là gì?

“(1) Một trưởng lão đã kỳ cựu và đã xuất gia lâu năm. (2) Người đó được biết nhiều và nổi tiếng và có nhiều đệ tử gồm những người xuất gia và tại gia. (3) Người đó nhận được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. (4) Người đó đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (5) Và người đó lại nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và quan-điểm chánh đúng.

“Người đó lôi kéo nhiều người ra khỏi Giáo Pháp xấu ác (tà pháp) và thiết lập họ trong Giáo Pháp tốt lành (thiện pháp). Nhiều người theo vị trưởng lão đó là do họ nghĩ: ‘Ông là vị trưởng lão kỳ cựu và đã xuất gia lâu năm’; ‘Ông là vị trưởng lão được biết nhiều và nổi tiếng và có nhiều đệ xuất gia và tại gia’; ‘Ông là vị Tỳ kheo trưởng lão nhận được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh’; ‘Ông là Tỳ kheo trưởng lão đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học’.

“Có được năm phẩm chất này, là một Tỳ kheo trưởng lão đang làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người.”

89 (9) Một Học Nhân (1)

“Này các Tỳ kheo, năm phẩm chất dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân. Năm đó là gì? Ham thích công việc, ham thích ngủ, và ham thích giao lưu nhiều người, và người đó không coi lại tâm mình đã được giải thoát đến mức độ nào.⁹²⁸ Năm phẩm chất này dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là bậc học-nhân.

“Này các Tỳ kheo, năm phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân. Năm đó là gì? Không ham thích công việc, không ham thích ngủ, và không ham thích giao lưu nhiều người, và người đó thường xem xét lại tâm mình đã được giải thoát đến mức độ nào. Năm phẩm chất này dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là bậc học-nhân.⁹²⁹

90 (10) Học Nhân (2)

— “Này các Tỳ kheo, năm phẩm chất dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là một học nhân có nhiều trách vụ và bổn phận và giới giang trong nhiều công việc (ở tu viện, chùa; Phật sự) cần phải được làm, do vậy người đó lơ lảng sự tách-ly (ẩn dật) và không dành bản thân mình cho (sự tu tập) sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân trải qua cả ngày chỉ làm những việc lặt vặt, do vậy người đó lơ lảng sự sống tách-ly và không dành bản thân mình cho sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân có dính líu mật thiết với những gia chủ và những tu sĩ, giao lưu (với người này người nọ) một cách không phù hợp cứ như mình là người tại gia, do vậy người đó

lơ lãng sự sống tách-ly và không dành bản thân mình cho sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân đi vô làng quá sớm và trở về quá trễ trong ngày, do vậy người đó lơ lãng sự sống tách-ly và không dành bản thân mình cho sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì nhưng lại không muốn nghe những cuộc đàm đạo nói về sự sống thanh-bần để dẫn tới sự khai mở trái tim (khai tâm), đó là, những sự đàm đạo về sự giảm-thiểu nhu-cầu (tri túc), về sự biết hài-lòng (với những thứ và điều kiện mình có được), về sự sống độc-thân, về sự không-được dính-líu mật thiết [với người khác], về sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát; do vậy người đó lơ lãng sự sống tách-ly và không dành bản thân mình cho sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ năm dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

“Đây là năm điều dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

— “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là một học nhân không có nhiều trách vụ và bổn phận mặc dù người đó giỏi giang trong nhiều công việc (ở tu viện, chùa; Phật sự) cần phải được làm, do vậy người đó không lơ lãng sự tách-ly (ẩn dật) mà dành bản thân mình cho (sự tu tập) sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ nhất dẫn tới không sự sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

(2) “Ở đây, một Tỳ kheo là một học nhân không trải qua cả ngày làm những công việc lặt vặt, do vậy người đó không lơ lảng sự tách-ly mà dành bản thân mình cho sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ hai dẫn tới không sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân không dính líu mật thiết với những gia chủ và những tu sĩ, không giao lưu (với người này người nọ) một cách không phù hợp như mình là người tại gia, do vậy người đó không lơ lảng sự sống tách-ly mà dành bản thân mình cho sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân không đi vô làng xóm quá sớm hay trở về quá trễ, do vậy người đó không lơ lảng sự sống tách-ly mà dành bản thân mình cho sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân, không khó khăn hay rắc rối gì, muốn lắng nghe những cuộc đàm đạo nói về sự sống thanh-bần để dẫn tới sự khai mở trái tim (khai tâm), đó là, những sự đàm đạo về sự giảm-thiểu nhu-cầu (tri túc), về sự biết hài-lòng (với những thứ và điều kiện mình có được), về sự sống độc-thân, về sự không-được dính-líu mật thiết [với người khác], về sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát; do vậy người đó không lơ lảng sự sống tách-ly mà luôn dành bản thân mình cho sự tĩnh-lặng của tâm. Đây là điều thứ năm dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

“Đây là năm điều dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

NHÓM 5

KAKUDHA

91 (1) Những Thành Tựu (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự thành tựu này. Năm đó là gì? Thành tựu về niềm-tin, thành tựu giới-hạnh, thành tựu về sự học-hiểu, thành tựu về bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. Đây là năm sự thành tựu.”

92 (2) Những Thành Tựu (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự thành tựu này. Năm đó là gì? Thành tựu về giới-hạnh, thành tựu định-tâm, thành tựu về trí-tuệ, thành tựu về sự giải-thoát, và thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là năm sự thành tựu.”

93 (3) Những Tuyên Bó

“Này các Tỳ kheo, có năm sự tuyên bố về trí-biết cuối cùng.⁹³⁰ Năm đó là gì? (1) Người tuyên bố trí-biết cuối cùng do sự ngu đần và ngu xuẩn của mình; (2) người tuyên bố trí-biết cuối cùng do người đó có những tham muốn xấu ác và bị thúc giục bởi tham muốn; (3) người tuyên bố trí-biết cuối cùng do người đó là điên khùng và loạn trí; (4) người tuyên bố trí-biết cuối cùng do người đó tự đánh giá cao về mình; và (5) Người tuyên bố trí-biết cuối cùng một cách đúng đắn. Đây là năm sự tuyên bố trí-biết cuối cùng.”

94 (4) An Trú Thụ Thái

“Này các Tỳ kheo, có năm loại sự an trú thụ thái. Năm đó là gì? (1) Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ... (2) ... trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ... (3) ... trong tầng

thiền định thứ ba (Tam thiền) ... (4) ... trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) ... (5) Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, một Tỳ kheo đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Đây là năm loại sự an trú thư thái.”

95 (5) Sự Bất Lay Chuyển

“Này các Tỳ kheo, có được năm điều, một Tỳ kheo sẽ mau sớm thâm nhập sự (trạng thái) bất lay chuyển.⁹³¹ Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo đã chứng ngộ (1) sự hiểu-biết mang tính phân tích (vô ngại giải trí) về ý-nghĩa, (2) sự hiểu-biết mang tính phân tích về Giáo Pháp, (3) sự hiểu-biết mang tính phân tích về ngôn-ngữ, (4) sự hiểu-biết mang tính phân tích về sự nhận-biết, và (5) người đó luôn xem xét lại tâm mình được giải-thoát đến mức độ nào.

“Có được năm điều này, một Tỳ kheo sẽ mau sớm thâm nhập sự bất lay chuyển.”

96 (6) Những Điều Người Tu Đã Học Được

“Này các Tỳ kheo, có được năm điều thì một Tỳ kheo đang tu theo sự chánh-niệm hơi-thở sẽ mau sớm thâm nhập sự (trạng thái) bất lay chuyển. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có ít trách vụ, ít công việc phải làm (ở tu viện, chùa), dễ được trợ giúp, và dễ hài lòng với mọi thứ (điều kiện, tiện nghi) để sống. (2) Người đó ăn ít và chú ý đến sự tiết độ đối với thức ăn. (3) Người đó ít khi buồn ngủ và chú ý đến sự tỉnh giác. (4) Người đó đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu

chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (5) Người đó luôn xem xét lại tâm mình được giải-thoát đến mức độ nào.

“Có được năm điều này, một Tỳ kheo sẽ mau sớm thâm nhập sự bất lay chuyển.”

97 (7) Sự Đàm Đạo

“Này các Tỳ kheo, có được năm điều thì một Tỳ kheo đang tu theo sự chánh-niệm hơi-thở sẽ mau sớm thâm nhập sự (trạng thái) bất lay chuyển. Năm đó là gì? (1) Ở đây, Tỳ kheo có ít trách vụ, ít công việc ... (2) Người đó ăn ít ... (3) Người đó ít khi buồn ngủ ... (4) Người đó nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, nghe những cuộc đàm đạo nói về sự sống thanh bản để dẫn tới sự khai mở trái tim (khai tâm), đó là, những sự đàm đạo về sự giảm thiểu nhu cầu (tri túc), về sự biết hài lòng (với những gì mình có được), về sự sống độc thân, về sự không được dính líu mật thiết [với người khác], về sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tâm-nhìn của sự giải-thoát. (5) Người đó luôn xem xét lại tâm mình được giải-thoát đến mức độ nào.

“Có được năm điều này, một Tỳ kheo sẽ mau sớm thâm nhập sự bất lay chuyển.”

98 (8) Người Sống Tu Trong Rừng

“Này các Tỳ kheo, có được năm điều thì một Tỳ kheo đang tu theo sự chánh-niệm hơi-thở sẽ mau sớm thâm nhập sự (trạng thái) bất lay chuyển. Năm đó là gì? (1) Ở đây, Tỳ kheo có ít trách vụ, ít công

việc ... (2) Người đó ăn ít ... (3) Người đó ít khi buồn ngủ ... (4) Người đó là người sống tu trong rừng, lánh về sống tu ở nơi hẻo lánh. (5) Người đó luôn xem xét lại tâm mình được giải-thoát đến mức độ nào.

“Có được năm điều này, một Tỳ kheo sẽ mau sớm thâm nhập sự bất lay chuyên.”

99 (9) *Sư Tử*

“Này các Tỳ kheo, vào cuối chiều, sư tử, vua của muôn loại thú, ra khỏi hang ổ của nó, rướn duỗi thân, quan sát bốn phí xung quanh, và gầm lên tiếng gầm sư tử của nó ba lần. Sau đó nó bắt đầu đi săn mồi.

(1) “Nếu nó tấn công một con voi, nó luôn tấn công một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường.⁹³² (2) Nếu nó tấn công con trâu ... (3) ... con bò ... (4) ... con báo ... (5) ... hay những con thú nhỏ hơn, ngay cả một con thỏ hay con mèo, nó luôn tấn công một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường. Vì lý do gì? [Vì nó nghĩ:] ‘Đừng để sự ra tay của ta (cú bắt mồi) thất bại.’

“Này các Tỳ kheo, sư tử là một cách để ví chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời của Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng là tiếng gầm sư tử của Như Lai. (1) Nếu Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo, Như Lai chỉ dạy một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường. (2) Nếu Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo ni ... (3) ... những đệ tử tại gia nam ... (4) ... những đệ tử tại gia nữ, Như Lai chỉ dạy một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường. (5) Nếu Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho những người phạm phu, thậm chí những người chớ thức ăn hay những thợ săn bắn,⁹³³ Như Lai chỉ dạy một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường. Vì lý do gì? Vì Như Lai có sự tôn trọng đối với Giáo Pháp, sự tôn kính đối với Giáo Pháp.”

100 (10) *Kakudha*

Tôi nghe như vậy.⁹³⁴ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tu viện (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Bấy giờ, vào lúc đó có (Tỳ kheo) Kakudha, người con xứ Koliya (Câu-lợi), là người hầu cận (thị giả) của Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna), vừa mới chết và được tái sinh trong số [những thiên thần] có thân được làm bằng-tâm.⁹³⁵ Thân của vị thiên thần đó lớn gấp hai hay gấp ba lần một ngôi làng ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), nhưng vị ấy không gây cản trở cho mình hay cho người khác bằng thân (khổng lồ) của mình.⁹³⁶

Rồi vị tiên trẻ Kakudha đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên, kính chào thầy ấy, đứng qua một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy, có tham muốn khởi sinh trong thầy Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) như vậy: ‘Ta sẽ lãnh đạo Tăng đoàn cá Tỳ kheo’. Và cùng lúc khởi sinh ý nghĩ này, thầy Đề-bà-đạt-đa đã mất hết thần thông đó.”⁹³⁷ Đây là lời vị tiên trẻ Kakudha đã nói. Sau đó vị ấy kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên, giữ thầy ở hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó.

Rồi thầy Đại Mục-kiền-liên đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn chuyện mới xảy ra. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Nhưng, này Mục-kiền-liên, thầy có lấy tâm mình bao trùm tâm của vị tiên trẻ Kakudha để hiểu rõ về vị tiên đó (để coi): ‘Rằng những gì vị tiên trẻ Kakudha nói đều là đúng và không sai khác’?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Hãy ghi nhớ lời này, này Mục-kiền-liên! Giờ thì kẻ ngu (Đề-bà-đạt-đa) đó sẽ lộ diện bản thân, theo ý đồ của mình.

“Này Mục-kiền-liên, có năm loại thầy được thấy có trong thế

gian. Năm đó là gì?

(1) “Ồ đây, có người thầy giới-hạnh chưa được thanh lọc mà tuyên bố: ‘Ta là người có giới-hạnh được thanh lọc. Giới-hạnh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù giới-hạnh chưa không trong sạch nhưng tuyên bố: “Ta là người có giới-hạnh được thanh lọc. Giới-hạnh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.”’ Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng dường với y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân (bản chất) với những điều mình làm.’ Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về giới-hạnh của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về giới-hạnh của ông.

(2) “Lại nữa, có người thầy sự mư-sinh chưa được thanh lọc mà tuyên bố: ‘Ta là người có sự mư-sinh được thanh lọc. Sự mư-sinh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù sự mư-sinh không trong sạch nhưng tuyên bố: “Ta là người có sự mư-sinh được thanh lọc. Sự mư-sinh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.”’ Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng dường với y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân với những điều mình làm.’ Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về sự mư-sinh của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về sự mư-sinh của ông.

(3) “Lại nữa, có người thầy sự chỉ-dạy Giáo Pháp chưa được thanh lọc mà tuyên bố: ‘Ta là người có sự chỉ-dạy Giáo Pháp được thanh lọc. Sự chỉ dạy Giáo Pháp của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được

tây nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù sự chỉ dạy Giáo Pháp chưa không trong sạch nhưng tuyên bố: “Ta là người có sự chỉ-dạy Giáo Pháp được thanh lọc. Sự chỉ dạy Giáo Pháp của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.”’ Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng dường với y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân với những điều mình làm.’ Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ông.

(4) “Lại nữa, có người thầy những sự giảng-giải của ông chưa được thanh lọc⁹³⁸ mà tuyên bố: ‘Ta là người có sự giảng-giải được thanh lọc. Sự chỉ dạy Giáo Pháp của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù sự chỉ dạy Giáo Pháp chưa không trong sạch nhưng tuyên bố: “Ta là người có sự giảng-giải được thanh lọc. Sự chỉ dạy Giáo Pháp của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.”’ Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng dường với y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân với những điều mình làm.’ Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về sự giảng-giải của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về sự giảng-giải của ông.

(5) “Lại nữa, có người thầy sự hiểu-biết và tầm-nhìn của ông chưa được thanh lọc mà tuyên bố: ‘Ta là người có trí-biết và tầm-nhìn được thanh lọc. Sự chỉ dạy Giáo Pháp của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù sự hiểu-biết và tầm-nhìn chưa không trong sạch nhưng

tuyên bố: “Ta là người có trí-biết và tầm-nhìn được thanh lọc. Trí-biết và tầm-nhìn của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.” Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng dường với y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân với những điều mình làm.’ Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về sự hiểu-biết và tầm-nhìn của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về sự hiểu-biết và tầm-nhìn của ông.

“Đây là năm loại người thầy thấy có trong thế gian.

(1) “Nhưng, này Mục-kiên-liên, ta là người có giới-hạnh, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có giới-hạnh được thanh lọc. Giới-hạnh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về giới-hạnh của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của ta về giới-hạnh của ta. (2) Ta là người có sự mư-sinh, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có sự mư-sinh được thanh lọc. Sự mư-sinh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về sự mư-sinh của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của ta về sự mư-sinh của ta. (3) Ta là người có sự chỉ-dạy Giáo Pháp, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có sự chỉ-dạy Giáo Pháp được thanh lọc. Sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của ta về sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ta. (4) Ta là người có sự giảng-giải, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có sự giảng-giải được thanh lọc. Sự giảng-giải của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về sự giảng-giải của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của ta về sự giảng-giải của ta. (5) Ta là người có trí-biết và tầm-nhìn, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có trí-biết và tầm-nhìn được thanh lọc. Trí-

biết và tâm-nhìn của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy
nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về sự hiểu-biết và
tâm-nhìn của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của
ta về sự hiểu-biết và tâm-nhìn của ta.”

[Năm Mười Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1

AN TRÚ THU THÁI

101 (1) Sự Ngại Ngần

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân.⁹³⁹ Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, có sự học-hiểu, có sự nỗ-lực (tinh tấn), và có trí. (1) Mọi sự ngại-ngần⁹⁴⁰ có trong một người không có niềm-tin thì không có trong người được phú cho niềm-tin; bởi vậy phẩm chất (niềm tin) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân. (2) Mọi sự ngại-ngần có trong một người không có giới-hạnh (thất đức) thì không có trong một người có giới-hạnh; bởi vậy phẩm chất (giới hạnh) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân. (3) Mọi sự ngại-ngần có trong một người thiếu học-hiểu thì không có trong một người có học-hiểu; bởi vậy phẩm chất (học hiểu) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân. (4) Mọi sự ngại-ngần có trong một người lười-biếng thì không có trong một người siêng năng nỗ-lực; bởi vậy phẩm chất (nỗ lực) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân. (5) Mọi sự ngại-ngần có trong một người không có-trí thì không có trong một người có-trí; bởi vậy phẩm chất (trí tuệ) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân.”

102 (2) Bị Nghi Ngờ

“Này các Tỳ kheo, dựa trên năm căn cứ, một Tỳ kheo bị nghi ngờ và không được tin tưởng, bị coi là loại ‘Tỳ kheo xấu ác’ cho dù người đó thuộc phẩm cách bất lay chuyển.⁹⁴¹ Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo thường lui tới chỗ gái bán dâm, đàn bà góa, phụ nữ chưa chồng, hoạn quan, hay những Tỳ kheo ni. Dựa trên năm căn cứ này, một Tỳ kheo bị nghi ngờ và không được tin tưởng, bị coi là loại ‘Tỳ kheo xấu ác’ cho dù người đó thuộc phẩm cách bất lay chuyển.”

103 (3) *Kẻ Trộm*⁹⁴²

— “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố thì một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường. Ba đó là gì? Ở đây, một siêu trộm (1) dựa vào địa hình không bằng phẳng, (2) dựa vào sự rậm rạp, và (3) dựa vào những người quyền lực, (4) lo lót hối lộ, (5) di chuyển một mình.

(1) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào địa hình không bằng phẳng? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sông ngòi khó vượt qua và núi non hiểm trở. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào địa hình không bằng phẳng.

(2) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp (che khuất)? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp của ruộng mía, sự rậm rạp của cây lớn, của cây bụi,⁹⁴³ hay rừng lớn. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào sự rậm rạp che khuất.

(3) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một siêu trộm dựa vào vua chúa hay những quan thần. Hẩn nghĩ: ‘Nếu có ai bắt được tội ta, vua chúa hay những quan thần đó sẽ bào chữa cho ta và bỏ qua.’ Và nếu có ai bắt được tội hẳn, vua chúa và những quan thần đó sẽ bào chữa cho hẳn và bỏ qua. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào những người quyền lực.

(4) “Và theo cách nào một siêu trộm lo lót hối lộ? Ở đây, một siêu trộm là giàu có, có nhiều của cải và tài sản. Người đó nghĩ: ‘Nếu có ai kết tội ta điều gì, ta sẽ giải quyết với người đó bằng tiền hối lộ.’ Nếu có ai kết tội hấn ta vì điều gì, hấn sẽ giải quyết với người đó bằng tiền hối lộ. Theo cách như vậy là siêu trộm lo lót hối lộ.

(5) “Và theo cách nào một siêu trộm di chuyển một mình? Ở đây, một siêu trộm thực hiện những vụ trộm cắp một mình. Vì lý do gì? [Vì hấn nghĩ:] ‘Những mưu tính bí mật của ta⁹⁴⁴ không nên để người khác biết!’ Theo cách như vậy là siêu trộm di chuyển một mình.

“Có năm yếu tố này, một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất thì một Tỳ kheo xấu ác (ác tăng) làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo ra nhiều thất-phước. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác (1) dựa trên căn cước không bằng phẳng, (2) dựa vào sự rậm rạp (che khuất), và (3) dựa vào những người quyền lực, (4) lo lót hối lộ, và (5) di chuyển một mình.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa trên căn cước không bằng phẳng? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dính vào những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái (ba tà nghiệp). Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào căn cước không bằng phẳng.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa vào sự rậm rạp (che mờ)? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), dung dưỡng cách-nhìn cực đoan.⁹⁴⁵ Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào sự rậm rạp.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dựa vào vua chúa hay những

quan thần. Người đó nghĩ: ‘Nếu có ai bắt tội ta, vua chúa hay những quan thần đó sẽ bào chữa cho ta và bỏ qua.’ Và nếu có ai bắt tội Tỳ kheo đó, vua chúa và những quan thần đó sẽ bào chữa cho Tỳ kheo đó và bỏ qua. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo lo lót hối lộ? Ở đây, một Tỳ kheo nhận được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Người đó nghĩ: ‘Nếu có ai kết tội ta vì điều gì, ta sẽ giải quyết với người đó bằng những thứ lợi lộc này.’ Và nếu có ai kết tội ta vì điều gì, ta sẽ giải quyết với người đó bằng những thứ lợi lộc này. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác lo lót hối lộ.

(5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo di chuyển một mình? Ở đây một Tỳ kheo đến lập một nơi để ở một mình ở gần những vùng biên giới (giữa các xứ). Khi tiếp cận những gia đình ở đó, người đó nhận được những thứ lợi lộc. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo di chuyển một mình.

“Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo xấu ác làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo ra nhiều thất-phước.”

104 (4) Tinh Tế⁹⁴⁶

“Này các Tỳ kheo có được năm phẩm chất, thì một Tỳ kheo là một (hạng) tu sĩ [sa-môn] tinh tế trong số những Tỳ kheo. Năm đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo thường dùng y áo đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình;⁹⁴⁷ người đó thường ăn thức ăn đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường dùng chỗ ở đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình;

người đó thường dùng *thuốc thang* và *chu cấp cho người bệnh* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình. (2) Những Tỳ kheo đạo hữu mà vị ấy đang sống chung thường cư xử với vị ấy bằng những hành động, lời nói, và tâm ý dễ chịu, hiếm khi có hành động, lời nói hay tâm ý gì khó chịu. Họ thường tặng cho vị ấy những thứ dễ thích, hiếm khi có thứ gì khó thích. (3) Những sự khó chịu sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng;⁹⁴⁸ sự khó chịu sinh ra từ thay đổi khí hậu; sự khó chịu sinh ra từ hành vi bất cẩn; sự khó chịu sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó chịu sinh ra từ quả của nghiệp [kamma]—những sự khổ này không thường khởi sinh trong vị ấy nữa.⁹⁴⁹ Vị ấy hiếm khi bệnh yếu. (4) Vị ấy nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, chứng đắc bốn tầng thiên định [jhāna]—(những tầng thiên định đó) tạo nên (những trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự lạc trú ngay trong kiếp này. (5) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Theo cách như vậy một người là một tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ.

“Này các Tỳ kheo, nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là ta người đó nói điều đó. (1) Bởi vì ta thường dùng *y áo* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường ăn *thức ăn* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng *chỗ ở* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng *thuốc thang* và *chu cấp cho người bệnh* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta. (2) Những Tỳ kheo mà ta đang sống chung thường cư xử với

ta bằng những hành động, lời nói, và tâm ý dễ chịu, hiếm khi có hành động, lời nói hay tâm ý gì khó chịu. Họ thường tặng cho ta những thứ dễ thích, hiếm khi có thứ gì khó thích. (3) Những sự khó chịu sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng; sự khó chịu sinh ra từ thay đổi khí hậu; sự khó chịu sinh ra từ hành vi bất cẩn; sự khó chịu sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó chịu sinh ra từ quả của nghiệp [kamma]—những sự khổ này không thường khởi sinh trong ta nữa. Ta hiếm khi bệnh yếu. (4) Ta, nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, chứng đắc bốn tầng thiền định [jhāna]—(những tầng thiền định đó) tạo nên (những trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự lạc trú ngay trong kiếp này. (5) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, ta an trú trong đó. Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là ta người đó nói điều đó.”

105 (5) *Thư Thái*

“Này các Tỳ kheo, có năm phương tiện để sống một cách thư thái.⁹⁵⁰ Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình đều luôn giữ *hành-động từ ái* đối với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện. Đây là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình đều luôn giữ *lời-nói từ ái* đối với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng . . . và sự đoàn kết.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình

một mình đều luôn giữ *tâm-y từ ái* đối với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng . . . và sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình một mình *cùng có chung* với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện loại *giới-hạnh* (có tính chất) lành mạnh, không rách mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không dính chấp, dẫn đến sự định tâm. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng . . . và sự đoàn kết.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình một mình *cùng có chung* với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện loại *cách-nhìn* (chánh kiến) thuộc tính thiện và giúp giải thoát, và dẫn dắt người khác tu tập theo cách-nhìn đó đạt đến sự tiêu diệt khổ. Nay các Tỳ kheo, đây là năm phương tiện để sống một cách thư thái.”

106 (6) *Ānanda*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tu viện (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“(1) Thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?”

“Này Ānanda, khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) những người khác về giới-hạnh,⁹⁵¹ đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.”

(2) “Nhưng, thưa Thế Tôn, còn cách nào khác một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?”

“Có thể có, này Ānanda. Khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) người khác về vấn đề giới-hạnh, và người đó xem xét chính mình nhưng không xem xét người khác; đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.”

(3) “Nhưng, thưa Thế Tôn, còn cách nào khác một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?”

“Có thể có, này Ānanda. Khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) người khác về vấn đề giới-hạnh, và người đó xem xét chính mình nhưng không xem xét người khác, và người đó có danh tiếng nhưng không động vọng gì nếu không được danh tiếng; đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.”

(4) “Nhưng, thưa Thế Tôn, còn cách nào khác một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?”

“Có thể có, này Ānanda. Khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) người khác về vấn đề giới-hạnh, và người đó xem xét chính mình nhưng không xem xét người khác, và người đó có danh tiếng nhưng không động vọng gì nếu không được danh tiếng, và người đó, nếu muốn, có thể chứng nhập bốn tầng thiên định (sắc giới; jhāna), (bốn tầng thiên định) đó tạo nên phần tâm bậc cao và những sự lạc trú (an trú suồng, hạnh phúc) ngay trong kiếp này; đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.”

(5) “Nhưng, thưa Thế Tôn, còn cách nào khác một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?”

“Có thể có, này Ānanda. Khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) người khác về vấn đề giới-hạnh, và người đó xem xét chính mình nhưng không xem xét

người khác, và người đó có danh tiếng nhưng không động vọng gì nếu không được danh tiếng, và người đó, nếu muốn, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (sắc giới; jhāna), (bốn tầng thiền định) đó tạo nên phần tâm bậc cao và những sự lạc trú (an trú sướng, hạnh phúc) ngay trong kiếp này, và với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó; đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.”

107 (7) Giới Hạnh

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) tốt nhất trong thế. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về định-tâm, thành tựu về trí-tuệ, thành tựu về sự giải-thoát, và thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

108 (8) Người Vô Học Nhân

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà ... là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được đồng [uẩn] giới-hạnh của bậc vô-học nhân, đồng định-tâm của bậc vô-học nhân, đồng trí-tuệ của bậc vô-học nhân, đồng sự giải-thoát của bậc vô-học nhân, đồng trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà ... là ruộng gieo trồng công

đức tốt nhất trong thế gian.”

109 (9) Ở Nhà Trong Bốn Phương

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo là ở-nhà trong (khắp) bốn phương.⁹⁵² Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātīmokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗ nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo chúng. (2) Người đó đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Người đó biết hài lòng với y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. (4) Người đó, nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định, (bốn tầng thiền định) đó tạo nên phần tâm bậc cao bà những sự lạc trú ngay trong kiếp này. (5) Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là ở-nhà trong bốn phương.”

110 (10) Trong Rừng Núi

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo là đủ tốt (thích hợp) để lui về nơi ở xa lánh trong rừng núi (để sống tu ẩn dật). Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới hạnh [*như kinh kể trên*]

... người đó tu tập theo chúng. (2) Người đó đã học nhiều ... thâm nhập bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Người đó phát khởi sự nỗ-lực để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong tu dưỡng những phẩm chất thiện. (4) Người đó, nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định, (bốn tầng thiền định) đó tạo nên phần tâm bậc cao và những sự lạc trú (an trú sường, hạnh phúc) ngay trong kiếp này. (5) Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là đủ tốt để để lui về (tu) nơi ở xa lánh trong rừng núi.”

NHÓM 2

ANDHAKAVINDA⁹⁵³

111 (1) Khách Của Các Gia Đình

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ khó chịu và khó ưa, và không được họ tôn trọng hay kính trọng. Năm đó là gì? (1) Tỳ kheo đó thân mật với những người mình không thân; (tức, ra vẻ thân mật với những người thực sự không thân với mình); (2) ban phát những điều mình không có; (tức, chi phát thứ này thứ nọ, ra bộ mình là bậc thầy, bậc thánh; là thái độ không đứng đắn); (3) giao lưu với những người bị chia rẽ (bất hòa);⁹⁵⁴ (4) nói lén trong tai; và (5) đòi hỏi quá mực; (tức: xin xỏ, yêu cầu quá đáng).

“Có năm phẩm chất này, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ khó chịu và khó ưa, và không được họ tôn trọng hay kính

trọng.”

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ dễ chịu và ưa mến, và được họ tôn trọng và kính trọng. Năm đó là gì? (1) Tỳ kheo đó không thân mật với những người mình không thân; (2) không ban phát những điều mình không có; (3) không giao lưu với những người bị chia rẽ; (4) không nói lén trong tai; và (5) không đòi hỏi quá mực.

“Có được năm phẩm chất này, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ dễ chịu và ưa mến, và được họ tôn trọng và kính trọng.”

112 (2) Một Tỳ Kheo Tùy Tùng

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, người đó không nên được nhận làm Tỳ kheo tùy tùng. Năm đó là gì? (1) Người đó đi quá xa hoặc quán gần người kia; (2) không mang bình bát khi nó đã đầy (thức ăn...); (3) không kiềm chế (nhắc nhở, cảnh báo) người kia khi lời nói người kia sắp dính tội; (4) cứ ngắt lời khi người kia đang nói; và (5) không có trí, ngu đần, chậm hiểu. Có năm phẩm chất này, người đó không nên được nhận làm Tỳ kheo tùy tùng.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, người đó có thể được nhận làm Tỳ kheo tùy tùng. Năm đó là gì? (1) Người đó không đi quá xa hoặc quán gần người kia; (2) mang bình bát khi nó đã đầy (thức ăn...); (3) kiềm chế (nhắc nhở, cảnh báo) người kia khi người kia lời nói người kia sắp dính tội; (4) không ngắt lời khi người kia đang nói; và (5) có trí khôn, thông minh, nhạy bén. Có được năm phẩm chất này, người đó có thể được nhận làm Tỳ kheo tùy tùng.”

113 (3) Định Tâm

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo không có khả năng chứng nhập trong chánh-định. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu được những hình-sắc, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo không có khả năng chứng nhập chánh-định.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo có khả năng chứng nhập trong chánh-định. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có thể kiên nhẫn chịu được những hình-sắc, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo có khả năng chứng nhập chánh-định.”

114 (4) *Andhakavinda*

Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Magadha (Ma-kiệt-đà) ở Andhakavinda. Lúc đó Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với thầy ấy:

“Này Ānanda, những Tỳ kheo nào là người mới vào tu, là những người mới xuất gia, những người mới đến với Giáo Pháp và giới-luật này, thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong năm điều. Năm đó là gì?

(1) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự kiểm-chế của Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo] như vậy: ‘Này các đạo hữu, hãy có giới hạnh; sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, hãy tu tập theo/trong chúng.’

(2) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự kiểm-chế các căn cảm-nhận (giác quan) như vậy: ‘Này các đạo hữu,

hãy phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận; lấy sự chánh-niệm là người bảo vệ; hãy có chánh-niệm và tỉnh-giác, có được một cái tâm được phòng hộ, một cái tâm dưới sự bảo vệ của sự chánh-niệm.’

(3) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong hạn chế lời-nói như vậy: ‘Này các đạo hữu, đừng nói chuyện nhiều. Hãy hạn chế sự nói chuyện của mình.’

(4) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự tách-ly thân như vậy: ‘Này các đạo hữu, hãy là những người sống tu trong rừng. Lui về ở những nơi xa lánh trong rừng núi (để tu).’

(5) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong một tâm-nhìn đúng đắn như vậy: ‘Này các đạo hữu, hãy nắm giữ cách-nhìn chân chính (chánh kiến) và có tâm-nhìn đúng.’⁹⁵⁵

“Này Ānanda, những Tỳ kheo nào là người mới vào tu, là những người mới xuất gia, những người mới đến với Giáo Pháp và giới-luật này, thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong năm điều như vậy.”

115 (5) Keo Kiệt

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó keo kiệt (và tham lam) về những chỗ ở, về những gia đình (cúng dường), về những lợi lộc, về lời khen, và về Giáo Pháp.⁹⁵⁶ Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó không keo kiệt về những chỗ ở, về những gia đình, về những lợi lộc, về lời khen, và về Giáo Pháp. Có được năm phẩm chất này, một

Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

116 (6) Khen

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ tin một vấn đề đang nghi ngờ. (4) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ nghi ngờ một vấn đề đáng tin tưởng. (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo).⁹⁵⁷ Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó chê người đáng chê. (3) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó nghi ngờ một vấn đề đang nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó tin một vấn đề đáng tin tưởng. (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”⁹⁵⁸

117 (7) Ghen Tỵ

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê

trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Người đó ghen tỵ, và (4) keo kiệt. (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó chê người đáng chê. (3) Người đó không ghen tỵ, và (4) không keo kiệt. (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.

118 (8) Cách Nhìn

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và (4) có những ý-định sai trái (tà tư duy). (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó? Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó chê người đáng chê. (3) Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và

(4) có những ý-định đúng đắn (chánh tư duy). (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỷ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

119 (9) Lời Nói

[Giống hết kinh 5:118, nhưng thay điều (3) và (4) trong hai đoạn ‘địa ngục’ và ‘cõi trời’ như sau:]

“... (3) Người đó có lời-nói sai trái (tà ngữ), và (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) ...

“... (3) Người đó có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ), và (4) hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) ...”

120 (10) Nỗ Lực

[Giống hết kinh 5:118, nhưng thay điều (3) và (4) trong hai đoạn ‘địa ngục’ và ‘cõi trời’ như sau:]

“... (3) Người đó có sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn), và (4) sự chú-tâm sai lạc (tà niệm) ...

“... (3) Người đó có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn), và (4) sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) ...”

NHÓM 3

BỆNH

121 (1) Bệnh

“Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đến thăm khu bệnh xá, ở đó đức Thế Tôn nhìn thấy một Tỳ kheo yếu ớt và đau bệnh. Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn và nói với Tỳ kheo đó:

“Này các Tỳ kheo, nếu năm điều không tuột mất khỏi một Tỳ kheo yếu ớt và đau bệnh, thì có thể trông đợi người ấy: ‘Không bao lâu nữa, với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.’ Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo sống (1) quán xét (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn của thân, (2) nhận thức sự đáng ghê tởm của thức ăn, (3) nhận thức sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn bộ thế gian, (4) quán xét tính vô-thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi); và (5) người đó có sự nhận-thức về sự chết được thiết lập một cách vững chắc ở bên-trong (tâm). Nếu năm điều này không tuột mất khỏi một Tỳ kheo yếu ớt và đau bệnh, thì có thể trông đợi người ấy: ‘Không bao lâu nữa, với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.’”

122 (2) Sự Thiết Lập Chánh Niệm

“Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tu tập và tu dưỡng năm điều, thì có thể trông đợi một trong những thánh quả: đó là trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này (A-la-hán), hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng, đó là thánh quả Bất-lai. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo (1) có sự chánh-niệm được thiết lập một cách thiện khéo ở bên trong để [đạt tới, đắc được] trí-tuệ để thấy nhận thấy sự sinh và diệt của

những hiện-tượng;⁹⁵⁹ người đó sống (2) quán xét (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn của thân, (3) nhận thức sự đáng ghê tởm của thức ăn, (4) nhận thức sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn bộ thể gian, (5) quán xét tính vô-thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi). Nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tu tập và tu dưỡng năm điều này, thì có thể trông đợi một trong những thánh quả: đó là trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng, đó là thánh quả Bất-lai.”

123 (3) Một Người Chăm Sóc (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một người bệnh là khó chăm sóc. Năm đó là gì? (1) Người đó làm những điều có hại. (2) Người đó không giữ sự tiết độ (vừa phải, chừng mực) trong những thứ ích lợi. (3) Người đó không chịu dùng thuốc thang. (4) Người đó không nói đúng nói rõ những triệu chứng của mình cho người chăm sóc tận tâm; người đó không báo rõ tình trạng của mình là đang tệ hơn, hay đang tốt hơn, hay vẫn không biến chuyển. (5) Người đó không kiên nhẫn chịu đựng những cảm-giác đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống đã khởi sinh trong thân. Có năm phẩm chất này, một người bệnh là khó chăm sóc.

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất [khác], một người bệnh là dễ chăm sóc. Năm đó là gì? (1) Người đó làm những điều ích lợi. (2) Người đó giữ sự tiết độ trong những thứ ích lợi. (3) Người đó dùng thuốc thang. (4) Người đó nói đúng nói rõ những triệu chứng của mình cho người chăm sóc tận tâm; người đó báo rõ tình trạng của mình là đang tệ hơn, hay đang tốt hơn, hay vẫn không biến chuyển. (5) Người đó kiên nhẫn chịu đựng những cảm-giác đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống đã khởi sinh trong thân. Có năm phẩm chất này, một người bệnh là dễ chăm sóc.

124 (4) Một Người Chăm Sóc (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một người chăm sóc là không đủ phẩm chất để chăm sóc bệnh nhân. Năm đó là gì? (1) Người đó không có khả năng chuẩn bị thuốc thang. (2) Người đó không biết cái gì là lợi hay hại, nên người đó đưa ra những có hại và thu lại những thứ ích lợi. (3) Người đó chăm sóc bệnh vì tiền bạc vật chất, không phải vì một cái tâm từ ái. (4) Người đó thấy ghê tởm khi phải dọn phân, nước tiểu, đồ ối mưa, hay nước dãi nước miếng (của người bệnh). (5) Người đó không có khả năng thỉnh thoảng hướng dẫn, khích lệ, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ bệnh nhân bằng sự nói chuyện về Giáo Pháp. Có năm phẩm chất này, một người chăm sóc là không đủ phẩm chất để chăm sóc người bệnh.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một người chăm sóc là đủ phẩm chất để chăm sóc bệnh nhân. Năm đó là gì? (1) Người đó có khả năng chuẩn bị thuốc thang. (2) Người đó biết cái gì là lợi hay hại, nên người đó đưa ra những ích lợi và thu lại những thứ có hại. (3) Người đó chăm sóc bệnh không vì tiền bạc vật chất, mà với một cái tâm từ ái. (4) Người đó không thấy ghê tởm khi phải dọn phân, nước tiểu, đồ ối mưa, hay nước dãi nước miếng (của người bệnh). (5) Người đó có khả năng thỉnh thoảng hướng dẫn, khích lệ, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ bệnh nhân bằng sự nói chuyện về Giáo Pháp. Có năm phẩm chất này, một người chăm sóc là đủ phẩm chất để chăm sóc người bệnh.”

125 (5) Sức Sống (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm điều này làm suy giảm sức sống. Năm đó là gì? Người làm những điều có hại; người không giữ sự tiết độ (vừa phải, chừng mực) trong những thứ ích lợi; người có hệ tiêu hóa không

tốt; người đi [khất thực] vào những lúc không phù hợp (phi thời);⁹⁶⁰ người không sống độc thân. Đây là năm điều làm suy giảm sức sống.

“Này các Tỳ kheo, có năm điều [khác] làm gia tăng sức sống. Năm đó là gì? Người làm những điều có ích lợi; người giữ sự tiết độ trong những thứ ích lợi; người có hệ tiêu hóa tốt; người đi [khất thực] vào những lúc phù hợp; người sống độc thân. Đây là năm điều làm gia tăng sức sống.”

126 (6) *Sức Sống (2)*

“Này các Tỳ kheo, có năm điều này làm suy giảm sức sống. Năm đó là gì? Người làm những điều có hại; người không giữ sự tiết độ (vừa phải, chừng mực) trong những thứ ích lợi; người có hệ tiêu hóa không tốt; người thất đức (thiếu giới hạnh); người có bạn bè xấu. Đây là năm điều làm suy giảm sức sống.

“Này các Tỳ kheo, có năm điều [khác] làm gia tăng sức sống. Năm đó là gì? Người làm những điều có ích lợi; người giữ sự tiết độ trong những thứ ích lợi; người có hệ tiêu hóa tốt; người đức hạnh (có giới hạnh); người có bạn bè tốt. Đây là năm điều làm gia tăng sức sống.”

127 (7) *Sống Tách Riêng*

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo là không đủ phẩm chất (không thích hợp, không đủ khả năng) để sống tách riêng khỏi Tăng Đoàn. Năm đó là gì? (1) Người đó không hài lòng với mọi loại thứ y-áo (cà sa); (2) người đó không hài lòng với mọi thứ thức-ăn (3) người đó không hài lòng với mọi chỗ-ở; (4) người đó không hài lòng với mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh; và (5) người đó sống với những ý nghĩ nhục-dục. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là không đủ phẩm chất để sống tách riêng khỏi Tăng Đoàn.

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo là đủ phẩm chất để sống tách riêng khỏi Tăng Đoàn. Năm đó là gì? (1) Người đó hài lòng với mọi loại thứ y-áo (cà sa); (2) người đó hài lòng với mọi thứ thức-ăn (3) người đó hài lòng với mọi chỗ-ở; (4) người đó hài lòng với mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh;⁹⁶¹ và (5) người đó sống không có những ý nghĩ nhục-dục. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là đủ phẩm chất để sống tách riêng khỏi Tăng Đoàn.”

128 (8) Hạnh Phúc Của Tu Sĩ

“Này các Tỳ kheo, có năm loại khổ đối với một tu sĩ (sa-môn). Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không hài lòng với mọi loại thứ y-áo (cà sa); (2) người đó không hài lòng với mọi thứ thức-ăn (3) người đó không hài lòng với mọi chỗ-ở; (4) người đó không hài lòng với mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh; và (5) người đó sống đời sống tâm linh không được mãn lòng. Đây là năm loại khổ của một tu sĩ.

“Này các Tỳ kheo, có năm loại hạnh-phúc với một tu sĩ. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo hài lòng với mọi loại thứ y-áo (cà sa); (2) người đó hài lòng với mọi thứ thức-ăn (3) người đó hài lòng với mọi chỗ-ở; (4) người đó hài lòng với mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh; và (5) người đó sống đời sống tâm linh được vui lòng. Đây là năm loại hạnh phúc của một tu sĩ.

129 (9) Những Tôn Thương

“Này các Tỳ kheo, có năm sự tổn thương bất khả chữa trị⁹⁶² dẫn tới cảnh giới đầy đọa, dẫn tới địa ngục. Năm đó là gì? (1) Kẻ giết mẹ; (2) kẻ giết cha; (3) kẻ giết A-la-hán; (4) kẻ với một cái tâm thù hận làm Như Lai chảy máu; và (5) kẻ tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. Có năm sự tổn thương bất khả chữa trị dẫn tới cảnh giới đầy đọa, dẫn tới địa

ngục.”

130 (10) Những Thành Tựu

“Này các Tỳ kheo, có năm khổ nạn này. Năm đó là gì? (1) Khổ nạn [do mất] người thân thuộc; (2) khổ nạn [do mất] của cải; (3) khổ nạn [do bị] bệnh đau; (4) khổ nạn đối với giới-hạnh, và (5) khổ nạn đối với cách-nhìn (tà kiến).⁹⁶³ Không phải do khổ nạn thứ nhất, hay thứ hai, hay thứ ba nên khi thân tan rã, nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Chính do khổ nạn thứ tư và thứ năm nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Đây là năm khổ nạn.

“Này các Tỳ kheo, có năm thành tựu này. Năm đó là gì? (1) Thành tựu [có được] người thân thuộc; (2) thành tựu [có được] của cải; (3) thành tựu [có được] sức khỏe; (4) thành tựu về giới-hạnh, và (5) thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến). Không phải do thành tựu thứ nhất, hay thứ hai, hay thứ ba nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Chính do thành tựu thứ tư và thứ năm nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đây là năm thành tựu.”

NHÓM 4

VUA

131 (1) Tiếp Tục Quay Chuyển Bánh Xe (1)

“Này các Tỳ kheo, có được năm yếu tố, một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương) thiết lập sự chuyển dịch bánh xe chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp,⁹⁶⁴ một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ chúng sinh hung bạo nào trong hình dạng con người. Năm đó là gì? Ở đây, một vị vua quay chuyển bánh xe là người biết điều tốt là gì, người biết Giáo Pháp, người biết sự đo lường đúng đắn, người biết thời gian phù hợp, và người biết hội chúng. Có được năm yếu tố này, một vị vua quay chuyển bánh xe thiết lập sự chuyển dịch bánh xe chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ chúng sinh hung bạo nào trong hình dạng con người.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển động của bánh xe vô thượng của Giáo Pháp, một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, hay trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian. Năm đó là gì? Ở đây, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là một bậc biết điều tốt là gì, bậc biết Giáo Pháp, bậc biết sự đo lường đúng đắn, bậc biết thời gian phù hợp, và bậc biết những hội chúng.⁹⁶⁵ Có được năm phẩm chất này, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển động của bánh xe vô thượng của Giáo Pháp ... không thể nào bị quay ngược bởi ... bất cứ ai trong thế gian.”

132 (2) Tiếp Tục Quay Chuyển Bánh Xe (2)

[Giống hết đoạn thứ nhất của kinh kể trên, chỉ thay thế “vị vua quay chuyển bánh xe” bằng “người con cả (thái tử) của vị vua quay chuyển bánh xe”.]

“Cũng giống như vậy, có được năm phẩm chất, Xá-lợi-phát, chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển động của bánh xe vô

thượng của Giáo Pháp đã được thiết lập dịch chuyển bởi Như Lai, một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, hay trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian.⁹⁶⁶ Năm đó là gì? Ở đây, Xá-lợi-phất là người biết điều tốt là gì, người biết Giáo Pháp, người biết sự đo lường đúng đắn, người biết thời gian phù hợp, và người biết những hội chúng. Có được năm phẩm chất này, Xá-lợi-phất, chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển động của bánh xe vô thượng của Giáo Pháp đã được thiết lập dịch chuyển bởi Như Lai, một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, hay trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian.”

133 (3) Vị Vua⁹⁶⁷

— “Này các Tỳ kheo, ngay cả một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, cũng không quay chuyển bánh xe nếu không có vị vua trên ông ta.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Nhưng, thưa Thế Tôn, ai là vị vua ở trên vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp đó?”

“Đó chính là Giáo Pháp, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.⁹⁶⁸

“Ở đây, này Tỳ kheo, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho những người trong hoàng cung của ông. Lại nữa, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho những chư thần giai cấp chiến-sĩ,

quân đội, những bà-la-môn và những gia chủ, những người ở thành thị và thôn quê, những tu sĩ và bà-la-môn, những súc vật và chim muông. Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho tất cả những chúng-sinh như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe đó, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, chỉ quay chuyển bánh xe nhờ vào duy nhất Giáo Pháp,⁹⁶⁹ đó là bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi chúng sinh hung bạo nào trong hình dạng con người.⁹⁷⁰

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho các Tỳ kheo ... các Tỳ kheo ni ... những đệ tử tại gia nam ... những đệ tử tại gia nữ, nói rằng: (1) ‘Hành động này nên tu dưỡng; hành động kia không nên tu dưỡng’; (2) ‘Lời nói này nên tu dưỡng; lời nói kia không nên tu dưỡng’; (3) ‘Tâm ý này nên tu dưỡng; tâm ý kia không nên tu dưỡng’; (4) ‘Sự mưu-sinh này nên được tu dưỡng; sự mưu-sinh kia không nên tu dưỡng’; (5) ‘Làng xóm hay phố thị này nên được nương dựa; làng xóm hay phố thị kia không nên được nương dựa.’

“Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, vị vua chân chính của Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển dịch bánh xe vô thượng của Giáo Pháp chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, hay trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian.”

134 (4) Dù Ở Phương Nào

— “Này các Tỳ kheo, dù đang sống ở phương nào, một vị vua giai

cấp chiến-sĩ (khattiya) đã được xúc dầu lên đầu (được phong vương, đã được xúc dầu lên đầu trong lễ quán đảnh) nếu có được năm phẩm chất thì coi như đang sống trong cõi riêng của mình. Năm đó là gì?

“(1) Ở đây, một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ. (2) Vị vua đó giàu có, với nhiều của cải và tài sản, với đầy đủ châu báu và kho tàng. (3) Vị vua đó là mạnh mẽ, có một quân đội bốn binh chủng luôn vâng lệnh và chấp hành những mệnh lệnh của mình. (4) Quân sư của nhà vua là khôn trí, giỏi giang, và thông minh, có thể xem xét những ích lợi thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại.⁹⁷¹ (5) Bốn phẩm chất này sẽ giúp gia tăng danh tiếng của vị vua. Có được năm phẩm chất này, gồm cả danh tiếng, vị vua sống như trong cõi riêng của mình cho dù đang sống ở bất cứ phương nào. Vì lý do gì? Vì đây là cách mà một người chiến thắng có được.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, dù đang sống ở phương nào, một Tỳ kheo có được năm phẩm chất thì sống được giải thoát trong tâm. Năm đó là gì?

“(1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo chúng. Điều này giống như tình trạng được thiện sinh của vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu. (2) Người đó đã học hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Điều này giống

như sự giàu có của vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu, với nhiều của cải và tài sản, nhiều châu báu và kho tàng. (3) Người đó đã phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố gắng, không lơ lảng bỏn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Điều này giống như sự mạnh mẽ của vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu. (4) Người đó là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Điều này giống như sự có được một quân sư tốt của vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu. (5) Đây là bốn phẩm chất giúp gia tăng danh-tiếng của mình. Có được năm phẩm chất này, gồm cả danh-tiếng, người đó sống được giải thoát trong tâm cho dù đang ở bất cứ phương nào. Vì lý do gì? Bởi vì đây là cách mà một người được giải thoát trong tâm có được.”

135 (5) *Khao khát (1)*

— “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, người con cả (thái tử) của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu khao khát được làm vua. Năm đó là gì? (1) Ở đây, thái tử của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ. (2) Thái tử đó đẹp trai, hấp dẫn, duyên dáng, có da dẻ tuyệt đẹp. (3) Thái tử đó là dễ thương và đáng yêu đối với cha mẹ. (4) Thái tử đó là dễ thương và đáng mến đối với những người trong thành thị và làng quê. (5) Thái tử đó được huấn luyện và thiện thạo những tài nghệ của những vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu, như cưỡi voi, điều khiển ngựa, lái xe, bắn cung, hay đánh kiếm.

“Thái tử đó ý nghĩ như vậy: (1) ‘Ta đã được thiện sinh ... như

vậy, tại sao ta không khao khát được làm vua? (2) Ta là đẹp trai ... như vậy, tại sao ta không khao khát được làm vua? (3) Ta là dễ thương ... đối với cha mẹ của ta như vậy, tại sao ta không khao khát được làm vua? (4) Ta là dễ thương ... đối với những người ở thành thị và làng quê như vậy, tại sao ta không khao khát được làm vua? (5) Ta được huấn luyện và thiện thạo những tài nghệ ... như vậy, Ta là dễ thương ... với cha mẹ của ta như vậy, tại sao ta không khao khát được làm vua?'. Có được năm yếu tố này, thái tử của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu khao khát được làm vua.

— “Cũng giống như vậy, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó ít khi bị bệnh hay đau đớn, có hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng nhưng vừa phải và thích hợp để phẩn-đầu tu tập (tinh cần). (3) Người đó chân thực và khai mở, người đó thể hiện bản thân mình đúng như nó thực là đối với Sư Thầy và những Tỳ kheo đồng đạo hiện trí của mình. (4) Người đó phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố gắng, không lơ lảng bồn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. (5) Người đó là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Người đó ý nghĩ như vậy: (1) ‘Ta được phú cho niềm-tin; ta đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai ... như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (2) Ta ít khi bị bệnh hay đau đớn ... như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (3) Ta

là chân thực và khai mở ... như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (4) Ta đã phát khởi nỗ-lực ... như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (5) Ta là khôn trí; ta có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và diệt ... như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm?’

“Có được năm phẩm chất này, một Tỷ kheo khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

136 (6) *Khao khát (2)*

— “Này các Tỷ kheo, có năm yếu tố, người con cả (thái tử) của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu khao khát được làm phó vương (người dưới vua cai trị một cõi hay xứ thuộc đế vương). Năm đó là gì? (1) ... (2) ... (3) ... (4) ... [*giống kinh kể trên*] ... (5) Người đó là khôn trí, giỏi giang, và thông minh, có thể suy xét những ích lợi thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại.

“Thái tử đó ý nghĩ như vậy: (1) ‘Ta đã được thiện sinh ... như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương? (2) Ta là đẹp trai ... như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương? (3) Ta là dễ thương ... đối với cha mẹ của ta như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương? (4) Ta là dễ thương ... đối với những người ở thành thị và làng quê như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương? (5) Ta là khôn trí, giỏi giang, và thông minh ... như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương?’ Có được năm yếu tố này, vị thái tử của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xúc dầu lên đầu khao khát được làm phó vương.

— “Cũng giống như vậy, có năm phẩm chất này, một Tỷ kheo khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỷ kheo là có giới hạnh ... Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo chúng. (2) Người đó đã học hiểu nhiều ... đã thâm

nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Người đó có tâm được thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm. (4) Người đó phát khởi nỗ-lực ... không lơ lảng bồn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. (5) Người đó là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và diệt ... dẫn tới sự hoàn toàn diệt khổ.

“Người đó ý nghĩ như vậy: (1) ‘Ta là có giới hạnh ... như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (2) Ta đã học hiểu nhiều ... như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (3) Ta là người có tâm được thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (4) Ta đã phát khởi nỗ-lực ... không lơ lảng bồn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (5) Ta là khôn trí; ta có được trí-tuệ ... dẫn tới sự hoàn toàn diệt khổ như vậy, tại sao ta không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm?’

“Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

137 (7) Ít Ngủ

“Này các Tỳ kheo, năm loại người này ngủ ít thức nhiều vào ban đêm. Năm đó là gì? Một phụ nữ thao thức [ý định] về một nam nhân; một nam nhân thao thức về một phụ nữ; một tên trộm thao thức về một vụ trộm; một ông vua thao thức vì những việc triều chính, và một Tỳ kheo thao thức về sự cắt đứt những sự trói buộc. Đây là năm người ngủ ít thức nhiều vào ban đêm.”

138 (8) Người Tiêu Tốn Thức Ăn

“Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua

chỉ là thứ tiêu tốn thức ăn, thứ chiếm chỗ, thứ thải phân dơ, và thứ tốn thẻ đếm,⁹⁷² chứ chưa được coi là một con voi đực của nhà vua. Năm đó là gì? (1) Nó không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc; (2) ... những âm-thanh; (3) những mùi-hương; ... (4) những mùi-vị; (5) ... những đối-tượng chạm xúc. Có năm yếu tố này một con voi đực của nhà vua chỉ là thứ tiêu thụ thức ăn ... thứ tốn thẻ đếm, chứ chưa được coi là một con voi đực của nhà vua.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một Tỳ kheo chỉ là người tiêu tốn thức ăn, người chiếm chỗ, người ngồi cho hư ghế,⁹⁷³ và người lấy thẻ,⁹⁷⁴ nhưng chưa được coi là một Tỳ kheo. Năm đó là gì? Ở đây, người đó không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc; (2) ... những âm-thanh; (3) những mùi-hương; ... (4) những mùi-vị; (5) ... những đối-tượng chạm xúc. Có năm yếu tố này, một Tỳ kheo chỉ là người tiêu tốn thức ăn, người chiếm chỗ, người ngồi cho hư ghế, người lấy thẻ, nhưng chưa được coi là một Tỳ kheo.”

139 (9) Không Kiên Nhẫn Chịu Đựng

(I) “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua không xứng đáng với nhà vua, không phải thứ (công cụ) của nhà vua, và không được coi là một yếu tố của vương triều. Năm đó là gì? (1) Nó không kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc; (2) ... những âm-thanh; (3) những mùi-hương; ... (4) những mùi-vị; (5) ... những đối-tượng chạm xúc.

(1) “Và theo cách nào là con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, khi nhìn thấy những đoàn voi chiến, đoàn kỵ binh, đoàn xe chiến, đoàn bộ binh thì nó chùn bước, rùn chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc.

(2) “Và theo cách nào là con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, khi nghe thấy tiếng kêu của voi chiến, ngựa chiến, xe chiến, hay của bộ binh, hay tiếng trống, trống thiếc, tiếng tù và, tiếng trống cơm thì nó chùn bước, rùn chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh.

(3) “Và theo cách nào là con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, khi ngửi thấy mùi của nước tiểu và phân của những con voi hoàng gia trực hệ thuần chủng và đã quen chiến trận thì nó chùn bước, rùn chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương.

(4) “Và theo cách nào là con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, nếu nó chán bỏ một phần ăn cỏ và nước, hoặc hai, ba, bốn, hay năm phần ăn thì nó chùn bước, rùn chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị.

(5) “Và theo cách nào một con voi đực không thể kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, nếu nó bị bắn trúng bởi một loạt mũi tên, hay hai, ba, bốn, hay năm loạt thì nó chùn bước, rùn chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc.

“Có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua không xứng đáng với nhà vua, không phải thứ của nhà vua, và không được coi là một yếu tố của vương triều.

(II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất,

một Tỳ kheo là không xứng đáng được tặng quà, hay xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, hay là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Năm đó là gì? Ở đây, người đó không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc; (2) ... những âm-thanh; (3) những mùi-hương; ... (4) những mùi-vị; (5) ... những đối-tượng chạm xúc.

(1) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc? Ở đây, một Tỳ kheo khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó bị say mê với hình-sắc gọi như đó, và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc.

(2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh? Ở đây, một Tỳ kheo khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai, người đó bị say mê với âm-thanh gọi như đó, và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh.

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương? Ở đây, một Tỳ kheo khi nghe thấy một mùi-hương bằng mũi, người đó bị say mê với mùi-hương gọi như đó, và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương.

(4) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị? Ở đây, một Tỳ kheo khi nghe thấy một mùi-vị bằng lưỡi, người đó bị say mê với mùi-vị gọi như đó, và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị.

(5) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc? Ở đây, một Tỳ kheo khi nghe thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân, người đó bị say mê với đối-tượng

chạm xúc gợi nhũ đó, và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc

“Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là không xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.

(III) “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua là xứng đáng với nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Năm đó là gì? ... [*Tiếp tục toàn bộ lời kinh với nghĩa ngược lại phần (I) ở trên.*]

(IV) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Năm đó là gì? ... [*Tiếp tục toàn bộ lời kinh với nghĩa ngược lại phần (II) ở trên.*]

140 (10) Người Lắng Nghe

— “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua là xứng đáng với nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Năm đó là gì? Ở đây, một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe, voi biết hủy diệt, voi biết phòng hộ, voi biết kiên nhẫn chịu đựng, và voi đi.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe? Ở đây, bất kỳ trách vụ nào người huấn luyện voi (nài voi) đưa ra cho nó, dù trách vụ đó đã từng làm hay chưa làm trước đó, con voi đực của nhà vua đều chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vô nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy là một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe.

(2) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy

diệt (kẻ thù)? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó hủy diệt những con voi và tượng sĩ (của kẻ thù); nó hủy diệt những con ngựa và kỵ sĩ; nó hủy diệt những xe ngựa và người lái xe ngựa; nó hủy diệt kỵ binh. Theo cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy diệt.

(3) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết phòng hộ? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó phòng hộ những hướng trước, những hướng sau, hai chân trước, hai chân sau, đầu, mình, ngà, đuôi, và người cỡi nó. Theo cách này một con voi đực của nhà vua là voi biết phòng hộ.

(4) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên nhẫn chịu đựng? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó kiên nhẫn chịu đựng bị giáo mác, gươm kiếm, cung tên, và búa rìu; nó chịu đựng tiếng đình tai nhức óc của trống, trống thiếc, tù và, và trống mõ. Theo cách này một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên nhẫn chịu đựng.

(5) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi đi? Ở đây, một con voi đực của nhà vua biết nhanh chóng đi tới vùng nào người nài voi muốn nó đi tới, cho dù vùng đó đã từng đi hay chưa đi trước đó. Theo cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi đi.

“Có năm yếu tố này, một con voi đực của nhà vua là xứng đáng với nhà vua, là thứ của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Năm đó là gì? Kheo là người biết lắng nghe, người biết hủy diệt, người biết kiên nhẫn chịu đựng, và người đi.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo biết lắng nghe? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, một Tỳ kheo chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vô nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết lắng nghe.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết hủy diệt? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Người đó không dung dưỡng ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh ... ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh ... ý nghĩ xấu ác bất thiện khởi sinh lúc này lúc nọ, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết hủy diệt.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết phòng hộ? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu và tướng-nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn-mắt không được kiểm chế thì những phẩm chất bất thiện xấu ác như ham-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập sự kiểm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm nhận đảm nhận việc kiểm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu và tướng-nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn-tai ... căn-tâm không được kiểm chế thì những phẩm chất bất thiện xấu ác như ham-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập sự kiểm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm nhận đảm nhận việc kiểm chế căn-tai ... căn-tâm. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết phòng hộ.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người kiên nhẫn chịu đựng?

Ở đây, một Tỳ kheo kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh; sự đói khát; sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và rắn rít; những lời nói thô tục, và chọc, chửi, sỉ nhục; người đó có khả năng chịu đựng những cảm-giác ở thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người kiên nhẫn chịu đựng.

(5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người đi? Ở đây, một Tỳ kheo nhanh chóng đi đến ‘vùng’ mà mình đã chưa bao giờ đến đó sau quãng thời gian dài thăm thẳm này (trong luân hồi), đó là, đi đến sự lắng-lặng tất cả mọi hành-vi (hành tạo tác), đi đến sự từ-bỏ tất cả mọi sự chấp-hữu (sở hữu, sở đắc, dính chấp), đi đến sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người đi.⁹⁷⁵

“Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà ... là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

NHÓM 5

TIKAṄḌAKĪ

141 (I) Cho Rồi Khinh

“Này các Tỳ kheo, có năm loại người này được thấy có trong thế gian. Năm đó là gì? Người cho rồi khinh; người sống chung rồi khinh; người dễ tin lời tán gẫu; người thất thường; và người ngu đần.

(1) “Và theo cách nào là một người cho rồi khinh? Ở đây, một người cho (bố thí, cúng dường) người khác y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Người đó ý nghĩ như vậy: ‘Tôi cho; người đó nhận’. Sau khi cho, người đó khinh thường người nhận.

Theo cách này một người là người cho rồi khinh.

(2) “Và theo cách nào là một người sống chung rồi khinh? Ở đây, một người sống chung với người khác được hai hay ba năm. Rồi kết quả là người đó khinh người kia do họ đã sống chung với nhau. Theo cách này một người là người sống chung rồi khinh.

(3) “Và theo cách nào một người là dễ tin lời tán gẫu? Ở đây, khi có ai khen hay chê một người khác, người đó sẵn sàng tin ngay. Theo cách này một người là dễ tin vào lời tán gẫu.

(4) “Và theo cách nào một người là người thất thường? Ở đây, niềm tin, sự thành tín, sự kính mến, và sự tự tin của một người cứ chớp nhá thay đổi liên tục. Theo cách này một người là thất thường.

(5) “Và theo cách nào một người là ngu đần? Ở đây, một người không biết những phẩm chất nào là thiện và những phẩm chất nào là bất thiện, những phẩm chất nào là tội lỗi và những phẩm chất nào là không tội lỗi, những phẩm chất nào là tiểu nhược và những phẩm chất nào là cao thượng; người đó không biết những phẩm chất tối và sáng và những phẩm chất ngược lại. Theo cách này một người là ngu đần.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm loại người thấy có trong thế gian.”

142 (2) Người Vi Phạm

“Này các Tỳ kheo, có năm loại người này được thấy có trong thế gian. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một người vi phạm rồi hối hận, và không hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó thực là, ở đó (trong sự giải-thoát đó) những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư.⁹⁷⁶

(2) “Ở đây, một người vi phạm rồi không hối hận,⁹⁷⁷ và không hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó

thực là, ở đó những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư.

(3) “Ở đây, một người không vi phạm nhưng vẫn hối hận,⁹⁷⁸ và không hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó thực là, ở đó những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư.

(4) “Ở đây, một người không vi phạm và không hối hận, và không hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó thực là, ở đó những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư.

(5) “Ở đây, một người không vi phạm và không hối hận, và hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó thực là, ở đó những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư.

(1) “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo loại (1) nên được bảo: ‘Này đạo hữu, những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm được thấy có trong thầy, và những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận càng gia tăng. Vậy thầy hãy dẹp bỏ những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm và xua tan những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận; rồi hãy tu tập tâm và trí-tuệ của thầy.’⁹⁷⁹ Theo cách này thì thầy sẽ giống như loại người thứ năm.’

(2) “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo loại (2) nên được bảo: ‘Này đạo hữu, những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm được thấy có trong thầy, nhưng những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận không gia tăng. Vậy thầy hãy dẹp bỏ những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm; rồi hãy tu tập tâm và trí-tuệ của thầy. Theo cách này thì thầy sẽ giống như loại người thứ năm.’

(3) “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo loại (2) nên được bảo: ‘Này đạo hữu, những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm không thấy có trong thầy, nhưng những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận lại gia tăng. Vậy thầy hãy

xua tan những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận; rồi hãy tu tập tâm và trí-tuệ của thầy. Theo cách này thì thầy sẽ giống như loại người thứ năm.’

(4) “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo loại (2) nên được bảo: ‘Này đạo hữu, những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm không thấy có trong thầy, nhưng những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận cũng không gia tăng. Vậy thầy hãy tu tập tâm và trí-tuệ của thầy. Theo cách này thì thầy sẽ giống như loại người thứ năm.’

“Như vậy đó, này các Tỳ kheo, khi những người thuộc bốn loại trên được khởi xướng và hướng dẫn bởi một bậc gương mẫu thuộc loại (5), thì họ sẽ dần dần đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.”

143 (3) *Sārandada*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô thành Vesālī để khát thực. Bấy giờ, vào lúc đó có năm trăm người Licchavi đang tập họp ở Đền Sārandada, và khi họ đang ngồi với nhau, có khởi sinh chuyện đàm luận này: “Sự hiện thị (có mặt) của năm báu là hiếm thay trong thế gian. Năm đó là gì? Voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, và quản gia báu. Sự hiện thị của năm báu này là hiếm thay trong thế gian.”

Rồi những người Licchavi cử một người đứng ngoài đường, họ nói với anh ta: “Này thiện hữu, khi nào anh nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đến, anh báo cho chúng tôi biết nhen.” Rồi người đó nhìn thấy đức Thế Tôn đi đến từ xa, liền đến chỗ những người Licchavi và nói với họ: “Thưa các ông, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang đến. Giờ các ông tùy nghi đến gặp.”

Rồi những người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và đứng sang một bên, họ thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, kính mời đức Thế Tôn ghé đến Đền Sārandada, vì lòng bi mẫn.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi đức Thế Tôn đến chỗ Đền Sārandada, ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với những người Licchavi:

“Chuyện gì quý vị vừa rồi đang đàm luận khi đang ngồi với nhau ở đây? Câu chuyện đang nói dở dang là gì?”

“Thưa Thế Tôn, ở đây, sau khi chúng con đã tụ họp và ngồi chung với nhau, có khởi sinh chuyện đàm luận này: ... [*Họ lặp lại chuyện như trên*] ...

“Chủ ý tới những dục-lạc, những người Licchavi các vị đang đàm luận về những dục-lạc! Nay những vị người Licchavi, sự xuất hiện (hiện thị) của năm báu là hiếm thay trong thế gian. Năm đó là gì? (1) Sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là hiếm thay trong thế gian. (2) Người chỉ dạy Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai là hiếm thay trong thế gian. (3) Khi Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy, một người hiểu được là hiếm thay trong thế gian. (4) Khi Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy và được hiểu, một người thực hành đúng theo Giáo Pháp là hiếm thay trong thế gian. (5) Một người biết ơn và nhớ ơn là hiếm thay trong thế gian. Nay những vị người Licchavi, sự xuất hiện của năm báu này là hiếm thay trong thế gian.”

144 (4) Tikaṇḍakī

Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa trong khu rừng Tikaṇḍakī. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói

điều này:

“(1) Nay các Tỳ kheo, sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo tỉnh thoảng sống nhận thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm. (2) Sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo tỉnh thoảng sống nhận thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm. (3) Sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo tỉnh thoảng sống nhận thức sự ghê-tởm trong cả những thứ không ghê-tởm và những thứ ghê-tởm. (4) Sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo tỉnh thoảng sống nhận thức sự không ghê-tởm trong cả những thứ ghê-tởm và những thứ ghê-tởm. (5) Sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo tỉnh thoảng sống buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã quay lưng từ bỏ cả những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm.”⁹⁸⁰

(1) “Và vì ích lợi gì một Tỳ kheo nên sống nhận thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm? ‘Đó là không để tham-dục khởi sinh trong ta đối với những thứ kêu gọi nhục-dục!’: vì ích lợi này một Tỳ kheo nên sống nhận thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm. (Ví dụ đối với thân sắc đẹp đẽ, nhận thức sự không sạch của thân và sự vô thường của nó)

(2) “Và vì ích lợi gì một Tỳ kheo nên sống nhận thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm? ‘Đó là không để sân-ghét khởi sinh trong ta đối với những thứ kêu gọi sự sân-giận!’: vì ích lợi này một Tỳ kheo nên sống nhận thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm. (Ví dụ đối với thân sắc xấu xí, nhận thức ích lợi của nó giúp mình sống được để tu tâm; đối với rác rưởi hôi thối, nhận thức mặt tốt của nó là có thể dùng làm phân bón cho cây trái)

(3) “Và vì ích lợi gì một Tỳ kheo nên sống nhận thức sự ghê-tởm trong cả những thứ không ghê-tởm và những thứ ghê-tởm? ‘Đó là không để tham-dục khởi sinh trong ta đối với những thứ kêu gọi nhục-dục, và không để sân-ghét khởi sinh trong ta đối với những thứ kêu gọi sự sân-giận!’: vì ích lợi này một Tỳ kheo nên sống nhận thức sự ghê-tởm trong

những thứ không ghê-tởm. (Ví dụ đối với thân sắc đẹp đẽ, vừa nhận thức sự không sạch của thân và sự vô thường của nó (thì khỏi tham muốn), và nhận thức ích lợi của nó cho mình sống được để tu tâm (thì khỏi sân ghét, ưu phiền))

(4) “Và vì ích lợi gì một Tỷ kheo nên sống nhận thức sự không ghê-tởm trong cả những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm? ‘Đó là không để sân-ghét khởi sinh trong ta đối với những thứ khêu gợi sự sân-giận, và không để tham-dục khởi sinh trong ta đối với những thứ khêu gợi nhục-dục!’: vì ích lợi này một Tỷ kheo nên sống nhận thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm. (Ví dụ đối với thân sắc xấu xí, vừa nhận thức ích lợi của nó cho mình sống được để tu tâm (thì khỏi sân ghét, ưu phiền), và nhận thức sự không sạch của thân và sự vô thường của nó (thì khỏi tham muốn))

(5) “Và vì ích lợi gì một Tỷ kheo nên sống buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã quay lưng từ bỏ cả những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm? ‘Đó là không để tham-dục khởi sinh trong ta theo bất cứ cách nào đối với những thứ khêu gợi nhục-dục! Không để sân-giận khởi sinh trong ta theo bất cứ cách nào đối với những thứ khêu gợi sự sân-ghét! Cầu cho si-mê không khởi sinh trong ta theo bất cứ cách nào đối với những thứ sản sinh ra si-mê!’: vì ích lợi này một Tỷ kheo nên sống buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã quay lưng từ bỏ cả những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm.”

145 (5) Địa Ngục

“Này các Tỷ kheo, có năm phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người sát sinh; gian cắp; tà dục tà dâm; nói láo nói sai; uống rượu nặng rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Người Có năm phẩm chất này, bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa

thăng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thăng lên đó. Năm đó là gì? Người kiêng cử sát sinh; kiêng cử gian cắp; kiêng cử tà dục tà dâm; kiêng cử nói láo nói sai; kiêng cử uống rượu nặng rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Người có được năm phẩm chất này, được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thăng lên đó.”

146 (6) Bạn

“Này các Tỳ kheo, không nên chọn bạn là một Tỳ kheo có năm phẩm chất. Năm đó là gì? Người đó xúi giục làm những công ăn việc làm; người đó hay bắt bẻ những vấn đề về giới-luật; người đó hung dữ với những Tỳ kheo đáng nể; người đó ý định đi lang thang vô mục đích; và người đó không có khả năng để có lúc chỉ dạy, khích lệ, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ (người khác) bằng bài nói chuyện Giáo Pháp. Không nên chọn bạn là một Tỳ kheo có năm phẩm chất này.

“Này các Tỳ kheo, nên chọn bạn là một Tỳ kheo có năm phẩm chất [khác]. Năm đó là gì? Người đó không xúi giục làm những công ăn việc làm; người đó không hay bắt bẻ những vấn đề về giới-luật; người đó không hung dữ với những Tỳ kheo đáng nể; người đó không ý định đi lang thang vô mục đích; và người đó có khả năng để có lúc chỉ dạy, khích lệ, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ (người khác) bằng bài nói chuyện Giáo Pháp. Nên chọn bạn là một Tỳ kheo có năm phẩm chất này.”

147 (7) Một Người Xấu

“Này các Tỳ kheo, có năm loại quà tặng của một người xấu. Năm

đó là gì? (1) Người đó bố thí một cách tùy tiện (thích thì làm, không thì thôi; có người thì cho, có người thì không); (2) người đó bố thí không có lòng kính trọng; (3) người đó không tự tay mình bố thí cúng dường; (4) người đó bố thí những thứ để bỏ đi (đồ bỏ đi); và (5) người đó bố thí mà không có chánh-kiến về phước quả (nghiệp và nghiệp quả) của sự bố thí. Đây là năm loại quà tặng của một người xấu.

“Này các Tỳ kheo, có năm loại quà tặng của một người tốt. Năm đó là gì? (1) Người đó bố thí một cách có ý tứ; (2) người đó bố thí với lòng kính trọng; (3) người đó tự tay mình bố thí cúng dường; (4) người đó bố thí những thứ không phải để bỏ đi (đồ giá trị); và (5) người đó bố thí với chánh-kiến về phước quả của sự bố thí. Đây là năm loại quà tặng của một người tốt.”

148 (8) Một Người Tốt

“Này các Tỳ kheo, đây là năm thứ quà tặng bởi một người tốt. Năm đó là gì? Người đó cho tặng một món quà vì có niềm tin; người đó cho tặng một món quà một cách kính trọng; người đó cho tặng một món quà đúng thời đúng lúc; người đó cho tặng một món quà với tấm lòng rộng lượng; người đó cho tặng một món quà mà (trong tâm) không có sự làm tổn tháp ai.

(1) “Vì người đó *cho tặng vì có niềm tin*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó đẹp đẽ, lịch lãm, duyên dáng, được phú cho làn da tuyệt đẹp.

(2) “Vì người đó *cho tặng một cách kính trọng*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và vợ, con, những người ở, người làm, những người đưa tin của người đó đều biết kính trọng vâng lời, biết lắng nghe người đó, và biết vận dụng tâm trí để hiểu người đó.

(3) “Vì người đó *cho tặng đúng thời đúng lúc*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và những lợi ích sẽ đến với người đó đúng thời đúng lúc, một cách dồi dào.

(4) “Vì người đó *cho tặng với tâm lòng rộng lượng*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và tâm của người đó hướng tới thụ hưởng được những thứ tốt nhất trong năm loại [dây] khoái lạc giác quan.

(5) “Vì người đó *cho tặng mà không làm tổn tháp chính mình hay người khác*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó không mất mát tài sản ở bất cứ nơi nào, không bị mất bởi hỏa hoạn, lũ lụt, vua chúa, trộm cướp, hay bởi những người thừa kế bất nghĩa.

“Này các Tỳ kheo, đó là năm loại quà cho tặng của một người tốt.”

149 (9) Giải Thoát Tạm Thời (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo đã được giải thoát một cách tạm thời.⁹⁸¹ Năm đó là gì? Ham thích làm lụng, ham thích nói chuyện, ham thích ngủ, ham thích gặp gỡ người khác, và người đó không xem xét lại tâm mình được giải thoát đến mức độ nào. Đây là năm điều dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo đã được giải thoát một cách tạm thời.

“Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo đã được giải thoát một cách tạm thời. Năm đó là gì? Không ham làm lụng, không ham nói chuyện, không ham ngủ, không ham gặp gỡ người khác, và người đó biết xem xét lại tâm mình được giải thoát đến mức độ nào. Đây là năm điều dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ

kheo đã được giải thoát một cách tạm thời.”

150 (10) Giải Thoát Tạm Thời (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo đã được giải thoát một cách tạm thời. Năm đó là gì? Ham thích làm lụng, ham thích nói chuyện, ham thích ngủ, không phòng hộ các cửa của các căn cảm nhận (giác quan), và không tiết độ trong ăn uống. Đây là năm điều dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo đã được giải thoát một cách tạm thời.

“Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo đã được giải thoát một cách tạm thời. Năm đó là gì? Không ham làm lụng, không ham nói chuyện, không ham ngủ, phòng hộ các cửa của các căn cảm nhận, và tiết độ trong ăn uống. Đây là năm điều dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo đã được giải thoát một cách tạm thời.”

[Năm Mười Kinh Thứ Tư]

NHÓM 1

THIỆN PHÁP

151 (I) Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (I)⁹⁸²

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, thì ngay cả trong lúc đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp) một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính (đúng đắn) trong những phẩm chất thiện lành; (gọi tắt là ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’).⁹⁸³ Năm đó là gì? Người chê bai cuộc nói chuyện (pháp thoại); người chê bai người nói (người thuyết pháp); người chê bai chính mình; người lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm bị xao lãng và phân tán; và người chú tâm một cách không kỹ càng (phi như lý tác ý). Có năm phẩm chất này, thì ngay cả trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành. Năm đó là gì? Người không chê bai cuộc nói chuyện (pháp thoại); người không chê bai người nói (người thuyết pháp); người không chê bai chính mình; người lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm không bị xao lãng và đạt nhất-điểm; và người chú tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý). Có được năm phẩm chất này, thì trong lúc đang nghe

Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.”

152 (2) Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, thì ngay cả trong lúc đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp) một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành. Năm đó là gì? Người chê bai cuộc nói chuyện (pháp thoại); người chê bai người nói (người thuyết pháp); người chê bai chính mình; người đó vô trí, ngu dần, u mê; người đó tưởng tượng mình đã hiểu điều mình thực ra chưa hiểu. Có năm phẩm chất này, thì ngay cả trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất [khác], thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành. Năm đó là gì? Người không chê bai cuộc nói chuyện (pháp thoại); người không chê bai người nói (người thuyết pháp); người không chê bai chính mình; người đó là có trí, thông minh, tinh tế; người đó không tưởng tượng mình đã hiểu điều mình thực ra chưa hiểu. Có được năm phẩm chất này, thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.”

153 (3) Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (3)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, thì ngay cả trong lúc đang

lắng nghe Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp) một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành. Năm đó là gì? (1) Người lắng nghe Giáo Pháp như một người phi báng mang trong đầu [bị ám muội với] sự phi báng; (2) Người lắng nghe Giáo Pháp với ý định chỉ trích nó, bắt lỗi này nọ; (3) Người đó đối nghịch với người thầy, ý định tấn công thầy; (4) người đó là vô trí, ngu đần, u mê; (5) người đó tưởng tượng mình đã hiểu điều mình thực ra chưa hiểu. Có năm phẩm chất này, thì ngay cả trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất [khác], thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành. Năm đó là gì? (1) Người lắng nghe Giáo Pháp không như một người phi báng mang trong đầu [bị ám muội với] sự phi báng; (2) Người lắng nghe Giáo Pháp không với ý định chỉ trích nó, bắt lỗi này nọ; (3) Người đó không đối nghịch với người thầy, không ý định tấn công thầy; (4) người đó là có trí, thông minh, tinh tế; (5) người đó không tưởng tượng mình đã hiểu điều mình thực ra chưa hiểu. Có được năm phẩm chất này, thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.”

154 (4) Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? (1) Ở đây, những Tỳ kheo không lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn trọng; (2) họ không học Giáo Pháp một cách tôn trọng; (3) họ không lưu giữ Giáo Pháp trong tâm một cách

tôn trọng; (4) họ không suy xét ý nghĩa của những giới-luật mà họ đã lưu giữ trong tâm; (5) họ không hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp một cách tôn trọng, và do đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là năm điều dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

“Này các Tỳ kheo, có năm điều [khác] dẫn tới sự liên tục, sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì (1) Ở đây, những Tỳ kheo lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn trọng; (2) họ học Giáo Pháp một cách tôn trọng; (3) họ lưu giữ Giáo Pháp trong tâm một cách tôn trọng; (4) họ suy xét ý nghĩa của những giới-luật mà họ đã lưu giữ trong tâm; (5) họ hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp một cách tôn trọng, và do đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là năm điều dẫn tới sự liên tục, sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.”

155 (5) Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (2)

— “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? (1) Ở đây, những Tỳ kheo không học Giáo Pháp, về những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bản sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp.

(2) “Lại nữa, những Tỳ kheo không chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp.

(3) “Lại nữa, những Tỳ kheo không đê (làm, giúp) cho những người khác lặp lại Giáo Pháp như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp.

(4) “Lại nữa, những Tỳ kheo không đọc tụng lại Giáo Pháp một cách chi tiết như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp.

(5) “Lại nữa, những Tỳ kheo không nghĩ đến (tâm), không suy xét (tứ), và không bằng tâm tra xét Giáo Pháp như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ năm dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp.

“Đây là năm điều dẫn đến sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp.

— “Này các Tỳ kheo, có năm điều [khác] dẫn tới sự liên tục, sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? (1) Ở đây, những Tỳ kheo học hiểu Giáo Pháp, về những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bản sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự liên tục, sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp.

(2) “Lại nữa, những Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự liên tục, sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp.

(3) “Lại nữa, những Tỳ kheo đê (làm, giúp) cho những người khác lặp lại Giáo Pháp như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự liên tục, sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp.

(4) “Lại nữa, những Tỳ kheo đọc tụng lại Giáo Pháp một cách chi tiết như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự liên tục, sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp.

(5) “Lại nữa, những Tỳ kheo biết nghĩ đến (tâm), suy xét (tứ), và bằng tâm tra xét Giáo Pháp như họ đã nghe được và học được. Đây là

điều thứ năm dẫn tới sự liên tục, sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp.

“Đây là năm điều dẫn đến sự liên tục, sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp.

156 (6) Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (3)

(I) “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì?⁹⁸⁴

(1) “Ở đây, các Tỳ kheo học các kinh (những bài thuyết giảng) đã được tiếp thu một cách tồi tệ, với những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách tồi tệ.⁹⁸⁵ Khi những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách tồi tệ, ý nghĩa được diễn dịch một cách tồi tệ. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(2) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là khó khuyên dạy, họ có những phẩm chất làm cho họ khó khuyên dạy. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(3) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những người thông thuộc về giới-luật, những người thông thuộc về những toát yếu (đại cương) lại không chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh bị bỏ ngang [bị cắt bỏ tận gốc], rồi chẳng còn ai bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì sống xa xỉ và lơ lửng, là những người lãnh đạo sa ngã, vứt bỏ bốn phận sống tách-ly (khỏi đục trần để tu hành); họ không phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được

thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì bắt chước theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, cũng sống xa xỉ và lơ lửng, là những người lãnh đạo sa ngã, vứt bỏ bốn phận sống tách-ly; họ không phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(5) “Thêm nữa, khi có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, và khi đó có những sự sỉ nhục lẫn nhau, chửi bới lẫn nhau, chê bai lẫn nhau, và từ chối lẫn nhau. Lúc đó những người chưa có sự tự-tin càng không đạt được sự tự-tin, những người có sự tự-tin thì thay đổi tâm ý.⁹⁸⁶ Đây là điều thứ năm dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

“Đây là năm điều dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành.”

(II) “Này các Tỳ kheo, có năm điều này dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, những Tỳ kheo học những bài kinh đã được tiếp thu một cách đúng đắn, với những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách đúng đắn. Khi những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách đúng đắn, ý nghĩa được diễn dịch một cách đúng đắn. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(2) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là dễ khuyên dạy, họ có những phẩm chất làm cho họ dễ khuyên dạy. Họ kiên nhẫn và chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(3) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những

người thông thuộc về giới-luật, những người thông thuộc về những toát yếu (đại cương) trân trọng chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh không bị bỏ ngang [không bị cắt bỏ tận gốc], và những người sau bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì không xa xỉ hay loi lỏng, mà họ dẹp bỏ sự sa ngã và dẫn đầu trong sự sống tách-ly (lánh đục trần để tu hành); họ phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì noi gương theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, không xa xỉ hay loi lỏng, mà họ dẹp bỏ sự sa ngã và dẫn đầu trong sự sống tách-ly; họ phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

(5) Thêm nữa, Tăng Đoàn sống an ổn—trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không có sự tranh chấp tranh cãi, có cùng giọng nói [cùng một sự tụng đọc]. Khi Tăng Đoàn sống trong sự hòa hảo thì không có những sự si nhục lẫn nhau, sự chửi bới lẫn nhau, sự chê bai lẫn nhau, hay sự từ chối lẫn nhau. Lúc đó những người chưa có sự tự-tin thì đạt được sự tự-tin, những người có sự tự-tin thì càng gia tăng [sự tự-tin của họ]. Đây là điều thứ năm dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.

“Đây là năm điều dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.”

157 (7) Nói Chuyện Không Đúng Người

— “Này các Tỳ kheo, một cuộc nói chuyện (pháp thoại) được nói

không đúng người, rằng sau khi đã cân nhắc loại người này loại người nọ nó lại được nói nhằm cho năm loại người [không thích hợp]. Năm đó là gì? Cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói nhằm người vô niềm-tin; cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói nhằm người vô giới-hạnh; cuộc nói chuyện về sự học hiểu được nói nhằm người thiếu học; cuộc nói chuyện về lòng bố thí được nói nhằm người keo kiệt; và cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói nhằm người vô trí.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, tại sao cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói nhằm người vô niềm-tin? Khi cuộc nói chuyện về niềm-tin đang được nói ra, một người vô niềm-tin sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức niềm-tin đó bên trong mình và không có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên niềm-tin. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói nhằm người vô niềm-tin.

(2) “Và tại sao cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói nhằm người vô giới-hạnh? Khi cuộc nói chuyện về giới-hạnh đang được nói ra, một người vô giới-hạnh sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức giới-hạnh đó bên trong mình và không có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên giới-hạnh. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói nhằm cho người vô giới-hạnh.

(3) “Và tại sao cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói nhằm người thiếu học? Khi cuộc nói chuyện về sự học-hiểu đang được nói ra, một người thiếu học sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức sự học-hiểu đó bên trong mình và không có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên sự học-hiểu. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói nhằm cho người

thiếu học.

(4) “Và tại sao cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói nhằm người keo kiệt? Khi cuộc nói chuyện về lòng bố-thí đang được nói ra, một người keo kiệt sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức lòng bố-thí đó bên trong mình và không có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên sự bố-thí. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói nhằm cho người keo kiệt.

(5) “Và tại sao cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói nhằm người vô trí? Khi cuộc nói chuyện về trí-tuệ đang được nói ra, một người vô trí sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức trí-tuệ đó bên trong mình và không có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên trí-tuệ. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói nhằm cho người vô trí.

“Một cuộc nói chuyện được nói không đúng người, rằng sau khi đã cân nhắc loại người này loại người nọ nó lại được nói nhằm cho năm loại người [không thích hợp] như vậy.

— “Này các Tỳ kheo, một cuộc nói chuyện được nói đúng người, rằng sau khi đã cân nhắc loại người này loại người nọ nó được nói đúng cho năm loại người [thích hợp]. Năm đó là gì? Cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói đúng cho người có niềm-tin; cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói đúng cho người có giới-hạnh; cuộc nói chuyện về sự học hiểu được nói đúng cho người có học; cuộc nói chuyện về lòng bố thí được nói đúng cho người rộng lòng cho đi; và cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói đúng cho người có trí.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, tại sao cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói đúng cho người có niềm-tin? Khi cuộc nói chuyện về niềm-

tin đang được nói ra, một người có niềm-tin không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức niềm-tin đó bên trong mình và có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên niềm-tin. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói đúng cho người có niềm-tin.

(2) “Và tại sao cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói đúng cho người có giới-hạnh? Khi cuộc nói chuyện về giới-hạnh đang được nói ra, một người có giới-hạnh không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức giới-hạnh đó bên trong mình và có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên giới-hạnh. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói đúng cho người có giới-hạnh.

(3) “Và tại sao cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói đúng cho người có học? Khi cuộc nói chuyện về sự học-hiểu đang được nói ra, một người có học không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức sự học-hiểu đó bên trong mình và có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên sự học-hiểu. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói đúng cho người có học.

(4) “Và tại sao cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói đúng cho người rộng lòng cho đi? Khi cuộc nói chuyện về lòng bố-thí đang được nói ra, một người rộng lòng không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức lòng bố-thí đó bên trong mình và có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên sự bố-thí. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói đúng cho người rộng lòng cho đi.

(5) “Và tại sao cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói đúng cho người có trí? Khi cuộc nói chuyện về trí-tuệ đang được nói ra, một người có trí không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức trí-tuệ đó bên trong mình và có được niềm khoan khoái và hoan hỷ dựa trên trí-tuệ. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói đúng cho cho người có trí.

“Một cuộc nói chuyện được nói đúng người, rằng sau khi đã cân nhắc loại người này loại người nọ nó được nói đúng cho năm loại người [thích hợp] như vậy.”

158 (8) Sự Ngại Ngần

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo bị hạn chế bởi sự ngại-ngần. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là vô niềm-tin, vô giới-hạnh, vô học-hiểu, lười-biếng, và vô-trí. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo bị hạn chế bởi sự ngại-ngần, (không tự tin).

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo là tự-tin. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là có niềm-tin, có giới-hạnh, có học-hiểu, có nỗ-lực (tinh tấn), và có-trí. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là tự-tin.”⁹⁸⁷

159 (9) Udāyī

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong tu viện (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Udāyī, đang ngồi giữa một hội chúng lớn gồm những người tại gia, đang chỉ dạy Giáo Pháp.⁹⁸⁸ Ngài Ānanda nhìn thấy cảnh này và đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thầy Udāyī, đang ngồi giữa một hội chúng lớn gồm những người tại gia, đang chỉ dạy Giáo Pháp.”

“Này Ānanda, chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác là không dễ. Người chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác trước tiên nên thiết lập năm phẩm chất ở bên trong. Năm đó là gì? (1) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết tâm:] ‘Tôi sẽ nói chuyện (thuyết pháp) một cách tuần tự’.⁹⁸⁹ (2) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết tâm:] ‘Tôi sẽ nói chuyện để chỉ ra những nguyên nhân’.⁹⁹⁰ (3) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết tâm:] ‘Tôi sẽ nói chuyện vì lòng bi mẫn’. (4) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết tâm:] ‘Tôi sẽ không nói chuyện khi đang có ý định vụ lợi vật chất’. (5) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết tâm:] ‘Tôi sẽ nói chuyện mà không gây hại bản thân hay người khác’. Này Ānanda, chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác là không dễ. Người chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác trước tiên nên thiết lập năm phẩm chất ở bên trong.”

160 (10) *Khó Xua Tan*

“Này các Tỷ kheo, có năm điều, một khi đã khởi sinh thì khó xua tan. Năm đó là gì? Tham, một khi đã khởi sinh thì khó xua tan. Sân ... Si ... Cảm giác ham thích nói ... Cảm giác muốn đi phiêu du, một khi đã khởi sinh thì khó xua tan.”

NHÓM 2 **SỰ BỰC TỨC**

161 (1) Loại Bỏ Sự Bực Tức (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm cách để loại bỏ sự phẫn nộ nhờ đó một Tỳ kheo nên loại bỏ hết sự bực tức đã khởi sinh đối với người khác.⁹⁹¹ Năm đó là gì? (1) Một người nên tu tập tâm từ-ái đối với người mình bực tức; theo cách này một người nên loại bỏ sự bực tức đối với người đó. (2) Một người nên tu tập tâm bi-mẫn đối với người mình bực tức; theo cách này một người nên loại bỏ sự bực tức đối với người đó. (3) Một người nên tu tập tâm buông-xả đối với người mình bực tức; theo cách này một người nên loại bỏ sự bực tức đối với người đó. (4) Một người nên bỏ qua (không để ý, không chấp) người đang bực tức và không chú tâm (tác ý) đến người đó; theo cách này một người nên loại bỏ sự bực tức đối với người đó. (5) Một người nên ứng dụng cái lý ‘sở hữu nghiệp’ (để thông cảm) đối với người mình bực tức như vậy: ‘Vị này chẳng qua là chủ nhân của nghiệp của mình; vị này có nghiệp là nguồn gốc (được sinh ra từ nghiệp), nghiệp là người thân quyến, nghiệp là chỗ nương dựa; vị này sẽ là người thừa lãnh của những nghiệp xấu và tốt mình đã làm ra.’ Theo cách này một người nên loại bỏ sự bực tức đối với người đó. Đây là năm cách để loại bỏ sự bực tức nhờ đó một Tỳ kheo nên loại bỏ hết sự bực tức đã khởi sinh đối với người khác.”

162 (2) Loại Bỏ Sự Bực Tức (2)

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Được, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, có năm cách để loại bỏ sự phẫn nộ nhờ đó một Tỳ kheo nên loại bỏ hết sự bực tức đã khởi sinh đối với người khác. Năm đó là gì? (1) Ở đây, hành vi thân (thân hành, hành động) của một người là không trong sạch, nhưng hành vi miệng (khẩu hành, lời nói)

của người đó là trong sạch; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy. (2) Hành vi miệng của một người là không trong sạch, nhưng hành vi thân là trong sạch; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy. (3) Hành vi thân và hành vi miệng của một người đều không trong sạch, nhưng dần dần người đó đạt được sự khai mở của tâm, sự bình lặng của tâm;⁹⁹² người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy. (4) Hành vi thân và hành vi miệng của một người đều không trong sạch, và người đó cũng không đạt được sự khai mở của tâm, sự bình lặng của tâm; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy. (5) Hành vi thân và hành vi miệng của một người là trong sạch, và dần dần người đó đạt được sự khai mở của tâm, sự bình lặng của tâm; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy.

(1) “Và giờ, này các đạo hữu, làm cách nào để *loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi thân không sạch nhưng hành vi miệng trong sạch*? Giả sử có một Tỳ kheo mặc y áo làm từ giẻ rách nhìn thấy một miếng giẻ bên đường. Người đó sẽ dùng chân trái dậm giữ nó, chân phải kéo nó ra, xé lấy cái phần vải còn tốt và mang đi. Cũng tương tự vậy, khi hành vi thân của một người không sạch nhưng hành vi miệng của người đó trong sạch, lúc đó người tu không nên chú tâm tới phần không sạch của hành vi thân của người đó, mà chỉ chú tâm tới sự trong sạch của hành vi miệng của người đó; (tức không chấp phần hành động xấu của người đó, chỉ nên nhìn phần lời nói tốt của người đó). Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(2) “Này các đạo hữu, làm cách nào để *loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi miệng không sạch nhưng hành vi thân trong sạch*? Giả sử có một ao nước phủ đầy rêu và rong. Một người đến đó, đang bị khổ sở và oi bức bởi trời nóng, mệt đuối, khát cháy, và khô rát. Người đó liền nhảy xuống ao nước, dùng tay gạt phần rong rêu ra, dùng hai tay múc phần nước (trong) để uống, và sau đó đi tiếp.

Cũng tương tự vậy, khi hành vi miệng của một người là không sạch nhưng hành vi thân là trong sạch, lúc đó người tu không nên chú tâm tới phần không sạch của hành vi miệng của người đó, mà chỉ chú tâm tới phần trong sạch của hành vi thân của người đó; (tức không chấp phần lời nói xấu của người đó, chỉ nên nhìn phần hành động tốt của người đó). Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(3) “Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi thân và hành vi miệng đều không trong sạch nhưng người đó dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm? Giả sử có một ít nước trong một vũng cạn. Rồi một người đến đó, đang bị khổ sở và oi bức bởi trời nóng, mệt đuối, khát cháy, và khô rát. Người đó liền nghĩ: ‘Có chút nước trong vũng cạn này. Nếu ta dùng hai tay hay chén để múc, ta sẽ làm quậy đục nó ngay, và không còn uống được. Vậy ta hãy quỳ xuống chống hai tay hai chân, dùng lưỡi liếm nước như bò, rồi đi tiếp.’ Rồi người đó quỳ xuống chống hai tay hai chân, dùng lưỡi liếm nước như bò, rồi đi tiếp. Cũng tương tự vậy, khi hành vi thân và hành vi miệng một người đều không sạch nhưng người đó dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm, lúc đó người tu không nên để tâm tới sự không sạch của hành vi thân và hành vi miệng người đó, mà chỉ chú tâm tới phần mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm mà người đó sẽ dần dần đạt được; (tức không chấp những phần hành động xấu và lời nói xấu của người đó, chỉ nên nhìn thấy phần tiến bộ tâm trí của người đó sẽ đạt được). Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(4) “Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi thân và hành vi miệng đều không trong sạch và người đó cũng không dần dần đạt được sự mở mang hay sự bình lặng nào của tâm, trước sau vẫn vậy? Giả sử có một người bị bệnh, đau

bệnh, đau yếu gần chết đang đi trên đường lộ, và ngôi làng cuối cùng đi qua đã xa và ngôi làng chưa tới cũng còn xa. Người đó khó có được đủ thức ăn và thuốc men hay một người chăm sóc tốt; người đó cũng khó gặp được một người thôn trưởng nào. Rồi có một người lạ khác đang đi qua nhìn thấy ông ta và khởi sinh lòng bi mẫn, lòng cảm thông sâu sắc và sự quan tâm tha thương đối với ông ta, người lạ đó nghĩ rằng: ‘Ôi, mong sao cho người này có được đủ thức ăn, thuốc men, và người chăm sóc tốt! Mong sao ông ta có thể gặp được vị thôn trưởng của một ngôi làng! Vì sao? Vì để cho ông ta qua được cảnh bi thảm và tai ương lúc này’. Cũng tương tự vậy, khi hành vi thân và hành vi miệng một người đều không sạch và người đó cũng không dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm, trước sau vẫn vậy, lúc đó người tu nên khởi sinh lòng bi mẫn, lòng cảm thông sâu sắc và sự quan tâm tha thương đối với người đó, nên nghĩ rằng: ‘Ôi, cầu mong cho người này từ bỏ hành vi thân xấu ác và tu dưỡng hành vi thân thiện lành, từ bỏ hành vi miệng xấu ác và tu dưỡng hành vi miệng; cầu mong cho người này từ bỏ hành vi tâm xấu ác và tu dưỡng hành vi tâm thiện lành! Vì sao? Vì để cho người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ không bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến thấp xấu, trong địa ngục.’ Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(5) “*Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi thân và hành vi miệng trong sạch, và người đó cũng dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm? Giả sử có một ao nước có nước trong, ngọt, mát mẻ, sạch sẽ, bờ ao phẳng phiu, là một nơi có nhiều bóng cây mát rượi. Rồi một người đến đó, đang bị khổ sở và oi bức bởi trời nóng, mệt đuối, khát cháy, và khô rát. Sau khi nhảy xuống ao nước, người đó tắm tấp và uống nước, và rồi, sau khi lên bờ, người đó ngồi hoặc nằm xuống dưới bóng mát ở đó. Cũng giống như vậy, khi hành vi thân và hành vi*

miệng một người đều trong sạch, và người đó dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm, lúc đó người tu nên chú tâm tới hành vi thân trong sạch của người đó, hành vi miệng trong sạch của người đó, và sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm mà người dần dần đạt được. Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó. Nay các đạo hữu, nhờ có loại người này đã truyền cảm hứng (cho người tu) với mọi tư cách (đều trong sạch), nên tâm (của người tu) sẽ đạt được sự tự-tin.⁹⁹³

“Nay các đạo hữu, đây là năm cách để loại bỏ sự bực tức nhờ đó một người tu có thể loại bỏ hết sự bực tức đã khởi sinh đối với người khác.”

163 (3) Những Sự Thảo Luận

[*Kinh này giống kinh 5:65 ở trên, chỉ khác là được nói lại bởi Ngài Xá-lợi-phất (thay vì Phật).*]

164 (4) Lối Sống

[*Kinh này giống kinh 5:66 ở trên, chỉ khác là được nói lại bởi Ngài Xá-lợi-phất (thay vì Phật).*]

165 (5) Hỏi Những Câu Hỏi

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất ... đã nói điều này:

“Nay các đạo hữu, khi một người hỏi người khác một câu hỏi là do năm lý do, hoặc một trong năm lý do đó. Năm đó là gì? (1) Một người hỏi người khác một câu hỏi là do mình ngu đần; (2) Một người hỏi người khác một câu hỏi là do có tham-muốn xấu ác, bị thúc đẩy bởi tham-muốn; (3) Một người hỏi người khác một câu hỏi là mượn cách

đề chê chửi [người khác]; (4) Một người hỏi người khác một câu hỏi là do muốn học hỏi; (5) hoặc một người hỏi người khác một câu hỏi với ý nghĩ: ‘Nếu, khi người đó được hỏi, người đó trả lời ta một cách chính xác, thì điều đó rất tốt; nhưng nếu người đó không trả lời một cách chính xác, thì ta sẽ giải đáp chính xác cho người đó.’ Nay các đạo hữu, khi một người hỏi người khác một câu hỏi là do năm lý do này, hoặc một trong năm lý do này.

“Nay các đạo hữu, còn đối với tôi, khi tôi hỏi người khác một câu hỏi là hỏi với ý nghĩ: ‘Nếu, khi người đó được hỏi, người đó trả lời ta một cách chính xác, thì điều đó rất tốt; nhưng nếu người đó không trả lời một cách chính xác, thì ta sẽ giải đáp chính xác cho người đó.’”

166 (6) Sự Châm Dứt

Ở đó Ngài Xá-lợi-phát ... đã nói với các Tỳ kheo điều này:

“Ở đây, nay các Tỳ kheo, một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ có thể chứng nhập và thoát ra (trạng thái) chấmdứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng định). Điều này là có thể. Nhưng nếu người đó không đạt tới trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, thì sau khi được tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm, siêu hơn những thiên thần sống dựa vào thức ăn, người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra (trạng thái) chấmdứt nhận-thức và cảm-giác.⁹⁹⁴ Điều này là có thể.”

Khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã nói với Ngài Xá-lợi-phát:

“Đạo hữu Xá-lợi-phát, điều này là không thể, không thể có chuyện một Tỳ kheo sau khi được tái sinh trong số những thiên thần (có thân) được tạo bằng-tâm, siêu hơn những thiên thần sống dựa vào thức ăn, người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra (trạng thái) chấmdứt

nhận-thức và cảm-giác. Điều này là không thể.”

Lần thứ hai ... Lần thứ ba, thầy Xá-lợi-phất đã nói lại:

“Này các đạo hữu, điều này là có thể. Nếu một Tỳ kheo không đạt tới trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, thì sau khi được tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm ... người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra (trạng thái) chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác. Điều này là có thể.”

Lần thứ ba, thầy Udāyī vẫn nói lại với thầy Xá-lợi-phất:

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, điều này là không thể. Không thể nào sau khi được tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm ... người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra (trạng thái) chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác. Điều này là không thể.”

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Xá-lợi-phất: “Thầy Udāyī này đã từ chối mình đến lần thứ ba, và không có được một Tỳ kheo thể hiện sự đồng ý với mình. Vậy chỉ còn cách đi gặp đức Thế Tôn.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất nói lại với các Tỳ kheo (y những lời thầy vừa nói ba lần ở trên):

“Ở đây, một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh ... sau khi tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm ... người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra (trạng thái) chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác. Điều này là có thể.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Udāyī vẫn nói lại với thầy Xá-lợi-phất (y như trên):

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, điều này là không thể. Không thể nào sau khi được tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm ... người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra (trạng thái) chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác. Điều này là không thể.”

Lần thứ hai ... Lần thứ ba ... [*diễn ra y hệt toàn cảnh ở trên*] ...

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Xá-lợi-phất: “Ngay cả khi mình đang có mặt đức Thế Tôn, thầy Udāyī vẫn từ chối mình đến lần thứ ba, và không có được một Tỳ kheo thể hiện sự đồng ý với mình. Vậy mình chỉ còn cách là im lặng.” Rồi thầy Xá-lợi-phất chỉ im lặng.

Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy Udāyī:

“Này Udāyī, điều đơn giản là thầy có hiểu những thiên thần được tạo bằng-tâm là gì không?”

“Thưa Thế Tôn, đó là những thiên thần vô-sắc, được tạo bằng nhận-thức.”⁹⁹⁵

“Thầy đang nói gì vậy, Udāyī, sao thầy ngu xuẩn và kém cỏi như vậy? Vậy mà thầy cũng nghĩ thầy phát biểu được!”

Rồi đức Thế Tôn mới quay sang nói với Ngài Ānanda:

“Này Ānanda, sao các thầy cứ ngồi nhìn một cách thụ động khi một vị Tỳ kheo trưởng lão (tức Xá-lợi-phất) đang bị quấy rối như vậy? Tại sao các thầy không có chút lòng bi-mẫn đối với vị Tỳ kheo trưởng lão khi vị ấy đang bị quấy rối như vậy?”

Rồi đức Thế Tôn quay sang nói với các Tỳ kheo:

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ có thể chứng nhập và thoát ra (trạng thái) chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng định). Điều này là có thể. Nhưng nếu người đó không đạt tới trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, thì sau khi được tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm, siêu hơn những thiên thần sống dựa vào thức ăn, người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra (trạng thái) chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác. Điều này là có thể.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ẩn cư của mình.

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, Ngài Ānanda đến gặp Ngài Upavāṇa, và nói với thầy Upavāṇa:

“Ở đây, này đạo hữu Upavāṇa, họ đang quấy rối những Tỳ kheo trưởng lão khác, nhưng chúng ta chẳng màng hỏi đến họ.⁹⁹⁶ Sẽ không lấy làm ngạc nhiên nếu chiều tối nay, khi ra khỏi chỗ ẩn cư, đức Thế Tôn sẽ tuyên cáo về vấn đề này, và đức Thế Tôn có thể yêu cầu đích thân thầy Upavāṇa [trình báo việc này].⁹⁹⁷ Giờ tôi cảm thấy ngại ngần.”

Rồi, vào cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ hội chúng. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị và nói với thầy Upavāṇa:

“Này Upavāṇa, một Tỳ kheo trưởng lão có bao nhiêu phẩm chất thì dễ mến và được hài lòng bởi những Tỳ kheo đồng đạo và được họ tôn trọng và kính trọng?”

“Thưa Thế Tôn, có được năm phẩm chất, thì một Tỳ kheo trưởng lão là dễ mến và được hài lòng bởi những Tỳ kheo đồng đạo và được họ tôn trọng và kính trọng. Năm đó là gì?”

(1) “Người đó là có giới hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo chúng.

(2) “Người đó là người đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).

(3) “Người đó là người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt;

người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa.

(4) “Người đó nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, sẽ chứng đắc bốn tầng thiền định (sắc giới; jhāna); (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự lạc trú (an trú sướng, hạnh phúc) ngay trong kiếp này.

(5) Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là dễ mến và được hài lòng bởi những Tỳ kheo đồng đạo và được họ tôn trọng và kính trọng.”

“Tốt, tốt, này Upavāṇa! Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là dễ mến và được hài lòng bởi những Tỳ kheo đồng đạo và được họ tôn trọng và kính trọng. Nhưng nếu năm phẩm chất này không thấy có trong một Tỳ kheo trưởng lão, thì tại sao những Tỳ kheo đồng đạo lại tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó?⁹⁹⁸ (Hông lẽ tôn vinh vì cái già, răng rụng, tóc bạc, da nhăn nhúm?) Nhưng bởi vì năm phẩm chất này được thấy có trong một Tỳ kheo trưởng lão đó, nên những Tỳ kheo đồng đạo mới tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính vị đó.”

167 (7) Quả Trách

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

(A) “Này các đạo hữu, một Tỳ kheo muốn quả trách người khác trước tiên nên thiết lập năm phẩm chất bên trong mình. Năm đó là gì?

(1) [Người đó nên suy xét:] ‘Ta sẽ nói vào lúc thích hợp, không nói vào

lúc không thích hợp; (2) Ta sẽ nói một cách sự thật, không nói một cách sai sự thật; (3) Ta sẽ nói một cách nhẹ nhàng, không nói một cách gắt gỏng; (4) Ta sẽ nói một cách có ích lợi, không nói cách có hại; (5) Ta sẽ nói với tâm-từ, không nói với tâm thù-ghét.’ Một Tỳ kheo muốn quở trách người khác trước tiên nên thiết lập năm phẩm chất này bên trong mình.

(I) “Ở đây, này các đạo hữu, tôi thấy có người đang bị quở trách vào lúc không thích hợp, không bị làm phiền [quở trách]⁹⁹⁹ vào lúc thích hợp; đang bị quở trách một cách sai sự thật, không bị làm phiền một cách đúng sự thật; đang bị quở trách một cách gắt gỏng, không bị làm phiền một cách nhẹ nhàng; đang bị quở trách một cách có hại, không bị làm phiền một cách có ích lợi; đang bị quở trách bởi người có tâm thù-ghét, không bị làm phiền bởi người có tâm-từ.

(a) “Này các đạo hữu, khi *một Tỳ kheo bị quở trách* (bởi người khác) một cách trái với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó không cần sám hối: (1) ‘Này đạo hữu, thầy đã bị quở trách vào lúc không thích hợp, không phải lúc thích hợp; điều đó đủ để thầy không sám hối. (2) Thầy đã bị quở trách một cách sai sự thật, không đúng sự thật; điều đó đủ để thầy không sám hối. (3) Thầy đã bị quở trách một cách gắt gỏng, không theo cách nhẹ nhàng; điều đó đủ để thầy không sám hối. (4) Thầy đã bị quở trách một cách có hại, không theo cách ích lợi; điều đó đủ để thầy không sám hối. (5) Thầy đã bị quở trách bởi người có tâm thù-ghét, không phải bởi người có tâm-từ; điều đó đủ để thầy không sám hối.’

“Khi một Tỳ kheo bị quở trách một cách trái với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ như vậy để nói người đó không cần sám hối.

(aa) “Này đạo hữu các đạo hữu, khi *một Tỳ kheo quở trách* (người khác) một cách trái với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó nên sám hối: (1) ‘Này đạo hữu, thầy đã quở trách vào lúc không thích hợp,

không phải lúc thích hợp; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối. (2) Thầy đã quở trách một cách sai sự thật, không đúng sự thật; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối. (3) Thầy đã quở trách một cách gắt gỏng, không theo cách nhẹ nhàng; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối. (4) Thầy đã quở trách một cách có hại, không theo cách ích lợi; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối. (5) Thầy đã quở trách lúc đang có sự thù-ghét, không phải lúc đang có tâm-từ; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối.’

“Khi một Tỳ kheo quở trách một cách trái với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó cảm thấy sám hối. Vì lý do gì? Vì để cho Tỳ kheo khác không nghĩ đến việc đi quở trách ai một cách sai sự thật.

(II) “Ở đây, này các đạo hữu, tôi nhìn thấy có người đang bị quở trách vào lúc thích hợp, không bị làm phiền vào lúc không thích hợp; đang bị quở trách một cách đúng sự thật, không bị làm phiền một cách sai sự thật; đang bị quở trách một cách nhẹ nhàng, không bị làm phiền một cách gắt gỏng; đang bị quở trách một cách có ích lợi, không bị làm phiền một cách có hại; đang quở trách bởi người có tâm-từ, không bị làm phiền bởi người đang có sự thù-ghét.

(b) “Này các đạo hữu, khi *một Tỳ kheo bị quở trách* (bởi người khác) đúng theo Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó cảm thấy sám hối: (1) ‘Này đạo hữu, thầy đã bị quở trách vào lúc thích hợp, không phải lúc không thích hợp; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối. (2) Thầy đã bị quở trách một cách đúng sự thật, không phải sai sự thật; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối. (3) Thầy đã bị quở trách một cách nhẹ nhàng, không phải một cách gắt gỏng; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối. (4) Thầy đã bị quở trách một cách có ích lợi, không phải một cách có hại; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối. (5) Thầy đã bị quở trách bởi người có tâm-từ, không phải bởi người có sự thù-ghét; điều đó đủ để thầy cảm thấy sám hối.’

“Khi một Tỳ kheo bị quở trách một cách đúng với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ như vậy để nói người đó cảm thấy sám hối.

(bb) “Này các đạo hữu, khi *một Tỳ kheo quở trách* (người khác) một cách đúng theo Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó không cần sám hối: (1) ‘Này đạo hữu, thầy đã quở trách vào lúc thích hợp, không phải lúc không thích hợp; điều đó đủ để thầy không sám hối. (2) Thầy đã quở trách một cách đúng sự thật, không sai sự thật; điều đó đủ để thầy không sám hối. (3) Thầy đã quở trách một cách nhẹ nhàng, không phải theo cách gắt gỏng; điều đó đủ để thầy không sám hối. (4) Thầy đã quở trách một cách có ích lợi, không theo cách có hại; điều đó đủ để thầy không sám hối. (5) Thầy đã quở trách với tâm-từ, không phải khi đang có sự thù-ghét; điều đó đủ để thầy không sám hối.’

“Khi một Tỳ kheo quở trách một cách đúng theo Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó không cần sám hối. Vì lý do gì? Vì để cho Tỳ kheo khác nghĩ đến việc quở trách người khác một cách đúng sự thật.

(B) “Này các đạo hữu, một người bị quở trách nên được thiết lập trong hai điều: trong sự thật và sự không tức-giận. Nếu người khác quở trách tôi—dù vào lúc thích hợp hay lúc không thích hợp; một cách đúng sự thật hay không đúng sự thật; một cách nhẹ nhàng hay một cách gắt gỏng; một cách có ích lợi hay một cách có hại; với tâm-từ hay với sự thù-ghét—tôi vẫn được thiết lập trong hai điều: trong sự thật và sự không tức-giận.

“Nếu tôi biết: ‘Có phẩm chất (sai) đó trong tôi’, tôi sẽ nói người đó: ‘Nó có. Phẩm chất này thấy có trong tôi’. Nếu tôi biết: ‘Không có phẩm chất đó trong tôi’, tôi sẽ nói người đó: ‘Nó không có. Phẩm chất này không thấy có trong tôi’.

[Đức Thế Tôn mới nói với thầy Xá-lợi-phát:] “Này Xá-lợi-phát, ngay cả khi thầy đang nói với mọi người theo cách như vậy, ở đây vẫn

có một số người ngu không tôn trọng chấp nhận lời thầy nói.”

(a) “Thưa Thế Tôn, có những người không-có niềm-tin vẫn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia, họ không phải vì niềm-tin (vào Tam bảo) mà vì ý đồ để kiếm sống; họ gian xảo, đạo đức giả, lừa lặn, bất an, phô trương, rỗng tuếch, nói nhiều, nói dông dài, không phòng hộ các cửa giác-quan, không tiết độ trong ăn uống, không chú ý đến sự tỉnh-thức, hờ hững với đời sống tu sĩ (hạnh sa-môn), không hết mình coi trọng việc tu tập, sống xa hoa (thụ hưởng) và lợi lũng; là những người lãnh đạo (thượng tọa) thì tụt lùi (không tu tiến), dẹp bỏ bốn phần sống tách ly lánh trần; lười biếng, thiếu nỗ-lực (tinh tấn), tâm trí mê mờ, thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt định, với những cái tâm trôi dạt, vô trí, ngu dốt. Khi con nói với họ theo cách như vậy, họ vẫn không tôn trọng chấp nhận những điều con nói.

(b) “Nhưng, thưa Thế Tôn, có những người họ tặc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành; họ không gian xảo, đạo đức giả, lừa lặn, bất an, phô trương, rỗng tuếch, nói nhiều, nói dông dài; họ phòng hộ các cửa giác-quan, tiết độ trong ăn uống, thường chú ý đến sự tỉnh-thức, chuyên chú với đời sống tu sĩ (hạnh sa-môn), hết mình coi trọng việc tu tập; họ không sống xa hoa (thụ hưởng) và lợi lũng; là những người lãnh đạo (thượng tọa) thì dẹp bỏ sự tụt lùi, làm gương tốt về sự sống tách ly lánh trần; họ nỗ-lực (tinh tấn), kiên định, có chánh-niệm, thường rõ-biết (tỉnh giác), tâm đạt-định, với những cái tâm đạt nhất-điểm, có trí, thông minh. Khi con nói với họ theo cách như vậy, họ tôn trọng chấp nhận những điều con nói.”

“Này Xá-lợi-phát, không cần nói với những người không-có niềm-tin vẫn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia, họ không phải vì niềm-tin mà vì ý đồ để kiếm sống; họ gian xảo ... vô trí, ngu dốt. Nhưng, này Xá-lợi-phát, thầy nên nói cho những người họ tặc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành; họ không gian xảo ... có trí, thông minh. Này Xá-lợi-phát, hãy khởi

xướng cho những Tỳ kheo đồng đạo! Này Xá-lợi-phất, hãy chỉ dẫn cho những Tỳ kheo đồng đạo! [với ý nghĩ rằng:] ‘Tôi sẽ làm cho những Tỳ kheo đồng đạo thoát khỏi những điều trái với Giáo Pháp và sẽ thiết lập họ trong thiện Pháp.’ Này Xá-lợi-phất, thầy nên thực hành bản thân như vậy.”

168 (8) Giới Hạnh

[*Kinh này giống kinh 5:24, ngoại trừ người nói lại ở đây là Xá-lợi-phất (thay vì Phật).*]

169 (9) Hiểu Nhanh

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên, thầy Ānanda ngồi xuống một bên và nói:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào một Tỳ kheo là một người hiểu nhanh (nhanh trí) về những giáo lý thiện lành, là người nắm giữ khéo léo điều mình đã học, học rất nhiều, và không quên điều mình đã học?”

“Thầy Ānanda là người học rộng, vậy mong chính thầy hãy làm rõ điều này.”

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, vậy thầy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng; tôi sẽ nói.”

“Được, này đạo hữu”, thầy Xá-lợi-phất đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo là thiện giỏi về ý nghĩa, thiện giỏi về Giáo Pháp, thiện giỏi về ngôn ngữ, thiện giỏi về câu chữ, và thiện giỏi về thứ tự trước sau.¹⁰⁰⁰ Theo cách như vậy một Tỳ

kheo là một người hiểu nhanh về những giáo lý thiện lành, là người nắm giữ khéo léo điều mình đã học, học rất nhiều, và không quên điều mình đã học.”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này đạo hữu, cách mà điều này được nói ra một cách hay khéo bởi Thầy Ānanda! Chúng tôi coi Thầy Ānanda là người có được năm phẩm chất này: ‘Thầy Ānanda là thiện giỏi về ý nghĩa, thiện giỏi về Giáo Pháp, thiện giỏi về ngôn ngữ, thiện giỏi về câu chữ, và thiện giỏi về thứ tự trước sau.’”

170 (10) Với Bhaddaji

Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī trong khu Tịnh xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Lúc đó có Ngài Bhaddaji đến gặp Ngài Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên. Rồi thầy Ānanda đã nói với thầy ấy:

“Đạo hữu Bhaddaji, cái gì là cảnh nhìn thấy bậc nhất? Cái gì là sự nghe thấy bậc nhất? Cái gì là sự hạnh phúc bậc nhất? Cái gì là nhận thức bậc nhất? Cái gì là trạng thái hiện hữu bậc nhất?”

“(1) Này đạo hữu, có bậc tối thắng, là bậc bất bại, bậc nhìn thấy vũ trụ, bậc nắm quyền hành. Nhìn thấy vị trời Brahmā (Phạm thiên) là cảnh nhìn bậc nhất. (2) Có những thiên thần (cõi trời) chiếu tia sáng (Quang âm thiên) là tràn đầy và tràn ngập hạnh phúc. Nhiều lúc họ phải tự hứng thốt ra: ‘Ôi, hạnh phúc thay! Ôi, hạnh phúc thay!’ Nghe thấy giọng nói đó là sự nghe thấy bậc nhất. (3) Có những thiên thần (cõi trời) hào quang chói lọi (quang minh thiên). Được hạnh phúc, họ trải nghiệm niềm hạnh phúc rất rất bình an.¹⁰⁰¹ đây là sự hạnh phúc bậc nhất. (4) Có những thiên thần thuộc cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ): đây là sự nhận-thức bậc nhất. (5) Có những thiên thần thuộc cảnh xứ vừa không có nhận-thức vừa có nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ): đây là

trạng thái hiện-hữu bậc nhất.”

“Vậy thầy Bhaddaji có đồng ý với đa số người ta về điều này hay không?”¹⁰⁰²

“Thầy Ānanda là học rộng, vậy mong chính thầy hãy làm rõ điều này.”

“Đạo hữu Bhaddaji, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.”

“Được, đạo hữu”, thầy Bhaddaji đáp lại. Thầy Ānanda nói điều này:

“(1) Nay đạo hữu, cảnh gì người tu nhìn thấy ngay sau khi xảy ra sự tiêu diệt ô-nhiễm:¹⁰⁰³ đó là cảnh nhìn bậc nhất. (2) Âm thanh gì người tu nghe thấy ngay sau xảy ra sự tiêu diệt ô-nhiễm: đó là sự nghe thấy bậc nhất. (3) Hạnh phúc gì người tu hạnh phúc ngay sau xảy ra sự tiêu diệt ô-nhiễm: đó là hạnh phúc bậc nhất. (4) Nhận thức gì người tu nhận thức ngay sau xảy ra sự tiêu diệt ô-nhiễm: đó là nhận thức bậc nhất. (5) Sự hiện hữu gì người tu ở trong đó ngay sau xảy ra sự tiêu diệt ô-nhiễm: đó là trạng thái hiện-hữu bậc nhất.”

NHÓM 3

ĐỆ TỬ TẠI GIA

171 (1) Sự Ngại Ngàn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia bị hạn chế bởi sự ngại ngần. Năm đó là gì? Người đó sát sinh, gian cấp, tà dục tà dâm, nói dối nói sai, và uống rượu nặng rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia bị hạn chế bởi sự ngại ngần (thiếu tự tin khi gặp gỡ, đứng trước hay phát biểu trước những người khác; mặc cảm tội lỗi).

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia được tự tin. Năm đó là gì? Người đó không sát sinh, không gian cấp, không tà dục tà dâm, không nói láo nói sai, không uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia được tự tin.”

172 (2) Sự Tự Tin

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự tin. Năm đó là gì? Người đó sát sinh, gian cấp, tà dục tà dâm, nói dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự tin.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia sống ở nhà với sự tự tin. Năm đó là gì? Người đó không sát sinh, không gian cấp, không tà dục tà dâm, không nói láo nói sai, không uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia sống ở nhà có sự tự tin.”

173 (3) Địa Ngục

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó sát sinh, gian cấp, tà dục tà dâm, nói dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó kiêng cử sát sinh, kiêng cử gian cấp, kiêng cử tà dục tà dâm, kiêng cử nói láo nói sai, kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

174 (4) Những Sự Thù Hận

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Anāthapiṇḍika] đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, nếu không dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận, thì một người được gọi là thất đức và sẽ bị tái sinh trong địa ngục. Năm đó là gì? Sát sinh, gian cấp, tà dục tà dâm, nói dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Nếu không dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận này, thì một người được coi là thất đức và bị tái sinh trong địa ngục.

“Này gia chủ, sau khi đã dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận, thì một người được gọi là đức hạnh và sẽ được tái sinh trong một cõi

trời. Năm đó là gì? Sát sinh, gian cấp, tà dục tà dâm, nói dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Sau khi đã dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận này, thì một người được gọi là đức hạnh và sẽ được bị tái sinh trong một cõi trời.

(1) “Này gia chủ, ai sát sinh là gây ra mối hiểm họa và sự thù hận thuộc (cho) kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Người kiêng cử sát sinh là không gây ra mối hiểm họa và thù hận thuộc kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Đối với người kiêng cử sát sinh, mối hiểm họa và thù hận đó đã lặn mất.

(2) “Ai gian cấp ...

(3) “Ai tà dục tà dâm ...

(4) “Ai nói dối nói sai ...

(5) “Ai uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật uống là gây ra mối hiểm họa và sự thù hận thuộc (cho) kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Người kiêng cử gian cấp ... uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật là không gây ra mối hiểm họa và thù hận thuộc kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Đối với người kiêng cử gian cấp ... uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, mối hiểm họa và thù hận đó đã lặn mất.”

Có người trong thế gian:

Sát sinh, gian cấp, nói dối,

Tà dâm với vợ người khác,

Và uống rượu nặng rượu nhẹ.

Sống trong năm mới gây thù hận,
Người đó được gọi là thất đức.
Khi thân tan rã,
Kẻ vô trí đó bị tái sinh trong địa ngục.

Nhưng có người trong thế gian:
Không sát sinh, không gian cấp, không nói dối,
Không tà dâm với vợ người khác,
Không uống rượu nặng hay rượu nhẹ.

Sau khi đã dẹp bỏ năm mới thù hận,
Người đó được gọi là đức hạnh.
Khi thân tan rã,
Người có trí đó được sinh trong một cõi trời.

175 (5) Caṇḍāla

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia là loại người bị vứt bỏ [caṇḍāla, chiêm-đà-la], là sự ô uế của một đệ tử tại gia, là hạng mặt thấp trong số những đệ tử tại gia.¹⁰⁰⁴ Năm đó là gì? (1) Người đó không có niềm-tin; (2) người đó là thất đức; (3) người đó mê tín và tin vào những điềm lành hay vận may này nọ, không tin vào nghiệp; (4) người đó cứ tìm kiếm người xứng đáng cúng dường ở bên ngoài chỗ này;¹⁰⁰⁵ và (5) người đó (ưu tiên) làm những việc [công đức] ở đó trước. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia là loại người bị vứt bỏ, là sự ô uế của một đệ tử tại gia, là hạng mặt thấp trong số những đệ tử tại gia người.

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia là loại quý báu của một đệ tử tại gia, là một bông sen hồng của một đệ tử tại gia, là một bông sen trắng của một đệ tử tại gia.¹⁰⁰⁶ Năm đó là gì? (1) Người đó được phú cho niềm-tin; (2) người đó là đức hạnh (có giới hạnh); (3)

người đó không mê tín; tin vào nghiệp chứ không tin những điềm lành hay vận may này nọ; (4) người đó không tìm kiếm người xứng đáng cúng dường ở bên ngoài chỗ này; và (5) người đó làm những việc [công đức] ở đây trước. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia là loại quý báu của một đệ tử tại gia, là một bông sen hồng của một đệ tử tại gia, là một bông sen trắng của một đệ tử tại gia.”

176 (6) Hoan Hỷ

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika), cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với gia chủ Cấp Cô Độc [và đoàn người đi cùng]:

“Này các gia chủ, các vị đã tặng y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Các vị không nên chỉ biết hài lòng với bấy nhiêu đó, [đừng cứ nghĩ]: ‘Chúng ta đã tặng y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh cho Tăng Đoàn các Tỳ Kheo.’ Do vậy, này các gia chủ, các vị nên tu tập bản thân như vậy: ‘Làm cách nào chúng ta có thể chứng nhập và an trú trong niềm hoan-hỷ của sự tách-ly (riêng mình, độc trú)?’¹⁰⁰⁷ Theo cách như vậy các vị nên tu tập bản thân.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn, về cách điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách hay khéo. Thưa Thế Tôn, mỗi khi một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong sự tách-ly, thì trong thời đó năm điều không xảy ra bên trong người đó. (1) Đau khổ và ưu phiền liên quan với nhục dục không xảy ra bên trong người đó. (2) Khoái lạc và vui sướng liên quan với nhục dục không xảy ra bên trong người đó. (3) Đau khổ và ưu phiền liên quan với sự bất thiện

không xảy ra bên trong người đó. (4) Khoái lạc và vui sướng liên quan với sự bất thiện không xảy ra bên trong người đó. (5) Đau khổ và ưu phiền liên quan với sự thiện không xảy ra bên trong người đó. Thưa Thế Tôn, mỗi khi một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong trong sự tách-ly, thì trong thời đó năm điều này không xảy ra bên trong người đó.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, mỗi khi một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong trong sự tách-ly ... [*Phật lặp lại lời trên của thầy Xá-lợi-phất ở trên*] ... thì trong thời đó năm điều này không xảy ra bên trong người đó.”

177 (7) Buôn Bán

“Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia không nên dính vào năm việc này. Năm đó là gì? Buôn bán vũ khí, buôn bán chúng sinh (người và động vật), buôn bán thịt, buôn bán những chất gây hại (như rượu, bia, thuốc lá, ma túy...), và buôn bán chất độc (thuốc độc, thuốc hủy diệt (sự sống, côn trùng, vật sống...)). Một đệ tử thánh thiện không nên dính vào năm việc này.”

178 (8) Vua Chúa

(1) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người đẹp bỏ và kiêng cữ sát sinh thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cữ đó, rồi xử trảm người đó, bỏ tù người đó, đày ải người đó, hoặc xử người đó theo tội trạng?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này các Tỳ kheo! Ta không chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về điều ác của người đó như sau: ‘Người này đã giết hại một người nữ hay người nam’, thì vua chúa

sẽ cho bắt giam vì tội sát nhân, rồi xử trăm người đó ... Các thầy có từng thấy hay nghe vụ án như vậy không?”

“Chúng con đã thấy điều như vậy, thưa Thế Tôn, và chúng con đã nghe điều như vậy, và chúng con sẽ nghe điều như vậy [nếu nó có xảy ra].”

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người đẹp bỏ và kiêng cử sự gian cấp thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cử đó, rồi xử trăm người đó ...?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này các Tỳ kheo! Ta không chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về điều ác của người đó như sau: ‘Người này đã ăn cắp đồ đạc trong làng hay trong rừng’, thì vua chúa sẽ cho bắt giam vì tội gian cấp, rồi xử trăm người đó ... Các thầy có từng thấy hay nghe vụ án như vậy không?”

“Chúng con đã thấy điều như vậy, thưa Thế Tôn, và chúng con đã nghe điều như vậy, và chúng con sẽ nghe điều như vậy [nếu nó xảy ra].”

(3) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người đẹp bỏ và kiêng cử sự tà dục tà dâm thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cử đó, rồi xử trăm người đó ...?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này các Tỳ kheo! Ta không chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về điều ác của người đó như sau: ‘Người này đã quan hệ tà dâm với những phụ nữ hay con gái của người khác’, thì vua chúa sẽ cho bắt giam vì tội quan hệ bất chính, rồi xử trăm người đó ... Các thầy có từng thấy hay nghe vụ án như vậy không?”

“Chúng con đã thấy điều như vậy, thưa Thế Tôn, và chúng con đã nghe điều như vậy, và chúng con sẽ nghe điều như vậy [nếu nó xảy ra].”

(4) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người đẹp bỏ và kiêng cử sự nói dối nói láo thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cử đó, rồi xử trăm người đó ...?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

Tốt, này các Tỳ kheo! Ta không chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về điều ác của người đó như sau: ‘Người này đã phá hoại một gia chủ hay con trai của ông ta bằng những lời nói dối’, thì vua chúa sẽ cho bắt giam vì tội nói dối, rồi xử trăm người đó ... Các thầy có từng thấy hay nghe vụ án như vậy không?”

“Chúng con đã thấy điều như vậy, thưa Thế Tôn, và chúng con đã nghe điều như vậy, và chúng con sẽ nghe điều như vậy [nếu nó xảy ra].”

(5) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người đẹp bỏ và kiêng cử sự uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cử đó, rồi xử trăm người đó ...?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này các Tỳ kheo! Ta không chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về điều ác của người đó như sau: ‘Người này do ảnh hưởng việc uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay dùng những chất độc hại, nên đã giết người, hay đã ăn trộm ăn cắp, hay đã quan hệ tà dâm với những phụ nữ hay con gái của người khác, hay đã phá hoại một gia chủ hay con trai của ông ta bằng những lời nói dối nói láo,’ thì vua chúa sẽ cho bắt giam vì tội uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, rồi xử trăm người đó ... Các thầy có từng thấy hay nghe vụ án như vậy không?”

“Chúng con đã thấy điều như vậy, thưa Thế Tôn, và chúng con đã nghe điều như vậy, và chúng con sẽ nghe điều như vậy [nếu nó xảy ra].”

179 (9) *Người Tại gia*

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapīṇḍika), cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất:

“Này Xá-lợi-phất, thầy nên biết rằng, bất cứ người tại gia áo trắng nào mà (a) những hành-động của họ được kiềm chế trong năm giới-luật tu hành, và (b) nếu họ muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, họ có thể chứng đắc bốn sự lạc trú thuộc phần tâm bậc cao (tăng thượng tâm) có thể thấy được trong kiếp này, thì: nếu họ muốn, họ có thể tuyên bố về mình như vậy: ‘Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cõi nạ quỷ đầy đọa; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, bị nơi đến xấu dữ, bị cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] trong cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’

(1) (a) “Cái gì là năm giới-luật tu hành mà những hành-động của người đó được kiềm chế trong đó? Ở đây, này Xá-lợi-phất, một đệ tử thánh thiện kiêng cử sát sinh, kiêng cử gian cấp, kiêng cử tà dục tà dâm, kiêng cử nói dối lời sai, kiêng cử rượu nặng, rượu nhẹ và những chất độc hại là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Những hành-động của người đó được kiềm chế trong năm giới-luật tu hành đó.

(b) “Cái gì là bốn sự an trú hạnh phúc (lạc trú) thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được trong kiếp này mà nếu họ muốn họ có thể chứng đắc chúng, không khó khăn hay rắc rối gì?¹⁰⁰⁸

(2) “Ở đây, người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây là sự an trú hạnh phúc thứ nhất thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được trong kiếp này mà họ đã thành

tự cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch.

(3) “Thêm nữa, người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin bất thối chuyển vào Giáo Pháp như vậy: ‘Có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Đây là sự an trú hạnh phúc thứ hai thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được trong kiếp này mà họ đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch.

(4) “Thêm nữa, người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin bất thối chuyển vào Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian. Đây là sự an trú hạnh phúc thứ ba thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được trong kiếp này mà họ đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch.

(5) “Thêm nữa, người đệ tử thánh thiện có được giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh, không bị sút mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị đốm xấu, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Đây là sự an trú hạnh phúc thứ tư thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được trong kiếp này mà họ đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch.

“Đây là bốn sự an trú hạnh phúc thuộc phần tâm bậc cao có thể

thấy được trong kiếp này mà nếu muốn họ có thể chứng đắc chúng, không khó khăn hay rắc rối gì.

“Này Xá-lợi-phất, thầy nên biết rằng, bất cứ người tại gia áo trắng nào (a) những hành-động của họ được kiểm chế trong năm giới-luật tu hành, và (b) nếu họ muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, họ có thể chứng đắc bốn sự an trú hạnh phúc thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được trong kiếp này, thì nếu muốn họ có thể tuyên bố về mình rằng: ‘Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ đày đọa; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, bị nơi đến xấu dữ, bị cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] sẽ bị tái sinh trong cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’”

Sau khi nhìn thấy hiểm họa trong địa ngục,
Người nên tránh bỏ những nghiệp xấu ác;
Sau khi đã nhận lấy Giáo Pháp thánh thiện,
Người có trí nên tránh bỏ chúng.

Với hết mọi khả năng của mình:
Người không nên làm hại chúng sinh;
Người không nên nói dối nói sai một cách ý thức;
Người không lấy của không được cho.

Người nên biết hài lòng với (những) vợ của mình,¹⁰⁰⁹
Và nên tránh xa những vợ của người khác.¹⁰¹⁰
Một người không nên uống rượu nặng, rượu nhẹ,
Làm tâm trí ngu mờ.

Người nên tưởng niệm Đức Phật,
Và suy niệm về Giáo Pháp.
Người nên tu tập một cái tâm hiền từ,
Dẫn tới cõi những thiên thần.

Khi có được những thứ để bố thí cúng dường,
Vói ai cần có và muốn có được công đức,
Nếu cúng dường cho những bậc thánh tu,
Thì công đức càng trở nên lớn lao.

Này Xá-lợi-phất, hãy lắng nghe,
Ta sẽ mô tả những bậc thánh tu.

Trong một đàn bò,¹⁰¹¹

Có con màu đen, con trắng, con đỏ, hay con vàng hung,
Màu đồng nhất hay có đốm, hay màu bò câu—

Dù được sinh ra màu gì, nhưng nếu được thuần hóa:

Thì nó có thể kéo xe nặng,

Có sức mạnh, sức nhanh.

Dù là bò màu gì,

Cũng bị gánh gông nặng ở cổ.

Trong nhân loại cũng vậy,

Có người là giai cấp chiến-sĩ,

Có người cấp bà-la-môn, người cấp nông-thương,

Người cấp hạ-tiện, hay hạng bần cùng đồ phân—

Dù được sinh ra là giai cấp nào, nhưng nếu được thuần tu:

Thì người đó vững chắc về Giáo Pháp, đức hạnh về hành vi,

Chân thật trong lời nói, biết xấu hổ về mặt đạo đức;

Người đó loại bỏ được sự sinh-già,

Đã đạt đỉnh cao trong đời sống tâm linh,

Đã quăng bỏ gánh nặng, đã hết bị trói buộc,

Đã làm xong những gì cần phải làm,

Đã không còn ô-nhiễm;

Là người đã vượt trên mọi thứ [của thế gian],

Và đã chứng ngộ Niết-bàn, nhờ sự không-còn dính chấp:

Sự cúng dường này thực lớn lao,

Nếu được gieo trồng trong ruộng phước không tỳ vết như vậy.

Những người ngu không hiểu, ngu ngốc, thiếu học,
 Không để ý đến những bậc thánh,¹⁰¹²
 Mà chỉ lo cúng dường những người ngoài đạo.
 Còn những người để ý đến những bậc thánh,
 Để ý đến những người trí được tôn trọng là bậc trí hiền,¹⁰¹³
 Và những người có niềm-tin vào bậc Phúc Lành (Phật),
 Niềm-tin được cảm rễ rất sâu và được thiết lập vững vàng,
 Thì người đó sẽ được lên cõi những thiên thần,
 Hoặc được sinh ra trong những gia đình tốt đẹp.
 Còn những bậc trí thì từng bước tu tiên,
 Và chứng ngộ Niết-bàn.

180 (10) *Gavesī*

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ sở những người Kosala (Kiền-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn. Lúc đó, trong lúc đang đi dọc đường lộ cái, đức Thế Tôn nhìn thấy một khóm rừng lớn những cây sa-la. Đức Thế Tôn đã ra khỏi đường lộ, đi vô rừng cây sa-la, và mỉm cười khi đến được một nơi như vậy.

Rồi ý nghĩ này xảy đến với Ngài Ānanda: “Tại sao đức Thế Tôn mỉm cười? Những bậc Như Lai không cười khi không có lý do.” Rồi thầy Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, vì sao Thế Tôn mỉm cười như vậy? Những Như Lai không cười khi không có lý do.”

“Này Ānanda, trong quá khứ nơi này là một thành phố giàu có, thịnh vượng, dân cư đông đúc, là nơi nhiều người đổ về. Lúc bấy giờ có bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là (Phật) Ca-Điếp [Kassapa] sống nương nhờ ở thành phố này. Đức Thế Tôn Ca-Điếp có một đệ tử

tại gia tên là Gavesī, người chưa hoàn thiện về giới-hạnh. Và Gavesī chỉ dạy và hướng dẫn cho năm trăm đệ tử tại gia khác, họ cũng chưa hoàn thiện về giới-hạnh.

(1) “Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với Gavesī: ‘Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này, nhưng cả ta và họ đều chưa hoàn thiện về giới-hạnh. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.’

“Rồi Gavesī đã đến gặp năm trăm đệ tử tại gia đó và nói với họ: ‘Từ hôm nay trở đi, các vị nên coi tôi là người đang hoàn thiện giới-hạnh.’ Rồi ý nghĩ này xảy đến với năm trăm người đó: ‘Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī sẽ hoàn thiện giới-hạnh. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?’

“Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp Gavesī và nói với ông ấy: ‘Từ hôm nay trở đi, mong Thầy Gavesī coi chúng tôi là những người đang hoàn thiện giới-hạnh.’

(2) “Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với đệ tử tại gia Gavesī: ‘Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này. Giờ ta là người đang hoàn thiện giới-hạnh, và họ cũng đang làm như vậy. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.’

“Rồi Gavesī đã đến gặp năm trăm đệ tử tại gia đó và nói với họ: ‘Từ hôm nay trở đi, các vị hãy coi tôi là người sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử quan hệ tính dục, kiêng cử những thói tục của cá nhân.’ Rồi ý nghĩ này xảy đến với năm trăm người đó: ‘Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī sẽ sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử quan hệ tính dục, kiêng cử những thói tục của cá nhân. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?’

“Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp Gavesī và nói với ông

ấy: ‘Từ hôm nay trở đi, mong Thầy Gavesī coi chúng tôi là những người sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử quan hệ tính dục, kiêng cử những thói tục của cá nhân.’

(3) “Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với đệ tử tại gia Gavesī: ‘Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này. Giờ ta là người đang hoàn thiện giới-hạnh, và họ cũng đang làm như vậy. Ta đang sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử quan hệ tính dục, kiêng cử những thói tục của cá nhân, và họ cũng làm như vậy. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.’

“Rồi Gavesī đã đến gặp năm trăm đệ tử tại gia đó và nói với họ: ‘Từ hôm nay trở đi, các vị hãy coi tôi là người ăn một bữa một ngày, kiêng cử ăn đêm, kiêng cử ăn ngoài thời gian thích hợp’ (tức ăn trước giờ Ngọ; không ăn uống phi thời hay ngoài giờ quy định). Rồi ý nghĩ này xảy đến với năm trăm người đó: ‘Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī là người ăn một bữa một ngày, kiêng cử ăn đêm, kiêng cử ăn ngoài thời gian thích hợp. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?’

“Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp Gavesī và nói với ông ấy: ‘Từ hôm nay trở đi, mong Thầy Gavesī coi chúng tôi là những người ăn một bữa một ngày, kiêng cử ăn đêm, kiêng cử ăn ngoài thời gian thích hợp.’

(4) “Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với đệ tử tại gia Gavesī: ‘Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này. Giờ ta là người đang hoàn thiện giới-hạnh, và họ cũng đang làm như vậy. Ta đang sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử quan hệ tính dục, kiêng cử những thói tục của cá nhân, và họ cũng đang làm như vậy. Giờ ta là người ăn một bữa một ngày, kiêng cử ăn đêm, kiêng cử ăn ngoài thời gian thích hợp, và họ cũng đang làm như vậy. Như vậy

tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.’

(5) “Rồi Gavesī đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Điếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, và thưa với Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, liệu con có được xuất gia và thụ toàn bộ giới (đại thọ giới, thụ giới cao hơn, thành Tỳ kheo) dưới đức Thế Tôn hay không?’. Rồi đệ tử tại gia Gavesī đã được xuất gia và thụ toàn bộ giới dưới đức Thế Tôn Ca-Điếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Không lâu sau khi đã thụ toàn bộ giới, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, Tỳ kheo Gavesī, với trí-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp đó đã chứng ngộ đỉnh-cao vô thượng của đời sống tâm linh mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó. Vị đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Và Tỳ kheo Gavesī đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

“Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với năm trăm đệ tử tại gia đó: ‘Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī đã cạo bỏ râu tóc và khoát y cà-sa màu vàng úa, đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?’

“Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Điếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác và thưa với đức Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, liệu chúng con có được xuất gia và thụ toàn bộ giới dưới đức Thế Tôn hay không?’ Rồi năm trăm vị đệ tử tại gia đó đã được xuất gia và thụ toàn bộ giới dưới đức Thế Tôn Ca-Điếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(6) “Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với Tỳ kheo Gavesī: ‘Ta, nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát. Ôi, cầu mong cho năm trăm vị

Tỳ kheo cũng vậy, nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, họ cũng có thể chứng đắc niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát!’ Rồi, này Ānanda, không bao lâu sau khi thụ toàn bộ giới, mỗi người sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, không lâu sau khi đã thụ toàn bộ giới, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, năm trăm vị Tỳ kheo đó, với trí-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp đó đã chứng ngộ đỉnh-cao vô thượng của đời sống tâm linh mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, những vị ấy an trú trong đó. Những vị đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Và năm trăm vị Tỳ kheo đó đã trở thành những A-la-hán.

“Như vậy, này Ānanda, năm trăm vị Tỳ kheo đó được dẫn đầu bởi Gavesī, nhờ sự phấn đấu (tinh cần) theo những cách thức cao hơn và siêu phàm hơn, đã chứng ngộ niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát.¹⁰¹⁴ Bởi vậy, này Ānanda, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Nhờ sự phấn đấu theo những cách thức cao hơn và siêu phàm hơn, chúng ta sẽ chứng ngộ niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát.’ Này Ānanda, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

NHÓM 4

NHỮNG NGƯỜI SỐNG TRONG RỪNG

181 (1) *Những Người Sống Trong Rừng*

“Này các Tỳ kheo, có năm loại người sống trong rừng. Năm đó là gì? (1) Người trở thành người sống trong rừng do sự ngu đần của mình; (2) người trở thành người sống trong rừng vì người đó có tham muốn

xấu ác, do người đó bị thúc đẩy bởi tham muốn,¹⁰¹⁵ (3) người trở thành người sống trong rừng vì người đó bị điên khùng và tâm thần bán loạn; (4) người trở thành người sống trong rừng [vì nghĩ rằng]: ‘Điều này được khen ngợi bởi những vị Phật và những vị đệ tử của những vị Phật’; (5) và người trở thành người sống trong rừng vì (để tu tập) sự ít tham muốn, sự biết hài lòng, sự loại bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc cư, sự giản dị thanh bản.

“Đây là năm loại người sống trong rừng. Người trở thành người sống trong rừng (5) vì (để tu tập) sự ít tham muốn, sự biết hài lòng, sự loại bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc cư, sự giản dị thanh bản là loại người bậc nhất, loại tốt nhất, loại ưu việt, loại cao thượng nhất, và loại đẹp đẽ nhất trong năm loại người sống ở trong rừng.

“Này các Tỳ kheo, cũng như từ một con bò có sữa bò, từ sữa có sữa đông cục, từ sữa đông cục có bơ, từ bơ có ván sữa, từ ván sữa có kem ván sữa, kem ván sữa được cho là bậc nhất trong tất cả loại đó; cũng giống như vậy, người trở thành người sống trong rừng vì (để tu tập) sự ít tham muốn, sự biết hài lòng, sự loại bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc cư, sự giản dị thanh bản là loại người bậc nhất, loại tốt nhất, loại ưu việt, loại cao thượng nhất, và loại đẹp đẽ nhất trong năm loại người sống ở trong rừng.”

182 (2)—190 (10) Những Người Mặc Y Phục Làm Từ Giẻ Rách...

“Này các Tỳ kheo, có năm loại người mặc y áo làm từ giẻ rách¹⁰¹⁶ ... có năm loại người sống dưới gốc cây ... có năm loại người sống trong nghĩa địa ... có năm loại người sống ở ngoài trời ... có năm loại người luôn ngồi chứ không nằm ... có năm loại người luôn nằm bất cứ chỗ nào nằm được ... có năm loại người chỉ ngồi ăn một lần mỗi ngày ... có năm loại người sau khi bắt đầu ăn thì không nhận thức ăn nữa ... có năm loại người chỉ ăn thức ăn từ trong bình bát. Năm đó là gì? (1)

Người chỉ ăn thức ăn từ trong bình bát do sự ngu đần của mình; (2) người chỉ ăn thức ăn từ trong bình bát vì người đó có tham muốn xấu ác, do người đó bị thúc đẩy bởi tham muốn; (3) người chỉ ăn thức ăn từ trong bình bát vì người đó bị điên khùng và tâm thần bán loạn; (4) người chỉ ăn thức ăn từ trong bình bát [vì nghĩ rằng]: ‘Điều này được khen ngợi bởi những vị Phật và những vị đệ tử của những vị Phật’; (5) và người chỉ ăn thức ăn từ trong bình bát vì (để tu tập) sự ít tham muốn, sự biết hài lòng, sự loại bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc cư, sự giản dị thanh bản.

“Đây là năm loại người chỉ ăn thức ăn từ trong bình bát. Người chỉ ăn thức ăn từ trong bình bát vì (để tu tập) sự ít tham muốn, sự biết hài lòng, sự loại bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc cư, sự giản dị thanh bản là loại người bậc nhất, loại tốt nhất, loại ưu việt, loại cao thượng nhất, và loại đẹp đẽ nhất trong năm loại người chỉ ăn thức ăn từ trong bình bát.

[*Tiếp tục đoạn ví dụ như kinh 5:181 ở trên.*]

NHÓM 5

CHÓ

191 (1) Những Con Chó

“Này các Tỳ kheo, có năm sự thực hành cổ xưa này của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có trong những con chó, không thấy có trong những bà-la-môn. Năm đó là gì?

(1) “Ngày xưa, những bà-la-môn chỉ phối ngẫu với phụ nữ bà-la-môn, không phối ngẫu với phụ nữ không phải bà-la-môn. Nhưng giờ những bà-la-môn giao phối với cả hai hạng phụ nữ đó. Tuy nhiên,

những con chó thì vẫn chỉ giao phối với những con chó cái, không giao phối với những con thú cái khác. Đây là thực hành cổ xưa thứ nhất của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có trong những con chó, không thấy có trong những bà-la-môn.

(2) “Ngày xưa, những bà-la-môn chỉ giao phối với những phụ nữ trong nửa tháng có thể thụ thai, không giao phối trong thời gian khác. Nhưng giờ những bà-la-môn giao phối với những phụ nữ cả trong hai thời gian đó. Tuy nhiên, những con chó thì vẫn chỉ giao phối với những con chó cái trong thời gian có thể thụ thai (thời kỳ động dục), không giao phối trong thời gian khác. Đây là thực hành cổ xưa thứ hai của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có trong những con chó, không thấy có trong những bà-la-môn.

(3) “Ngày xưa, những bà-la-môn không mua bán những phụ nữ bà-la-môn, và họ chỉ sống chung khi có tình cảm với nhau, họ làm vậy vì sự liên tục của dòng họ.¹⁰¹⁷ Nhưng giờ những bà-la-môn mua bán những phụ nữ bà-la-môn, và họ sống chung dù có tình cảm hay không có tình cảm với nhau, họ làm vậy vì sự liên tục của dòng họ.¹⁰¹⁸ Tuy nhiên, những con chó không mua bán những con chó cái, và chúng chỉ ở chung nhau sau khi có cảm tình với nhau, chúng làm vậy vì sự liên tục của giống nòi. Đây là thực hành cổ xưa thứ ba của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có trong những con chó, không thấy có trong những bà-la-môn.

(4) “Ngày xưa, những bà-la-môn không tích trữ tài sản, lúa gạo, vàng bạc. Nhưng giờ những bà-la-môn tích trữ chúng. Tuy nhiên, những con chó không tích trữ những thứ đó. Đây là thực hành cổ xưa thứ tư của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có trong những con chó, không thấy có trong những bà-la-môn.

(5) “Ngày xưa, những bà-la-môn chỉ đi khất thực vào buổi chiều cho bữa ăn chiều và buổi sáng cho bữa ăn sáng. Nhưng giờ những bà-

la-môn ăn uống tùy thích cho đến khi bụng căng đầy, và khi ra về còn lấy về những thức ăn còn lại. Tuy nhiên, những con chó vẫn chỉ đi tìm thức ăn vào buổi chiều cho bữa ăn chiều và buổi sáng cho bữa ăn sáng. Đây là thực hành cổ xưa thứ năm của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có trong những con chó, không thấy có trong những bà-la-môn.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm sự thực hành cổ xưa của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có trong những con chó, không thấy có trong những bà-la-môn.”

192 (2) Bà-la-môn Doṇa

Lúc đó có bà-la-môn tên Doṇa đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, tôi nghe nói: ‘Tu sĩ [sa-môn] Cò-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; ông ta cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ.’ Đây đúng là sự thật, bởi vì Thầy Cò-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; thầy cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Cò-đàm, điều này là không phù hợp.”¹⁰¹⁹

“Này ông Doṇa, ông có tuyên bố là một bà-la-môn không?”

“Thầy Cò-đàm, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói: ‘Người đó là một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ; người đó là người truyền tụng và bảo tồn những bài tụng chú, là một bậc thầy về ba kinh Vệ-đà (Veda) thông thuộc cả những từ vựng, nghi thức, âm vị học, từ nguyên học, và lịch sử là thứ

năm; giỏi về ngôn ngữ học và ngữ pháp, người đó thông hoàn toàn thông thuộc về triết lý tự nhiên và về những tướng số của bậc đại nhân’—thì chính xác là tôi người đó đang nói tới. Bởi vì, Thầy Cồ-đàm, tôi là một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ; người đó là người truyền tụng và bảo tồn những bài tụng chú, là một bậc thầy về ba kinh Vệ-đà (Veda) thông thuộc cả những từ vựng, nghi thức, âm vị học, từ nguyên học, và lịch sử là thứ năm; giỏi về ngôn ngữ học và ngữ pháp, người đó thông hoàn toàn thông thuộc về triết lý tự nhiên và về những tướng số của bậc đại nhân.”

“Này ông Doṇa, những bậc nhìn-thấy trong số những bà-la-môn—như Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāsetṭha, Kassapa, và Bhagu—là những người tạo ra những bài chú tụng, và đó là những bài chú của họ, đã từng được tụng đọc, được công bố, và được kết tập mà những bà-la-môn thời này vẫn tụng đọc và lặp lại, lặp lại những lời đã được nói, tụng lại những lời đã được tụng, và dạy lại những lời đã được dạy. Những bậc nhìn thấy thời xưa đã mô tả năm loại bà-la-môn này: loại giống trời Brahmā, loại giống thiên thần, loại vẫn còn trong giới hạn, loại đã vượt qua giới hạn, và loại bà-la-môn mặt thấp [caṇḍāla] là thứ năm. Này ông Doṇa, trong đó ông thuộc loại nào?”

“Thầy Cồ-đàm, tôi không biết năm loại bà-la-môn đó. Tất cả những gì chúng tôi biết là [chữ] ‘bà-la-môn’ mà thôi. Vậy Thầy Cồ-đàm hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách để tôi biết năm loại bà-la-môn đó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.”

“Được, thưa thầy”, ông bà-la-môn Doṇa đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là giống trời

Brahmā? Ở đây, một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ. Người đó sống đời sống tâm linh độc thân từ đầu (phạm hạnh đồng trinh)¹⁰²⁰ suốt 48 năm, học hiểu những bài chú thuật. Sau đó người đó tìm kiếm tiền học phí để trả cho người thầy nhờ một cách duy nhất đúng theo Giáo Pháp, không theo cách trái với Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là Giáo Pháp trong trường hợp này? Không bằng cách trồng trọt, buôn bán, săn bắn, chăn nuôi gia súc, phục vụ vua chúa, nghề đặc thù, chỉ duy nhất bằng cách đi khát thực mà không khinh thường bình bát khát thực. Sau khi đã trả học phí cho người thầy của mình, người đó cạo râu tóc, khoát y vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.¹⁰²¹ Sau khi đã xuất gia, người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *từ-ái*; cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và mọi nơi chốn, người đó sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm thấm đẫm sự *từ-ái*, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn* ... với một cái tâm thấm đẫm sự *tùy-hỷ* ... với một cái tâm thấm đẫm sự *buông-xả*; cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và mọi nơi chốn, người đó sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn* ... sự *tùy-hỷ* ... sự *buông-xả*, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Sau khi đã tu tập bốn sự an trú thuộc cõi trời (bốn sự an trú thiên thánh, bốn phạm trú, bốn tâm vô lượng),¹⁰²² khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời brahmā. Theo cách này một bà-la-môn là giống với vị trời Brahmā.

(2) “Và, này Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là giống một thiên thần? Ở đây, một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha

và mẹ ... [*giống đoạn (I) kể trên cho tới:*] ... chỉ duy nhất bằng cách đi khát thực mà không khinh thường bình bát khát thực. Sau khi đã trả xong học phí cho người thầy của mình, người đó tìm cưới vợ chỉ theo cách đúng theo Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là Giáo Pháp trong trường hợp này? Không bằng cách mua bán [người đó chỉ lấy] một phụ nữ bà-la-môn được trao cho người đó bằng cách rót nước. Người đó chỉ giao phối với một phụ nữ bà-la-môn, không giao phối với phụ nữ giai cấp chiến-sĩ (khattiya), giai cấp nông thương (vessa), giai cấp hạ tiện (sudda) hay phụ nữ thuộc hạng mặt thấp (caṇḍāla, chiêm-đà-la), cũng không giao phối với phụ nữ từ gia đình hạng thợ săn, thợ đan mây tre, thợ làm xe ngựa, hay những người hốt rác. Người đó không giao phối với phụ nữ có thai, hay phụ nữ đang cho con bú, hay phụ nữ ngoài thời gian có thể thụ thai.

“Và, này ông Doṇa, tại sao người đó không giao phối với phụ nữ có thai? Bởi vì, nếu làm như vậy, đứa bé được sinh ra trong sự dơ bẩn quá mức; do vậy người đó không làm vậy. Tại sao người đó không giao phối với phụ nữ đang cho con bú? Bởi vì, nếu làm vậy, đứa bé được sinh ra sẽ như uống lại chất ô uế;¹⁰²³ do vậy người đó không làm vậy. Tại sao người đó không giao phối với phụ nữ ngoài thời gian có thể thụ thai? Bởi vì, người vợ bà-la-môn của người đó không phải để phục vụ cho dục lạc, sự vui thú, và khoái lạc, mà chỉ vì đẻ sinh sản (liên tục nối giống). Sau khi người đó đã giao hợp tính dục như vậy, người đó đó cạo râu tóc, khoát y vàng nâu, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã xuất gia, người đó (thiền định) tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) ... [*y hết nguyên văn đoạn nói về bốn tầng thiền*

định ở kinh 5:14] ... Sau khi đã tu tập bốn tầng thiên định (sắc giới) này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Theo cách này một bà-la-môn là giống một thiên thần.

(3) “Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là vẫn còn trong giới hạn? Ở đây một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ ... [*tiếp tục y hệt như đoạn kể trên cho tới:*] ... Bởi vì, người vợ bà-la-môn của người đó không phải để phục vụ cho dục lạc, sự vui thú, và khoái lạc, mà chỉ vì để sinh sản (liên tục nòi giống). Sau khi người đó đã giao hợp tính dục như vậy, vì sự dính buộc với con cái nên người đó vẫn ở lại với nhà cửa gia sản và không xuất gia tu hành. Người đó dừng lại ở giới hạn đó của những bà-la-môn cổ xưa, nhưng không vi phạm giới đó (tức không vi phạm bà-la-môn giới về việc lấy vợ cùng giai cấp, về sự giao phối tính dục). Do người đó dừng lại ở giới hạn của những bà-la-môn cổ xưa nhưng không vi phạm giới đó, nên người đó được gọi là một bà-la-môn vẫn còn trong giới hạn. Theo cách này là một bà-la-môn vẫn còn trong giới hạn.

(4) “Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là vượt qua giới hạn? Ở đây một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ ... [*tiếp tục y hệt như đoạn trên cho tới:*] ... Sau khi đã trả xong học phí cho người thầy của mình, người đó tìm cưới vợ một cách trái với Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là trái Giáo Pháp trong trường hợp này? Người đó vừa lấy phụ nữ bà-la-môn được trao cho người đó bằng cách rót nước, vừa lấy vợ cả thông qua mua bán. Người đó không chỉ giao phối với một phụ nữ bà-la-môn, mà cũng giao phối với phụ nữ giai cấp chiến-sĩ (khattiya), giai cấp nông thương (vessa), giai cấp hạ tiện (sudda), phụ nữ thuộc hạng mạt thấp (caṇḍāla, chiên-đà-la), phụ nữ từ gia đình hạng thợ săn, thợ đan mây tre, thợ làm xe ngựa và những người hốt rác. Người đó giao phối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang cho con bú, phụ nữ trong và ngoài thời gian có thể thụ thai. Người vợ bà-la-môn

của người đó vừa là người cho mục đích dục lạc, vui thú, và khoái lạc, vừa cho mục đích sinh đẻ. Người đó không dừng lại ở giới hạn đó của những bà-la-môn cổ xưa, mà vi phạm luôn giới đó (tức đã vi phạm bà-la-môn giới về việc lấy vợ và giao phối). Do người đó không dừng lại ở giới hạn của những bà-la-môn cổ xưa mà vi phạm luôn giới đó, nên người đó được gọi là một bà-la-môn đã vượt qua giới hạn. Theo cách này một bà-la-môn là vượt qua giới hạn.

(5) “Và, này ông Dona, theo cách nào một bà-la-môn là hạng mạt thấp của một bà-la-môn? Ở đây một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ ... [*tiếp tục y hệt như đoạn trên cho tới:*] ... Sau đó người đó tìm kiếm tiền học phí để trả cho người thầy bằng những cách đúng theo Giáo Pháp và cả trái với Giáo Pháp. Và, này ông Dona, cái gì là đúng theo Giáo Pháp và trái với Giáo Pháp trong trường hợp này? Tức là bằng những cách trồng trọt, buôn bán, săn bắn, chăn nuôi gia súc, phục vụ vua chúa, nghề đặc thù, chứ không phải chỉ¹⁰²⁴ bằng cách đi khát thực mà không khinh thường bình bát khát thực.

Sau khi trả xong học phí cho người thầy của mình, người đó tìm lấy vợ một cách vừa đúng theo Giáo Pháp, vừa trái với Giáo Pháp. Người đó vừa lấy phụ nữ bà-la-môn được trao cho người đó bằng cách rót nước, vừa lấy vợ cả thông qua mua bán. Người đó không chỉ giao phối với một phụ nữ bà-la-môn, mà cũng giao phối với phụ nữ giai cấp chiến-sĩ (khattiya), giai cấp nông thương (vessa), giai cấp hạ tiện (sudda), phụ nữ thuộc hạng mạt thấp (caṇḍāla, chiêm-đà-la), phụ nữ từ gia đình hạng thợ săn, thợ đan mây tre, thợ làm xe ngựa và những người hốt rác. Người đó giao phối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang cho con bú, phụ nữ trong và ngoài thời gian có thể thụ thai. Người vợ bà-la-môn của người đó vừa là người cho mục đích dục lạc, vui thú, và khoái lạc, vừa cho mục đích sinh đẻ. Người đó kiếm sống bằng đủ loại công việc. Những bà-la-môn khác nói với người đó: ‘Này ông, tại sao trong khi tuyên bố mình là một bà-la-môn mà ông lại kiếm sống bằng đủ loại

công việc như vậy?’ Người đó trả lời họ: ‘Giống như lửa đốt cháy những thứ sạch và dơ nhưng lửa đâu bị ô nhiễm do (tiếp xúc) những thứ đó; cũng giống như vậy, nếu một bà-la-môn kiếm sống bằng đủ loại công việc, người đó đâu bị ô nhiễm do (làm, tiếp xúc) những công việc đó.’ Vì người đó kiếm sống bằng đủ loại công việc, nên bà-la-môn đó được gọi là hạng mạt thấp của một bà-la-môn. Theo cách này một bà-la-môn là hạng mạt thấp của bà-la-môn.

“Này ông Doṇa, những bậc nhìn-thấy trong số những bà-la-môn—như ... [*nưh đoạn này ở đầu kinh*] ... đã mô tả năm loại bà-la-môn này: loại giống trời Brahmā, loại giống thiên thần, loại vẫn còn trong giới hạn, loại đã vượt qua giới hạn, và loại bà-la-môn mạt thấp [caṇḍāla] là thứ năm. Này ông Doṇa, trong đó ông thuộc loại nào?”

“Thưa Thầy Cò-đàm, trong trường hợp như vậy, chúng tôi còn chưa bằng loại bà-la-môn mạt thấp. Thật hay khéo, thưa Thầy Cò-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cò-đàm! Thầy Cò-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cò-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỷ kheo. Mong Thầy Cò-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

193 (3) Bà-la-môn Saṅgāra¹⁰²⁵

Lúc đó có bà-la-môn tên là Saṅgāra đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, (I) cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có nhiều lúc các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày lại không nhớ được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng? (II) Và tại

sao nhiều lúc các kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn nhớ được lâu trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày?”

(I) [*Tại sao một người không nhớ được những kinh kệ?*]

(1) “Này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi (chương-ngại) *tham-dục*, bị chiếm ngự bởi *tham-dục*, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự thoát-khỏi *tham-dục*,¹⁰²⁶ thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người.¹⁰²⁷ Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, giả sử có một cái chậu đựng nước có pha thuốc nhuộm màu đỏ, vàng, xanh, hay màu gấc; (*hàm chỉ tham-dục đủ loại*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó (khuôn mặt) đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *tham-dục* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(2) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý*, bị chiếm ngự bởi *ác-ý*, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự thoát-khỏi *sự ác-ý* đã khởi sinh, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, giả sử có một chậu nước được nấu bằng lửa, đang nổi bọt và sôi sục; (*hàm chỉ sự ác-ý sân hận*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự *ác-ý* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(3) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*, bị chiếm ngự bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự thoát-khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, giả sử có một cái chậu nước bị che phủ bởi rong rêu và tảo; (*hàm chỉ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(4) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiếc*, bị chiếm ngự bởi sự bất-an và hối-tiếc, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự thoát-khỏi sự bất-an và hối-tiếc, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt-lành của mình,

hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, giả sử có một cái chậu nước bị thổi bởi gió, chao động, xoay động, khuấy động thành sóng nhỏ; (*hàm chỉ sự bất-an và hối-tiết*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiết* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(5) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ*, bị chiếm ngự bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, giả sử có một chậu nước đục ngầu, không lắng đọng, đầy bùn đất, được đặt trong chỗ tối; (*hàm chỉ sự nghi-ngờ, sự không rõ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(II) [Tại sao một người nhớ được những kinh kệ?]

(1)-(5) “Này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm **không bị** ám muội bởi (chươngngai) *tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ* (năm chươngngai), thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

“Này bà-la-môn, giả sử có một chậu nước không được pha tạp bởi thuốc nhuộm; không nổi bọt và sôi sục; không bị che phủ bởi rong rêu và tảo; không bị khuấy động bởi gió và chao động thành sóng; trong sạch, lắng tĩnh, trong suốt, được đặt ở chỗ sáng. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ biết và thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một sống với một cái tâm **không bị** ám muội bởi *tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ*, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

“Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-

đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỷ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

194 (4) Bà-la-môn Kāraṇapālī

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Kāraṇapālī đang làm cho xong mấy công việc cho những người Licchavi.¹⁰²⁸ Bà-la-môn Kāraṇapālī nhìn thấy bà-la-môn Piṅgiyānī đang từ xa đi đến, và nói với ông ta:

“Thầy Piṅgiyānī từ đâu mà đến đây vào giữa trưa như vậy?”

“Thưa ông, tôi đến đây từ chỗ có mặt tu sĩ (sa-môn) Cồ-đàm.”¹⁰²⁹

“Thầy Piṅgiyānī nghĩ sao về tầm lực trí-tuệ của tu sĩ Cồ-đàm? Thầy có coi vị ấy là thông thái hay không?”

“Này thưa ông, tôi là ai mà có thể biết được tầm lực về trí-tuệ của tu sĩ Cồ-đàm? Chắc chắn rằng chỉ có ai giống bậc ấy mới có thể biết được tầm lực về trí-tuệ của bậc ấy!”

“Thầy khen ngợi tu sĩ Cồ-đàm bằng lời khen bay bổng, thật vậy.”

“Này thưa ông, tôi là ai mà có thể khen ngợi tu sĩ Cồ-đàm? Tu sĩ Cồ-đàm nên được khen ngợi bởi những người được khen ngợi; (vì) bậc ấy là bậc nhất trong những thiên thần và loài người!”

“Thầy Piṅgiyānī, những cơ sở nào thầy đã nhìn thấy để thầy đặt niềm-tin như vậy vào tu sĩ Cồ-đàm?”

(1) “Giống như một người đã tìm thấy sự thỏa mãn trong những mùi-vị ngon bậc nhất sẽ không còn mong muốn ném những loại thấp hơn. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất kỳ điều gì một người nghe được từ Giáo Pháp của tu sĩ Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có

kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì người đó không còn mong muốn tìm kiếm những học thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn bình thường khác nữa.¹⁰³⁰

(2) “Giống như một người bị áp bức bởi cơn đói và sự đuối yếu mà nhận được một cái bánh mật ong thì người đó sẽ thưởng thức mùi-vị ngọt ngon trong từng miếng bánh đó. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất kỳ điều gì một người nghe được từ Giáo Pháp của tu sĩ Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì người đó sẽ đạt tới sự mãn nguyện và sự lạc diệu của tâm trí.

(3) “Giống như một người bắt gặp một mảnh gỗ đàn hương, dù là đàn hương vàng hay đàn hương đỏ, thì người đó sẽ thưởng thức một mùi-hương thơm thanh trong từng sự ngửi nó, dù là ở dưới, giữa, hay trên đầu mảnh gỗ. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất kỳ điều gì một người nghe được từ Giáo Pháp của tu sĩ Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì người đó sẽ có đầy niềm phấn khởi và hoan hỷ.

(4) “Giống như một người bác sĩ tài giỏi có thể trị hết ngay một người bệnh, bị đau đớn, và bệnh yếu gần chết. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất kỳ điều gì một người nghe được từ Giáo Pháp của tu sĩ Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì sự buồn sâu, sự ai oán, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng của người đó sẽ biến mất.

(5) “Giống như có một hồ nước đáng thích với bờ hồ thoải mái, nước nó trong, dễ chịu, mát lạnh, trong lành, và một người đang bị áp bức và kiệt sức bởi trời nóng bức, bị kiệt sức, khô quéo, và khát cháy nhảy xuống hồ để tắm và uống nước; nhờ vậy sự đau khổ, sự mệt mỏi, và sự sốt cháy của người đó sẽ lắng dịu. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất kỳ điều gì một người nghe được từ Giáo Pháp của tu sĩ Cồ-đàm—

như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì mọi sự đau khổ, sự mệt mỏi, và sự sốt chấy của người đó sẽ lắng dịu.”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Kāraṇapālī đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y áo trên một vai, và chân phải quỳ xuống đất, ông ta kính đánh lễ đức Thế Tôn và cảm hứng nói ra ba lần những lời này:

“Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

“Thật hay khéo, thầy Piṅgiyānī! Thật hay khéo, thầy Piṅgiyānī! Thầy Piṅgiyānī đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như người đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được hình sắc. Thầy Piṅgiyānī, nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong thầy Piṅgiyānī hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

195 (5) Bà-la-môn Piṅgiyānī

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Bấy giờ, vào lúc đó có năm trăm người Licchavi đang đến thăm đức Thế Tôn. Một số người Licchavi có màu xanh (dương), da màu xanh, ăn mặc màu xanh, đeo trang sức màu xanh. Một số người Licchavi có màu vàng, da màu vàng, ăn mặc màu vàng, đeo trang sức màu vàng. Một số người Licchavi có màu đỏ, da màu đỏ, ăn mặc màu đỏ, đeo trang sức màu đỏ. Một số người Licchavi có màu trắng, da màu trắng, ăn mặc màu trắng, đeo trang sức màu trắng. Nhưng đức Thế Tôn vẫn tỏa sáng hơn tất cả họ về vẻ đẹp và

huy hoàng.

Rồi bà-la-môn tên Piṅgiyānī đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh lại y áo trên một vai, và sau khi kính lễ kính chào đức Thế Tôn, ông ta thưa:

“Thưa bậc Thế Tôn, một sự cảm hứng đã đến với con! Thưa bậc Phúc Lành, một sự cảm hứng đã đến với con!”

“Này Piṅgiyānī, vậy hãy diễn đạt sự cảm hứng của mình”,¹⁰³¹ đức Thế Tôn nói. Rồi, trước mặt đức Thế Tôn, bà-la-môn Piṅgiyānī đã ngợi ca đức Thế Tôn bằng một bài thi kệ đúng đắn như vậy.¹⁰³²

“N như hoa sen hồng *kokanada* thơm ngát,
Nở vào buổi sáng,
Mùi hương tinh nguyên chưa từng thấy của nó,
Hãy nhìn Aṅgīrasa sáng rỡ,
Như mặt trời chiếu sáng trong không trung.”

Rồi những người Licchavi đó đã dâng lên bà-la-môn Piṅgiyānī năm trăm y áo. Rồi bà-la-môn Piṅgiyānī dâng cúng năm trăm y áo đó cho đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn mới nói với những người Licchavi đó:

“Này những người Licchavi, sự xuất hiện (hiện thị) của năm báu là hiếm thay trong thế gian.¹⁰³³ Năm đó là gì? (1) Sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là hiếm thay trong thế gian. (2) Một người chỉ dạy Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai là hiếm thay trong thế gian. (3) Khi Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy, một người hiểu được là hiếm thay trong thế gian. (4) Khi Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy và được hiểu, một người thực hành đúng theo Giáo Pháp là hiếm thay trong thế gian. (5) Một người biết ơn và nhớ ơn là hiếm thay trong thế gian. Này những vị người Licchavi, sự xuất hiện của năm báu này là hiếm thay trong thế gian.”

196 (6) Những Giác Mộng

“Này các Tỳ kheo, trước khi giác ngộ, khi còn là một bồ-tát, khi chưa giác ngộ hoàn toàn, có năm mộng lớn đã xảy đến với Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác [Phật]. Năm đó là gì?

(1) “Trước khi giác ngộ, khi còn là một bồ-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác có [mộng thấy] địa cầu to lớn này là giường nằm của mình; dãy núi Himālaya, vua của những ngọn núi, là gối đầu của mình; tay trái của mình gác trên biển đông, tay phải của mình gác trên biển tây, và hai chân của mình gác trên biển nam. Đây là mộng lớn thứ nhất đã hiện ra với Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, trước khi giác ngộ, khi còn là một bồ-tát, khi chưa giác ngộ hoàn toàn.

(2) “Lại nữa, trước khi giác ngộ ... bậc Toàn giác có [mộng thấy rằng] một loài cỏ được gọi là *tiriyā* đã mọc lên từ rốn của mình và vươn thẳng tới tận trời cao. Đây là mộng lớn thứ hai đã hiện ra với Như Lai ... khi chưa giác ngộ hoàn toàn.

(3) “Lại nữa, trước khi giác ngộ ... bậc Toàn giác có [mộng thấy rằng] những con sâu trắng đầu đen bò từ dưới bàn chân lên đầu gối của mình và bao phủ hết hai đầu gối. Đây là mộng lớn thứ ba đã hiện ra với Như Lai ... khi chưa giác ngộ hoàn toàn.

(4) “Lại nữa, trước khi giác ngộ ... bậc Toàn giác có [mộng thấy rằng] những con chim nhiều màu khác nhau bay đến từ mọi hướng, rớt dưới chân mình, và tất cả đều biến thành màu trắng. Đây là mộng lớn thứ tư đã hiện ra với Như Lai ... khi chưa giác ngộ hoàn toàn.

(5) “Lại nữa, trước khi giác ngộ ... bậc Toàn giác có [mộng thấy rằng] mình leo lên một núi lớn toàn phân mà không bị dính dơ bởi nó. Đây là mộng lớn thứ năm đã hiện ra với Như Lai ... khi chưa giác ngộ

hoàn toàn.

(1) “Giờ, này các Tỳ kheo ... (*lặp lại nội dung mộng lớn thứ nhất ở trên*)—[đây là điềm báo] là vị ấy (Phật) sẽ giác ngộ (tỉnh thức) tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng.¹⁰³⁴ Mộng lớn thứ nhất đã hiện ra với vị ấy là [dấu hiệu] sự giác-ngộ của vị ấy [là sắp xảy ra].¹⁰³⁵

(2) “ ... (*lặp lại nội dung mộng lớn thứ hai ở trên*)—[đây là điềm báo] là vị ấy sẽ giác ngộ tới Bát Thánh Đạo và sẽ tuyên thuyết nó một cách hay khéo cho những thiên thần và loài người. Mộng lớn thứ hai đã hiện ra với vị ấy là [dấu hiệu] sự giác-ngộ của vị ấy [là sắp xảy ra].

(3) “ ... (*lặp lại nội dung mộng lớn thứ ba ở trên*)—[đây là điềm báo] là nhiều người tại gia mặc áo trắng sẽ quy y nương tựa suốt đời theo Như Lai. Mộng lớn thứ ba đã hiện ra với vị ấy là [dấu hiệu] sự giác-ngộ của vị ấy [là sắp xảy ra].

(4) “ ... (*lặp lại nội dung mộng lớn thứ hai ở trên*)—[đây là điềm báo] là nhiều người thuộc bốn giai cấp—chiến-sĩ (khattiya), bà-la-môn (Brahmin), nông thương (vessa), và hạ tiện (sudda)—sẽ từ bỏ đời sống tại gia để xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai và họ sẽ chứng ngộ sự giải-thoát vô thượng. Mộng lớn thứ tư đã hiện ra với vị ấy là [dấu hiệu] sự giác-ngộ của vị ấy [là sắp xảy ra].

(5) “ ... (*lặp lại nội dung mộng lớn thứ hai ở trên*)—[đây là điềm báo] là vị ấy sẽ nhận được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh, và vị ấy sẽ dùng chúng mà không bị dính vào chúng, không say mê chúng, và không mù quáng bị hút theo chúng, nhìn thấy sự nguy hại trong chúng, và biết được sự giải thoát khỏi chúng. Mộng lớn thứ năm đã hiện ra với vị ấy là [dấu hiệu] sự giác-ngộ của vị ấy [là sắp xảy ra].

“Này các Tỳ kheo, đây là năm mộng lớn đã hiện ra với Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, trước khi ta giác ngộ, khi còn là một bồ-

tát, khi chưa giác ngộ hoàn toàn.”

197 (7) Mưa

“Này các Tỳ kheo, có năm sự cản trở mưa mà những người dự báo thời tiết không biết về chúng, nơi mà mắt họ không thể bước qua.¹⁰³⁶ Năm đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, yếu tố nhiệt (lửa) ở những tầng cao hơn của bầu trời bị nhiễu loạn. Do điều này những đám mây đã hình thành bị phân tán. Đây là sự cản trở mưa thứ nhất mà những người dự báo thời tiết không biết về chúng, nơi mà mắt họ không thể bước qua.

(2) “Thêm nữa, yếu tố khí (gió) ở những tầng cao hơn của bầu trời bị nhiễu loạn. Do điều này nhưng đám mây đã hình thành bị phân tán. Đây là sự cản trở mưa thứ nhất ...

(3) “Thêm nữa, Rāhu, vua của những quỷ thần a-tu-la (asura) hứng nước vào bàn tay và rải xuống đại dương. Đây là sự cản trở mưa thứ ba ...

(4) “Thêm nữa, những thiên thần (làm) mây-mưa lơ tằm xao lãng. Đây là sự cản trở thứ tư ...

(5) “Thêm nữa, loài người trở nên bất chính (như bất hiếu, phản bội...). Đây là sự cản trở thứ năm ...

“Đây là năm sự cản trở mưa mà những người dự báo thời tiết không biết về chúng, nơi mà mắt họ không thể bước qua.”

198 (8) Lời Nói

“Này các Tỳ kheo, có được năm yếu tố, lời nói là được nói một cách hay khéo, không phải cách dở tệ; lời nói là không đáng chê và được khen ngợi bởi bậc trí hiền. Năm đó là gì? Lời nói được nói lúc

thích hợp; lời nói là đúng sự thật; lời nói được nói nhẹ nhàng; lời nói là có ích lợi; và lời nói được nói với cái tâm từ-ái. Có được năm yếu tố này, lời nói là được nói một cách hay khéo, không phải cách dở tệ; lời nói là không đáng chê và được khen ngợi bởi bậc trí hiền.”

199 (9) Những Gia Đình

“Này các Tỳ kheo, mỗi khi những tu sĩ đức hạnh¹⁰³⁷ đến nhà nào, những người ở đó sẽ tạo được nhiều công đức dựa trên năm cơ sở. Năm đó là gì?

(1) Khi người ta thấy những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ và họ phát khởi lòng-tin [đối với các thầy], thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến (thiện dẫn) cõi-trời. (2) Khi người ta đứng dậy, kính lễ, và mời chỗ ngồi cho những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến sự được (tái) sinh ra trong một gia-đình cao quý. (3) Khi người ta loại bỏ ô nhiễm là tính keo kiệt đối với những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến sự uy-thể lớn lao. (4) Khi người ta, tùy theo những phương tiện mình có, chia sẻ thứ mình có cho những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến sự giàu-có lớn lao. (5) Khi người ta vấn hỏi những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, tìm hiểu về những giáo lý, và lắng nghe Giáo Pháp, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến trí-tuệ lớn lao. Này các Tỳ kheo, mỗi khi những tu sĩ đức hạnh đến nhà nào, những người ở đó sẽ tạo được nhiều công đức dựa trên năm cơ sở này.”

200 (10) Thoát Khỏi

“Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố (thành phần, thành tố) của sự

giải-thoát.¹⁰³⁸ Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, khi một Tỳ kheo chú tâm (tác ý) tới *những khoái-lạc giác-quan* (dục lạc),¹⁰³⁹ tâm người đó không phóng tâm theo chúng, mà trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về chúng.¹⁰⁴⁰ Nhưng khi người đó chú tâm (tác ý) tới *sự từ-bỏ* (ly dục), tâm người đó phóng tâm vào nó, và trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ đi,¹⁰⁴¹ được khéo tu tập, được khéo thoát ra, được khéo giải phóng, và được khéo tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan. Và người đó tự do khỏi những ô-nhiễm tạo phiền khổ và sốt não khởi sinh do có những khoái-lạc giác-quan làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó.¹⁰⁴² Đây được tuyên bố là sự thoát khỏi những khoái-lạc giác-quan.

(2) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo chú tâm tới *ác-ý*, tâm người đó không phóng tâm theo chúng, mà trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về chúng. Nhưng khi người đó chú tâm tới *thiện-ý*, tâm người đó phóng tâm vào nó, và trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ đi, được khéo tu tập, được khéo thoát ra, được khéo giải phóng, và được khéo tách ly khỏi ác-ý. Và người đó tự do khỏi những ô-nhiễm tạo phiền khổ và sốt não khởi sinh do có ác-ý làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó. Đây được tuyên bố là sự thoát khỏi ác-ý.

(3) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo chú tâm tới *sự gây-hại*, tâm người đó không phóng tâm theo chúng, mà trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về chúng. Nhưng khi người đó chú tâm tới *sự vô-hại*, tâm người đó phóng tâm vào nó, và trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ đi, được khéo tu tập, được khéo thoát ra, được khéo giải phóng, và được khéo tách ly khỏi sự gây-hại. Và người đó tự do khỏi những ô-nhiễm tạo phiền khổ và sốt não khởi sinh do có sự gây-hại làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó. Đây được tuyên bố là sự thoát khỏi sự gây-hại.

(4) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo chú tâm tới *sắc*, tâm người đó không phóng tâm theo chúng, mà trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về chúng. Nhưng khi người đó chú tâm tới *vô-sắc*, tâm người đó phóng tâm vào nó, và trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ đi, được khéo tu tập, được khéo thoát ra, được khéo giải phóng, và được khéo tách ly khỏi *sắc*. Và người đó tự do khỏi những ô-nhiễm tạo phiền khổ và sót não khởi sinh do có những *sắc* làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó. Đây được tuyên bố là sự thoát khỏi *sắc*.”

(5) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo chú tâm tới *sự hiện-hữu cá thể* (danh tánh), tâm người đó không phóng tâm theo chúng, mà trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về chúng. Nhưng khi người đó chú tâm tới *sự chấm-dứt*, tâm người đó phóng tâm vào nó, và trở nên lắng dịu, ổn định, và chú định về nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ đi, được khéo tu tập, được khéo thoát ra, được khéo giải phóng, và được khéo tách ly khỏi *sự hiện-hữu cá thể*. Và người đó tự do khỏi những ô-nhiễm tạo phiền khổ và sót não khởi sinh do có những *sự hiện-hữu cá thể* làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó. Đây được tuyên bố là sự thoát khỏi *sự hiện-hữu cá thể*.”

“Sự thích thú *khoái-lạc giác-quan* không nằm bên trong người đó; sự thích thú *ác-ý* không nằm bên trong người đó; sự thích thú *gây-hại* không nằm bên trong người đó; sự thích thú *sắc* không nằm bên trong người đó; sự thích thú *sự hiện-hữu cá thể* (danh tánh) không nằm bên trong người đó. Bởi do người đó không có những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra sự thích thú *khoái-lạc giác-quan*, thích thú *ác-ý*, thích thú *gây-hại*, thích thú *sắc*, thích thú *sự hiện-hữu cá thể*, nên người đó được gọi là một Tỳ kheo không-còn những khuynh-hướng tiềm-ẩn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã gỡ bỏ gông-cùm, và bằng sự hoàn toàn xuyên phá tự-ta (ngã mạn), người đó đã làm nên sự *chấm-dứt* khổ. Nay các Tỳ kheo, đây là năm yếu tố của sự thoát khỏi.”

[Năm Mười Kinh Thứ Năm]

NHÓM 1

KIMBILA

201 (1) *Kimbila*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kimbilā trong một vườn cây *nicula* (lộc vừng).¹⁰⁴³ Lúc đó có Ngài Kimbila đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục lâu sau khi một Như Lai bát-Niết-bàn?¹⁰⁴⁴

“(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát-Niết-bàn [chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng], những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-tập. (5) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với lẫn nhau. Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-Niết-bàn.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục lâu sau khi một Như Lai bát-Niết-bàn?”

“(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát-Niết-bàn, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống

với sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-tập. (5) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với lẫn nhau. Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-Niết-bàn.”

202 (2) *Lắng Nghe Giáo Pháp*

“Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi trong việc lắng nghe Giáo Pháp. Năm đó là gì? Người nghe nghe được điều chưa được nghe; người nghe thấu rõ điều đã được nghe; người nghe thoát khỏi sự nghi-ngờ; và người nghe chỉnh lại cách-nhìn của mình được chánh thẳng; và tâm của người nghe được hiền dụ. Đây là năm ích lợi trong việc lắng nghe Giáo Pháp.”

203 (3) *Thuần Chung*¹⁰⁴⁵

“Này các Tỳ kheo, có được năm yếu tố, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Năm đó là gì? Sự trực tánh, tốc độ, sự thanh thoát, sự kiên nhẫn, và sự ngoan hiền. Có được năm yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc xứng đáng là của nhà vua ... được coi là một yếu tố của vương triều.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Năm đó là gì? Sự chánh trực, tốc độ, sự nhẫn nại, và sự hiền dụ. Có được năm phẩm chất này một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ,

là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

204 (4) Các Năng Lực

“Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng lực.”

205 (5) Sự Cản Cỗi¹⁰⁴⁶

“Này các Tỳ kheo, có năm sự cản cỗi của tâm.¹⁰⁴⁷ Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy (Phật), ngờ vực về Vị Thầy, và không tâm phục về Vị Thầy, và không đặt niềm-tin vào Vị Thầy. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy, ngờ vực về vị thầy, và không tâm phục về vị thầy, và không đặt niềm-tin vào vị thầy, thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự cản cỗi thứ nhất của tâm.

(2) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Giáo Pháp, ngờ vực về Giáo Pháp, và không tâm phục về Giáo Pháp, và không đặt niềm-tin vào Giáo Pháp. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Giáo Pháp, ngờ vực về Giáo Pháp, và không tâm phục về Giáo Pháp, và không đặt niềm-tin vào Giáo Pháp, thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự cản cỗi thứ hai của tâm.

(3) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Tăng Đoàn, ngờ vực về Tăng Đoàn, và không tâm phục về Tăng Đoàn, và không đặt niềm-tin vào Tăng Đoàn. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Tăng Đoàn, ngờ

vực về Tăng Đoàn, và không tâm phục về Tăng Đoàn, và không đặt niềm-tin vào Tăng Đoàn, thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự cần cỗi thứ ba của tâm.

(4) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về sự tu-tập, ngờ vực về sự tu-tập, và không tâm phục về sự tu-tập, và không đặt niềm-tin vào sự tu-tập. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về sự tu-tập, ngờ vực về sự tu-tập, và không tâm phục về sự tu-tập, và không đặt niềm-tin vào sự tu-tập, thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự cần cỗi thứ tư của tâm.

(5) “Thêm nữa, một Tỳ kheo bực tức với những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, hung hăng với họ, hiểm ác với họ. Khi một Tỳ kheo bực tức với những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, hung hăng với họ, hiểm ác với họ, thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự cần cỗi thứ năm của tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm loại sự cần cỗi của tâm.”

206 (6) *Những Trói Buộc*¹⁰⁴⁸

“Này các Tỳ kheo, có năm sự trói buộc của tâm.¹⁰⁴⁹ Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham dục đối với *những khoái-lạc giác-quan* (tham muốn dục lạc), còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với chúng. Khi một Tỳ kheo còn như vậy (*lập lại câu trên*), thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-

thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự trói buộc thứ nhất của tâm.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham dục đối với *thân*, còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó. Khi một Tỳ kheo còn như vậy (*lặp lại câu trên*), thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự trói buộc thứ hai của tâm.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham dục đối với *thể-sắc*, còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó. Khi một Tỳ kheo còn như vậy (*lặp lại câu trên*), thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự trói buộc thứ ba của tâm.

(4) “Lại nữa, sau khi *ăn uống nhiều* đến mức bụng căng đầy, một Tỳ kheo sinh tâm thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ. Khi một Tỳ kheo như vậy (*lặp lại câu trên*), thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự trói buộc thứ tư của tâm.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo sống đời sống tâm linh mà *khát vọng được [tái sinh] trong số những thiên thần* nào đó, người đó nghĩ: ‘Bằng giới-hạnh này, sự tuân-giới (trì giới), sự khổ-hạnh (thanh bần), hay bằng đời sống tâm linh này tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong một hạng, bậc, đoàn] của các thiên thần.’ Khi người đó sống đời sống tâm linh như vậy (*lặp lại câu trên*) (tu tưởng tu tiên), thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn

đầu như vậy, nên đây là sự trói buộc thứ năm của tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm sự trói buộc của tâm.”

207 (7) Cháo Gạo

“Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi của cháo gạo. Năm đó là gì? Nó làm dịu cơn đói, làm hết cơn đói, ổn định khí gió (trong thân), làm sạch bàng quang, và trợ giúp tiêu hóa phần thức ăn chưa được tiêu hóa. Đây là năm ích lợi của cháo gạo.”

208 (8) Đánh Răng

“Này các Tỳ kheo, có năm nguy hại nếu không đánh răng.¹⁰⁵⁰ Năm đó là gì? Điều đó làm hại mắt; hơi thở hôi hám; mao lưỡi để nếm không được trong sạch; mật và đờm trộn lẫn thức ăn; và thức ăn ăn không thấy ngon.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi của sự đánh răng. Năm đó là gì? Điều đó làm tốt cho mắt; hơi thở không hôi hám; mao lưỡi để nếm được trong sạch; mật và đờm không trộn lẫn thức ăn; và thức ăn ăn thấy ngon.”

209 (9) Giọng Điệu

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của việc tụng đọc Giáo Pháp với giọng kéo chữ kéo hơi như ca hát.¹⁰⁵¹ Năm đó là gì? (1) Người đó mê theo với giọng điệu của mình. (2) Những người khác mê theo giọng điệu của mình. (3) Những gia chủ thì phàn nàn: ‘Những tu sĩ tu theo người con của dòng họ Thích-Ca (tức Phật) cũng ca hát như chúng ta mà thôi.’ (4) Khi thuyết trình mà lo uốn sửa ngữ điệu sẽ làm mất sự tập trung. (5) Những người thế hệ sau (sư đệ, học trò...) sẽ bắt

chước theo giọng điệu của mình. Đây là năm sự nguy-hại của việc tụng đọc Giáo Pháp với giọng kéo chữ kéo hơi như ca hát.”

210 (10) Với Một Cái Tâm Mờ Rối

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này đối với người đi ngủ với một cái tâm mờ rối, thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác).¹⁰⁵² Năm đó là gì? Người đó ngủ không tốt; người đó thức dậy khổ sở; người đó có ác mộng; những thiên thần không phò hộ người đó; và người đó có thể bị mộng tinh. Đây là năm sự nguy-hại đối với người đi ngủ với một cái tâm mờ rối, thiếu sự rõ-biết.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi đối với người đi ngủ một cách có chánh-niệm, và với sự rõ-biết (tỉnh giác). Năm đó là gì? Người đó ngủ tốt; người đó thức dậy hạnh phúc; người đó không có ác mộng; những thiên thần phò hộ người đó; và người đó không bị mộng tinh. Đây là năm sự nguy-hại đối với người đi ngủ với một cái tâm mờ rối, thiếu sự rõ-biết.”

NHÓM 2

NGƯỜI SỈ NHỤC

211 (1) Người Sĩ Nhục

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người sỉ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì người đó có thể trông đợi năm sự nguy-hại. Năm đó là gì? (1) Người đó phạm một tội nặng lớn [*pārājika*, ba-la-di] và bị cắt khỏi đường ra,¹⁰⁵³ hoặc (2) phạm một tội ô nhiễm,¹⁰⁵⁴ hoặc (3) dính bệnh ngặt nghèo. (4) Người đó chết (với tâm) ngu mờ. Và (5) khi thân tan rã, sau khi chết, người đó

sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người sĩ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì người đó có thể trông đợi năm sự nguy-hại như vậy.”

212 (2) Những Tranh Cãi

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người gây ra những sự tranh luận, sự tranh cãi, sự tranh chấp, sự gây gỗ, và những vấn đề vi phạm giới-luật, thì người đó có thể trông đợi năm sự nguy-hại. Năm đó là gì? (1) Người đó không thành tựu những điều chưa thành tựu; (2) người đó rút khỏi điều đã thành tựu; (3) tin tức xấu về người đó lưu truyền; (4) người đó chết (với tâm) ngu mờ; và (5) khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người gây ra những sự tranh luận, sự tranh cãi, sự tranh chấp, sự gây gỗ, và những vấn đề vi phạm giới-luật, thì người đó có thể trông đợi năm sự nguy-hại như vậy.”

213 (3) Giới Hạnh

— “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này đối với một người thất đức do sự thiếu hụt của người đó về giới-hạnh. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh sẽ mất nhiều của cải do sự lo tâm phóng dật của mình. Đây là sự nguy-hại thứ nhất đối với người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh.

(2) “Thêm nữa, tin xấu lưu truyền về người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh. Đây là sự nguy-hại thứ hai ...

(3) “Thêm nữa, ở hội chúng đoàn thể nào người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh đến gặp—dù đó là hội chúng những người giai cấp

chiến-sĩ, bà-la-môn, gia chủ, hay tu sĩ—người đó sẽ đến gặp một cách rụt rè và bối rối (không dám tự tin). Đây là sự nguy-hại thứ ba ...

(4) “Thêm nữa, người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh chết (với tâm) ngu mờ. Đây là sự nguy-hại thứ tư ...

(5) “Thêm nữa, người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Đây là sự nguy-hại thứ năm ...

“Đây là năm sự nguy-hại đối với một người thất đức do sự thiếu hụt của người đó về giới-hạnh.

— “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi đối với một người đức hạnh vì sự thành tựu của người đó về giới-hạnh. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh sẽ có được nhiều của cải nhờ sự chuyên chú của mình. Đây là ích-lợi thứ nhất đối với người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh.

(2) “Thêm nữa, tin tốt lưu truyền về người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh. Đây là ích-lợi thứ hai ...

(3) “Thêm nữa, ở hội chúng đoàn thể nào người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh đến gặp—dù đó là hội chúng những người giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, gia chủ, hay tu sĩ—người đó sẽ đến gặp một cách tự tin và bình tĩnh. Đây là ích-lợi thứ ba ...

(4) “Thêm nữa, người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh chết (với tâm) không ngu mờ. Đây là ích-lợi thứ tư ...

(5) “Thêm nữa, người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đây là ích-lợi thứ năm ...

“Đây là năm ích-lợi đối với một người đức hạnh vì sự thành tựu

của người đó về giới-hạnh.”

214 (4) Nói Nhiều

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này đối với một người nói nhiều. Năm đó là gì? Người đó nói sai sự thật; người đó nói lời gây chia rẽ; người đó nói lời gắt gỏng nạt nộ; người đó nói chuyện tầm phào vô ích; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại đối với một người nói nhiều.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi đối với người nói cẩn trọng. Năm đó là gì? Người đó không nói sai sự thật; người đó không nói lời gây chia rẽ; người đó không nói lời gắt gỏng nạt nộ; người đó không nói chuyện tầm phào vô ích; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

215 (5) Sự Không Nhẫn Nhịn (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự không nhẫn nhịn. Năm đó là gì? (Người không nhẫn nhịn) làm mích lòng và khó ưa đối với nhiều người; có nhiều thù hận;¹⁰⁵⁵ có nhiều lỗi lầm; chết (với tâm) ngu mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại của sự không nhẫn nhịn.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự biết nhẫn nhịn. Năm đó là gì? (Người biết nhẫn nhịn) không làm mích lòng và dễ mến đối với nhiều người; không có nhiều thù hận; không có nhiều lỗi lầm; chết (với tâm) không bị ngu mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đây là năm ích-lợi của sự biết nhẫn nhịn.”

216 (6) Sự Không Nhẫn Nhịn (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự không nhẫn nhịn. Năm đó là gì? (Người không nhẫn nhịn) làm mích lòng và khó ưa đối với nhiều người; hung dữ; bị nhiều hối tiếc; chết (với tâm) ngu mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại của sự không nhẫn nhịn.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự biết nhẫn nhịn. Năm đó là gì? (Người không biết nhẫn nhịn) không mích lòng và dễ mến đối với nhiều người; không hung dữ; không bị hối tiếc; chết (với tâm) không bị ngu mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đây là năm ích-lợi của sự biết nhẫn nhịn.”

217 (7) Không Khích Lệ Niềm Tin (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của cách hành xử không khích lệ niềm-tin. Năm đó là gì? (Cách hành xử không khích lệ niềm-tin làm cho) mình tự chê mình; người có trí, sau khi điều tra, quở trách mình; mình tạo tiếng xấu cho mình; chết (với tâm) ngu mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại của cách hành xử không khích lệ niềm-tin.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của cách hành xử khích lệ niềm-tin. Năm đó là gì? (Cách hành xử khích lệ niềm-tin làm cho) mình không tự chê mình; người có trí, sau khi điều tra, khen ngợi mình; mình tạo tiếng tốt cho mình; chết (với tâm) không bị ngu mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

Đây là năm sự ích-lợi của cách hành xử khích lệ niềm-tin.”

218 (8) Không Khích Lệ Niềm Tin (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của cách hành xử không khích lệ niềm-tin. Năm đó là gì? (Cách hành xử không khích lệ niềm-tin làm cho) người không có niềm-tin thì không đạt được niềm-tin; người đã có niềm-tin thì thay đổi tâm trí; giáo lý của Vị Thầy không được thực hiện; [những người] thế hệ sau (sư đệ, học trò...) bắt chước theo gương mình; và tâm của mình không được bình lặng.¹⁰⁵⁶ Đây là năm sự nguy-hại của cách hành xử không khích lệ niềm-tin.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của cách hành xử khích lệ niềm-tin. Năm đó là gì? (Cách hành xử khích lệ niềm-tin làm cho) người không có niềm-tin thì đạt được niềm-tin; người đã có niềm-tin thì gia tăng [niềm-tin của họ]; giáo lý của Vị Thầy được thực hiện; [những người] thế hệ sau (sư đệ, học trò...) làm theo gương mình; và tâm của mình được bình lặng. Đây là năm ích-lợi của cách hành xử khích lệ niềm-tin.”

219 (9) Lửa

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của lửa. Năm đó là gì? Nó không tốt (chói, nóng) cho mắt; nó làm xấu da dẻ; nó làm yếu người; nó nhóm được nhiều người tụ tập (xung quanh lửa, vào ban đêm); và nó dẫn đến (người tụ tập) nói chuyện tầm phào vô ích. Đây là năm sự nguy-hại của lửa.”

220 (10) Madhurā

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này ở Madhurā.¹⁰⁵⁷ Năm

đó là gì? Ở đó không bằng phẳng; ở đó dơ bẩn bụi bặm; chó ở đó hung dữ; ở đó có những oan hồn; và ở đó khó khát thực được thức ăn. Đây là năm sự nguy-hại ở Madhurā.”

NHÓM 3

DU HÀNH DÀI NGÀY

221 (1) *Du Hành Dài Ngày (1)*

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự du hành dài ngày và không định đích.¹⁰⁵⁸ Năm đó là gì? (Một người du hành như vậy) không nghe điều chưa nghe được (nghe Giáo Pháp); không làm rõ điều đã nghe được (nghe giảng giải về Giáo Pháp); không tự tin về một số điều mình đã nghe được; dính bệnh ngặt nghèo; và không có bạn bè đạo hữu. Đây là năm sự nguy-hại đối với người du hành dài ngày và không định đích.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự đối với người du hành từng chặng có đích. Năm đó là gì? (Một người du hành như vậy) nghe được điều mình chưa nghe được; làm rõ điều mình đã nghe được; tự tin về một số điều mình đã nghe được; không dính bệnh ngặt nghèo; và có bạn bè đạo hữu. Đây là năm ích-lợi của sự du hành từng chặng có đích.”

222 (2) *Du Hành Dài Ngày (2)*

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự du hành dài ngày và không định đích. Năm đó là gì? (Một người du hành như vậy) không thành tựu những điều mình chưa thành tựu; rút khỏi điều mình đã thành tựu; rụt rè (thiếu tự tin) về một số điều mình đã thành tựu; dính bệnh ngặt nghèo; và không có bạn bè đạo hữu. Đây là năm sự nguy-hại

đôi với người du hành dài ngày và không định đích.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự du hành từng chặng có đích. Năm đó là gì? (Một người du hành như vậy) thành tựu những điều mình chưa thành tựu; không bị rớt khỏi điều mình đã thành tựu; tự tin về phần mình đã thành tựu; không dính bệnh ngặt nghèo; và có bạn bè đạo hữu. Đây là năm ích-lợi của sự du hành từng chặng có đích.”

223 (3) Ở Một Chỗ Quá Lâu

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự ở một chỗ quá lâu. Năm đó là gì? (1) (Người ở quá lâu một chỗ, làng, thị trấn, tịnh xá...) có và tích lũy nhiều đồ đạc; (2) có và tích lũy nhiều thuốc men; (3) làm nhiều công việc và phạm sự và trở nên giỏi giang với nhiều loại công việc; (4) tạo nên nhiều dính líu giữa người tại gia và người xuất gia; và (5) khi rời khỏi chỗ [tịnh xá, chỗ tu] đó, đi với đầy sự lo lắng luyến tiếc (về những người tại gia, những công việc, phạm sự...). Đây là năm sự nguy-hại đối với sự ở một chỗ quá lâu.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự phân đều thời gian mỗi chỗ ở. Năm đó là gì? (1) (Người phân đều thời gian mỗi chỗ ở, làng, thị trấn, tịnh xá...) không có và không tích lũy nhiều đồ đạc; (2) không có và không tích lũy nhiều thuốc men; (3) không làm nhiều công việc và phạm sự hay trở nên giỏi giang với nhiều loại công việc; (4) không tạo nên nhiều dính líu giữa người tại gia và người xuất gia; và (5) khi rời khỏi chỗ [tịnh xá, chỗ tu] đó, đi không với sự lo lắng luyến tiếc (về những người tại gia, những công việc, phạm sự...). Đây là năm ích-lợi đối với sự phân đều thời gian mỗi chỗ ở.”

224 (4) Khổ Sở

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự ở một chỗ quá

lâu. Năm đó là gì? (1) (Người ở quá lâu một chỗ, làng, thị trấn, tỉnh xá...) sẽ trở nên khổ sở với những nơi đó, khổ sở với những gia đình, khổ sở với những lợi lộc, khổ sở với lời khen, và khổ sở với Giáo Pháp. Đây là năm sự nguy-hại của sự ở một chỗ quá lâu.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự phân đều thời gian mỗi chỗ ở. Năm đó là gì? (1) (Người phân đều thời gian mỗi chỗ ở, làng, thị trấn, tỉnh xá...) không bị khổ sở với những nơi đó, không khổ sở với những gia đình, không khổ sở với những lợi lộc, không khổ sở với lời khen, và không khổ sở với Giáo Pháp. Đây là năm ích-lợi của sự phân đều thời gian mỗi chỗ ở.”

225 (5) Người Ghé Đến Những Gia Đình (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này đối với người ghé đến những gia đình. Năm đó là gì? (1) Phạm tội đi đến [những gia đình] mà không xin phép [từ một Tỳ kheo khác]. (2) Phạm tội ngồi gặp riêng [với một phụ nữ]. (3) Phạm tội ngồi ở chỗ che khuất [với một phụ nữ]. (4) Phạm tội chỉ dạy Giáo Pháp riêng cho một phụ nữ quá năm hay sáu câu. (5) (Tâm) dính nhiễm những ý nghĩ nhục dục. Đây là năm sự nguy-hại đối với người ghé đến những gia đình.”¹⁰⁵⁹

226 (6) Người Ghé Đến Những Gia Đình (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này khi một Tỳ kheo ghé đến những gia đình rồi dính lú thân mật với họ. Năm đó là gì? (1) Thường ghé để gặp phụ nữ. (2) Do thường ghé gặp họ, người đó dính lú thân tình với họ. (3) Do dính lú thân tình với họ, nên họ trở nên thân mật với mình. (4) Do họ trở nên thân mật, nhục dục tìm chỗ khai mào. (5) Do tâm bị dính trong nhục dục, có thể thấy trước rằng người đó sẽ sống đời sống tâm linh không mãn lòng, sẽ phạm vào tội ô-nhiễm¹⁰⁶⁰

hoặc bỏ tu để quay lại đời sống thấp tục. Đây là năm sự nguy-hại khi một Tỷ kheo ghé đến những gia đình rồi dính líu thân mật với họ.”

227 (7) Sự Giàu Có

“Này các Tỷ kheo, có năm sự nguy-hại này trong sự giàu có. Năm đó là gì? Bị hỏa hoạn, bị lũ lụt, bị vua chúa (tịch thu), bị trộm cướp, và bị những kẻ thừa kế bất nghĩa. Đây là năm sự nguy-hại trong sự giàu có.

“Này các Tỷ kheo, có năm ích-lợi này của sự giàu có. Năm đó là gì? Một người nhờ sự giàu có, (1) làm cho mình hạnh phúc và vui lòng, và duy trì bản thân trong sự hạnh phúc; (2) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng, và duy trì họ trong sự hạnh phúc; (3) làm cho vợ con, nô bộc, người làm, và người ở hạnh phúc và vui lòng, và duy trì họ trong sự hạnh phúc; (4) làm cho bạn bè và đồng nghiệp hạnh phúc và vui lòng, và duy trì họ trong sự hạnh phúc; (5) thiết lập sự cúng dường hương thượng cho những tu sĩ và bà-la-môn, đó là sự cúng dường thuộc cõi trời, kết thành quả hạnh phúc, và đưa đến (tái sinh) cõi trời. Đây là năm ích-lợi của sự giàu có.”

228 (8) Một Bữa Ăn

“Này các Tỷ kheo, có năm sự nguy-hại đối với một gia đình chuẩn bị bữa cơm bị trễ trong ngày.¹⁰⁶¹ Năm đó là gì? (1) Khách đến thăm không được phục vụ đúng giờ. (2) Những thiên thần (phù hộ) nhận đồ cúng không đúng giờ. (3) Những tu sĩ và bà-la-môn, chỉ ăn một lần trong ngày và cử ăn ban đêm, cử ăn phi thời (ngoài giờ quy định: sau giờ Ngọ), thì sẽ không được phục vụ đúng giờ. (4) Những nô bộc, người làm, người ở sẽ nhăn nhó khi làm những việc của mình (vì bị đói, mệt...). (5) Ăn bữa ăn không đúng giờ giấc thì không (hấp thu) nhiều

bổ dưỡng. Đây là năm sự nguy-hại đối với một gia đình chuẩn bị bữa ăn trễ trong ngày.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi đối với một gia đình chuẩn bị bữa cơm đúng giờ trong ngày.¹⁰⁶² Năm đó là gì? (1) Khách đến thăm được phục vụ đúng giờ. (2) Những thiên thần (phù hộ) nhận được đồ cúng đúng giờ. (3) Những tu sĩ và bà-la-môn, chỉ ăn một lần trong ngày và cỡ ăn ban đêm, cỡ ăn phi thời (ngoài giờ quy định: sau giờ Ngọ), sẽ được phục vụ đúng giờ. (4) Những nô bộc, người làm, người ở sẽ không nhăn nhó khi làm những việc của mình. (5) Ăn bữa ăn đúng giờ đúng giấc thì (hấp thu) nhiều bổ dưỡng. Đây là năm ích-lợi đối với một gia đình chuẩn bị bữa ăn đúng giờ trong ngày.”

229 (9) Rắn (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này ở một con rắn đen. Năm đó là gì? Nó không sạch, có mùi hôi tanh, đáng sợ, nguy hiểm, và nó phản bội rắn bạn. Đây là năm sự nguy-hại ở một con rắn đen. Cũng giống như vậy, có năm sự nguy-hại ở phụ nữ. Năm đó là gì? Họ không sạch, có mùi hôi, đáng sợ, nguy hiểm, và họ phản bội bạn bè. Đây là năm sự nguy-hại ở phụ nữ.”¹⁰⁶³

230 (10) Rắn (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này ở một con rắn đen. Năm đó là gì? Nó dữ dằn, thù hận, có nọc độc, có hai lưỡi, và nó phản bội rắn bạn. Đây là năm sự nguy-hại ở một con rắn đen. Cũng giống như vậy, có năm sự nguy-hại ở phụ nữ. Năm đó là gì? Họ dữ dằn, thù hận, lưỡi nói hai lời, và họ phản bội bạn bè.

“Này các Tỳ kheo, đây là cách phụ nữ có nọc độc: vì phần lớn họ có nhục-dục mạnh. Đây là cách phụ nữ có hai lưỡi hai lời: vì phần lớn

họ đều nói những lời gây chia rẽ. Đây là cách phụ nữ phản bội bạn bè: vì phần lớn họ đều ngoại tình. Đây là năm sự nguy-hại ở phụ nữ.”¹⁰⁶⁴

NHÓM 4

NGƯỜI LƯU TRÚ

231 (1) Không Được Kính Trọng

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) là không được kính trọng. Năm đó là gì? (1) Người đó không hoàn thành về những tư cách và bổn phận; (2) người đó không học nhiều, hoặc thiện thạo về sự học hiểu; (3) người đó không chịu sự mờ nhạt và không thích sống ỉn dật; (4) người đó không thuyết pháp giỏi và không truyền đạt giỏi; (5) người đó vô trí, ngu si, và đần độn. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú không được kính trọng.

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú là được kính trọng. Năm đó là gì? (1) Người đó hoàn thành về những tư cách và bổn phận; (2) người đó học nhiều, và thiện thạo về học hiểu; (3) người đó thích bản thân mình mờ nhạt và thích sự ỉn dật; (4) người đó thuyết pháp giỏi và truyền đạt giỏi; (5) người đó có trí, thông minh, và tinh nhạy. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được kính trọng.

232 (2) Làm Vui Lòng

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) là làm vui lòng và đáng mến đối với những Tỳ kheo đồng đạo và được họ tôn trọng. Năm đó là gì? (1) Người đó là có giới hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được

đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo chúng. (2) Người đó đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Người đó thuyết pháp giỏi và truyền đạt giỏi; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, trôi chảy, diễn đạt được ý nghĩa. (4) Người đó nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (sắc giới, jhāna), (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (5) Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú làm vui lòng và đáng mến đối với những Tỳ kheo đồng đạo và được họ tôn trọng.”

233 (3) Làm Đẹp

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú làm đẹp cho chùa (tu viện, tự viện, tịnh xá, tăng đoàn nơi vị ấy đang ở tu). Năm đó là gì? (1) ... (2) ... (3) ... [*giống kinh 5:214 kể trên*] ... (4) Người đó có khả năng chỉ dạy, khuyến khích, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những người đến gặp mình bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. (5) Người đó nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (sắc giới, jhāna), (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú)

ngay trong kiếp này. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú làm đẹp cho chùa.”

234 (4) Rất Hữu Ích

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú là rất hữu ích cho chùa (tu viện, tự viện, tịnh xá, tăng đoàn nơi vị ấy đang ở tu). Năm đó là gì? (1) ... (2) ... (3) ... [*giống kinh 5:214 kể trên*] ... (4) Khi một Tăng đoàn lớn gồm nhiều Tỳ kheo từ nhiều xứ sở khác nhau vừa mới đến, người đó đến gặp những người tại gia và thông báo cho họ: ‘Này các đạo hữu, có một Tăng đoàn lớn gồm nhiều Tỳ kheo từ nhiều xứ sở khác nhau vừa mới đến. Hãy làm công đức. Đây là dịp để tạo công đức.’ (5) Người đó nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chúng nhập bốn tầng thiền định (sắc giới, jhāna), (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú là rất hữu ích cho chùa.”

235 (5) Bi Mẫn

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú thể hiện lòng bi-mẫn đối với những người tại gia. Năm đó là gì? (1) Người đó khuyến khích họ về (tu dưỡng) giới-hạnh. (2) Người đó ổn định họ trong cách-nhìn của Giáo Pháp.¹⁰⁶⁵ (3) Khi họ bị bệnh, người đó đến gặp họ và phát khởi sự chánh-niệm trong họ, nói rằng: ‘Quý vị đáng kính nên thiết lập sự chánh niệm vào điều gì xứng đáng (vào Tam Bảo).’¹⁰⁶⁶ (4) Khi một Tăng đoàn lớn gồm nhiều Tỳ kheo từ nhiều xứ sở khác nhau vừa mới đến, người đó đến gặp những người tại gia và thông báo cho họ: ‘Này các đạo hữu, có một Tăng đoàn lớn gồm nhiều Tỳ kheo từ nhiều xứ sở khác nhau vừa mới đến. Hãy làm công đức. Đây là dịp để tạo công đức.’ (5) Người đó ăn mọi thức ăn họ cúng cho, dù

là dở hay ngon; người đó không bỏ phí những thứ họ đã cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú thể hiện lòng bi-mẫn đối với những người tại gia.”

236 (6) Người Đáng Chê Trách (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ tin một vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ nghi ngờ một vấn đề đáng tin tưởng. (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen ngợi. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó trách người đáng chê trách. (3) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó nghi ngờ một vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó tin một vấn đề đáng tin tưởng. (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”¹⁰⁶⁷

237 (7) Người Đáng Chê Trách (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú

bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Người đó keo kiệt và tham lam về những chỗ ở. (4) Người đó keo kiệt và tham lam về những gia đình (cúng dường cho tăng ni). (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen ngợi. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó trách người đáng chê trách. (3) Người đó không keo kiệt hay tham lam về những chỗ ở. (4) Người đó không keo kiệt hay tham lam về những gia đình (cúng dường cho tăng ni). (5) Người đó không phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.”¹⁰⁶⁸

238 (8) Người Đáng Chê Trách (3)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Người đó keo kiệt về những chỗ ở. (4) Người đó keo kiệt về những gia đình (cúng dường cho tăng ni). (5) Người đó keo kiệt về những lợi lộc. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen ngợi. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó trách người đáng chê trách. (3) Người đó không keo kiệt về những chỗ ở. (4) Người đó không keo kiệt về những gia đình (cúng dường cho tăng ni). (5) Người đó không keo kiệt về những lợi lộc. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

239 (9) Keo Kiệt (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Người đó keo kiệt về những chỗ ở. (2) Người đó keo kiệt về những gia đình (cúng dường cho tăng ni). (3) Người đó keo kiệt về những lợi lộc. (4) Người đó keo kiệt về lời khen. (5) Người đó phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Người đó không keo kiệt về những chỗ ở. (2) Người không đó keo kiệt về những gia đình (cúng dường cho tăng ni). (3) Người đó không keo kiệt về những lợi lộc. (4) Người đó không keo kiệt về lời khen. (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

240 (10) Keo Kiệt (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) ... (2) ... (3) ... (4) ... (*như kinh kể trên*) ... (5) Người đó keo kiệt về Giáo Pháp. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Năm đó là gì? (1) ... (2) ... (3) ... (4) ... (*như kinh kể trên*) ... (5) Người đó không keo kiệt về Giáo Pháp. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 5

HÀNH VI SAI TRÁI

241 (1) Hành Vi Sai Trái (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của hành vi sai trái (ác hành). Năm đó là gì? (Hành vi sai trái làm cho) (1) mình tự chê mình; (2) người có trí, sau khi điều tra, quở trách mình; (3) mình tạo tiếng xấu cho mình; (4) chết (với tâm) ngu mờ; (5) khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại của hành vi sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của hành vi tốt lành (thiện hành). Năm đó là gì? (Hành vi tốt lành làm cho) (1) mình không tự chê mình; (2) người có trí, sau khi điều tra, khen ngợi mình; (3) mình tạo tiếng tốt cho mình; (4) chết (với tâm) không bị ngu mờ; (5) khi thân tan

rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đây là năm sự ích-lợi của hành vi tốt lành.”

242 (2) Hành Vi Thân Sai Trái (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của hành vi thân sai trái (thân hành, hành-động). Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:241 ở dưới*] ... Đây là năm sự nguy-hại của hành vi thân sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của hành vi thân tốt lành. Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:241 ở dưới*] ... Đây là năm ích-lợi của hành vi thân tốt lành.”

243 (3) Hành Vi Miệng Sai Trái (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của hành vi miệng sai trái (khẩu hành, lời-nói). Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:241 ở dưới*] ... Đây là năm sự nguy-hại của hành vi miệng sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của hành vi miệng tốt lành. Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:241 ở dưới*] ... Đây là năm ích-lợi của hành vi miệng tốt lành.”

244 (4) Hành Vi Tâm Sai Trái (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của hành vi tâm sai trái (tâm hành, tâm-ý). Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:241 ở dưới*] ... Đây là năm sự nguy-hại của hành vi tâm sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của hành vi tâm tốt lành. Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:241 ở dưới*] ... Đây là năm ích-lợi của hành vi tâm tốt lành.”

245 (5) Hành Vi Sai Trái (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của hành vi sai trái (ác hành). Năm đó là gì? (Hành vi sai trái làm cho) (1) mình tự chê mình; (2) người có trí, sau khi điều tra, quở trách mình; (3) mình tạo tiếng xấu cho mình; (4) mình rời xa Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp). (5) mình bị thiết lập trong Giáo Pháp xấu ác (tà Pháp). Đây là năm sự nguy hại của hành vi sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của hành vi tốt lành (thiện hành). Năm đó là gì? (Hành vi tốt lành làm cho) (1) mình không tự chê mình; (2) người có trí, sau khi điều tra, khen ngợi mình; (3) mình tạo tiếng tốt cho mình; (4) mình rời xa Giáo Pháp xấu ác (tà Pháp). (5) mình được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp). Đây là năm ích-lợi của hành vi tốt lành.”

246 (6) Hành Vi Sai Trái (3)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của hành vi sai trái (ác hành). Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:245 ở dưới*] ... Đây là năm sự nguy-hại của hành vi sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của hành vi tốt lành (thiện hành). Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:245 ở dưới*] ... Đây là năm ích-lợi của hành vi tốt lành.”

247 (7) Hành Vi Miệng Sai Trái (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của hành vi miệng sai trái (khẩu hành, lời-nói). Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:245 ở dưới*] ... Đây là năm sự nguy-hại của hành vi miệng sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của hành vi miệng tốt lành.

Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:245 ở dưới*] ... Đây là năm ích-lợi của hành vi miệng tốt lành.”

248 (8) Hành Vi Tâm Sai Trái (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của hành vi tâm sai trái (tâm hành, tâm-ý). Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:245 ở dưới*] ... Đây là năm sự nguy-hại của hành vi tâm sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của hành vi tâm tốt lành. Năm đó là gì? ... [*giống như kinh 5:245 ở dưới*] ... Đây là năm ích-lợi của hành vi tâm tốt lành.”

249 (9) Nghĩa Địa

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong một nghĩa địa. Năm đó là gì? Nó không sạch, có mùi hôi thối, nguy hiểm, là một chốn [cõi] của những hồn ma hoang dại, là [một nơi] nhiều người than khóc (vì người chết). Đây là năm sự nguy-hại trong một nghĩa địa. Cũng giống như vậy, có năm sự nguy-hại ở một người giống như trong một nghĩa địa. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, có người dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý không sạch (ba nghiệp bất tịnh). Ta nói, đây là cách người đó là không sạch. Giống như một nghĩa địa là không sạch, ta nói, người này cũng giống như vậy.

(2) “Do người đó dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý không sạch như vậy, người đó tạo danh tiếng xấu. Ta nói, đây là cách người đó có mùi hôi thối. Giống như nghĩa địa là có mùi hôi thối, ta nói, người này cũng giống như vậy.

(3) “Do người đó dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý

không sạch như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo thiện hành tránh xa người đó. Ta nói, đây là cách người đó [được coi] là nguy hiểm. Giống như một nghĩa địa [được coi] là nguy hiểm, ta nói người này cũng giống như vậy.

(4) “Khi dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý không sạch như vậy, người đó sống với những người giống như mình. Ta nói, đây là cách người đó là một chốn của [những người] hoang dại. Giống như một nghĩa địa là một chốn của những hồn ma hoang dại, ta nói, người này cũng giống như vậy.

(5) “Sau khi nhìn thấy người đó dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý không sạch như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo thiện hành than phiền về người đó, họ nói: ‘Ôi, đúng là khổ sở chúng tôi phải sống chung với những người như vậy!’ Ta nói, đây là cách có sự than khóc vì người đó. Giống như một nghĩa địa là [một nơi có] nhiều người than khóc, ta nói người đó cũng giống như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm sự nguy-hại ở một người giống như một nghĩa địa.”

250 (10) Niềm Tin Vào Một Người

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong sự đặt niềm-tin của mình vào một người. Năm đó là gì?

(1) “Người đặt hết niềm-tin vào một thầy tu (Tỳ kheo) mà thầy đó có thể phạm một tội bị Tăng Đoàn đình chỉ tư cách. Rồi người đó mới nghĩ: ‘Người đó hiền hòa và đáng mến đối với mình như vậy mà hóa ra lại Tăng Đoàn đình chỉ tư cách’. Rồi người tin mất lòng tin vào những Tỳ kheo. Do người đó mất lòng tin vào họ nên cũng không giao lưu với những Tỳ kheo khác. Do người đó không còn giao lưu với những Tỳ kheo khác nên họ không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành. Do người

đó không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành nên người đó rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành. Đây là sự nguy-hại thứ nhất trong việc đặt niềm-tin vào một tăng sĩ.

(2) “Lại nữa, người đặt hết niềm-tin vào một thầy tu mà thầy đó có thể phạm một tội bị Tăng Đoàn phạt phải ngồi ở cuối hàng.¹⁰⁶⁹ Rồi người đó mới nghĩ: ‘Người đó hiền hòa và đáng mến đối với mình như vậy mà hóa ra lại bị Tăng Đoàn phạt phải ngồi ở cuối hàng’. Rồi người tin mất lòng tin vào những Tỳ kheo. Do người đó mất lòng tin vào họ nên cũng không giao lưu với những Tỳ kheo khác. Do người đó không còn giao lưu với những Tỳ kheo khác nên họ không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành. Do người đó không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành nên người đó rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành. Đây là sự nguy-hại thứ hai trong việc đặt niềm-tin vào một tăng sĩ.

(3) “Lại nữa, người đặt hết niềm-tin vào một thầy tu mà thầy đó có thể bỏ đi phương khác ... (4) ... có thể bỏ tu hoàn tục ... (5) ... có thể qua đời. Rồi người đó mới nghĩ: ‘Người đó hiền hòa và đáng mến đối với mình như vậy mà hóa ra lại bỏ đi phương khác ... bỏ tu hoàn tục ... qua đời’¹⁰⁷⁰. Rồi người đó mất lòng tin vào những Tỳ kheo. Do người đó mất lòng tin vào họ nên cũng không giao lưu với những Tỳ kheo khác. Do người đó không còn giao lưu với những Tỳ kheo khác nên họ không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành. Do người đó không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành nên người đó rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành. Đây là sự nguy-hại thứ ba ... thứ tư ... thứ năm trong việc đặt niềm-tin vào một tăng sĩ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm sự nguy-hại trong sự đặt niềm-tin của mình vào một người.”

[Năm Mười Kinh Thứ Sáu]

NHÓM 1

ĐẠI THỌ GIỚI¹⁰⁷¹

251 (1) Người Có Thể Cấp Đại Thọ Giới

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo có thể cấp (trao, ban) đại thọ giới (cho một người mới thụ lãnh toàn bộ giới-luật Tỳ kheo, để trở thành một Tỳ kheo).¹⁰⁷² Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được đồng [uẩn, nhiều] đức-hạnh (giới hạnh) của bậc vô-học nhân; người đó có được đồng thiên-định của bậc vô-học nhân; người đó có được đồng trí-tuệ của bậc vô-học nhân; người đó có được đồng giải-thoát của bậc vô-học nhân; và người đó có được đồng trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo có thể cấp đại thọ giới.”

252 (2) Sự Nương Dựa

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo có thể cấp (trao, ban) sự nương-dựa (cho Tỳ kheo mới để người đó tu tập dựa theo sự hướng dẫn của mình).¹⁰⁷³ Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được đồng [uẩn, nhiều] đức-hạnh (giới hạnh) ... đồng thiên-định ... đồng trí-tuệ ... đồng giải-thoát ... và đồng trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo có thể cấp sự nương-dựa.”

253 (3) Sa-Di

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo có thể được có sa-di hầu cận (thị giả). Năm đó là gì? Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được đồng [uẩn, nhiều] đức-hạnh (giới hạnh) ... đồng thiên-định ... đồng trí-tuệ ... đồng giải-thoát ... và đồng trí-biết và tâm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo có thể được có sa-di hầu cận.”

254 (4) Sự Keo Kiệt

“Này các Tỳ kheo, có năm loại sự keo kiệt. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia đình (cúng dường cho tăng ni), sự keo kiệt về những lợi lộc (nhận được từ những thí chủ), sự keo kiệt về lời khen (không muốn khen ai, không muốn ai khen người khác ngoài mình), và sự keo kiệt về Giáo Pháp (không chỉ dạy bố thí Giáo Pháp cho người khác). Đây là năm loại sự keo kiệt. Trong năm loại đó, loại hèn mạt nhất¹⁰⁷⁴ là sự keo kiệt về Giáo Pháp.”

255 (5) Đẹp Bỏ Tính Keo Kiệt

“Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh (tu hành) được sống là để đẹp bỏ và tẩy sạch năm loại tính keo kiệt. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia đình (cúng dường cho tăng ni), sự keo kiệt về những lợi lộc (nhận được từ những thí chủ), sự keo kiệt về lời khen (không muốn khen ai, không muốn ai khen người khác ngoài mình), và sự keo kiệt về Giáo Pháp (không chỉ dạy bố thí Giáo Pháp cho người khác). Đời sống tâm linh được sống là để đẹp bỏ và tẩy sạch năm loại tính keo kiệt này.”

256 (6) Tăng Thiên Định Thứ Nhất (1)

“Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ năm điều này, người tu không thể nào (không có khả năng) chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia đình (cúng dường cho tăng ni), sự keo kiệt về những lợi lộc (nhận được từ những thí chủ), sự keo kiệt về lời khen (không muốn khen ai, không muốn ai khen người khác ngoài mình), và sự keo kiệt về Giáo Pháp (không chỉ dạy bố thí Giáo Pháp cho người khác). Nếu không dẹp bỏ năm điều này, người tu không thể nào chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất.

“Này các Tỳ kheo, sau khi dẹp bỏ năm điều này, người tu có thể (có khả năng) chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia đình, sự keo kiệt về những lợi lộc, sự keo kiệt về lời khen, và sự keo kiệt về Giáo Pháp. Sau khi dẹp bỏ năm điều này, người tu có thể chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất.”

257 (7)—263 (13) Tầng Thiền Định Thứ Hai...¹⁰⁷⁵

“Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ năm điều này, người tu không thể nào (không có khả năng) chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai ... tầng thiền định thứ ba ... tầng thiền định thứ tư ... không thể nào chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu ... thánh quả Nhất-lai ... thánh quả Bất-lai ... thánh quả A-la-hán. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia đình (cúng dường cho tăng ni), sự keo kiệt về những lợi lộc (nhận được từ những thí chủ), sự keo kiệt về lời khen (không muốn khen ai, không muốn ai khen người khác ngoài mình), và sự keo kiệt về Giáo Pháp (không chỉ dạy bố thí Giáo Pháp cho người khác). Nếu không dẹp bỏ năm điều này, người tu không thể nào chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai ... chứng ngộ thánh quả A-la-hán.

“Này các Tỳ kheo, sau khi dẹp bỏ năm điều này, người tu có thể (có khả năng) chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai ... chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia đình, sự keo kiệt về những lợi lộc, sự keo kiệt về lời khen, và sự keo kiệt về Giáo Pháp. Sau khi dẹp bỏ năm điều này, người tu có thể chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai ... chứng ngộ thánh quả A-la-hán.”

264 (14) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (2)

[Giống kinh **256** kể trên, chỉ khác ở điều thứ năm: ‘*sự keo kiệt về Giáo Pháp*’ được thay bằng ‘*sự không nhớ ơn hay biết ơn*’.]

265 (15)—271 (21) Tầng Thiền Định Thứ Hai... (2)

[Giống dãy kinh **257 (7)—263 (13)** kể trên, chỉ khác ở điều thứ năm: ‘*sự keo kiệt về Giáo Pháp*’ được thay bằng ‘*sự không nhớ ơn hay biết ơn*’.]

[Các Kinh Thêm Vào Phần Thứ Sáu Đây]¹⁰⁷⁶

NHÓM 1

NHÓM ‘NHỮNG KINH TƯỞNG ĐỒNG’

TÓM LƯỢC & LẶP LẠI

272 (1) *Người Phân Những Bữa Ăn*

(1) “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người phân những bữa-ăn* (những phần ăn, cho các Tỳ kheo).¹⁰⁷⁷ Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham; người đó dính vô đường sai do sân; người đó dính vô đường sai do si; người đó dính vô đường sai do sợ-hãi; và người đó không biết [bữa ăn] nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Người có năm phẩm chất này không nên được cử làm một người phân những bữa ăn.

- “Này các Tỳ kheo, người có được năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân những bữa ăn. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham; người đó không dính vô đường sai do sân; người đó không dính vô đường sai do si; người đó không dính vô đường sai do sợ-hãi; và người đó biết [bữa ăn] nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Người có được năm phẩm chất này có thể được cử làm một người phân những bữa ăn.”

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phân những bữa ăn, thì người đó không nên được gửi đến (được triệu tập).¹⁰⁷⁸ Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [bữa ăn]

nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phân những bữa ăn, thì người đó không nên được gửi đến.

- “Này các Tỳ kheo, nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phân những bữa ăn, thì người đó nên được gửi đến (được triệu tập). Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [bữa ăn] nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phân những bữa ăn, thì người đó nên được gửi đến.”

(3) “Này các Tỳ kheo, một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất thì nên được coi là người ngu. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [bữa ăn] nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất này, thì nên được coi là người ngu.

- “Này các Tỳ kheo, một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất thì nên được coi là người trí. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [bữa ăn] nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất này, thì nên được coi là người trí.”

(4) “Này các Tỳ kheo, một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất thì duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [bữa ăn] nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất này, thì duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương.

- “Này các Tỳ kheo, một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất thì duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại

hay tổn thương. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [bữa ăn] nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Một người phân những bữa ăn mà Có năm phẩm chất này, thì duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại hay tổn thương.”

(5) “Này các Tỳ kheo, một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [bữa ăn] nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất này, thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

- “Này các Tỳ kheo, một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [bữa ăn] nào đã được phân và [bữa ăn] nào chưa được phân. Một người phân những bữa ăn mà có năm phẩm chất này, thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

273 (2)—284 (13) *Người Phân Những Chỗ Ở...*

[273] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người phân những chỗ-ở* (*senāsana-paññāpaka*: người cấp chỗ ở cho các Tỳ kheo).¹⁰⁷⁹ Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [chỗ ở] nào đã được phân và [chỗ ở] nào chưa được phân.

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân những chỗ-ở. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [chỗ ở] nào đã được phân và [chỗ ở] nào chưa được phân.”

[274] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người chỉ định những chỗ-ở* (*senāsana-gāhāpaka*: người giao chỗ ở cho các Tỳ kheo).¹⁰⁸⁰ Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [chỗ ở] nào đã được phân và [chỗ ở] nào chưa được phân.

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người chỉ định những chỗ-ở. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [chỗ ở] nào đã được chỉ định và [chỗ ở] nào chưa được chỉ định.”

[275] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người thủ kho* ... người đó không biết [những thứ] nào đang được bảo giữ và [những thứ] nào đang không được bảo giữ.

- “Này các Tỳ kheo, người có được năm phẩm chất có thể được cử làm một người thủ kho ... người đó biết [những thứ] nào đang được bảo giữ và [những thứ] nào đang không được bảo giữ.”

[276] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người nhận vải vóc phụ liệu để may cà sa* ... người đó không biết [vải vóc, phụ liệu] nào đã được nhận (như, đã có đủ) và [vải vóc, phụ liệu] nào chưa được nhận (như chưa có).

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người nhận vải vóc phụ liệu để may cà sa ... người đó biết [vải vóc, phụ liệu] nào đã được nhận và [vải vóc, phụ liệu] nào chưa được nhận.”

[277] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người phân phát vải vóc phụ liệu để may cà sa* ... người đó không biết [vải vóc, phụ liệu] nào đã được phân phát (như: đã có đủ) và [vải vóc, phụ liệu] nào chưa được phân phát (như: chưa có).

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm

một người phân phát vải vóc phụ liệu để may cà sa ... người đó biết [vải vóc, phụ liệu] nào đã được phân phát và [vải vóc, phụ liệu] nào chưa được phân phát.”

[278] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người phân phát cháo gạo* ... người đó không biết [cháo gạo] nào đã được phân phát và [cháo gạo] nào chưa được phân phát.

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân phát cháo gạo ... người đó biết [cháo gạo] nào đã được phân phát và [cháo gạo] nào chưa được phân phát.”

[279] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người phân phát trái cây* ... người đó không biết [trái cây] nào đã được phân phát và [trái cây] nào chưa được phân phát.

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân phát trái cây ... người đó biết [trái cây] nào đã được phân phát và [trái cây] nào chưa được phân phát.”

[280] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người phân phát bánh kẹo* ... người đó không biết [bánh kẹo] nào đã được phân phát và [bánh kẹo] nào chưa được phân phát.

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân phát bánh kẹo ... người đó biết [bánh kẹo] nào đã được phân phát và [bánh kẹo] nào chưa được phân phát.”

[281] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người phân chia những vật dụng nhỏ* ... người đó không biết [những vật dụng] nào đã được phân chia và [những vật dụng] nào chưa được phân chia.

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân chia những vật dụng nhỏ ... người đó biết [những vật dụng] nào đã được phân chia và [vật dụng] nào chưa được phân chia.”

[282] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người phân (cấp) áo mưa* ... người đó không biết [những áo mưa] nào đã được phân và [những áo mưa] nào chưa được phân.

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân áo mưa ... người đó biết [những áo mưa] nào đã được phân và [những áo mưa] nào chưa được phân.”

[283] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người phân (cấp) bình bát* ... người đó không biết [bình bát] nào đã được phân và [bình bát] nào chưa được phân.

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân bình bát ... người đó biết [bình bát] nào đã được phân và [bình bát] nào chưa được phân.”

[284] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người giám sát (coi ngó) những người làm* (giúp việc, công quả...) trong chùa (tu viện, tịnh xá) ... người đó không biết [những người làm] nào đã được giám sát và [những người làm] nào chưa được giám sát.

- “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người giám sát những người làm trong chùa ... người đó biết [những người làm] nào đã được giám sát và [những người làm] nào chưa được giám sát.”

285 (14) Người Giám Sát Những Sa-Di

(1) “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một *người giám sát (coi ngó) những sa-di*. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham; người đó dính vô đường sai do sân; người đó dính vô đường sai do si; người đó dính vô đường sai do sợ-hãi; và người đó không biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Người có năm phẩm chất này không nên được cử làm một người giám sát những sa-di.

- “Này các Tỳ kheo, người có được năm phẩm chất có thể được cử làm một người giám sát những sa-di. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham; người đó không dính vô đường sai do sân; người đó không dính vô đường sai do si; người đó không dính vô đường sai do sợ-hãi; và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Người có được năm phẩm chất này có thể được cử làm một người giám sát những sa-di.”

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người giám sát những sa-di, thì người đó không nên được gửi đến (được triệu tập). Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phân những những sa-di, thì người đó không nên được gửi đến.

- “Này các Tỳ kheo, nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người giám sát những sa-di, thì người đó nên được gửi đến (được triệu tập). Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phân những những sa-di, thì người đó nên được gửi đến.”

(3) “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm

phẩm chất thì nên được coi là người ngu. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì nên được coi là người ngu.

- “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì nên được coi là người trí. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì nên được coi là người trí.”

(4) “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương.

- “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại hay tổn thương. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại hay tổn thương.”

(5) “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó không biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-

di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

- “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham ... (*như trên*) ... và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 2

NHÓM ‘NHỮNG GIỚI-LUẬT’ TÓM LƯỢC & LẶP LẠI

286 (1) Một Tỳ Kheo

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một *Tỳ kheo* bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó sát sinh, gian cấp, không giữ hạnh sống độc thân,¹⁰⁸¹ nói dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó là người kiêng cử sát sinh, kiêng cử gian cấp, kiêng cử dâm dục (dù tà dâm hay chánh dâm),¹⁰⁸² kiêng cử nói láo nói sai, kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ

tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

287 (2)—290 (5) Một Tỳ Kheo Ni ...

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một *Tỳ kheo ni* ... một *nữ tu tập sự* ... một *sa-di nam* ... một *sa-si nữ* bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? ... (*như đoạn đầu kinh kể trên*) ... Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni ... một *nữ tu tập sự* ... một *sa-di nam* ... một *sa-di nữ* bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni ... một *nữ tu tập sự* ... một *sa-di nam* ... một *sa-si nữ* được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? ... (*như đoạn sau kinh kể trên*) ... Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni ... một *nữ tu tập sự* ... một *sa-di nam* ... một *sa-si nữ* được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

291 (6)—292 (7) Một Đệ Tử Tại Gia Nam và Nữ ...

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một *đệ tử tại gia nam* ... một *đệ tử tại gia nữ* bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó sát sinh, gian cắp, tà dục tà dâm,¹⁰⁸³ nói dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một *đệ tử tại gia nam* ... một *đệ tử tại gia nữ* bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một *đệ tử tại gia nam* ... một *đệ tử tại gia nữ* được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó kiêng cử sát sinh, kiêng cử gian

cấp, kiêng cử tà dục tà dâm, kiêng cử nói láo nói sai, kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia nam ... một đệ tử tại gia nữ được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

293 (8) Một *Ājīvaka*

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một *Ājīvaka* (tu sĩ ngoại đạo lõa thể) bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.¹⁰⁸⁴ Năm đó là gì? Người đó sát sinh, gian cấp, không giữ hạnh sống độc thân, nói dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một *Ājīvaka* bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.”

294 (9)—302 (17) Một *Ni-Kiền-Tử* ...

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một *Nigaṇṭha* (Ni-kiền-tử) ... một *đệ tử cạo đầu* (của giáo phái của họ) ... một *đệ tử búi tóc của họ* ... một *du sĩ* ... một *māgandika*... một *tedaṇḍika*... một *āruddhaka*... một *gotamaka*... một *devadhammika*¹⁰⁸⁵ bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó sát sinh, gian cấp, không giữ hạnh sống độc thân, nói dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một *Nigaṇṭha* ... một *đệ tử cạo đầu* (của giáo phái của họ) ... một *đệ tử búi tóc của họ* ... một *du sĩ* ... một *māgandika*... một *tedaṇḍika*... một *āruddhaka*... một *gotamaka*... một *devadhammika* bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.”

NHÓM 3

NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

303 (1)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều (pháp tu) cần được tu tập. Năm đó là gì? (A) Nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân), nhận-thức về cái chết, nhận-thức về sự nguy-hại, nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, nhận-thức về sự không-còn thích thú trong toàn bộ thế giới. Để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều này cần được tu tập.”

304 (2)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều cần được tu tập. Năm đó là gì? (B) Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự vô-ngã, nhận-thức về, nhận-thức về cái chết, nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, nhận-thức về sự không-còn thích thú trong toàn thế giới. Để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều này cần được tu tập.”

305 (3)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều cần được tu tập. Năm đó là gì? (C) Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô thường, nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, nhận-thức về sự đẹp-bỏ, và nhận-thức về sự chán-bỏ. Để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều này cần được tu tập.”

306 (4)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều (pháp tu) cần được tu tập. Năm đó là gì? **(D)** Căn niềm-tin, căn nỗ-lực (tinh tấn), căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều này cần được tu tập.”

307 (5)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều (pháp tu) cần được tu tập. Năm đó là gì? **(E)** Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, và năng lực trí-tuệ. Để có *sự trực-tiếp biết về tham*, năm điều này cần được tu tập.”

308 (6)—316 (14)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự hoàn-toàn hiểu về tham ... sự phá-sạch tham ... sự dẹp-bỏ tham ... sự tiêu-diệt tham ... sự biến-mất tham ... sự phai-biến tham ... sự chấm-dứt tham ... sự buông-bỏ tham ... sự từ-bỏ tham*, năm điều (pháp tu) cần được tu tập. Nhận-thức về sự không hấp-dẫn ... [*tiếp tục bằng năm bộ-năm ‘pháp tu’ từ (A)—(E) tương tự như các kinh 303—307 kể trên...*] ... Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, và năng lực trí-tuệ. Để có *sự hoàn-toàn hiểu ... sự từ-bỏ tham*, năm điều này cần được tu tập.”

317 (15)—1152 (850)¹⁰⁸⁶

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết ... sự hoàn-toàn hiểu ... sự phá-sạch ... sự dẹp-bỏ ... sự tiêu-diệt ... sự biến-mất ... sự phai-biến ... sự chấm-dứt ... sự buông-bỏ ... sự từ-bỏ* sân ... si ... sự tức-

giận ... sự hung-bạo ... sự hỗn-xược ... sự ganh-ty ... sự ti-tiền ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lố, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự nhiễm-độc ... sự lơ-tâm phóng dật, năm điều (pháp tu) cần được tu tập. Nhận-thức về sự không hấp-dẫn ... [*tiếp tục bằng năm bộ-năm ‘pháp tu’ từ (A)—(E) trong các kinh 303—307 ở trên...*] ... Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, và năng lực trí-tuệ. Để có sự hoàn-toàn hiểu ... sự từ-bỏ tham, năm điều này cần được tu tập.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỷ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.

—HẾT QUYỂN 5—

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN *Aṅguttara Nikāya*: *Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: *phiên bản tiếng Miến Điện* (= *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka*, bản điện tử)

Ee: *phiên bản tiếng Anh* (ấn bản **PTS**)

Ce: *phiên bản Tích Lan* (= *Buddha Jayanti Tripitaka Series*, bản in giấy)

Mp *Manorathapūraṇī*: *Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ *Manorathapūraṇī-ṭīkā*: *Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **AN** bởi Tỳ Kheo Bò-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi *Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri*, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavirtarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = *Aṅguttara Nikāya*: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (*Dhammasaṅgaṇī-atṭhakathā*): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-atṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddeśa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddeśa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-tīkā (Dīgha Nikāya-tīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vibh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận

giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

823 [Nguyên văn: *pañca sekha-balāni*. Dù nghe có vẻ giống nhưng đừng nhầm lẫn với *năm năng-lực* (*pañca balāni*, ngũ lực) nằm trong 37 phần trợ giúp giác-ngộ như đã được nói trong các kinh **5:13–16** của *Quyển “Năm”* này (và trong nhiều kinh ở chỗ khác). **Mp** giải thích: “Những năng-lực của bậc học-nhân là: những năng lực của 07 hạng học nhân” (tức, từ thánh đạo Nhập-lưu đến thánh đạo A-la-hán). Năng lực *niềm-tin* (tín lực) được gọi như vậy vì nó không còn dao động khi đối diện với *sự không-tin* (vô tín); năng lực *biết xấu-hổ về mặt đạo đức* không dao động khi đối diện với *sự không biết xấu-hổ về mặt đạo đức*; năng lực *biết sợ-hãi về mặt đạo đức* không dao động khi đối diện với *sự bất-an về mặt đạo đức*; năng lực *nỗ-lực* không dao động khi đối diện với *sự lười-biếng*; và năng lực *trí-tuệ* không dao động khi đối diện với *sự vô-minh*.] (974)

824 ► (Về số “năm” và tên *Quyển “Năm”*: coi chú thích đầu tiên của *Quyển “Một”*, sự giải thích tương tự về các số *thứ tự* và *tên* của *QUYỂN* kinh từ “*Một*” ... “*Mười*”.)

825 [Câu cuối này chỉ có trong phiên bản **Be**.] (975)

826 [Để phân biệt giữa *sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức* (*hiri*) và *sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức* (*ottappa*), mời coi thêm lại các kinh **2:08–09** và chú thích ở kinh **2:08**.] (976)

827 [**Mp** giải thích cụm chữ *trí-tuệ để nhận thấy sự sinh-diệt* (*udayatthagāminī paññā*) là “loại trí-tuệ có thể thâm nhập nhìn thấy sự khởi sinh và biến diệt của năm-uẩn” (*pañcannaṃ khandhānaṃ udayavayagāminiyā udayaṅca vayaṅca paṭivijjhitaṃ samatthāya*). Đó là trí-tuệ của thánh đạo cũng với trí-tuệ minh sát (*vipassanāpaññāya c’eva maggapaññāya*).”] (977)

828 [**Mp** diễn dịch: “Câu này hàm chỉ một người đã thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu.”] (978)

829 (Câu nằm trong {...}) là do người dịch tóm gọn (a) *năm phẩm chất ngược lại với năm năng lực của bậc học-nhân* và (b) *năm năng lực của bậc học-nhân*. Về *năm năng lực của bậc học-nhân*, người có thể đọc lại một cách tóm gọn ở

kinh **5:01** và một cách chi tiết ở kinh **5:02** ở đầu quyển.)

830 (Câu nằm trong {...} là do người dịch tóm gọn (a) *năm phẩm chất ngược lại với năm năng lực của bậc học-nhân* và (b) *năm năng lực của bậc học-nhân*. Về *năm năng lực của bậc học-nhân*, người có thể đọc lại một cách tóm gọn ở kinh **5:01** và một cách chi tiết ở kinh **5:02** ở đầu quyển.)

831 (Câu nằm trong {...} là do người dịch tóm gọn (a) *năm phẩm chất ngược lại với năm năng lực của bậc học-nhân* và (b) *năm năng lực của bậc học-nhân*. Về *năm năng lực của bậc học-nhân*, người có thể đọc lại một cách tóm gọn ở kinh **5:01** và một cách chi tiết ở kinh **5:02** ở đầu quyển.)

832 [Nguyên văn câu này: *Pubbāhaṃ bhikkhave ananussutesu dhammesu abhiññāvosānapāramippatto paṭijānāmi*. **Mp** giải nghĩa câu này là: “Bởi vì: bằng phương tiện bốn thánh-đạo, ta đã hoàn thành 16 trách phận đối với 04 diệu-đề, nên ta tuyên bố đã chứng ngộ sự hoàn-thành và hoàn-thiện, sau khi đã trực-tiếp biết những điều đó ...”.] (979)

833 [Coi thêm các kinh có những đoạn song hành, như kinh **4:08** trong đó có ghi song song *04 cơ sở của sự tự-tin của Như Lai*; kinh **6:64** thì nói về *06 năng lực của Như Lai*, và các kinh **10:21**, **10:22** nói về *10 năng lực của Như Lai*.] (980)

834 [Coi lại chú thích đầu của kinh **5:01** ở đầu quyển về sự khác nhau của *năm năng lực của bậc học-nhân* và *năm năng lực* (ngũ lực) thuộc 37 phân tu trợ giúp giác-ngộ (37 bồ-đề phần).

- Giờ trong kinh này: *năm năng-lực* này chính là năm phân-tu thuộc 37 phân tu trợ giúp giác-ngộ (*bodhipakkhiyā dhammā*). Nếu nói về tên yếu tố, thì *năm-lực* (*pañca balāni*, ngũ lực) có tên giống với *năm-căn* (*pañc’indriyāni*, ngũ căn), nhưng lực và căn được phân biệt khác nhau bởi một phương diện. Mời coi lại thêm kinh SN **48:43** (quyển 5) và giảng luận về nó là **Spk III 247**, 2–7, trong đó có giải thích: (1a) *căn niềm-tin* (tín căn) có nghĩa là *ngộ-lực* thực thi đối với lòng-tin của mình, và (1b) *năng lực niềm-tin* (tín lực) có nghĩa là không dao động khi đối diện với *sự không-có niềm-tin* (*adhimokkhalakkhaṇe indaṭṭhena saddhindriyaṃ, assaddhiye akampanena saddhābalaṃ*). Một cách

trương tự, (2a) *căn nỗ-lực* (tinh tấn căn) ... (3a) *căn chánh-niệm* (niệm căn) ... (4a) *căn chánh định* (định căn) ... *căn trí-tuệ* (tuệ căn) lần lượt có nghĩa là nghị-lực thực thi đối với sự nỗ-lực ... sự có-mặt (chánh niệm) ... sự không xao lãng (chánh định) ... sự hiểu-biết (trí tuệ): (*paggaha-upatthāna-avikkhepa-pa-jānanb*); và (2b) *năng lực nỗ-lực* (tinh tấn lực) ... (3b) *năng lực chánh-niệm* (niệm lực) ... (4b) *năng lực chánh định* (định lực) ... *năng lực trí-tuệ* (tuệ lực) lần lượt có nghĩa là không dao động khi đối diện với *sự lười-biếng* (không nỗ-lực) ... *sự mù rối thất niệm* (không chánh niệm), *sự xao lãng thất định* (không chánh định) ... *sự ngu mờ* (không trí-tuệ, vô minh): (*kosajja-muṭṭha-sacca-vikkhepa-avijjā*).] (981)

835 [Bốn yếu-tố (để chứng ngộ thánh quả) Nhập-lưu (*cattāri sotāpattiyaṅgāni*) là: niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, cộng với phần giới-hạnh được quý trọng bởi những thánh nhân. Coi thêm kinh **9:27**, **10:92**.] (982)

836 (Lưu ý: kinh **5:16** này mới đọc thì giống kinh **5:12** cùng tên ở trên, nhưng khác nhau: (a) là kinh này nói về *năm năng-lực* (tín, tấn, niệm, định, tuệ) là năm phần tu thuộc 37 phần trợ đạo, và (b) kinh này không có đoạn sau như kinh **5:12**.)

837 (Chi phần là: chi, yếu tố, phần tu của một Tỳ kheo.)

838 [Mp giải thích chữ *ābhisamācārikaṃ dhammaṃ* (yếu tố, chi phần, phần tu hay mảng ‘hành-vi hợp quy’: tức những hành-vi hợp với quy định của những điều-luật của Giới-luật Tăng Đoàn (*uttamasamācārabhūtaṃ vattavasena paññattasīlaṃ*). Quý vị coi lại kinh **4:245**, đoạn (1) và chú thích của nó: trong đó thuật ngữ được dùng là *ābhisamācārikā sikkhā*.

- Những yếu-tố của một bậc học-nhân (*sekhaṃ dhammaṃ*) là giới-hạnh được quy định đối với bậc học-nhân. Chữ *những giới-hạnh* (*sīlāni*) ở đây là chỉ là ‘bốn giới-hạnh lớn hay đại giới’ (*cattāri mahāsīlāni*; được hiểu là bốn loại giới-hạnh được phòng hộ bởi bốn điều luật *pārājika* (về những tội nặng nhất). Chánh-kiến ở đây là cách-nhìn đúng đắn của minh-sát (*vipassanā-sammā-diṭṭhi*); chánh-định là sự định-tâm của thánh đạo và thánh quả.”] (983)

839 [Lời kinh ví dụ này về vàng bị hư nhiễm, không thích hợp để sử dụng (ché tác) cũng có ghi trong kinh SN **46:33** (quyển 5).] (984)

840 [Câu cuối này cũng có ghi ở cuối đoạn thứ ba của kinh **3:101**.] (985)

841 [Câu cuối này giống hết câu cuối của đoạn thứ năm của kinh **3:101**, và tiếp tục là những phần hướng tâm tới 06 loại trí-biết (minh) từ (1)—(6) như trong kinh đó.

- Về “*cơ sở thích hợp*”, mời coi lại chú thích ở cuối đoạn thứ sáu của kinh **3:101** đó luôn, chú thích (562).] (986)

842 [Từ chỗ này bắt đầu ghi ra 06 đoạn kinh-mẫu [từ (1)—(6)] nói về 06 loại trí-biết trực-tiếp (sáu tự trí, *abhiññā*). 05 loại trí-biết (minh) đầu tiên có được giảng giải trong **Vism**, chương 12 và 13.] (như chú thích (563); kinh **3:101**)

843 [Chỗ này tôi dịch theo **Ce** và **Be**, nói về *cái tâm giải thoát trước cái tâm chưa được giải thoát*; **Ee** thì đặt thứ tự ngược lại.] (như chú thích (564); kinh **3:101**)

844 [**Mp** nhận dạng “*sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi sự đúng như chúng thực là*” (*yathābhūtañānadassana*) ở đây là sự minh-sát nhẹ; “*sự chán-bỏ*” (*nibbidā*) là sự minh-sát mạnh; “*sự không còn mê thích*” (*virāga*) là thánh đạo. **Mp** có lẽ đã tách chữ *vimuttiñānadassana* thành *vimutti* và *ñānadassana*, với nghĩa chữ đầu chỉ thánh quả (*phalavimutti*) và chữ sau chỉ loại trí-biết (nhờ) quán chiếu lại (*paccavekkhaṇāñāna*). Tuy nhiên, tôi vẫn dịch theo nghĩa bình thường của từ ngữ, và coi chữ *vimutti* chỉ là ngầm hiểu.] (987)

845 [**Mp** giải thích: “*chánh-kiến*” ở đây là cách-nhìn đúng đắn của minh-sát (thiền quán). *Sự giải-thoát của tâm* (*cetovimutti*) là sự (trạng thái) định-tâm của đạo và quả, và *sự giải-thoát nhờ trí-tuệ* (*paññāvimutti*) là trí-biết về thánh quả.” **Ps I 164,29–31**, khi luận giải về cụm chữ *cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ* trong kinh **MN 35**, 36–37, đã nhận dạng sự giải-thoát của tâm là sự định-tâm thuộc thánh quả A-la-hán, và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là trí-tuệ thuộc thánh quả A-la-hán.] (988)

846 (Sự “*học-hiểu*” (học thức) được dịch ở đây nghĩa là: học, học biết, học hiểu về những giáo lý, kinh, luật... nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với chữ “*hiểu được ý-nghĩa*” hay các thuật ngữ “*hoàn-toàn hiểu*” (liễu tri), “*trực-tiếp biết*” (tự trí, thấy biết).)

847 [Nguyên văn: *vimuttāyatanāni*. **Mp** giải nghĩa là: “*Những nguyên nhân được giải-thoát*” (*vimuccana-kāraṇāni*).] (898)

848 [Nguyên văn câu này: *So tasmim dhamme atthapaṭisaṃvedī ca hoti dhammapaṭisaṃvedī ca*. **Mp** giải nghĩa chữ *atthapaṭisaṃvedī* là “*người biết ý*”

-*nghe của lời kinh*” (*pāliattham jānantassa*) và chữ *dhammapaṭisaṃvedī* là “*người biết lời kinh*” (*pāḷiṃ jānantassa*), nhưng sự giải thích này chắc chắn là quá hẹp và lỗi thời. Trong kinh **6:10**, chúng ta thấy có câu *labhati atthavedaṃ labhati dhammavedaṃ*, tôi dịch nghĩa là “[*người đó*] *đạt được niềm cảm hứng về ý-nghĩa, niềm cảm hứng về Giáo Pháp*”. Xuất thân của chữ *paṭisaṃvedī* là *vedī*, vốn rõ ràng có kết nối với chữ *atthapaṭisaṃvedī*, và chữ *dhammapaṭisaṃvedī* thì có kết nối với chữ *atthaveda* và chữ *dhammaveda*. Gốc từ *vid* là có liên hệ với cả chữ *vijjā* (sự hiểu biết, minh) và chữ *vedanā* (cảm giác, thọ). Như vậy tôi gợi ý chữ *veda* nên được hiểu là ‘*sự hiểu-biết có cảm hứng*’ hay là ‘*niềm cảm-hứng*’, chính nó làm khởi sinh niềm khoan-khoái (*pāmojja*) và hoan-hỷ (*pīti*). Có vẻ như chữ *atthapaṭisaṃvedī* và chữ *dhammapaṭisaṃvedī* có liên hệ với chữ *atthapaṭisaṃbhidā* và chữ *dhammapaṭisaṃbhidā*, cho dù trong tiếng Pāli hai chữ sau là có kết nối với động từ *bhīndati*, có nghĩa là “*bẻ gãy, phân chia*”. Mời quý vị cũng coi thêm chú thích ở kinh **3:43**, cuối câu (1), chú thích số đuôi (403).

- (Một câu kinh tương tự cũng có trong kinh **9:04**, đoạn (6). Chỗ này cũng có chú thích về câu này, chú thích số đuôi (1840)

849 [**Mp** giải thích câu này có nghĩa là: “*người đó đạt định nhờ sự (trạng thái) định-tâm của thánh quả A-la-hán*” (*arahattaphalasamādhinā samādhiyati*). Nhưng đối với tôi dường như đây không phải nghĩa gốc mà lời kinh muốn nói; bởi vì lời kinh chỉ gợi ý một sự định-tâm là *cơ-sở* cho sự minh-sát (thiền quán), rồi sau đó mới tới khả năng chứng ngộ thánh đạo và thánh quả, chứ không phải sự định-tâm xảy ra sau sự chứng-ngộ như vậy.] (991)

850 [*Appamāṇan*: không đo lường, vô lượng. **Mp** giải nghĩa đó: “*Là sự không-có những phẩm chất tạo-lượng, là vượt trên thế gian, siêu thế*” (*pamāṇakara-dhammarahitaṃ lokuttaraṃ*). Thông thường, các bộ kinh *Nikāya* định dạng sự định-tâm vô lượng là bốn sự an-trú cõi trời (*brahmavihāra*, phạm trú), nhưng một số bài kinh cũng nhận dạng đó là một sự định-tâm vô lượng vượt trên thế gian (siêu thế), đạt được bằng sự tiêu diệt những phẩm chất “*tạo sự đo lường*” [tạo lượng] như: tham, sân, si. Mời quý vị coi thêm các kinh **MN 43.35**; **SN 41:07** (quyển 5), đoạn 11–12.] (992)

851 [Về nghĩa lời kinh của câu cuối này: mời quý vị đọc lại câu cuối của đoạn thứ tư của kinh **3:101** và chú thích của nó, chú thích (560), và chú thích kế tiếp, chú thích (561), trong đoạn thứ năm.] (993)

852 [Phiên bản **Be** bỏ chữ *samādhim*. Rõ ràng đây không phải lỗi do đánh máy

biên tập, bởi vì theo một ghi chú của phiên bản **Ee**, thì sự bỏ chữ như vậy thường xảy ra trong các bản thảo viết tay của Miến Điện (**Be**).] (994)

853 [Vì sự định-tâm được giảng giải dưới đây chủ yếu là bốn tầng thiền định (*jhāna*), và có lẽ có thêm sự định-tâm của minh-sát (thiền quán), cho nên **Mp** không dùng chữ *ariya* (thánh thiện) ở đây để chỉ những thánh đạo và thánh quả, như muốn hàm nghĩa là “còn xa mới tới khi những ô-nhiễm được trừ bỏ bằng cách trăn áp chúng” (*vikkhambhanavasena pahīnakilesehi ārakā thitassa*).” Trong các giảng luận, chữ *ariya* đôi khi xuất phát từ chữ *āraka*. Cho dù về từ nguyên thì rất phong phú về ngữ nghĩa, nhưng hình như đó luôn bàng bạc một nghĩa rằng: sự định-tâm (*samādhi*) là thuộc phần tu tập chuẩn bị để đạt tới những thánh đạo và thánh quả, chứ bản thân sự định-tâm không phải là những thánh đạo hay thánh quả (!).] (995)

854 [Nguyên văn cụm chữ cuối là: *Paccavekkhaṇa-nimittam*. **Mp** nhận dạng đây là trí-biết quán xét lại hay hồi nhớ (*paccavekkha-ñāṇānameva*), rõ ràng muốn chỉ loại trí-biết nhớ lại những sự chứng đắc thánh đạo và thánh quả. Tuy nhiên, cách dùng chữ *paccavekkhaṇa* này dường như hơi đặc biệt đối với những giảng luận, tôi nghĩ có lẽ nên là chữ *paccavekkhaṇa-nimitta* ở đây có nghĩa là đối-tượng đang được quán xét bởi minh-sát.] (996)

855 [Về câu cuối này, mời quý vị đọc lại câu cuối của đoạn thứ năm của kinh **3:101** và chú thích của nó, chú thích (562).] (997)

856 [*Cīraṭṭhitiko hoti*. **Mp** luận giải: “Nếu người tu đã đạt tới dấu-hiệu (trạng, *nimitta*) [của sự định-tâm] khi đang đứng, nó sẽ bị mất đi khi ngồi xuống. Nếu người tu đạt tới dấu-hiệu khi đang ngồi, nó sẽ mất đi khi nằm xuống. Nhưng đối với người tu đã quyết tâm đi tới đi lui (đi thiền) và đạt tới dấu-hiệu trong một đối tượng đang di chuyển (ví dụ bàn chân đang bước đi), thì nó không bị mất ngay cả khi đứng, ngồi, hay nằm xuống.] (998)

857 [**Mp** nói năm câu này nói về năm sự minh-sát hay thiền quán (*vipassanā*).] (999)

858 [**Mp** nhận dạng đây là một con gái của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiền-tát-la).] (1000)

859 (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào, hay cúi chào...*” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chấp

lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”.)

860 [Chỗ này mời quý vị đọc lại kinh **4:87**, đoạn (4).] (1001)

861 [Tôi đây nói được 4 điều tốt hơn. Câu bên dưới lại ghi điều 5 là sự giàu có (*bhoga*) thay vì là quyền uy (*ādhipateyya*).] (1002)

862 [Về nội dung chính của các đoạn từ (1)-(5), kinh này kinh song hành với kinh **4:34** và được mở rộng thêm đoạn (5), và khác nhau về ngữ cảnh và người nghe.] (1003)

863 [**Mp**, khi luận giải về kinh này, nói rằng đây là một con gái của Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la).] (1104)

864 [Chỗ này lạ thay là, cả hai phiên bản **Ce** và **Ee** đều không có đoạn này; chỉ **Be** có. Đúng ra cần phải có đủ năm điều (năm pháp). Đoạn này rõ ràng có trong kinh song hành là kinh **4:34** của tất cả các phiên bản. Nhưng kinh song hành khác là **It 90** cũng lại không có đoạn này....] (1005)

865 [Nguyên văn chữ này là *virāge dhamme*. Đoạn song hành ở kinh **4:34** thì chỉ có một chữ *virāge*, nhưng kinh song hành **It 90** thì ghi đủ *virāge dhamme*.] (1006)

866 (Chỗ này ghi là *rajataṃ vā jātārūpaṃ vā*, giống như trong kinh **8:46**, đoạn (5), phiên bản **Ee**. Nhưng cả hai phiên bản **Ce** và **Be** của kinh **8:46** đều không có chữ *rajataṃ* ở đây, mặc dù trong kinh **8:49** thì tất cả ba phiên bản đều có ghi. Mời đọc thêm chú thích chỗ này ở kinh **8:49**.)

867 [*Manāpakāyikānaṃ devānaṃ*: trong số những thiên thần có thân hình khả ái (dễ mến, đẹp đẽ). Không biết những thiên thần được gọi như vậy do có thân đẹp đẽ khả ái, hay theo nghĩa là họ thuộc nhóm thiên thần khả ái đáng mến. Chữ *kāya* có nghĩa là thân, nhưng cũng có nghĩa là một nhóm. **Mp** nhận dạng đây là “những thiên thần vui thích sự sáng tạo” (Hóa lạc thiên). Bởi họ có thể tạo ra bất kỳ hình sắc nào họ muốn và thích nó, nên họ được gọi là “vui thích sáng tạo” hay “khả ái” (*manāpā nāma te devā ti nimmānaratī devā; te hi icchiticchitaṃ rūpaṃ māpetvā abhiramaṇato nimmānaratī ti ca manāpā ti ca vuccanti*). Coi thêm kinh **8:46**, trong đó Đức Phật liệt kê 08 điều kiện dẫn tới tái sinh trong số “những thiên thần khả ái hay có thân đẹp đẽ” này.] (1009)

868 [Có nhiều cách ghi chữ ghép này ở đây: **Ce** ghi là *icchācārena*, **Be** ghi *issācārena*, **Ee** ghi *issāvādena*. Tôi dịch theo cách ghi của **Ee**. Rất thú vị là, ở kinh **8:46**, có một câu kệ trong đoạn kệ giống hệt thì lại ghi là *issāvādena* trong tất cả ba phiên bản. Chúng tôi đã truy dò bằng công nghệ máy tính CST

4.0 chữ *icchācār** thì thấy chữ ghép này có nhiều trong các luận giảng, nhưng không có trong ba rở kinh. Như vậy là, có lẽ cách ghi **Ce** là đã bị ảnh hưởng bởi người kết tập quen dùng từ ngữ của các luận giảng thời bấy giờ.] (1010)

869 [Ông này trước đó là một đệ tử tại gia của đạo Jain (Ni-kiền-tử). Câu chuyện về sự chuyển đạo của ông được ghi trong kinh **8:12**.] (1011)

870 [Nguyên văn là chữ *sandiṭṭhikaṃ dānaphalam*, có nghĩa là: một lợi ích có thể được trải nghiệm ngay trong kiếp này.] (1012)

871 [Nguyên văn câu này: *Visārado upasaṅkamati amaṅkubhūto*. **Mp** diễn dịch “một cách tự tin” (*visārado*) nghĩa là một cách có hiểu-biết và hoan-hỷ (*ñāṇa-somanassappatto*), và “bình tĩnh” (*amaṅkubhūto*) nghĩa là không bị bối rối (*na nittejabhūto*).] (1013)

872 [Đề ý, với ích lợi thứ năm này, Đức Phật đã trả lời quá yêu cầu của ông Sīha, là trả lời luôn phước quả thuộc kiếp sau.] (1014)

873 [*Nandana*: là tên khu vườn phúc lạc ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi).] (1015)

874 [Nguyên văn năm chữ này là: *āyum, vaṇṇaṃ, sukhaṃ, balaṃ, paṭibhānaṃ*. Về chi tiết 4 điều đầu, kinh này giống hệt các kinh **4:57**, **4:58**; chỉ khác điều thứ 5 được thêm vào trong kinh này.] (1016)

875 [Họ “thể hiện lòng bi mẫn” (*anukampeyyum*) đối với những tại gia có niềm-tin bằng cách cho họ cơ hội cúng dường thức ăn và thứ khác để họ tích được công đức. Tức những bậc chân tu thể hiện lòng bi mẫn dành cho những người tại gia bằng cách đi đến nhà họ để nhận sự cúng dường của họ. Bằng cách bố thí cúng dường, người tại gia tạo những hạt giống để tái sinh tốt lành và chúng ngộ Niết-bàn. Những người xuất gia cũng có thể chỉ dạy Giáo Pháp cho những người tại gia và giúp họ tiếp cận với những giáo lý.] (1017)

876 [Kinh này có thể được coi là sự mở rộng của kinh song hành **3:48**. Mọi điều trong ví dụ về núi đều giống hệt trong hai kinh, chỉ khác kinh **3:48** kết hợp 2 thứ (như: gỗ mềm và gỗ lõi; vỏ cây và chồi) thành một điều, trong đó khi kinh

này thì liệt kê riêng từng phần là một điều (như gỗ thân, gỗ mềm, gỗ lõi). Kinh này thêm vào *sự học-hiểu (suta)* và *sự bố-thí (cāga)*. Phần thi kệ thì cả hai giống nhau.] (1018)

877 [Từ chỗ này trở đi lời kinh là gần như song hành với đoạn (III) của kinh **4:61**. Năm điều trong kinh này có được là do tách điều (iv) [*làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc ...*] của đoạn (III) đó thành điều thứ (2) của kinh **5:41** trong kinh này. Phần thi kệ thì hai kinh giống nhau.] (1020)

878 [Tôi đọc theo **Be** và **Ee** là *dhammaguttam*; khác với **Ce** ghi là *devaguttam*, nghe có vẻ dư thừa ở đây.] (1021)

879 [So sánh với phần (I) của kinh **4:61**.] (1022)

880 [Trong mỗi đoạn, tôi đọc theo **Ce** là chữ *vā pihetum*, khác với chữ *vāpi hetu* trong **Be**, và chữ *vā pi hetum* trong **Ee**. Động từ *piheti* (thể bất định là *pihetum*) có nghĩa là “*khao khát, mong ước cái gì*”. (*Chỉ ngôi đờ*) *khao khát [một cách thụ động]* có lẽ là đối ngược với sự (nỗ lực) tu tập đường đạo mới là cách và phương tiện để đạt được mong ước của mình.] (1023)

881 [*Āyusamvattanikā paṭipadā: con đường đưa dẫn đến tuổi thọ*. **Mp** giải thích con đường đó là: “*Thực hành bố thí, làm những việc công đức, giữ giới ...*” Để đọc sự phân tích về mối liên hệ giữa những việc làm (nghệp) và hậu quả của nó (nghệp quả, phước quả), coi kinh **MN 135**.] (1024)

882 [Lời kinh cứ chuyển qua chuyển lại giữa dạng số ít và số nhiều của chữ *saga*.] (1025)

883 [Bài thi kệ này cũng có ở kinh **SN 3:17**, **SN 3:18** (Quyển 1).] (1026)

884 [**Ce** cũng ghi như vậy. **Be** và **Ee** thì ghi “*hơn trăm ngàn*” (*adhikasa-tasahassam*). Đây được cho là nói về đồng *kahāpaṇa*, đơn vị tiền tệ thời đó.] (1031)

885 [Chữ cuối này đọc theo **Ce** *anaggahītam*; khác với **Be** và **Ee** thì ghi là *anuggahītam*.] (1032)

886 [Nguyên văn câu cuối: *aññataram manomayaṃ kāyaṃ upapajjati*. Tôi làm theo luận giảng **Mp**, lấy câu này, nhưng hiểu theo nghĩa là: vị ấy đã được tái

sinh trong số (*kāya*, đoàn, nhóm) những thiên thần chứ không phải nghĩa vị ấy được tái sinh với thân được làm bằng-tâm. Còn **Mp** luận giải câu này rằng: “[Tái sinh] trong số những thiên thần trong những cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) là những chúng sinh được tạo ra thông qua tâm (thức) của tầng thiên định *jhāna*” (*suddhāvāsesu ekam jhānāmanena nibbattam devakāyam*).] (1033)

887 [Thật khó nhìn ra tại sao kinh này là ‘kinh năm pháp’. Có thể nguyên bản nó chri có năm món được cúng dường, rồi món thứ sáu được thêm vào sau khi bài linh đã được kết tập trong *Quyển “Năm”* (?).] (1034)

888 [Đây là một kinh song hành với kinh **4:51**. Từ kinh **4:51**, chữ “*chỗ-ở*” (*senāsanam*) được thay bằng hai chữ “*chỗ trú-ở*” (*vihāram*) và “*chỗ nằm và ghé-ngồi*” (*mañcapīṭham*) nên kinh này thành có tất cả năm thứ được cúng dường.] (1035)

889 [Tôi đã điền đủ các định nghĩa chỗ này; cả ba phiên bản đều ghi tắt chỗ này.] (1037)

890 [Thi kệ này cũng có ở các kinh **SN 11:14** (quyển 1); **SN 55:26** và **SN 55:51** (quyển 5).] (1038)

891 [Câu này có ghi trong phiên bản của **Ee**, nhưng trong **Be** thì nó được ghi trong ngoặc như vậy, và trong **Ce** thì nó ghi ở dưới phần chú giải.] (1042)

892 [Kinh này giống lời kinh đoạn thứ nhất của kinh **SN 47:05**. Trong kinh đó, đoạn thứ hai nói tiếp ‘một đống thiện’ là *bốn nền-tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ).] (1045)

893 [Nguyên văn câu cuối là: *Na sukaram uñchena paggahena yāpetun*. Tôi coi chữ *uñchena paggahena* để chỉ một hành vi, chứ không phải hai hành vi; vì ở đây không có chữ *ca* hay *vā* để biểu nghĩa hai hành vi. Giải thích của **Mp** cũng hàm ý chỉ một hành vi, là: “Không thể mang bình bát và sống qua ngày bằng cách khát thực” (*na sakkā hoti pattam gahetvā uñchācariyāya yāpetum*). Coi thêm giải thích ở **Sp I 175,22–23** là: *paggahena yo uñcho, tena yāpetum na sukarā*.] (1046)

894 [Nguyên văn câu này: *Tesam abhiñham dassanā samsaggo ahoṣi, samsagge sati viṣṣāso ahoṣi; viṣṣāse sati oṭāro ahoṣi*. Mặc dù dịch chữ *viṣṣāso* là “*sự thân mật*” nhưng chữ này ở đây không chỉ sự thân mật về tính dục, thể

xác. Mà chữ *vissāso* chỉ một cảm-giác tin yêu nhau thường có thể dẫn tới quan hệ tính dục hay thể xác giữa người nam và nữ. Để có nhục dục xảy ra thì trước tiên phải có sự thân mật cung cấp sự khơi mào (mở đầu, phát sinh) của nhục dục. [Nhục dục tìm thấy sự khơi mào của nó]. Nghĩa này được thể hiện bằng cụm chữ *otāro ahoṣi* trong câu trên.] (1049)

895 [Tội dâm dục là tội lớn nhất (*pārājika*), tội phải bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn.] (1050)

896 [Tôi dịch dãy chữ này theo phiên bản **Be** và **Ee** là: *giddhā gathitā mucchitā ajjhoppannā*; khác với **Ce** ghi rằng: *gathitā giddhā mucchitā ajjhoppannā*. Dãy chữ—*gathita, mucchita, ajjhoppanna*—là phổ biến giống nhau trong các kinh.] (1051)

897 [Chữ này **Be** và **Ee** ghi là *ugghātītā*; [còn **Ce** ghi là *ugghānitā*]. **Mp** giải nghĩa chữ này là *uddhumātā: phình lên*; đây là một giai đoạn phân ra của xác chết. Năm giai đoạn phân hủy xác chết cũng được ghi trong các kinh **1:480–884**. Có lẽ trong câu kế tiếp nói về phụ nữ ‘chết’ là ý chỉ một phụ nữ chết được lưu giữ trong trí nhớ hơn là chỉ cái xác chết. Nhà sư Brahmāli gợi ý chữ *ugghātītā* chỉ đơn giản chỉ một cái thân “béo phì, mập ú”, nhưng tôi không chắc dịch vậy là chính xác. Trong **DOP sv ugghāṭeti2** có đưa ra nghĩa “*phình lên, truong sinh*” trong số những nghĩa của nó.] (1052)

898 [Ở đây, **Mp** giải thích chữ trong kinh là *purakkhatā* có nghĩa là “người chạy trước, người đã đi trước, người tiên phong” (*purecārikā purato gatāyeva*). Cách dịch của tôi ở đây “*đã lao đầu vào*” (đâm đầu vào) là dịch thoát nhưng ‘bắt’ được nghĩa của lời kinh. Không có bản kinh tương đương trong Hán tạng nên không thể đối chiếu để so sánh.] (1055)

899 **Mp** diễn dịch câu cuối như vậy: “Con đường *đạo* được khởi tạo (*maggo sañjāyati*): là chỉ thánh đạo siêu thế được khởi tạo. *Những gông-cùm* được phá bỏ hoàn toàn (*saṃyojanāni sabbaso pahīyanti*): là chỉ 10 gông-cùm được dẹp bỏ hoàn toàn [coi thêm kinh **10:13**]. *Những khuynh-hướng tiềm-ẩn* được búng bỏ (*anusayā byantīhonti*): là chỉ 07 khuynh-hướng tiềm-ẩn bị loại bỏ, bị cắt bỏ, bị xóa sổ [coi thêm kinh **7:11**]. Như vậy là, sự minh-sát (thiền quán) đã được nói trong năm đoạn đầu, phần (I); còn trong năm đoạn sau, phần (II), là phần thánh đạo siêu thế đã được nói.] (1060)

900 [Thật ra bài thi kệ này cũng giống trong kinh **3:39**. Câu “*Khi ta đang sống như vậy*” (*mama evaṃ vihāriṇo*) như hàm chỉ đây là lời của vị bò-tát (Phật) đã

nói ra vào lúc đã nỗ lực giác-ngộ dưới gốc Cây Bồ-Đề.] (1061)

901 [Nguyên văn chữ này: *balipaṭiggāhikā devatā*. **Mp** giải thích đó là: “Những thiên thần bảo hộ đã được thờ cúng theo truyền thống những gia đình.”] (1065)

902 [*Nhận-thức về sự không hấp-dẫn (asubhasaññā)* (của thân) được giảng giải ở kinh **10:60**, đoạn (3); *nhận-thức về cái chết (maraṇasaññā)* hay *sự chánh-niệm về sự chết (maraṇassati)* được nói ở các kinh **6:19–20**, **8:73–74**; *nhận-thức về sự nguy-hại (ādīnavasaññā)* ở kinh **10:60**, đoạn (4); *nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn (āhāre paṭikkūlasaññā)* ở **Vism 341–47**, **Ppn 11.1–26**; và *nhận-thức về sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn bộ thế gian (sabbaloke anabhiratasaññā)* ở kinh **10:60**, đoạn (8).] (1066)

903 [*Nhận-thức về sự vô-thường (aniccasaññā)* được giảng giải ở kinh **10:60**, đoạn (1), *nhận-thức về tính vô-ngã (anattasaññā)* ở kinh **10:60**, đoạn (2).] (1067)

904 [**Mp** diễn dịch nghĩa như vậy: “Sống cùng nhau nghĩa là: hỏi những câu hỏi và trả lời những câu hỏi” (*sājīvo ti pañhapucchanañceva pañhavissajjanañca*).] (1068)

905 [Phân tích về công thức *bốn cơ-sở thân thông* này, mời coi lại kinh **SN 51:13** (Quyển 5).] (1069)

906 [Chữ *ussolhi* được dịch ở đây là “*sự nhiệt tâm, sự nhiệt huyết*”; nó được giải nghĩa bởi **Mp** là *adhimattaviriyaṃ: sự nỗ-lực đặc biệt, cao độ.*”] (1070)

907 [Đoạn này và những đoạn tiếp theo bên dưới cũng được ghi trong kinh **MN 22.30–35**.] (1072)

908 [*Nhận-thức về sự dẹp-bỏ (pahānasaññā)* và *nhận-thức về sự chán-bỏ (virāgasaññā)* được giảng giải lần lượt trong kinh **10:60**, đoạn (5) và đoạn (6). Trong phiên bản **Ce** còn ghi thêm *nhận-thức sự chấm-dứt (nirodhasaññā)* rõ ràng là sai lỗi, vì nếu có sẽ tăng lên thành 06 điều, mà kinh này thuộc kinh ‘năm-pháp’ (Quyển “Năm”).] (1073)

909 [Nguyên văn: *Dhammavihārī*: người sống/ an trú trong Giáo Pháp. Chữ ghép này cũng có thể dịch nghĩa là “người sống theo/ sống nhờ/ sống bằng Giáo Pháp”.] (1074)

910 [Tôi đọc theo **Ce** là chữ *dhamaṣaṅṅattiyā* chỗ này và chữ *saṅṅattibahulo* ngay bên dưới; khác với **Be** và **Ee** ghi là *dhammaṣaṅṅattiyā* và *paṅṅattibahulo*.] (1075)

911 [Nguyên văn câu này: *anuyuñjati ajjhataṃ cetosamathaṃ*. **Mp** diễn dịch là: “Người đó theo đuổi và tu tập sự định-tâm bên trong mình; người đó ý định và tận tụy (thiền tập) về một chủ-đề thiền định” (*niyakajjhatte cittasamādhim āsevati bhāveti, samathakammaṭṭhāne yuttappayutto hoti*).] (1076)

912 [Nguyên văn câu này: *uttariṃ c’assa paññāya atthaṃ nappajānāti*. **Mp** diễn dịch là: “Trên sự học vấn đó, người đó không hiểu được ý nghĩa của Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ của đạo (đạo trí) cùng với sự minh-sát; người đó không nhìn thấy và thâm nhập bốn diệu đế” (*tato pariyattito uttariṃ tassa dhammassa saḥavipassanāya maggapaññāya atthaṃ nappajānāti, cattāri saccāni na pasati nappaṭivijjhati*).] (1077)

913 [*Đám bụi mù (rajagga)*. **Mp** giải thích: “Một đám bụi bốc lên từ mặt đất, đó là do sự giẫm đạp của voi chiến, ngựa chiến, xe chiến, lính chiến ...”.] (1078)

914 [Lời tuyên thuyết này cũng có trong kinh **MN 22.3**. Tiếp theo là những ví dụ nói về sự tiêu cực của đục-lạc, và những ví dụ này cũng được lặp lại trong kinh **MN 54.15– 21**.] (1081)

915 [Nguyên văn: *vālā amanussā*, nghĩa gốc là “những loài phi nhân hoang dã”. **Mp** giải thích “những loài phi nhân đó là hung bạo, những quỷ dạ-xoa hung dữ...” (*kakkhālā duṭṭhā yakkhādayo amanussā*).] (1082)

916 (Đức Phật đã chỉ ra những gốc rễ và nguyên nhân gây ra những sự tranh chấp và sự chia rẽ trong Tăng Đoàn trong nhiều kinh, ví dụ như trong kinh **MN 104**, **AN 6:36**, và các kinh **AN 10:37–10:40**.)

917 [**Mp** không luận giải gì về chữ *abhāvitakāyā* (không tu thành về thân), nhưng luận giảng **Spk II 395,16** thì có giải thích nghĩa nó là: *abhāvita-pañcadvārikakāyā*, “chưa tu tập xong về thân của năm cửa giác-quan”, có lẽ muốn chỉ tới sự kiềm-chế thân, sự phòng hộ các căn của thân. Tôi thì nghĩ rằng chữ này thực sự muốn nói về sự duy-trì sự hiểu-biết rõ-ràng (sự rõ-biết, tinh giác) trong tất cả mọi tư thế và mọi động tác của thân, như đã được mô tả trong các kinh.] (1083)

918 [Nguyên văn câu này: *Iti kho, bhikkhave, dhammasandosā vinayasandosā; vinayasandosā dhammasandosā*. **Mp** luận giải: “Theo cách nào khi Giáo Pháp suy sụp thì giới-luật suy sụp? Khi những pháp tu (*dhamma*) thiền vắng-lặng (thiền định) và minh-sát (thiền quán) không còn được bồi dưỡng, thì năm phần giới-luật không còn có mặt. Nhưng khi không có giới-luật kiểm-chế trong những người thiếu giới-hạnh (thất đức), khi không có nó thì thiền-định và thiền-quán không được bồi dưỡng. Theo cách như vậy nên mới nói câu như vậy.” Năm phần giới-luật kiểm chế là sự kiểm chế bằng giới-hạnh, sự chánh-niệm, sự hiểu-biết, sự kiên-nhẫn, và sự nỗ-lực (*sīlasaṃvara, satisaṃvara, ñāṇasaṃvara, khantisaṃvara, viriyasaṃvara*). Coi thêm **Ps I 62**, 23–25, về sự giảng luận về kinh *Sabbāsava Sutta*.] (1084)

919 [“*Sự nương dựa*” là tạm dịch chữ *nissaya*. Ở đây, một thủ tục theo Luật Tạng, là một Tỷ kheo nhỏ tuổi (tuổi hạ) cần tập sự bản thân dựa theo một Tỷ kheo trưởng lão thiện thảo, thông thường vị đó là vị thầy hướng dẫn (sư phụ, *y chí sư*) của người đó. Thủ tục tương tự đối với những Tỷ kheo ni. Giai đoạn *nissaya* (nương dựa vào vị *y chí sư*) thường là 5 năm sau khi vị Tỷ kheo trẻ đã thụ nhận đại thọ giới (cụ túc giới), nhưng thời gian cũng có thể nhiều hơn trong trường hợp Tỷ kheo tập sự (*y chí đệ*) cần thêm nhiều thời gian mới đạt tới sự giới giang, thiện thảo. Về chi tiết, đọc thêm **Thānissaro 2007a**: 29–40.] (1085)

920 [Nguyên văn câu cuối này: *abhidhammakathaṃ vedallakathaṃ kathentā*. Tôi coi chữ *abhidhamma* ở đây chỉ mang tính tham khảo, tức là, nó chỉ đơn giản có nghĩa là “*thuộc về Giáo Pháp, liên quan tới Giáo Pháp*”. Nó không phải chỉ tên bộ kinh hay tập kinh nào hay giáo pháp nào (tức không phải là danh từ riêng, không phải nói về đề tài “*Vi Diệu Pháp*”). Coi thêm **DOP sv** là *abhidhamme*. Tương tự, **Mp** cũng có vẻ cũng nhận ra chữ này không liên quan đến *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma Piṭaka*; như nhiều người dịch vẫn lầm tưởng), nó cũng giải nghĩa chữ *abhidhammakathaṃ* trong câu này chỉ nói về sự đàm đạo về “*giáo lý cao thượng liên quan đến giới-hạnh...*” (*sīlā-diuttama-dhammakathaṃ*). **Mp** cũng coi chữ *vedallakathaṃ* là “*sự nói chuyện ‘đủ thứ’ (linh tinh, này nọ) về sự hiểu-biết liên quan sự vui vẻ tùy hứng*” (*vedapaṭisaṃyuttaṃ ñāṇamissakakathaṃ*). Kinh **MN 43** và **MN 44** có chữ *vedalla* trong tên kinh và tiếp tục lời kinh là những câu hỏi và trả lời này nọ (đủ thứ, linh tinh) giữa hai vị đệ tử. “*Giáo Pháp tâm tới*” hay *hắc Pháp* (*kaṇhadhammaṃ*) ở đây được nói để chỉ khi trong cuộc đàm đạo xảy ra những sự tìm lỗi, bắt lỗi, bắt bẻ này nọ lẫn nhau với một cái tâm hay phê phán về người khác (*randhagavesitāya upārambhapariyesana-vasena*) (1086)

921 [Về lời kinh đoạn này: mời coi lại lời kinh giống vậy (và chú thích) trong kinh **2:47**, đoạn (1).] (1087)

922 (Đoạn này giống hết đoạn (1) trong kinh **2:44**, trong đó cũng có chú thích chỗ này, tiện thể trích dẫn luôn: [“*Noi gương làm theo*” là tạm dịch chữ “*diṭṭhānugatiṃ āpajjati*”; nghĩa gốc là “*làm theo những gì đã nhìn thấy*” (*diṭṭha*: thấy, chứng kiến)”. Lưu ý: câu này không có nghĩa là “*làm theo cách-nhìn của họ*” (*diṭṭhi*: kiến, quan điểm). **Mp** giải thích đó là: “*Làm theo những gì đã được làm bởi những sư thầy sư huynh đã làm; những người sau làm theo cách thực hành (của người trước) mà họ đã nhìn thấy.*”] (1088)

923 [**Mp** giải thích là: “Họ sẽ dính líu mật thiết theo cách năm sự dính líu (*pañcavidhena saṃsaggena*)”. **Mp-t** thì giải thích thêm: “Năm sự dính líu là: dính líu bởi sự nghe, nhìn, nói chuyện với nhau, ăn với nhau, và chạm xúc thân thể” (*savanasaṃsaggo, dassanasaṃsaggo, samullāpasasaggo, sambhogasaṃsaggo, kāyasaṃsaggo*). **Mp-t** còn nhận dạng tất cả những sự đó là sự thể hiện của nhục-dục, và còn nói thêm sự ‘chạm xúc thân thể’ là thông qua sự nắm tay [*hatthaggaḥa* (nắm tay) là một tội nặng nhì hay tội tăng tàng (*saṅghādisesa*) khi việc đó xảy ra giữa một Tỷ kheo và một Tỷ kheo ni. Những nữ tu tập sự (*sikkhamānā*) là những nữ tu đã thụ giới sa-di, đang tu tập để tiến tới chính thức thụ nhận đại thọ giới (tất cả mọi giới-luật) để trở thành một Tỷ kheo ni.] (1088)

924 [Tội ô nhiễm (*saṅkiliṭṭhaṃ āpattiṃ*) ở đây có lẽ chỉ những tội-lớn nhất (*pārājika*, ba-la-di) hay tội-lớn nhì (*saṅghādisesa*, tăng tàng).] (1089)

925 [Dùng những thứ được cất giữ (*sannidhikāraparibhoga*) (tích trữ thức ăn, vật dụng... để dùng riêng cho mình) là bị cấm bởi điều luật **Pācittiya 38**, **Vin IV** 86–87. Còn “*sự gọi ý rõ ràng*” (*oḷārikam nimittam*), **Mp** giải nghĩa: “Ở đây, việc đào bới và ra lệnh ‘Đào!’ thì được gọi là gọi ý rõ ràng đối với đất đai xung quanh. Chặt và ra lệnh ‘Chặt!’ được gọi là gọi ý rõ ràng đối với cây trồng xung quanh.” Chỗ này liên hệ tới các điều luật **Pācittiya 10** và **11**, **Vin IV** 32–33, 33–35; (như cấm đào bới, cấm chặt phá cây cối xung quanh nơi ở... vì mục đích riêng hay vụ lợi của mình).] (1090)

926 [Nguyên văn câu tả về người này là: *Kuhako ca hoti, lapako ca, nemittiko ca, nippesiko ca, lābhena ca lābham nijigīsītā*. Những hành vi này tạo thành sự mưu-sinh bất chánh (tà hạnh), được giảng giải đầy đủ trong **Vibh 352–53** (**Be 861–65**); chúng cũng được nói lại trong **Vism 23–30**, **Ppn 1.61–82**.] (1091)

927 [Về 4 loại *sự hiểu-biết mang tính phân-tích (paṭisambhidā)*, mời coi lại kinh **4:172.**] (1092)

928 [“Người đó không coi lại tâm mình có được giải thoát đến mức độ nào” là tạm dịch câu *Yathāvimuttaṃ cittaṃ na paccavekkhati*. **Mp** còn diễn dịch thêm: “Sau khi xem xét lại những tội lỗi đã được trừ bỏ và những đức hạnh đã đạt được, người đó không nỗ lực để đạt tới những đức hạnh cao hơn nữa”. Đoạn kinh này dường như dự báo trước ý tưởng *paccavekkhaṇāñāṇa*, rất nổi bật trong các luận giảng (thường được dịch là (HV) ‘phản khán trí’, tức trí xem xét lại đạo quả mà mình mới chứng đắc được.)] (1095)

929 [**Mp** giải thích: “Kinh này nói về những nguyên nhân dẫn đến sự sa sút hay tăng trưởng của 07 hạng học nhân đối với những giới-hạnh bậc cao. Những nguyên nhân làm sa sút một học nhân cũng xảy ra trước đối với người tu còn là phàm phu (chưa nhập vào dòng thánh đạo, chưa là bậc học-nhân).] (1096)

930 [*Aññābyākaraṇāni*. **Mp**: “Là sự tuyên bố thánh quả A-la-hán”. (Trí-biết cuối cùng/ chung kết/ rốt ráo chính là thánh quả A-la-hán.)] (1098)

931 [*Akuppam*: sự bất lay chuyển. Có lẽ đây muốn chỉ *sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm (akuppā cetovimutti)*. **Mp** nhận định đây chính là trạng thái hay thánh quả A-la-hán.] (1099)

932 [Nguyên văn: *Sakkaccaññeva deti no asakkaccaṃ*. **Mp** giải nghĩa: “Nó tấn công một cách không coi thường, không mạo phạm.” (tức cần trọng, dè chừng nguy hiểm từ con mồi).] (1100)

933 [Nguyên văn cụm chữ cuối này: *Annabhāranesādānaṃ*. **Mp** thì giải thích *annabhārā* là những người ăn xin (*yācakā*) và *nesādā* là những người bắt chim (*sākuṇikā*).] (1101)

934 [Phần mở đầu kinh, cùng với phần lời kinh nói về 05 loại người thầy, cũng có trong Luật Tạng, **Vin II 185–87.**] (1101)

935 [Nguyên văn câu cuối: *manomayaṃ kāyaṃ upapanno*. Những thiên thần có thân được làm bằng-tâm (hay do tâm tạo nên) là những thiên thần được tái sinh trong cõi trời sắc-giới nhờ năng-lực chứng đắc những tầng thiên định sắc-giới.] (1103)

936 [Chữ “thân” ở đây là dịch gọn chữ *attabhāvapaṭilābha* (*sự đạt thành một*

‘*cá thể*’ mới), tôi coi chữ *paṭilābha* chỉ đơn giản là bổ sung theo kiểu thành ngữ chứ không cộng thêm nghĩa gì vào chữ đó, (nên chỉ đơn giản dịch là ‘thân’ của vị thiên thần đó). **Mp** giải thích nó bằng chữ *sarīrapaṭilābho*, điều này ủng hộ giả thuyết của tôi là chữ đó chỉ đơn giản là chỉ về một ‘thân’ hay ‘thân thể’. Thuật ngữ *attabhāvapaṭilābha* (*sự đạt thành một ‘cá thể’ mới*) cũng được nói đến ở đâu Phần thứ hai của kinh **4:171** (mời coi thêm phần chú thích ở đó), trong đó thuật ngữ này hàm chỉ toàn bộ ‘sự tạo thành của một loại chúng sinh’. Theo lời bài kinh ở đó thì không thể nào quy kết theo nghĩa hẹp là nó chỉ về một ‘thân’ hay ‘thân thể’, trong kinh đó nó cũng bao gồm cả loại “thiên thần thuộc cảnh xứ vừa không có nhận thức vừa có nhận thức” là những thiên thần không có thân thể vật lý.

- Về kích cỡ thân vị thiên thần, lời kinh ghi là *dve vā tīṇi vā māgadhikāni gāmakkhettāni*. Về chữ *gāmakkhetta* nhà sư Brahmāli có viết rằng: “Chữ này cũng có ghi trong kinh **MN 10,11** trong câu : *ekaṃ gāmakkhettaṃ upanissāya viharāma*, và có ghi trong kinh **MN 167,27** trong câu: *amhākaṃ gāmakkhettaṃ āgacchanti*. Từ những trích đoạn mới dường như đã rõ ràng với tôi rằng chữ *gāmakkhetta* chỉ về một ngôi làng *cùng với tất cả ruộng đồng của nó*”. Những con số chiều dài được ghi trong **Mp** có thể suy ra thân của vị thiên thần đó là khoảng 3–4.5 dặm Anh, tức cao tới khoảng 5-7 km.] (1104)

937 [Lời kinh ghi là *tassā iddhiyā* (thần thông đó) chứ không ghi là *tassa iddhiyā* (thần thông của người đó). Ở đây có đề cập bằng một đại từ chỉ một thần thông, nhưng lời kinh vẫn chưa lộ rõ đó là loại thần thông gì. Bối cảnh ở đây được truy lại trong Luật Tạng (**Vin II 184,33–185,21**), trong đó thầy Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã dụng *thần thông biến hóa* mình thành một bé trai đeo dây đai (nịt) bằng những con rắn. Thầy ấy đã dùng thần lực để gây ấn tượng với Hoàng tử À-xa-thế (Ajātasattu) để được hoàng tử ủng hộ theo những ý đồ của thầy ấy. Rồi ngay cái lúc có ý nghĩ muốn giành lấy sự lãnh đạo Tăng Đoàn từ Đức Phật, thầy bị mất hết *thần thông đó*.] (1105)

938 [Nguyên văn: *aparissuddhaveyyākaraṇo*. **Mp** không giảng luận về chỗ này. Tôi cho rằng, “*sự giảng giải*” ở đây muốn chỉ về sự/cách giảng giải của người thầy về một giáo lý hay sự/cách trả lời và giải thích của ông đối với những câu hỏi.] (101)

939 [Nguyên văn câu này: *Sekhavesārajjakaraṇā dhammā*.] (1108)

940 [*Sārajjaṃ*: tạm dịch là “ngại ngần”. **Mp** giải nghĩa nó là *domanassaṃ* (phiền bức, ưu, nhưng cách giải nghĩa này không đủ đầy đủ và rõ ràng. *Sārajja*

là trạng thái một người cảm thấy rụt rè, ngại ngùng, và không an toàn (*sārada*) khi phải xuất hiện trước đám đông hoặc đứng trước những sự việc của cộng đồng. Chữ đối nghĩa của nó là *vesārajja*, là trạng thái một người cảm thấy thư thả và tự tin (*visārada*) khi đứng trước đám đông hoặc khi tương tác với những người khác.] (1109)

941 [Phiên bản **Ee** ghi chữ *kuppadhammo* rõ ràng là bị sai, cho dù trong nhiều trước tác ghi chú thì **Ee** đã nhận biết chữ đúng là chữ *akuppa-dhammo* (bất lay chuyên). **Mp** giải nghĩa chữ này đồng nghĩa *khīṇāsavo*, là người đã tiêu diệt ô-nhiễm, một A-la-hán.] (1110)

942 [Kinh này như một kinh song hành của kinh **3:50**, được mở rộng thêm điều số (5).] (1112)

943 (Chỗ này coi lại chú thích ở đoạn (2) kinh **3:50**)

944 [“*Những muru tính bí mật*” là chữ *guyhamantā*. Ở đây, chữ *mantā* chắc chắn có nghĩa là “*những muru tính, toan tính*” hay “*những tư vấn*”, chứ không phải chữ *mantra*.] (1114)

945 [Nguyên văn là *antaggāhikāya*. **Mp** giải thích là: “Người đó nắm giữ tư tưởng bất-diệt (thường kiến) hoặc tư tưởng tự hủy diệt (đoạn kiến).] (1115)

946 [Toàn bộ kinh này, sau câu mở đầu, là giống toàn bộ đoạn (4) của kinh **4:87** (kinh 4 pháp), nói về một Tỷ kheo là ‘hạng sa-môn tinh tế’, trong đó năm chi đoạn đánh số từ (i)... (v) giờ được đổi thành (1) ... (5) trong kinh này (kinh 5 pháp).] (1116)

947 (Như chú thích ở kinh **4:87**): [Nói rõ luôn là: “Người đó thường dùng y áo được (thí chủ) mời nhận, hiếm khi dùng thứ mà vị ấy không được mời nhận.” Tương tự đối với những thức ăn, chỗ ở, thuốc thang.] (783)

948 (Như chú thích ở kinh **4:87**): [Khi luận giảng về chữ *sannipātikāni*, luận giảng **Mp-ṭ** ghi: “*đó được tạo ra từ sự kết hợp của ba thứ—mật, đờm, gió (trong thân)—bị mất cân bằng*” (*pittādīnaṃ tiṇṇampi visamānaṃ sannipātena jātāni*). Còn luận giảng **Spk III 81,22–23**, khi luận giảng về chữ này trong bộ kinh SN [IV 230,29 (?)] thì ghi: “*đó phát sinh từ sự quấy nhiễu của ba thứ mật, đờm, gió (trong thân)*” (*tiṇṇampi pittādīnaṃ kopena samuṭṭhitāni*).] (784)

949 (Như chú thích ở kinh **4:87**): [Đoạn này chỉ về 8 loại cảm-giác (thọ), cũng

được nói trong kinh SN 36:21 (quyển 4).] (785)

950 [*Phāsuvihārā*: những phương tiện để sống thư thái. Những phương tiện này còn có thể được gọi là “*những nguyên tắc để hòa hợp*”, như được ghi trong các kinh 6:11–12. Về phần nội dung: ngoài những câu mở đầu và đặt vấn đề, nội dung này hầu như y hệt kinh 6:12, chỉ khác là nó bỏ đi đoạn thứ năm trong kinh 6:12.] (1117)

951 [Nguyên văn về cuối là: *no param adhisīle sampavattā*. Tôi coi chữ *adhisīle* ở đây chỉ đơn thuần chỉ có nghĩa là “*về mặt/về phần/về vấn đề giới-hạnh*”, chứ không hàm nghĩa chỉ ‘*giới-hạnh cao hơn*’ (tăng thượng giới) [mặc dù, dĩ nhiên, phần giới-hạnh cao hơn cũng cùng được kiểm chế bởi Pātimokkha (Giới Luật Tỳ Kheo)]. **Mp** cũng ủng hộ cách diễn dịch chữ *adhisīle* theo nghĩa đơn thuần này, nên **Mp** giải nghĩa là: “*Người đó không phê bình hay chỉ trích người khác về vấn đề giới-hạnh*” (*param sīlabhāvena na garahati na upavadati*).] (1118)

952 [Trong bốn phương: *cātuddiso*. **Mp** giải nghĩa là: “*Người đó đi lại mà không bị trở ngại trong bốn phương*” (*catūsu disāsu appaṭihatacāro*).] (1119)

953 [Ce không có ghi tên NHÓM này ở chỗ bắt đầu, nhưng nó có ghi tên NHÓM trước phần kệ tóm tắt (*uddāna*) ở cuối nhóm.] (1120)

954 [Nghĩa chỗ này không rõ ràng, và những phiên bản cũng ghi khác nhau. **Ce** ghi là *viyatthūpasevī*, **Ee** *vyatthūpasevī*, **Be** *vissatthupasevī*. **Mp** (của **Be**) giải thích nghĩa là: “*Người đó giao lưu những gia đình bị chia rẽ (bất hòa) để tạo ra sự xích mích bất hòa (giữa họ)*” (*vissatthāni bhinnakulāni ghaṭanattāya upasevati*). **Mp** (của **Ce**) thì chỉ giải thích gọn là: “*Người đó giao lưu với những gia đình bị chia rẽ (bất hòa)*” (*viyatthāni bhi-nnakakulāni*).] (1121)

955 [*Sammādasana*: tâm-nhìn đúng, chánh quan kiến; chữ này đồng nghĩa với cách nhìn đúng đắn hay chánh kiến (*sammā-diṭṭhi*). **Mp** diễn dịch có tâm-nhìn đúng là: “*Có được năm loại chánh-kiến: về trách nhiệm của mình đối với nghiệp, về thiên định, về thiên quán, về đạo, và về quả.*”] (1122)

956 [**Mp** giải nghĩa là: “*Ni đó keo kiệt về chổ-ở (āvāsamaccharinī): không (thê) chịu (được) người khác ở đó. Ni đó keo kiệt về những gia đình (kulamaccharinī) đã trợ giúp cúng dường cho mình: không chịu những người tu khác tiếp cận những gia đình đó [để được trợ giúp, cúng dường]. Ni đó keo kiệt về những lợi-lộc (lābhamaccharinī): không chịu những người khác cũng được (cho, cúng) những lợi lộc đó. Ni đó keo kiệt về lời-khen (gūṇamaccharinī): không*

chịu nói lời khen (hay thích nghe ai nói lời khen) về những đức tính của người khác. Và ni đó keo kiệt về *Giáo Pháp* (*dhammaccharinī*): không muốn chia sẻ Giáo Pháp cho những người khác (học, biết).] (1123)

957 [*Saddhādeyyaṃ vinipāṭeti*. **Mp**: “Khi ni đó được cúng dường thức ăn bởi những thí chủ vì niềm-tin của họ (đối với tăng ni hay Tam Bảo), thì ni đó không sót lấy phần trên [cho mình] và chia phần còn lại cho những ni khác.” Giới-luật cấm sự phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin của những thí chủ có ghi trong Luật tạng **Vin I 298,1–3** như vậy: “*Này các Tỳ kheo, một món quà được cúng dường vì niềm-tin không nên bị phung phí. Với ai phung phí nó, thì đó là một sự phạm tội sai trái*” (*na ca bhikkhave saddhādeyyaṃ vinipāṭetabbam; yo vinipāṭeyya, āpatti dukkaṭassa*). Đây là một tội vì nó thể hiện sự không tôn trọng đối với lòng bố thí của người khác. Sau khi đã sót lấy phần trên cho mình, một người tu chia sẻ phần còn lại cho người khác. *Đức Phật cũng cho phép một điều đặc biệt là một người xuất gia có thể đem cho cha mẹ những phần thức ăn, quần áo, và những thứ được cúng dường khác nếu cha mẹ đang thực sự cần có!*.] (1124)

958 (Kinh này giống hết kinh **5:218**, chỉ khác là trong kinh đó “Tỳ kheo ni” được đổi thành “Tỳ kheo đang lưu trú”).

959 [Về cách đặt dấu câu, tôi làm theo như **Be** và **Ee**: nối cụm chữ *dhammānaṃ udayatthagāminiyā paññāya* với cụm chữ *ajjhataṃ yeva sati sūpaṭṭhitā hoti*. **Ce** thì đặt một dấu phẩy sau chữ *hoti* và không có dấu câu sau chữ *paññāya*, như vậy là nối cụm chữ *dhammānaṃ udayatthagāminiyā paññāya* với cụm chữ theo sau là *asubhānupassī kāye viharati*. Tuy nhiên, điều này nối kết với ‘*sự thiển quán về sự không hấp-dẫn của thân*’ với ‘*trí-tuệ để nhận biết sự sinh và diệt*’, mà sự nối kết này, theo tôi hiểu biết, là không thấy có ở chỗ nào khác trong toàn bộ 5 bộ kinh *Nikāya* [ngoại trừ phần điệp khúc trong bào kinh *Các Nền Tảng Chánh-Niệm* (*Satipaṭṭhāna Sutta*, kinh Niệm Xứ).] (1125)

960 [Kinh **Sn 386** gợi ý chữ *akālacārī* ở đây là chỉ sự đi khát thực vào lúc không phù hợp.] (1126)

961 (như chú thích ở kinh **1:65**): [*Santutṭhitā*. **Mp** phân biệt ba loại sự biết hài-lòng: (1) sự biết hài-lòng với những gì mình có được (*yathālābhasan-tosa*): như biết hài lòng với những thứ y phục, thức ăn, chỗ ở, thuốc thang, cho dù chúng thuộc phẩm cấp tốt hay tệ; (2) sự biết hài-lòng với khả năng của mình (*yathābalasantosa*): biết hài lòng với những thứ mình có được nhưng biết chọn dùng thứ nào thích hợp với sức khỏe của mình nhất (ví dụ người có tiêu hóa tệ

thì nên chọn ăn những thức ăn dễ tiêu...); (3) sự biết hài-lòng với điều phù hợp (*yathāsāruppasantosa*): giữ những thứ căn bản nhất cho mình và cho đi những thứ còn lại.

- Coi thêm Bodhi 1989: 130–34.] (1127)

962 [*“Sự tổn thương”* là tạm dịch chữ *parikuppā*. **Mp** giải thích đó là “sự gì có bản chất làm dày vò, giống như một vết thương cũ” (*parikuppanasabhāvā purāṇavaṇasadisā*). Thông dụng hơn thì những hành động này được gọi là *những nghiệp nghiêm trọng hay trọng tội* (*ānantariya kamma*) dẫn tới kết quả tức thì là tái sinh trong địa ngục. Coi thêm kinh **6:93**.] (1128)

963 [*Khổ nạn đối với giới-hạnh* (*sīlavyasana*) ở đây rõ ràng chỉ những hành vi phạm giới-luật về đạo đức, và *khổ nạn về cách-nhìn* (*diṭṭhiviyasana*) là chỉ sự nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), đặc biệt là loại tà kiến chối bỏ nguyên lý nghiệp và nghiệp quả.] (1129)

964 [*Dhammen’eva cakkam vatteti*. **Mp**: “Chữ ‘Giáo Pháp’ ở đây là chỉ mười [đường] nghiệp thiện”.] (1130)

965 [**Mp** diễn dịch rằng: “*Người biết điều gì là tốt* (*atthaññū*): người biết năm phần thiện; (**Mp-t** giải nghĩa năm phần thiện là: điều tốt cho (của) mình, điều tốt cho người khác, điều tốt cho cả mình và người, điều tốt thuộc kiếp này, và điều tốt thuộc kiếp sau). *Người biết Giáo Pháp* (*dhammaññū*): người biết bốn phần Giáo Pháp; (**Mp-t** giải nghĩa bốn phần đó là: Giáo Pháp về bốn diệu đế, hay bốn loại giáo pháp (*dhamma*) được phân biệt thuộc cõi dục giới, cõi sắc giới, cõi vô sắc giới, và siêu thế). *Người biết sự đo lường đúng đắn* (*mattaññū*): người biết sự đo lường đúng đắn trong việc nhận và sử dụng bốn thứ cúng dường (y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh). *Người biết thời gian phù hợp* (*kālaññū*): người biết thời gian như vậy: ‘Đây là thời gian sống tách-ly; đây là thời gian chứng thiền; đây là thời gian dạy Giáo Pháp; và đây là thời gian để đi du hành trong xứ sở’. *Người biết hội chúng* (*parisaññū*): người biết: ‘Đây là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ ... đây là hội chúng những tu sĩ’.”] (1131)

966 [Kinh **1:187** cũng nói về điều này về Xá-lợi-phát.] (1132)

967 [Coi thêm và so sánh với kinh **3:14**.] (Phần nội dung kinh bắt đầu từ câu dưới đây cho đến ‘... *trong hình dạng con người*’ là giống hệt trong kinh **3:14**. Phần thứ hai của kinh này có ghi thêm các đối tượng được che chở phòng hộ

là 'các Tỳ kheo ... đệ tử tại gia nữ', và dĩ nhiên có thêm hai điều (4) và (5). (1133)

968 (Như chú thích ở kinh **3:14**): [**Mp** giải nghĩa chữ *dhamma* ở đây có nghĩa là giáo pháp của 'mười đường nghiệp thiện' (*dasakusalakammamapathadhammo*). Cách giải nghĩa này là quá hẹp, cho dù rõ ràng đúng là chữ "Dhamma" ở đây không có nghĩa là Giáo Pháp của Phật. Hơn nữa, nguyên lý phổ quát về tính-thiện và chân lý về đức-hạnh là không phụ thuộc vào tôn giáo nào, (đó là sự thật trong thế gian). Dựa trên Giáo Pháp (hiển nhiên) như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe cung cấp sự bảo-vệ chân chánh (*dhammika*) cho tất cả mọi chúng-sinh trong cõi ông ta trị vì.] (346)

969 (Như chú thích ở kinh **3:14**): [**Mp** giải thích: "Vị vua thiết lập sự quay chuyển bánh xe chỉ bằng phương tiện là Giáo Pháp 'mười đường nghiệp thiện'." Ở đây **Ce** và **Be** ghi động từ là *vatteti*, nhưng ở bên dưới khi nói về Đức Phật thì ghi là *pavatteti*; còn **Ee** thì ghi động từ *pavatteti* cho cả hai.] (347)

970 (Như chú thích ở kinh **3:14**): [Nguyên văn: *Kenaci manussabhūtena paccatthikena pāṇinā*. Nghĩa gốc là: "Bởi một chúng sinh hung bạo (như quỷ dữ, quỷ thần...) đã thành người." **Mp** giải thích: "Những thiên thần được cho có thể làm bất cứ điều gì họ muốn (không gì cản được). Cho nên họ không bao gồm trong nghĩa này, ở đây chỉ nói đến "con người". Điều này khác với trường hợp của Phật, bánh xe của Phật (Pháp luân) là không thể bị quay ngược đảo ngược bởi bất kỳ chúng sinh nào, kể cả những thiên thần quỷ thần.] (348)

971 [Nguyên văn câu cuối: *Paṭibalo atītānāgatapaccuppanne atthe cintetum*. **Mp** giải nghĩa: "Thông qua những ích lợi hiện tại, người đó suy xét những điều đã xảy ra trong quá khứ và những điều sẽ xảy ra trong tương lai" (*so hi paccuppannaatthavaseneva "atītepi evaṃ ahesum, anāgatepi evaṃ bhavissantī" ti cinteti*).] (1135)

972 [*Salākaggāhī*: người lấy thẻ. **Mp**: "Vào lúc đếm số những con voi, nó lấy [tôn] một thẻ đếm." Thẻ ở đây là tấm thẻ gỗ hay thẻ cây để đếm từng voi (ví dụ, mỗi con voi đi qua, người đếm lấy một thẻ hay một que gỗ bỏ vô thùng hay rổ, sau đó đếm tổng số thẻ để biết số con voi).] (1136)

973 [**Ce** ghi là *pīṭhamaddano*; **Be** ghi là *mañcapīṭhamaddano*: "người phá giường phá ghế".]

974 [**Mp** giải thích: "Vào lúc đếm số Tỳ kheo, người đó lấy một thẻ đếm."] (1138)

975 (Trong kinh này ngoài đoạn (3) được thêm nói về sự phòng hộ, các đoạn (1), (2), (4) và (5) là tương ứng giống các đoạn (1), (2), (3) và (4) trong kinh **4:114**.)

976 [Mp giải thích: “*Người đó vi phạm (ārabhati)*: người đó vi phạm bằng cách phạm tội [theo giới-luật Tăng đoàn], và *sau đó thấy hối hận (vippaṭisārī ca hoti)* vì điều đó. *Sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ* chính là *sự định-tâm* ở thánh đạo A-la-hán và *trí-biết* về thánh quả A-la-hán. *Người đó không hiểu được* điều này bởi người đó chưa chứng ngộ tới nó.] (1140)

977 [Mp giải thích: “Người đó phạm vào một tội nhưng khôi phục được bản thân, và nhờ đó không bị hối hận”] (1141)

978 [Mp giải thích: “Sau khi phạm vào một tội, người đó khôi phục được bản thân, nhưng sau đó, mặc dù người đó không phạm tội nữa, người đó không thể xua tan sự hối hận.” Lời giải thích này có thể nói đến trường hợp đã được ghi trong Luật Tạng (Vinaya), trong đó một Tỷ kheo tin sai rằng mình đã phạm vào một tội.] (1142)

979 [Mp giải thích: “Dẹp bỏ những ô-nhiễm sinh ra từ sự phạm tội bằng cách thú tội hay bằng cách khôi phục bản thân mình khỏi tội đó. Rồi tu tập cái tâm minh-sát (*vipassanācittam*) và trí-tuệ đi kèm với nó”.] (1143)

980 [Phương thức tu tập này cũng được giảng giải trong **Paṭis II 212–13**, trong đó nó được gọi là ‘*năng lực tâm linh hay thần thông của bậc thánh nhân (ariy’iddhi)*. Dựa vào nguồn giảng luận đó, Mp đã rút ra những giải thích như vậy: (1) “*Nhận thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm (appaṭikūle paṭikūlasaññī)* là: người đó quán xét một đối-tượng đáng thích với ý tưởng về sự không hấp-dẫn của nó, hoặc chú ý nó là vô-thường. (2) *Nhận thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm (paṭikūle appaṭikūlasaññī)* là: người đó quán xét một đối-tượng đáng chê với tâm-từ, hoặc chú ý nó theo cách những yếu-tố. (3–4) Trong điều thứ (3) và thứ (4), người đó lần lượt áp dụng phương pháp thứ nhất và thứ hai mới nói trên cho cả hai loại đối tượng (3) và (4). (5) *Sống/an trú buông-xả (upekkhako vihareyya)*: đây là sự buông-xả gồm 6 phần [đó là, sự buông-xả đối với 6 đối-tượng giác quan] giống tâm buông-xả của một bậc A-la-hán. Trong kinh này, sự thiên-quán (minh sát) được nói đến trong cả năm điều. Có thể một Tỷ kheo đã phát khởi minh-sát (thiên-quán) thì tu được cách này; nhưng cũng có thể một người có hiểu biết, có trí, có học hiểu cũng tu được cách này. Những bậc Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai thì chắc chắn tu được theo cách này; nên không nhất thiết phải nói bậc A-la-hán tu theo cách này.”] (1144)

981 [*Samayavimuttassa bhikkhuno: một Tỳ kheo được giải thoát một cách tạm thời. Mp* giải nghĩa là: “Người đó được giải thoát trong tâm thông qua một sự giải-thoát thể tục, một sự giải-thoát *tạm thời* có được là nhờ sự không chế những ô-nhiễm trong trạng thái tầng thiền định.” (tức khi thoát ra khỏi giờ thiền thì những ô-nhiễm sẽ có lại, và người tu vẫn chưa được giải-thoát một cách rốt ráo.) (1148)

982 [Tôi đặt tên kinh này như tên gọi trong thi kệ tóm lược (*uddāna*) ở cuối chương theo phiên bản của **Be**, trong đó có ghi câu *tayo sammattaniyāmā*; còn kệ này của **Ce** và **Ee** thì ghi *tayo saddhammaniyāmā*.] (1149)

983 [Nguyên văn câu này: *Abhabbo niyāmaṃ okkamituṃ kusalesu dhammesu sammattaṃ. Mp* giải nghĩa là: “Người đó chưa đủ phẩm chất, không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã định xong’, (đạo lộ đó) gồm có sự chân-chính (đúng đắn) trong những phẩm chất thiện lành” (*kusalesu dhammesu sammattabhūtaṃ magganiyāmaṃ okkamituṃ abhabbo abhājanaṃ*). Mời coi lại thuật ngữ này trong kinh **3:22** và chú thích của nó (358).] (1150)

984 [Giống như kinh **4:160**, ngoại trừ kinh này có thêm đoạn (5) ở mỗi phần. Coi thêm kinh **2:20**.] (1151)

985 (Như chú thích ở kinh **4:160**.) [Nguyên văn câu này: *Bhikkhū duggahitaṃ suttantaṃ pariyāpunanti dunnikkhittehi padabyañjanehi*. Coi thêm kinh **2:20**. Tôi làm theo sự gợi ý của thầy Brahmāli là chữ *suttantaṃ* ở đây có một hàm nghĩa số nhiều; ví dụ, coi **Vin III 159,12**, và **Vin IV 344,21**.] (848)

986 [Đoạn (5) này giống đoạn (5) của kinh **5:54** ở trên.] (1152)

987 [So sánh với kinh **5:101**, (và coi thêm các chú thích trong kinh đó về sự ngại-ngân và sự tự-tin).] (1153)

988 [(**Mp** đã nhận dạng) đây là Lāḷudāyī, thường được mô tả là một Tỳ kheo tự phụ tự cao. Do vậy, những lời kinh tiếp theo có thể được coi như sự quở trách của Phật đối với thầy ấy vì thầy ấy chưa đủ chín chắn nhưng luôn muốn làm một sư thầy hay sư ông. Một ví dụ khác về sự bốc đồng khinh suất của thầy Udāyī là ở cuối kinh **3:80** và trong kinh **5:166**. Trong **6:29**, và cũng có trong kinh **MN 136.6**, thầy ấy cũng bị quở trách bởi Phật. Trong Luật Tạng (*Vinaya Piṭaka*) cũng có mô tả về một Udāyī là một Tỳ kheo phạm tội tà dâm tà dục cho nên vì đó mà một số điều-luật [thuộc tội tăng tàng, *saṅghādisesa*) đã được đặt ra; nhưng vẫn còn là câu hỏi liệu Udāyī đó cùng là một người với Udāyī

này hay không. Thậm chí Udāyī đó có thể không có thực trong lịch sử mà chỉ được dùng làm cái ‘cớ’ để đưa ra những điều-luật đó.] (1154)

989 [Nguyên văn câu này: *Ānupubbīkathaṃ kathessāmi*. **Mp** giải nghĩa là: “Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác sau khi đã quyết định (quyết tâm, nhất tâm): ‘Trước tiên tôi sẽ nói về lòng bố-thí, kế tiếp là nói về giới-hạnh, và tiếp theo là về cõi-trời; hoặc tôi sẽ giảng giải một đoạn kinh hay thi kệ theo đúng trật tự của lời kinh.’”] (1155)

990 Câu cuối: *Pariyāyadassāvī*. **Mp**: “Chỉ ra nguyên nhân (*kāraṇa*) của điều này, của điều nọ.”] (1156)

991 [Nguyên văn câu chổ này: *Yattha bhikkhuno uppanno āghāto sabbaso paṭi-vinetabbo*. Tôi dịch câu này theo cách **Mp** giải thích là: “Khi sự bức tức (hiềm hận, cay ghét) đã khởi sinh trong một Tỳ kheo *đối với một đối-tượng nào đó* (*yattha ārammaṇe*), thì nó nên được xua tan sạch theo năm cách này.” Như vậy **Mp** coi chữ *yattha* có nghĩa là người (đối tượng, vị ngữ; vì đối tượng đó, vì người đó) mà sự bức tức đã khởi sinh, chứ không có nghĩa chỉ nơi chốn mà sự bức tức khởi sinh.] (1157)

992 [Nguyên văn câu cuối: *Labhati ca kālena kālaṃ cetaso vivaraṃ cetaso pasādam*. **Mp** giải nghĩa là: “Dần dần người đó đạt tới sự khai mở của tâm, đó là, một cơ hội khởi sinh trong tâm người đó cho sự tĩnh-lặng (định) và minh-sát (tuệ), và người đó đạt được sự bình lặng, trong đó gồm có sự thành tựu của niềm-tin” (*kāle kāle samathavipassanācittassa uppannokāsaṅkhātāṃ viva-rañceva saddhāsampannabhāvasaṅkhātāṃ pasādañca labhati*).] (1158)

993 [Nguyên văn câu này: *Samantapāsādikāṃ āvuso puggalaṃ āgamma cittaṃ pasīdati*. Câu này rõ ràng chỉ loại người thứ năm này. Vì mọi hành-vi và tâm của người đó đều trong sạch, nên người tu dễ dàng xua tan sự bức tức hiềm hận đối với người đó, và người tu lắng xuống trong một trạng thái tự-tin và tĩnh-lặng.] (1159)

994 [“*Những thiên thần sống được nhờ thức ăn* (*kabalīkārāhārabhakkh-ānaṃ devānaṃ*): là những thiên thần thuộc cõi dục-giới. *Số thiên thần được tạo bằng-tâm* (*aññataraṃ manomayaṃ kāyaṃ*): là số những vị trời brahmā trong những (năm) cõi trời trong sạch (Tịnh cư thiên), là những người được tái sinh bằng cái tâm của (trương ứng) tầng thiên định (jhāna).”] (1160)

995 [Nguyên văn câu trả lời này: *Ye te, bhante, devā arūpino saññāmayā*. Với

câu trả lời này, thầy Udāyī đã nhầm lẫn với những thiên thần cõi vô-sắc giới là những thiên thần được cho là được tạo bằng nhận-thức (*saññāmaya*); còn đây là thầy Xá-lợi-phất đang nói về số những thiên thần ở cõi dục-giới [bao gồm cả năm cõi trời trong sạch, tịnh cư thiên], là những thiên thần được cho là được tạo bằng-tâm (*manomaya*).] (1161)

996 [Chỗ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** ghi là: *mayam te na pucchāma*; còn **Be** thì ghi là: *mayam tena na muccāma*.] (1162)

997 [Nguyên văn câu này: *Yathā āyasmantaṃyev’ettha upavāṇaṃ paṭibhāseyya*. **Mp** giải thích chữ *yathā* là một từ chỉ lý do (*kāraṇavacanam*). Tôi coi chữ *paṭibhāsati* có nghĩa là “yêu cầu, kêu [ai nói về điều gì]” [coi thêm **SED sv**, chữ *pratibhāsh*]. **Mp** giải thích tiếp (câu này của thầy Ananda như có nghĩa là): “Khi điều gì đã được nói ra bởi đức Thế Tôn đề cập về vấn đề này, thầy nên nghĩ trước những điều cần để trả lời.” [chữ *paṭivacana* nghĩa là: một câu đối đáp lại].] (1163)

998 [Câu này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** ghi là: *na saṃvijjeyyūṃ, kena naṃ sabrahmacārī sakkareyyūṃ garukareyyūṃ māneyyūṃ pūjeyyūṃ*. **Be** thì ghi: *na saṃvijjeyyūṃ, taṃ sabrahmacārī na sakkareyyūṃ na garuṃ kareyyūṃ na māneyyūṃ na pūjeyyūṃ*.] (1164)

999 [Nguyên văn về cuối là: *No kālena kupitaṃ*. Lạ thay chỗ này lời kinh dùng chữ *kupita* để chỉ sự đang bị quở trách vào lúc thích hợp. Chữ *kupita* thông thường có nghĩa là “bị làm phiền, bị chọc tức, bị chọc giận”, và vào lúc thích hợp sẽ thích hợp để quở trách người đó. (Nhưng TKBD vẫn giữ dịch nguyên nghĩa “bị làm phiền”).] (1165)

1000 [Nguyên văn cả câu này: *Atthakusalo, dhammakusalo, niruttikusalo, byañjanakusalo, pubbāparakusalo*. Tôi dịch theo thứ tự các cụm tính từ trong câu này theo **Ce**. **Be** và **Ee** thì đặt cụm chữ *byañjanakusalo* trước *niruttikusalo*. Theo thứ tự trong **Ce**, 3 cụm tính từ đầu là tương ứng với 3 loại *sự hiểu-biết* (*mang tính*) *phân-tích* (*paṭisambhidā*, vô ngại giải trí). Có lẽ 2 cụm tính từ sau cùng là thuộc loại *sự hiểu-biết* (*mang tính*) *phân tích về biện-tài* (*paṭibhāna-paṭisambhidā*). **Mp** giải thích về năm loại thứ tự là: thứ tự về ý-nghĩa (*attha-pubbāpara*), thứ tự về Giáo Pháp (*dhammapubbāpara*), thứ tự về âm-tiết (vần) (*akkharapubbāpara*), thứ tự về câu chữ (*byañjana-pubbāpara*), và thứ tự của những phần trong một bài kinh (*anusandhipubbāpara*).] (1166)

1001 [Tôi thích đọc câu này theo **Ce** là *te santaññeva sukhitā sukhaṃ*

paṭisaṃvedenti hơn cách ghi của **Be** và **Ee** là *te santamyeva tusitā sukham paṭivedenti.*] (1167)

1002 [Nguyên văn câu này: *Sameti kho idaṃ āyasmato bhaddajissa, yadidaṃ bahujanena.* Tôi đọc theo **Be** và **Ee**, nó có ghi dấu chấm hỏi cuối câu. Mặc dù câu này không ở thể nghi vấn, nhưng cách đặt động từ lên đầu câu dường như để hàm ý câu hỏi chứ không phải câu khẳng định.] (1168)

1003 [Nguyên văn câu này: *Anantarā āsavānaṃ khayō hoti.* Về cái “điều-kiện tức thì (ngay trước, kế cận) để có sự tiêu diệt ô-nhiễm”: mời quý vị coi lại chú thích ở kinh **4:162.**] (1169)

1004 [Nguyên văn câu này: *Upāsakacaṇḍālo ca hoti upāsakamalañca upāsakapatikuttḥo ca.* Caṇḍāla [chiên-đà-la, mặt chùng, bần cùng] là những người bị bỏ đi, bị khinh khi, là thấp mạt nhất trong tầng lớp bần cùng.] (1170)

1005 [Nguyên văn câu này: *Ito ca bahiddhā dakkhineyyaṃ gavessati.* Nghĩa là, tìm kiếm bên ngoài Tăng Đoàn. Về những giá trị của việc cúng dường theo những mức độ công đức, mời quý vị coi lại kinh **MN 142.**] (1171)

1006 [Nguyên văn câu này: *Upāsakarātanañca hoti upāsakapadumañca upāsakapūṇḍarikañca.*] (1172)

1007 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *pavivekaṃ pītiṃ.* **Mp** diễn dịch đây là: “niềm hoan-hỷ khởi sinh trong tầng thiền định thứ nhất và thứ hai.”] (1173)

1008 (Câu hỏi chỗ này được trả lời bằng bốn đoạn (2)-(5) tiếp theo.)

1009 [Ở đây tiếng Pāli ghi số nhiều: *sehi dārehi santuṭṭho.* (Có lẽ bối cảnh Ấn Độ với chế độ đa thê).] (1174)

1010 [**Be** và **Ee** ghi là *ārame*; **Ce** ghi là *nārame*. **DOP** đưa ra cả hai nghĩa của chữ *āramati* là “bỏ đi, tránh, tránh xa, tránh khỏi” và “thích thú, khoái thích”. Như vậy cách ghi của **Be** và **Ee** (mà tôi dịch theo) là phù hợp với nghĩa đầu, còn cách ghi của **Ce** là hợp với nghĩa sau.] (1175)

1011 [Từ câu này trở đi là giống phần thi kệ của kinh **3:57.**] (1177)

1012 (Như chú thích ở kinh **3:57:**) [**Mp** cho rằng “những bậc thánh” (*sante*) ở đây là chỉ những bậc tối thượng (*uttamapurise*): những vị Phật, Phật Duyên Giác (*paccekabuddha*), và A-la-hán.] (417)

1013 (Nhu chú thích ở kinh **3:57**.) [*Sappaññe dhīrasammate*. **Mp** giải thích chữ này như có nghĩa là “được tôn trọng, được vinh danh bởi những người có học” (*paṇḍitehi sammate sambhāvite*), nhưng tôi thì cho chữ *dhīrasammate* có nghĩa là “được tôn trọng, được vinh danh bởi những người có trí [bậc trí hiền]”.] (418)

1014 [“Niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát”: ở đây tôi đọc theo **Ce** là: *anuttaraṃ vimuttisukhaṃ*. **Be** và **Ee** thì ghi là: *anuttaraṃ vimuttiṃ*.] (1178)

1015 [Nguyên văn câu này: *Pāpiccho icchāpakato āraññiko hoti*. **Mp** diễn dịch: “Do người đó nghĩ: ‘Khi ta sống trong rừng, người ta sẽ tôn vinh ta bằng bốn thứ cúng dường, họ nghĩ ta là người sống tu trong rừng. Họ sẽ tôn kính ta vì những đức hạnh của ta, họ nghĩ ta có đầy lương tri và sống tách ly ẩn dật, và vân vân.’ Như vậy người đó là người sống trong rừng là do tham muốn, người đó bị chi phối bởi tham muốn (có được thức y phục, thức, chỗ nằm, và thuốc thang mà những thí chủ sẽ cúng dường).”] (1179)

1016 [Phiên bản **Ce** tiếp tục sau kinh này bằng một kinh nói về “năm loại người này sống chỉ dựa vào thức ăn khát thực được sau một vòng đi khát thực mỗi ngày” (*pañc’ ime bhikkhave piṇḍapātikā*), nhưng kinh này không có trong các phiên bản **Be** và **Ee**. Bản dịch này tôi làm theo **Be** và **Ee**, vì **Ce** thì nói NHÓM này thành một nhóm 11 kinh bất thường lệ (thường thì mỗi nhóm/vagga chỉ 10 kinh). Tất cả những pháp tu tập này cũng được giảng giải chi tiết trong **Vism**, Chương 2.

- Trong những loại người tiếp theo bên dưới, loại “người luôn ngồi chứ không nằm” là người ngủ cũng ngồi luôn chứ không nằm ngủ; loại “người nằm bất cứ chỗ nào nằm được” là chấp nhận bất cứ chỗ ngủ nào người ta cho, không kén chọn; loại “người chỉ ngồi ăn một lần trong ngày” là ngồi ăn tất cả thức ăn cần ăn một lần cho cả ngày, sau khi đứng dậy là không ăn bất cứ thứ gì nữa; và loại “người bắt đầu ăn thì không nhận thức ăn nữa” cho dù có ít hay nhiều.] (1180)

1017 [Ở đây dịch theo lời trong **Be**: *sampiyeṇ’eva saṃvāsaṃ saṃbandhāya sampavattenti*. **Ce** và **Ee** thì ghi là: *saṃsaggaṭṭhāya for saṃbandhāya*. **Mp** (của **Be**) dường như ủng hộ **Be** bằng đoạn luận giải này: *piyo piyaṃ upasaṅkamitvā paveṇiyā bandhanatthaṃ saṃvāsaṃ pavattayanti*. Còn **Mp** (của **Ce**) thì ghi là: *ganthanatthaṃ for bandhanatthaṃ*. Chữ *saṃbandhāya* được giải nghĩa là *paveṇiyā*, nó có thể chỉ sự liên-tục của gia đình hay họ tộc.] (1181)

1018 [Chỗ này **Be** ghi là: ... *sampiyeṇaṇi saṃvāsasāṃ saṃbandhāya saṃpavattenti*, có vẻ không được hoàn chỉnh câu. **Ee** cũng giống như vậy về vấn đề này. Tôi làm theo **Ce** đặt ở đây hai mệnh đề tương phản nhau là: ... *sampiyeṇaṇi saṃvāsasāṃ saṃsaggatthāya saṃpavattenti*, *asampiyeṇaṇi saṃvāsasāṃ saṃsaggatthāya saṃpavattenti*; nhưng tôi muốn thay chữ *saṃsaggatthāya* trong **Ce** bằng chữ *saṃbandhāya* trong **Be**.] (1182)

1019 [Nội dung lời phê phán này của các bà-la-môn đối với Phật cũng thấy có trong một số kinh khác. Coi thêm các kinh **4:22** và **8:11**.] (1183)

1020 [Nguyên văn chữ này: *komārabrahmacariyaṃ*. Đây chỉ một người sống độc thân từ nhỏ, từ lúc còn trinh trai.] (1184)

1021 [Đoạn này hàm ý rằng, trái với những giả định phổ biến, thực ra vào thời Đức Phật còn tại thế những bà-la-môn không bị bắt buộc phải kết hôn và sống đời sống của một gia chủ. Thời sau đó việc lập gia đình là điều thông thường đối với những bà-la-môn trong thời gian còn trẻ, nhưng dường như trong giai đoạn này có một số bà-la-môn, sau khi hoàn thành việc tu tập, đã chọn con đường từ bỏ đời sống thế tục ngay cả khi còn trẻ, và xuất gia suốt phần đời còn lại. Về những tu sĩ bà-la-môn độc thân, mời coi thêm học giả **Samuel 2008**: trang 122–123, 154–165.] (1185)

1022 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *cattāro brahmavihāre bhāvetvā*. Đây là một trong vài chỗ ít ỏi trong toàn Kinh Tạng (*Nikāya*) có chữ *brahmavihāra* đã được dùng để chỉ chung về bốn trạng thái thiền quán này. Nhưng hễ khi nào chữ này được dùng trong các bộ kinh *Nikāya*, thì lập tức sau đó là câu nói về sự tái sinh của người tu là trong cõi trời brahmā.] (1186)

1023 [Tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *asuciṭṭipīto*, khác với **Be** ghi là *asuciṭṭipīlito*: “*bị lán áp bởi chất ô uế*.”] (1187)

1024 [Ngay chữ này [trong cả 3 phiên bản] tôi nghĩ nên chỉnh lại lại để đọc là *na kevalasāṃ bhikkhācariyāya* thay vì ghi là *kevalasāṃ pi bhikkhācariyāya*.] (1190)

1025 [Kinh này giống kinh **SN 46:55** (Quyển 5), ngoại trừ kinh **SN** có nói thêm phần “*bảy yếu-tố giác-ngộ*”.] (1190)

1026 (Về 05 chương-ngại và những cách thoát-khỏi chúng, để tìm hiểu và so sánh, mời quý vị đọc lại chú thích bởi **Spk** trong kinh **SN 46:55** (Quyển 5).

Còn trong kinh này, luận giảng **Mp** giải thích như sau:)

- [**Mp** diễn dịch về sự thoát-khỏi đối với chướng ngại tham-dục bằng 03 cách giải thoát và khỏi bốn chướng ngại còn lại bằng 02 cách]. (1) Đối với chướng ngại **tham-dục**: (a) *sự thoát-khỏi bằng cách không chế* (*vikkhambhana-nissarana*) xảy ra thông qua tầng thiền định thứ nhất dựa trên (chủ đề) bản chất không hấp-dẫn của thân; (b) *sự thoát-khỏi bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp* (*tadaṅganis-saraṇa*) thông qua thiền-quán (minh sát); và (c) *sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch* (*samucchedanissaraṇa*) thông qua thánh đạo A-la-hán [diễn dịch theo nghĩa rộng chữ *kāmacchanda* là tham-dục đối với bất cứ thứ gì chứ không riêng là tham-dục giác quan (nhục dục)]. (2) Đối với chướng ngại **ác-ý**: (a) *sự thoát-khỏi bằng cách không chế* xảy ra thông qua tầng thiền định thứ hai dựa trên *tâm-từ*, và (b) *sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch* thông qua thánh đạo Bất-lai. (3) Đối với chướng ngại **buồn-ngủ và đờ-đẫn**: (a) *sự thoát-khỏi bằng cách không chế* xảy ra nhờ sự nhận-thức về ánh sáng [quán tưởng sự sáng, ánh sáng], và (b) *sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch* thông qua thánh đạo A-la-hán. (4) Đối với chướng ngại **bất-an và hối-tiếc** thì: (a) sự **hối-tiếc** loại bỏ thông qua thánh đạo Bất-lai; (b) còn sự **bất-an** được loại bỏ thông qua thánh đạo A-la-hán. Và (5) đối với sự **nghi-ngờ**: (a) *sự thoát-khỏi bằng cách không chế* thông qua sự tìm hiểu được và định nghĩa được những hiện-tượng (*dhammavavatthāna*; trạch pháp; coi thêm **Vism 587–93, Ppn 18.3–24**), (sau khi đã tìm hiểu được thì không còn nghi-ngờ), và (b) *sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch* thông qua thánh đạo Nhập-lưu

► Lưu ý: luận giảng **Mp** không áp dụng “*sự thoát-khỏi bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp* (*tadaṅganis-saraṇa*) thông qua thiền quán minh-sát” (*tadaṅganissaraṇa*) đối với 04 chướng-ngại sau, nhưng **Mp-t** thì nói rằng điều đó sẽ xảy ra trong đó 04 chướng-ngại có thể bị xua tan nhờ sự quán-chiếu (*paṭisaṅkhānavasena tassa vinodetabbatāya tadaṅganissa-raṇampi labbhat’eva*.)] (1192)

1027 [**Mp** diễn dịch ý những thuật ngữ này theo cách nhìn của Tăng đoàn. *Sự tốt lành của mình* (*attattha*) là thánh quả A-la-hán, và *sự tốt lành của người khác* (*parattha*) là phúc lợi của những thí chủ tại gia cúng dường chu cấp cho Tăng đoàn [vì sự cúng dường đó tạo ra phước đức cho họ.] (1193)

1028 [**Mp** giải thích những công việc đó là: sau khi thức dậy sớm, ông ta cần phải xây xong mấy công mới, một tháp canh mới, và mấy chỗ thành lũy bị hư cần được tu sửa.] (1194)

1029 [Mp nhận diện ‘Thầy Piṅgiyāni’ là một bà-la-môn nhưng cũng là một thánh đệ tử đã được thiết lập trong thánh quả Bất-lai (*anāgāmiṃ phale patiṭṭhitam ariyasāvakaṃ brāhmaṇaṃ*). Việc thường tình ông làm là đến thăm Đức Phật để cúng dường dầu hương và những vòng hoa. Lúc này là lúc ông trở về từ chỗ Đức Phật.] (1195)

1030 [Vi lý do nào đó ông chỉ đọc ra 4 trong 9 thể loại kinh kệ mà Phật đã giảng dạy về Giáo Pháp. Có lẽ do ông chỉ được nghe hoặc thông thuộc về 4 thể loại kinh này, hoặc có thể 4 thể loại này thể hiện là những thể loại “gốc” có trước của 9 thể loại kinh kệ. (Có 09 thể loại kinh là: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bốn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời (thần diệu), và kinh vấn đáp.)] (1196)

1031 [Nguyên văn câu này: *Paṭibhātu taṃ piṅgiyānī*. Nghĩa đen là: “*Hãy chiếu sáng mình đi, này Piṅgiyānī.*”] (1197)

1032 [Trong kinh SN 3:12 (quyển 1), bài thi kệ này được nói bởi đệ tử tại gia tên là *Candanāṅgalika*, người này cũng thốt ra lời như vậy sau khi niềm cảm hứng dâng trào. Trong bài thi kệ, *Āṅgīrasa* là tên gọi thân mật hay tên biệt hiệu của Đức Phật.] (1198)

1033 [Từ chỗ này tiếp theo là giống nội dung đoạn cuối của kinh 5:143 ở trên.] (1199)

1034 [Tôi đã thêm vào chữ trong ngoặc [*Đây là điềm báo*] dựa theo như cách dùng chữ *pubbanimitta* của luận giảng Mp để đặc tả ý nghĩa của những giấc mộng. Nhà sư Brahmāli thì gợi ý như vậy: “[*giấc mộng*] ... thể hiện/đại diện cho sự tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng”, với cấu trúc song hành cho những phần tương ứng bên dưới.] (1200)

1035 [Nguyên văn cả câu cuối là: *Tassa abhisambodhāya ayaṃ paṭhama mahāsupīṇo pāturahosi*. Nhà sư Brahmāli cũng lại gợi ý chỗ này là: “*Đây là mộng lớn thứ nhất vốn hữu ích cho sự giác-ngộ của vị bồ-tát*” với cấu trúc song hành cho những phần tương ứng bên dưới. Câu này nghe có vẻ làm nghi ngờ; nhưng Mp không giảng luận chỗ này và cũng không có bản tương đương trong Hán tạng. Ce và Be ghi chữ *tassā* thay vì *tassa* như Ee ghi. *Tassā* chắc hẳn thể hiện cho chữ “*sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng*” (*sammā sambodhi*, chánh đẳng chánh giác) trong câu trước, nhưng sẽ phát sinh câu hỏi là như vậy chữ *abhisambodhāya* (sự đạt đến sự giác-ngộ; diệu ngộ) trong đoạn các đoạn (2)-

(4) là nói về cái gì, trong khi chữ *sammā sambodhi* không được ghi ra. Tôi nhận thấy câu này sẽ dễ hiểu hơn nếu chúng ta đọc chữ đó là *tassa* [trong các đoạn (2)-(4)], coi như nó có nghĩa là “với/ đối với vị ấy”, đó là đối với vị Phật sắp thành. Rồi chúng ta có thể nhìn thấy toàn bộ câu đó là sự khẳng định rằng giác ngộ là ám chỉ sự giác-ngộ sắp xảy ra của vị bồ-tát.] (1201)

1036 [Trong **Ce** và **Be** là: *yattha nemittānaṃ cakkhu na kamati* [**Ee** ghi chữ cuối là *na kkhamati*]. Bản thân chữ Pāli ở đây đã pha nghĩa ẩn dụ. (Mắt bước tới hay bước qua có lẽ nghĩa là mắt hay tầm nhìn của họ không thể biết tới những cản trở đó.)] (1202)

1037 [“*Tu sĩ đức hạnh*” là tạm dịch chữ *pabbajitā*. Trong những kinh khác, tôi thường dịch nghĩa chữ *pabbajita* là “*người đã xuất gia*” và có khi dịch luôn là “*tu sĩ, nhà sư*”. Nhưng ở đây, để tránh sự nặng nề của cụm danh từ “*những tu sĩ đức hạnh là những người đã xuất gia*” (nếu dịch cho trọn nghĩa) và để có nghĩa trung dung về giới tính, tôi dịch chung bằng danh từ chung ngắn gọn là “*những tu sĩ đức hạnh*”. Chữ “*nhà*” ở đây dịch từ chữ *kula*, vốn có nghĩa là “*gia đình*”, nhưng trong ngữ cảnh này dịch là “*nhà*” cho dễ truyền tải ý nghĩa của kinh.] (1203)

1038 [“*Năm yếu tố của sự giải thoát*” là dịch chữ *nissāraṇīyā dhātuyo*. **Mp** giải thích chữ *nissāraṇīya* đồng nghĩa *visaṃyutta*: “*tách ly, tách rời*” và chữ *dhātuyo* đồng nghĩa *attasuññasabhāvā*: “*bản chất không có cái ‘ta’, một bản chất vô ngã, một sự hiện hữu không có ngã.*”] (1204)

1039 [**Mp** giải thích: “*Sau khi thoát ra khỏi tầng thiền định (dựa trên chủ đề) về một đối-tượng không hấp dẫn, người đó gửi tâm theo hướng những dục-lạc với mục đích điều tra để biết chúng, giống như một người có thể dùng thuốc giải độc với mục đích điều tra một chất độc.*” **Mp-t** thì nói rằng: “*Một Tỷ kheo như vậy không phải là chú tâm (tác ý) tới những dục-lạc theo cái nghĩa [người đó bị dính] bởi ô-nhiễm đó. Thay vì vậy, người đó chú tâm để điều tra để biết lý do: ‘Tâm của ta giờ đã được cố định trong sự từ-bỏ (ly dục). Vậy tại sao những ý nghĩ nhục-dục còn khởi sinh?’*”] (1205)

1040 [Mặc dù trong cả 3 phiên bản đều ghi chữ *vimuccati*, nhưng **Mp** giải thích chữ này là đồng nghĩa chữ *adhimuccati*. Chữ sau có nghĩa rõ hơn đối với tôi. Những phiên bản chép tay, cũng như những phiên bản chữ in sau này, cho thấy những sự biến hóa bất thường này giữa hai cách ghi trong các bộ kinh Nikāya.] (1206)

1041 [Tôi đọc theo **Ce** và **Be** là *sugatam*, khác với **Ee** ghi là *sukatam*. Chữ đầu được sự ủng hộ của luận giảng **Mp**, **Mp** giải thích rằng: “*được khéo bỏ đi bởi vì nó đã đi vào đối-tượng*” (*gocare gatattā sutthu gatam*). Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng nghĩa của chữ *sugatam* ở đây là cái tâm đã (bỏ) đi khỏi ô-nhiễm đó, nó gắn chặt (chú hướng, chú định vào) hơn vào ý niệm (tác ý) ly-thoát (*nis-sarana*).] (1207)

1042 [Nguyên văn câu này: *Na so tam vedanam vediyati*. **Mp** giải nghĩa là: “*Người đó không cảm nhận cảm-giác nhục dục hay cảm-giác gây phiền khổ và sốt não đó.*”] (1208)

1043 [**Be** và **Ee** đọc là *veluvane*; **Ce** đọc là *niceluvane*. **Mp** (của **Be**) có chữ *niculavane* trong bổ đề, và được giải thích là đồng nghĩa *mucalindavane*. Cả **PED** và **SED** đều ghi *nicula* là một loại cây (như cây nước mặn ở nước ngọt?), và được nhận dạng tên khoa học là *Barringtonia acutangula*: cây lộc vừng.] (1209)

1044 [Ở đây từ chữ của lời kinh khó định rõ được phần vấn đáp của Kimbila và Đức Phật là nói chung về những điều-kiện làm cho giáo lý của những vị Phật biến mất hay là nói về những điều-kiện làm cho giáo lý của Đức Phật (Thích-Ca) sẽ biến mất (sau khi Phật qua đời). **Mp** dường như ủng hộ nghĩa đầu. **Mp** giảng luận rằng Kimbila đã từng là một Tỷ kheo trong của Đức Phật Kassapa (Ca-Điếp) trong đại kiếp trước, vào cái thời mà giáo lý của vị Phật đó đang bị sa sút. Giờ thầy ấy hồi tưởng lại thời kiếp quá khứ đó và muốn tìm hiểu từ Đức Phật hiện tại (Thích-Ca) về nguyên nhân gây ra sự sa sút của Giáo Pháp trong thời kiếp trước. Nhà sư Brahmāli đã không đồng tình với tôi về điều này, và thầy ấy viết rằng: “[Bản dịch] này dường như cho rằng Kimbila chỉ đang suy nghĩ những điều về thế gian thế giới, về những Như Lai như một loại chúng sinh. Nhưng đối với tôi thì có lẽ thầy ấy đặc biệt quan tâm đến điều gì sẽ xảy ra sau khi Đức Phật Thích-Ca qua đời.”] (1210)

1045 [Đây chính là kinh **4:112** được mở rộng thêm.] (1211)

1046 [Giống kinh **MN 16.2–7**.] (1212)

1047 [*Cetokhila*: sự căn cõi của tâm. Trong bộ kinh **MN**, chữ *cetokhila* được dịch là “*sự hoang dã của trái tim, sự hoang vu của tâm lòng*, nghe không thỏa đáng. Theo **DOP**, *khila* có nghĩa là “đất căn cõi; đất cứng, khô cứng”, và “[chỉ tính chất của tội lỗi trong suy nghĩ của một người] sự căn cõi, sự không trông trọt được; sự cứng trơ, thô bạo, hung tính, cương ngạnh”. **Mp** giải thích là: “sự

cứng trơ, thứ vút bỏ, phần chết trơ của cái tâm” (*cittassa thaddhabhāvā kacavarabhāvā khāṇukabhāvā*.) (1213)

1048 [Giống kinh MN 16.8–12.] (1214)

1049 [*Cetaso vinibandhā*: sự trói buộc của tâm. **Mp** giải nghĩa là: “Chúng nắm chặt cái tâm sau khi đã xiết chặt nó như trong nắm tay, do vậy chúng được gọi là ‘những sự trói buộc của tâm’ (*cittaṃ vinibandhitvā muṭṭhiyaṃ katvā viya gaṇhantī ti cetaso vinibandhā*.)] (1215)

1050 [Nguyên văn là: *dantakatṭhassa akhādane*, nghĩa đúng là: “nếu không nhai gỗ chà răng”. Thời Đức Phật, người ta làm sạch răng bằng cách lấy những cây tăm gỗ chà răng; tăm gỗ là loại làm từ gỗ mềm cây dước liệu như cây neem ở Ấn Độ (tức cây sấu đầu ở Việt Nam), làm nhọn và tua tua một đầu giống như lông bàn chải. Cách này hiện nay vẫn còn được dùng ở vùng thôn quê Ấn Độ cũng như trong những tu viện ở những xứ Nam Á.] (1216)

1051 [Nguyên văn câu này: *Āyatakaṇa gītassarena dhammaṃ bhaṇantassa*. **Vin II 108,5–25** có kể về câu chuyện gốc dẫn tới việc Phật đã đưa ra điều luật cấm tụng giảng thuyết pháp bằng ngữ điệu kéo dài ê a như kiểu đang ca điệu một bài hát.] (1217)

1052 [Nguyên văn câu này: *Muṭṭhassatissa asampajānassa niddaṃ okkama-yato*. Cũng có ghi ở **Vin I 295,14–24**.] (1218)

1053 [“*Bị cắt khỏi đường ra*” là tạm dịch tắt chữ *chinnaparipantho*. **Mp** giải nghĩa là người đó bị cắt khỏi đường hướng thoát khỏi thế gian (siêu thế) (*lokuttaraparipanthassa chinnattā chinnaparipantho*); nhưng cũng có thể câu này có nghĩa là: sau khi phạm một trọng tội *pārājika*, tội bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn, thì người đó không còn đường nào để duy trì danh phận một Tỷ kheo nữa.] (1219)

1054 [Nguyên văn câu này: *Aññataraṃ saṅkiliṭṭhaṃ āpattiṃ āpajjati*. Câu này nghĩa có thể người đó phạm tội nặng nhất (*pārājika*) hay tội nặng nhì (*saṅghādisesa*, tăng tàn), nhưng tội nặng nhất mới được nói ở (1), nên câu này chắc nói đến tội nặng nhì (*saṅghādisesa*, tăng tàn).] (1220)

1055 [*Verabahulo*: có nhiều sự thù ghét, nhiều thù hận. **Mp**: “Người có nhiều thù hận, theo cả hai nghĩa: vừa có nhiều kẻ thù và vừa có nhiều sự thù ghét bất thiện [trong tâm mình]” (*puggalaverenapi akusalaverenapi bahuvero*.)] (1221)

1056 [Không dễ gì ‘bắt được’ và chuyển dịch cho trọn vẹn chính xác nghĩa của chữ *pasīdati* [qua tiếng Anh hay ngôn ngữ khác]. Chữ “*tin tưởng, có niềm tin*” thông thường có nghĩa là “bình tĩnh và tự tin”, nhưng đây không phải nghĩa lời kinh muốn nói. **SED** đưa ra những nghĩa trong tiếng Phạn là *pra-sad, pra-sīdati*: “lắng xuống, được rõ và sáng, trở nên bình lặng hay tĩnh lặng; ... được thỏa ý, hay được vừa ý, hay vui mừng”. **SED** diễn dịch động từ tác nhân *pra-sādayati* là: “làm rõ, làm trong sạch; làm tĩnh lặng, làm vui lòng; làm tĩnh tại, làm dịu, xoa dịu, làm an lòng”. Trong những nghĩa này, nghĩa “làm vui lòng, làm vừa ý” có phần ‘bắt được’ sự tác động của cách hành xử *khích lệ niềm-tin* [*pāsādikā*] của một người *đối với những người khác*; sự “được làm vui lòng” hay “được vừa ý” là cách người ta phản ứng lại với cách hành xử đó của mình. Nhưng cách hành xử như vậy cũng đánh thức *sự tin-tưởng* của người khác về mình, (họ sẽ coi mình) như một người được thanh lọc về tâm linh và nó cũng khích lệ *niềm-tin* vào giáo pháp mà họ đang theo. Như vậy, cách hành xử như vậy sẽ “khích lệ niềm-tin” bên trong người khác. Khi hành vi hay thái độ của một người thể hiện một cách phản ánh về bản thân mình, thì người đó “trở nên tĩnh lặng [hay bình lặng]”, đây có thể là cách tốt nhất để diễn dịch nghĩa của động từ *pasīdati*.] (1222)

1057 [Madhurā là thủ đô của bang Surasena, nằm bên bờ sông Yamunā ở miền bắc Ấn Độ. Sau đó nó trở thành một trung tâm quan trọng của những người theo nhánh phái *Nhất Thuyết Hữu Bộ* (*Mūlasarvāstivāda/ Mūlasarvāstivādin*). Lời kinh thể hiện như Đức Phật không thích nơi này, do vậy người ta có thể thắc mắc liệu có thể bài kinh này đã được ‘chêm’ vô bởi những người theo phái *Phân Tích Bộ* (*Vibhajjavāda/ Vibhajjavādin*) để bôi bác những trung tâm của nhánh phái đối thủ của họ.] (1223)

1058 [Nguyên văn: *dīghacārikam anavatthacārikam*. **Mp** giải thích chữ *anavatthacārikam* đồng nghĩa chữ *avavatthitacārikam*: có lẽ nghĩa là “sự du hành không định đích, vô định, không mục đích”. Ngược là chữ *samavatthacāre* trong đoạn dưới, nghĩa là “sự du hành có định đích, được phân thành những chặng đều nhau”.] (1224)

1059 [Bốn tội đầu là thuộc hạng những tội nặng nhất: tội *Pācittiya* 46, 45, 44, và 7.] (1225)

1060 [Về những tội ô-nhiễm, mời coi thêm chú thích thứ sáu ở kinh **8:51**, chú thích (1089). (Tội ô-nhiễm là từ chung để chỉ những tội nặng nhất (ba-la-di) và tội nặng nhì (tăng tàn)).] (1226)

1061 [Nguyên văn là: *ussūrabhatte kule*. Chữ *ussūra* có gốc từ chữ Phạn là *utsūra* [SED dịch nghĩa là: “thời gian lúc mặt trời lặn, buổi cuối chiều”]. **Mp** giải thích là: “một bữa cơm nấu trễ trong ngày” (*atidivāpacanabhatte*).] (1227)

1062 [Nguyên văn là: *samayabhatte kule*. Để có thể cúng dường thức ăn cho những tu sĩ và bà-la-môn thì bữa ăn nên được nấu xong và có sẵn trước giữa trưa (giờ Ngọ), vì những người tu “kiêng cử ăn ngoài thời gian quy định” (tức không ăn phi thời, không ăn sau giờ Ngọ).] (1228)

1063 [Để ý lời kinh chỗ này mang đậm tính trọng nam khinh nữ trong bối cảnh lịch sử Ấn Độ cổ. Người đọc có thể phân phân không biết những lời kinh này có thể do người kết tập đưa vào hay không. Thầy TKBD có phân tích và nhận định về tư tưởng ‘khinh nữ’ trong một số kinh thuộc bộ kinh AN này; ở phần giới thiệu bản dịch tiếng Anh của AN, trang 60-61.] (1229)

1064 [Hai sự nguy-hại đầu thì đã rõ nghĩa nên đoạn cuối không giải thích.] (1230)

1065 [Nguyên văn câu cuối: *Dhammadassane niveseti*. **Mp** diễn dịch: “Người đó thiết lập họ trong sự nhìn-thấy Giáo Pháp bốn diệu đế.”] (1231)

1066 [Nguyên văn câu nói: *Arahaggatam āyasmanto satim upaṭṭhāpetha*. **Mp** giải nghĩa là: “Thiết lập sự tôn trọng đối với ba cơ sở [niềm tin], chỉ quy y [nương tựa] theo Tam Bảo, đó là nơi xứng đáng nhất trong tất cả những nơi đáng tôn vinh.” Trong các kinh có khi dùng thêm chữ *āyasmanto* (quý vị, bậc đáng kính) là chữ một Tỳ kheo dùng để gọi những người tại gia. Rõ ràng chữ này có thể được dùng để gọi bất kỳ ai đáng tôn trọng, chứ không chỉ dùng để xưng hô với các nhà sư.] (1232)

1067 (Kinh này giống hết kinh **5:116**, chỉ khác là trong kinh đó là “Tỳ kheo ni” thay vì “Tỳ kheo đang lưu trú”.)

1068 (Kinh này hầu như giống kinh **5:115**, chỉ khác là trong kinh đó là “Tỳ kheo ni” thay vì “Tỳ kheo đang lưu trú”, và không có chữ “tham lam”.)

1069 [Đây là một trong những hình phạt cho những Tỳ kheo phạm một tội nặng nhì (tội tăng tàn, *saṅghādisesa*).] (1233)

1070 [Những dấu chấm lửng trong nguyên bản tiếng Pāli có thể tạo ấn tượng rằng ở điều (3) và (4) người thành tín đó cũng mất lòng tin vào những Tỳ kheo

khác. Người đó không chỉ mất lòng tin vào những Tỷ kheo phạm tội và bị phạt, mà người đó cũng mất lòng tin vào những Tỷ kheo bỏ đi phương khác (có lý do hoặc không rõ lý do, ví như: không chịu được điều kiện sống ở xứ đang lưu trú, hoặc mích lòng với sư thầy, sư huynh, hay sư đệ; hoặc có thể bỏ đi tu theo các giáo phái khác ...) và những Tỷ kheo bỏ tu hoàn tục. Nhưng điều thứ (5) nếu hỏi xét thì cũng thuộc dạng điều (3) và (4), tức cũng không phải do phạm tội và bị phạt. Nhưng ở đây có khác là người đó chỉ thành tín đối với một thầy tu duy nhất trong Tăng đoàn ở đó, nên sau khi thầy đó bỏ đi hay qua đời, người đó cũng không muốn gặp gỡ những Tỷ kheo nào khác.] (1234)

1071 [Từ NHÓM này trở về sau, các kinh không còn có những thi kệ tóm lược (*uddāna*) các tên các bài kinh (nên không thể lấy tên các kinh từ đó). Do vậy tôi dịch tên các bài kinh dựa theo câu đầu tiên của mỗi kinh trong phiên bản **Ce**.] (1235)

1072 [Có nhiều ‘công thức’ “năm phẩm-chất” cho phép một Tỷ kheo có thể cấp đại thọ giới (cụ túc giới), cấp sự nương-dựa (sở y chỉ), hay được có sa-di làm hầu cận (thị giả); mời coi trong Luật Tạng, **Vin I 62–65**.] (1236)

1073 (Như chú thích ở đoạn (2), kinh **5:79** ở trên:) [*“Sự nương dựa”* là tạm dịch chữ *nissaya*. Ở đây, một thủ tục theo Luật Tạng, là một Tỷ kheo nhỏ tuổi (tuổi hạ) cần tập sự bản thân dựa theo một Tỷ kheo trưởng lão thiện thảo, thông thường vị đó là vị thầy hướng dẫn (sư phụ, *y chỉ sư*) của người đó. Thủ tục tương tự đối với những Tỷ kheo ni. Giai đoạn *nissaya* (nương dựa vào vị *y chỉ sư*) thường là 5 năm sau khi vị Tỷ kheo trẻ đã thụ nhận đại thọ giới (cụ túc giới), nhưng thời gian cũng có thể nhiều hơn trong trường hợp Tỷ kheo tập sự đó (*y chỉ đệ*) cần thêm nhiều thời gian mới đạt tới sự giỏi giang thiện thảo. Về chi tiết, đọc thêm **Ṭhānissaro 2007a**: 29–40.] (1085)] (1237)

1074 [Chữ này **Ce** và **Ee** ghi là *patikiṭṭham*. **Be** ghi là *paṭikuṭṭham*, là quá khứ phân từ của chữ *paṭikkosati*.] (1238)

1075 [Ở đây tôi làm theo cách sắp xếp của **Be** và **Ee**. Còn **Ce** thì đặt tất cả hai mẫu (*không dẹp bỏ* và *sau khi dẹp bỏ*) nói về bốn tầng thiền định trước, sau đó mới tiếp tục dồn hai mẫu nói về bốn thánh quả.] (1239)

1076 [Tựa đề nguyên văn là: *Vaggāṭirekasuttāni*. Đây là tựa đề mà **Ce** đã đặt cho toàn bộ phần kết cuối này. **Be** không đặt tên tựa đề chung cho phần cuối này mà chỉ xếp những kinh thêm này thành ba NHÓM “*Tóm Lược & Lặp Lại*” và đánh số các nhóm là 1,2, và 3. Trong đó, NHÓM 1 nói về bài kinh đầu tiên

trong mỗi dãy kinh, được gọi là được gọi là *Nhóm Sammutipeyyālam* (Dãy kinh tương đồng tóm lược & lặp lại). Tôi dùng cả hai tựa đề của **Ce** và cả những tựa đề của từng NHÓM kinh trong **Be**. **Ee** thì không đặt tựa đề riêng nào cho cả phần này, cũng không có tựa đề riêng cho mỗi NHÓM kinh.] (1240)

1077 [“Người phân các bữa ăn” là dịch chữ *bhattuddesaka* (thầy thầy Minh Châu dịch là “*tri phạn*”). Coi thêm Luật tạng **Vin II 175,36–76**. Những thủ tục bổ nhiệm những tăng chức trong Tăng Đoàn và những phận sự cụ thể của họ cũng được giảng giải chi tiết bởi nhà sư **Ṭhānissaro 2007b: 323–57.**] (1241)

1078 [Tôi dịch chỗ này theo **Be** và **Ee**. Bản dịch từ **Ce** thì ghi là: “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người phân những bữa ăn. Nếu người đó được cử, thì người đó không nên được gửi đến (được triệu tập).] (1242)

1079 [“Người phân (cấp) những chỗ-ở” là dịch chữ *senāsana-paññāpaka*. Về những phẩm chất (cần có) của người này, coi Luật tạng **Vin II 176,9–14**. Những phận sự của [Tỳ kheo *Dabba Mallaputta* là] một *senāsana-paññāpaka* cũng được mô tả trong Luật tạng **Vin III 158–60**.

- Những phẩm chất của những tăng chức khác trong Tăng Đoàn cũng được giải thích trong những chú thích tiếp theo bên dưới [trừ chú thích kế tiếp], và cũng được mô tả lần lượt trong Luật tạng **Vin II 176–77.**] (1243)

1080 [“Người chỉ định (giao) những chỗ-ở” là dịch chữ *senāsana-ggāhāpaka*. Chức danh này không thấy có (hay đã bị lược bỏ) trong phiên bản **Ee**. Đối với tôi cũng không rõ sự khác nhau giữa hai tăng chức này. Theo nhà sư **Ṭhānissaro** cũng quan sát và nói rằng [trong **Ṭhānissaro 2007b: 340**]: “Các Rõ Kinh có đưa ra hai loại tăng chức phụ trách về những chỗ-ở: *người phân (cấp) những chỗ-ở (senāsana-paññāpanaka)* và *người chỉ định (giao) những chỗ-ở (senāsana-gāhāpaka)*. Trong các Rõ Kinh cũng như những Luận Giảng đều không có phân biệt rõ sự khác nhau về phận sự của hai chức danh.”] (1243)

1081 [Nguyên văn điều thứ ba này: *abrahmacārī hoti*. Mặc dù các giới này dựa trên khuôn mẫu năm-giới của đệ tử tại gia, những điều thứ ba “*không tà dâm tà dục*” được sửa lại nghĩa rộng và nhấn mạnh hơn về giới-hạnh “*sống độc thân*” của tăng và ni (tức cấm cả tà dâm và chính dâm).] (1245)

1082 [Nguyên văn điều thứ ba này: *abrahmacariyā paṭivirato hoti.*] (1246)

1083 [*Kāmesu micchācārīnī*: tà dâm tà dục, quan hệ nam nữ bất chính; *Kāmesu micchācāra*: kiêng cử tà dâm tà dục, chánh dâm vợ chồng thì được phép. Đối với người xuất gia thì giới thứ ba này mở rộng hơn là cấm mọi hành vi tâm ý dâm dục, đó là nghiêm giữ hạnh sống độc-thân của giới tăng ni.] (1247)

1084 [Đạo phái Ājīvaka là có cùng thời Đức Phật. Ông Makkhali Gosāla được coi là người sáng lập giáo phái, hoặc nếu không, ông là một trong những vị sư thầy nổi bật ảnh hưởng nhất của giáo phái đó. Những bài kinh này chỉ đưa ra những điều-khien khiến những tu sĩ ngoại đạo bị đọa địa ngục, chứ không nói về những điều giúp họ được tái sinh trên cõi trời.] (1248)

1085 [Đối với những danh từ như *māgandika ... tetaṇḍika ... āruddhaka ... gotamaka ... devadhammika*, **Mp** chỉ nói đó là những loại tu sĩ các giáo phái khác (*titthiyā*). Tôi không chắc chữ nào trong các danh từ này chỉ rõ giáo phái nào và chữ nào chỉ về một cách thực hành nào. Do vậy, tôi viết hoa chữ cái đầu của các danh từ (như *Ājīvaka, Nigaṇṭha*) chỉ rõ những giáo phái đã có vào đương thời Đức Phật.] (1249)

1086 [**Be** đánh số kinh cuối cùng là **1151**, nhưng đứng ra thì tổng số các bài kinh trong NHÓM “*Tóm Lược & Lặp Lại*” này là **850**, bao gồm: 05 phần nhân với 05-pháp tu = 25 pháp tu [*nhận-thức về sự không hấp-dẫn ... năng lực trí-tuệ*] rồi nhân cho **10** loại sự chứng ngộ [*sự trực-tiếp biết, sự hoàn-toàn hiểu ... sự từ-bỏ*] đối với từng mỗi loại ô-nhiễm [17 ô-nhiễm: *tham, sân, si ... sự lơ-tâm phóng dật*]. Do vậy, tính bắt đầu từ kinh **5:303** thì kinh cuối cùng sẽ có số là **1152** (NHÓM 3 có tổng số **850** bài kinh).] (1250)

